Quốc Sư Hưng Thiền Đại Đăng và sơ kỳ Thiền Tông Nhật Bản (Thuần Bạch dịch)

Thiền Tông — sách & giảng giải

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

nhận sự quán triệt phi thường của Đại Đăng về thể loại Quốc Sư Hưng Thiền Đại Đăng này. Ấn bản đầu tiên của một trong những bình chú trước ngữ của Đại Đăng vào năm 1944 do D. T. Suzuki đưa ra và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản (120 tắc công án). Năm 1967 Yanagida Seizan chú ý đến văn bản trước ngữ trong Đại Đăng Ngữ Lục: “Trước ngữ của Đại Đăng về bình tụng của Tuyết Đậu được trau Tác giả: KENNETH KRAFT chuốt tài tình vượt bậc, và đã phản ánh trình độ chứng Biên dịch: THUẦN BẠCH nghiệm Thiền cao tột. Vẻ sáng đẹp của văn học Thiền nằm trong sự gợi ý của trước ngữ và chiều sâu tâm thức đã thẩm thấu vào đó”. Năm 1968 vị trụ trì thiền viện chi nhánh của Đại Đức tự đưa ra ánh sáng bản bình chú trước ngữ của Đại Đăng về Bích Nham Lục đã duyệt lại rất giá trị. Hiranosòjò biên tập và xuất bản tác phẩm này năm 1971. Năm 1983 những vị phụ trách Viện Bảo Tàng Quốc Gia Kyoto khám phá một phần đoạn văn thư cổ gồm 550 trước ngữ với lời ghi cuối sách của một vị tăng, sau này được thẩm định là bút tích của Đại Đăng. Một năm sau đoạn văn thư còn lại được tìm thấy và xác minh. Văn thư này của Đại Đăng là tuyển tập trước ngữ đầu tiên ở Nhật. Chúng ta đều biết Thiền không tin vào ngôn thuyết cũng như văn tự. Cho rằng giác ngộ thâm triệt nhất không thể nói ra lời hoặc ngay cả diễn dịch thành ý niệm, Thiền tự định nghĩa là “dĩ tâm truyền tâm” tức là “bất lập văn tự”. Thiền sư thường được miêu tả như là ra ngoài sự gò ép của ngôn thuyết qui ước qua những tiếng hét, đánh, khoa tay múa chân, im lặng, và những hình thức diễn tả không bằng lời nói. Tuy nhiên việc sử dụng ngôn ngữ hiện nay trong nhà Thiền phong phú và đa dạng hơn những sự mô tả này. Trong một buổi tham kiến, một vị thầy như Đại Đăng có thể bảo một vị tăng, “Hãy hớp một ngụm hết nước sông Gia Mậu"; rồi nửa giờ sau có thể bảo tăng, “Đưa ta một tách trà”. Cùng trong một ngày, Đại Đăng có thể dùng nhiều thể loại ngôn ngữ đặt thành một bài kệ giàu tính biểu trưng, một bài viết với những dòng

12 1

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

Đại Đăng Ngữ Lục, vì Sư thường dùng khi đối đáp chính thức với môn sinh. Khi thuyết giảng hoặc viết lời bình, Đại Đăng tìm cách giải đáp Thiền thư không cần biện minh, bình chú công án và pháp ngữ không cần giải thích. Trước ngữ hình như đáp ứng được nhu cầu này. Bình chú viết trong Đại Đăng Ngữ Lục và những tư liệu khác gồm có trên hai ngàn câu khác nhau. Toàn bộ trước ngữ bình chú trong pháp ngữ của Đại Đăng chỉ cho thấy tầm quan trọng của trước ngữ gắn liền với việc lý giải Thiền của Đại Đăng. Ta không tìm thấy những tác phẩm tương tự như thế nơi những vị thiền sư khác từ thời Liêm Thương hoặc Thất Đinh. Sự vận dụng tuyệt vời pháp cụ lý giải tài tình này đã đưa

Đại Đăng lên hàng ngũ chung với hai danh tăng kiệt xuất tận tụy với thể loại này Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần (1063–1135) ở Trung Hoa và Bạch Ẩn Huệ Hạc ở thế kỷ 18 nước Nhật. Sau khi Đại Đăng tịch, một trăm năm trôi qua trước khi trước ngữ khẩu truyền ứng dụng tu tập bắt đầu được ghi chép ở Nhật. Tài liệu ghi chép đầu tiên của pháp tu trước ngữ không có tên người viết và là những giai thoại có tính cách gần như bí mật về những lần tham kiến giữa thầy trò. Vào lúc Đông Dương Anh Triều (1429–1504) biên tập bộ Cú Song Chỉ vào cuối thế kỷ 15 thì công án trước ngữ được thừa nhận và là một thành phần bắt buộc trong pháp tu của thiền tăng Lâm Tế. Đông Dương chọn ra đại loại năm ngàn trích dẫn từ nhiều nguồn khác nhau, sắp xếp lại tùy theo câu chữ dài ngắn. Công trình của Ngài là sơ thảo của hai pho trước ngữ tông Lâm Tế thường dùng ngày nay: Thiền Lâm Tập Cú và Đồ Độc Cổ. Viết về trước ngữ, ở Nhật cũng như nơi khác, hãy còn ít, bởi vì bản chất nhiêu khê và diệu mật khi ứng dụng tu thiền. Tuy nhiên kể từ thế chiến thứ 2, các học giả Nhật đã công nhận ý nghĩa và giá trị của pháp tu trước ngữ trong thiền môn Nhật trước đây và hiện nay, và họ thừa

2 11

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

đầy đủ để tham thiền. Công án sẽ đạt được nội dung tâm linh và lý giải qua việc ứng dụng thực tế trong cộng đồng tu viện, đặc biệt là tác động hỗ tương giữa thầy và trò. Trong những vị thiền sư thời kỳ đầu, Đại Đăng là một vị hiếm có, đã đương đầu với những thử thách lý giải quan trọng và đã đưa ra những giải đáp thật vững chắc. Đặc trưng độc đáo nhất trong Thiền của Đại Đăng là việc sử dụng trước ngữ tài tình để diễn tả chỗ hội thiền của Sư và ban bố ánh sáng tỉnh giác cho người khác. Trước ngữ và thi kệ đã giữ một vai trò trong lịch sử văn học Đông Á 1 biệt lập với Thiền tông; việc sử dụng trước ngữ và thi kệ trong Thiền tông trùng hợp với sự phát triển pháp tu công án. Một trước ngữ thiền là một điều gì nối liền giữa công DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG án và biệt chú. Áp dụng thẳng vào hoàn cảnh sống cũng tốt như văn tự chữ nghĩa, trước ngữ có khả năng tạo thành Đôi mắt nhìn dữ dội. Miệng trề xuống cau có giận dữ. lời bình, giải đáp một câu đố hắc búa riêng biệt, đưa đến Là kẻ giặc của Phật Tổ, kẻ thù không đội trời chung chứng ngộ Thiền, chuyển hóa sự tỉnh giác nơi một người khác, âm vang như một giòng thơ, hoặc chu toàn cùng của Thiền tăng. Khi ông đứng trước mặt sẽ bị ăn đòn. một lúc tất cả những chức năng này. Người mới tu hoặc Nếu ông quay lưng Sư sẽ rống lên tức giận. Ối! Ai nói tu lâu đều có quyền đặt ra hoặc trích dẫn trước ngữ ngang được hình lão tăng mù ở đây là chủ hay là khách? nhau, chừng nào qui ước về trước ngữ còn được quí chuộng. Trước ngữ ngắn nhất chỉ có một chữ như “Ai?” Nhưng cũng chẳng sao, Ẩn Nguyên. Hãy cúi đầu hoặc “Mù!", dài nhất cũng hiếm khi quá hai mươi lăm đảnh lễ trước khi tâm ông bắt đầu chuyển. chữ. Hầu hết là trích dẫn từ nhiều nguồn khác nhau: kinh Phật, ngữ lục của chư Thiền đức, văn học Trung Hoa, (Đại Đăng viết trên bức chân dung của Sư) Khổng thư, ca dao, ngạn ngữ, v.v... Đại Đăng tập trung rất sớm vào trước ngữ trong đời tu của mình, khi nói ra câu đáp những công án. Đạt ngộ nhờ một công án Trung

C Hoa, Sư chạy đến thầy mình bày tỏ chỗ nhận hiểu bằng ăn cứ trên Thiền tạng nước Nhật thời Trung một trước ngữ: “Hầu như cũng là một con đường ấy!” Đại, vị tăng trẻ Diệu Siêu sau khi chứng ngộ Khi được hỏi về Thiền trong một cuộc luận đạo giữa được Thầy dạy phải trưởng dưỡng đến chín thính chúng, Sư hạ một trước ngữ khiến đối phương bối muồi sở ngộ của mình hai mươi năm trong bóng tối. Diệu rối: “Cối đá xây hình bát giác bay lên trời (Bát giác ma Siêu đến đế đô Kyoto, cạnh cầu Ngũ Điều (Gojò) sống bàn không lý tẩu)”. Trước ngữ xuất hiện đầy dẫy trong lẫn với đám hành khất dọc bờ sông Gia Mậu (Kamo).

10 3

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

Chân trần, tóc không cạo, khoác lên mình manh áo rách nhanh chóng đi vào thiền môn Nhật. Một điển hình thích rưới và chiếc áo tơi bằng rơm, Sư trải qua hai mươi mùa đáng về tiến trình truyền thừa là Đạo Nguyện Hi Huyền đông lạnh và đói để đào sâu sự chứng ngộ của mình. (1200–1253), thúc đẩy bởi một đòi hỏi truyền thống, đã Tiếng đồn về một tên ăn mày lạ đời bắt đầu lan xa, chí dành đêm cuối cùng ở Trung Hoa chép lại toàn bộ pho đến vòng thành hoàng cung. Một hôm hoàng đế đích thân công án Bích Nham Lục. Dù cho Đạo Nguyên có chép đến bờ sông điều tra. Ngài truyền một mệnh lệnh nghịch xong hay không một công trình như thế trong một đêm, lý để thử đám ăn mày, một người trong bọn mạnh dạng Ngài chắc chắn đã trải qua nhiều đêm miệt mài với những lặp lại nguyên câu hỏi và trả ngược về hoàng đế. Diệu chủ đề liên quan đến lý giải thiền thư. Mặc dù giác ngộ Siêu vì thế bại lộ tung tích. Hoàng đế trở thành thí chủ và không thể tìm được trong văn tự của bất kỳ quyển kinh là môn đệ của Sư, cả hai cùng nhau tiến hành xây dựng nào, ngay cả đó là kinh sách Thiền, văn kinh vẫn truyền một đại thiền viện. Nhiều dữ kiện trong câu chuyện tốt ngấm với giác ngộ. Người nào có “Pháp nhãn” sẽ có đủ thay có nền tảng lịch sử. Diệu Siêu (1282–1337) thường khả năng biết chắc độ sâu tỉnh giác biểu thị qua một câu được biết với tước hiệu Đại Đăng, là một trong những nói, đối đáp, thi kệ, hoặc thậm chí chỉ một lời, một chữ. Ở khuôn mặt lớn của Thiền tông Nhật Bản. Lời thầy khuyên đây các hành giả Nhật Bản thường chạm trán với những bảo Sư tiếp tục dụng công hai mươi năm sau khi ngộ vẫn chủ đề nan giải đầy tính lý giải tôn giáo rất gần gũi với còn nét chữ trên cuộn liễn do chính tay thầy viết. Đại tâm thiền. Ví dụ, đọc chính đáng một quyển sách thiền Đăng đã sống tương đối quy ẩn ít nhất là mười năm tại gồm yếu tố gì? Phải chăng giác ngộ là hiệu lực toàn một ngôi chùa nhỏ ở Kyoto trong khu vực cầu Ngũ Điều, quyền và rốt ráo, hoặc còn những yếu tố khác tham gia? và nhiều học giả đương đại đều thừa nhận Sư đã trải qua Vai trò chính đáng của một luận giả muốn bình giải thiền ít nhất một thời gian nào đó sống với đám hành khất thư trong truyền thống là thế nào? Giải đáp cách nào để trong vùng này. Không chỉ một mà đến hai Nhật hoàng, không hư hoại tinh thần nguyên bản? Trả lời những câu Hoa Viên (1297–1348) và Hậu-Đề-Hồ (1288–1339), đều hỏi này, hoặc những câu tương tự, không phải luôn luôn tích cực bảo trợ Đại Đăng, và Hoa Viên lại là đệ tử học rõ ràng. Thiền thư, vì là sao lục quí báu của sự nghiệp thiền

nghiêm túc của Sư. Chùa Đại Đức do Đại Đăng “truyền đăng” từ nền văn hóa và thời đại khác nhau, nên sáng lập dưới sự tham gia bảo trợ của Hoa Viên vẫn duy trên một phương diện nào đó sánh ngang với kinh Phật, trì ảnh hưởng đến ngày nay. Đại Đăng xuất hiện vào thời tuy dẫn xuất thận trọng từ khuôn khổ kinh điển nguyên điểm gay cấn trong sự phát triển Thiền tông Nhật Bản, chuẩn. Ngoài ra, một vài thể loại thiền thư đúng là khi sự lãnh đạo được truyền trao cho thiền tăng bản xứ. nguyên văn độc nhất vô nhị đồng thời không phải nguyên Một trăm năm trước Thiền Trung Hoa đến Nhật qua văn. Một tuyển tập công án như Bích Nham Lục chẳng những du tăng Nhật Bản và thiền sư Trung Hoa di dân. hạn, có một cấu trúc phức tạp và ổn định; như các loại Nam Phổ Thiệu Minh (Đại Ứng Quốc Sư, 1235–1308), là kinh sách khác, Bích Nham có thể sao chép, in ấn, chú thầy của Đại Đăng, đã tu học ở Trung Hoa tám năm, giải và ngay cả thiêu hủy. Song phép tu công án lại theo trong khi Đại Đăng chưa hề có ý định xuất dương. Giống truyền thống ngôn thuyết hơn là văn tự. Hình thức văn tự như những người khác cùng thế hệ, Sư tin rằng chân của một công án, đứng riêng rẽ, hiếm khi là một pháp cụ

4 9

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

lớn lao từ một nội dung này đến nội dung khác. Cùng viết Thiền vẫn có thể tìm thấy ở Nhật. Niềm tin mới mẻ này một chữ Thiền, tiếng Tàu đọc là [ch'an] và Nhật đọc là được một vị tăng đồng tu nói lên, cho rằng gửi tăng nhân [ze–n]. Tuy có sự liên tục nào đó minh định việc sử dụng đến Trung Hoa để được thụ huấn chẳng khác nào “đem chữ “Zen” hoặc “Ch'an/ Zen” liên hệ đến cả hai hệ thống vàng bạc của Nhật đổi lấy sỏi đá Trung Hoa". Đại Đăng văn hóa khác nhau, trên quan điểm lịch sử sự phân biệt không chỉ phản ánh giá trị tâm linh và văn hóa của thời giữa Ch'an và Zen vẫn có lợi hơn. Khía cạnh từ ngữ này đại mình, mà còn tác động lâu dài đến việc phát triển dù sao vẫn không đề cập đến các vị tăng Nhật Bản tiên Thiền tông. Trong số những thiền giả không xuất dương phong. Không phải chỉ vì một chữ Thiền đều chỉ cho sang Trung Hoa, Đại Đăng là người đầu tiên dựng lập Ch'an lẫn Zen, mà các tăng sĩ tin rằng họ trung thành với một thiền viện to lớn. Trong pháp ngữ Sư minh giải truyền thống đã kế thừa. Chỗ thiếu sót trong kiến thức những điểm tinh yếu của Thiền tông Nhật Bản đã được của chúng ta về Thiền tông đời Nam Tống (1127–1279) đồng hóa. Đối với kinh điển Thiền, Sư là người tiên và đời Nguyên (1260–1368) gây khó khăn cho việc đối phong trong việc ứng dụng cách thức bình chú mới mẻ chiếu thư lục Trung Hoa thời trước với những cải biên độc đáo với trước ngữ. Đại Đăng được xem là hiện thân Nhật Bản, nhưng ta cũng thấy rõ những luận giải tân biên mẫu mực của cuộc sống Thiền. Lập trường dứt khoát về đều nằm trong tiến trình truyền thừa Thiền tông. Ví dụ, tính ưu việt của giác ngộ, giới đức tinh nghiêm trong việc có vài yếu tố người Nhật đồng hóa với chân Thiền lại giáo dưỡng môn sinh, thời gian ẩn tu của Sư sau khi kiến cùng hình thức với đạo Phật đời Tống. Biên khảo này tánh, và giây phút thị tịch gương mẫu từ lâu đã được đánh không hẳn có ý định so sánh với các bậc tiên tổ Trung giá ngang với lý

tưởng cao tột của truyền thống Thiền Hoa mà chỉ nhắm vào phương thức mà người Nhật nhận Lâm Tế. Đại thiền sư Bạch Ẩn (1686–1769) đã xác nhận hiểu và chứng nghiệm Thiền. Sự kiện Đại Đăng không hề việc thẩm định sau này khi Ngài tán thán Đại Đăng có đặt chân đến Trung Hoa càng làm Sư cách xa thêm các phong cách Thiền như "một đóa hoa độc dược mạnh nhất bậc tiên đức gương mẫu Trung Hoa. Dù có hay không ý của nước Nhật". Phổ hệ của Đại Đăng hiển nhiên là môn thức đến vai trò của mình, Đại Đăng vẫn tiêu biểu cho phái lãnh đạo Thiền Lâm Tế của Nhật; hầu hết (chớ bước ngoặt quan trọng trong việc bản xứ hóa Thiền tông không phải tất cả) thiền sư Lâm Tế ngày nay đều tự xem Nhật Bản. là hậu duệ của Đại Đăng. Tăng sĩ tiếp tục tu tập dũng mãnh tại chùa Đại Đức, và Khuyến văn tối hậu của Đại Đăng được tụng đọc hằng ngày trong các thiền viện Lâm ĐẠI ĐĂNG VÀ TRƯỚC NGỮ Tế khắp nước Nhật. Cách tu trước ngữ mà Đại Đăng đã Những vị khai tổ trong thiền môn Nhật bắt buộc phải thành tựu giờ đây chiếm vai trò trung tâm trong pháp tu đáp ứng với một giáo tạng khổng lồ kế thừa từ Trung Hoa công án của thiền sinh Lâm Tế. Vào ngày giỗ thứ 650 ở và Ấn Độ. Kinh và Luận của đạo Phật du nhập vào những Đại Đức tự năm 1983, Nhật hoàng Chiêu Hòa phong cho thời kỳ đầu đã quen thuộc, nhưng thiền thư về công án, Sư tước hiệu mới, và hơn ba ngàn khách tham dự suốt ngữ lục, tự truyện chư thiền đức đều mới mẻ. Những kinh một tuần lễ hội trang trọng. Các nhà luận giải hiện đại sách này do các du tăng nhiệt tình tìm kiếm mang về đã đều xác nhận lần nữa đặc tính kiệt xuất nơi Đại Đăng.

8 5

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

Isshù Miura và Ruth Sazaki đã chọn Đại Đăng Ngữ Lục kinh điển nhà Thiền vẫn còn xa lạ với hầu hết những vị là "quan trọng bậc nhất" trong pháp ngữ của Thiền tông đồng thời, và Sư nổi bật trong một tổ chức từ trước do Nhật Bản thời kỳ đầu. Yanagida Seizan đoan chắc Đại các thiền sư Trung Hoa di dân cầm đầu. Mặc dù các học Đăng đã "khai mở Thiền công án ở Nhật". D. T. Suzuki giả không chấp nhận thời kỳ chính xác, thiền tông Nhật tán đồng "vị trí quan trọng trong lịch sử tư tưởng và văn Bản sơ khởi đại thể đồng thời với thời đại Liêm Thương học Thiền" dành cho một trong những lời bình chú trước (1185 – 1333), và thiền tông Nhật Bản trung đại tương ngữ của Đại Đăng, Ogisu Jundò tán dương Sư là "tột đỉnh ứng với thời đại Thất Đinh (1338 – 1573). Đại Đăng tịch của Thiền giới nước ta (Nhật)". Heinrich Dumoulin đặt năm 1337, vào thời điểm chuyển tiếp giữa hai thời đại kể Sư đồng hàng với các đại thiền sư Trung Hoa: "Với Đại trên. Từ khởi nguyên, Thiền tông gần như ngoại lai đối Đăng, quá trình cắm rễ Thiền Trung Hoa trên đất Nhật đã với người Nhật – đầu tiên là một giáo phái du nhập với hoàn tất; thiền sư Nhật nay sánh ngang tầm cao của thiền pháp tu, giáo lý, ngôn ngữ, kiến trúc và tổ chức chùa sư Trung Hoa nguyên mẫu". Ngoài những đánh giá cao chiền. Tăng sĩ phấn đấu để quán triệt và truyền bá đạo siêu về giá trị của Đại Đăng, một sự khảo cứu toàn bộ về pháp mới mẻ này bắt buộc phải đồng hóa những đặc cuộc đời và pháp ngữ của Sư tuy xuất hiện ở Nhật, song trưng chủ yếu cho chính họ cũng

như cho người khác. đối với tây phương Sư vẫn chưa được biết đến rõ ràng. Chuẩn đích đầu tiên của Thiền tông chân chính, không kể đến việc xây dựng văn hóa, là giác ngộ. Tuy nhiên luận bàn về Thiền tông Nhật Bản sơ kỳ, vấn đề không chấm THIỀN TRUYỀN THỪA ĐẾN NHẬT dứt ở đó: trong nhiều trường hợp chẳng phải giác ngộ Thời gian để Thiền mọc rễ trên đất Nhật kéo dài gần cũng chẳng phải đặc tính chân chính mà tự nó đã rõ ràng. hai trăm năm, từ cuối thế kỷ 12 đến giữa thế kỷ 14. Tăng Thí dụ, nếu như một vị thầy "giác ngộ" phạm giới hoặc sĩ không màng nguy hiểm vượt biển từ Nhật và chịu đựng thiếu ấn chứng có thể tuy như thế vẫn là một thiền sư sống gian khổ cam go nơi xứ lạ quê người để tìm đạo chân chính? Ai muốn tìm giải pháp cho những vấn đề thiền ở Trung Hoa. Giác A (1143 – 1182), tăng sĩ Nhật như thế đều nhìn nhận là càng nói nhiều đến "giác ngộ" đầu tiên đã gặp thiền sư Trung Hoa và hồi hương năm càng nghiêng về vật chất và làm tăm tối thêm (một sự báo 1175. Vị du tăng cuối cùng truyền pháp thiền là Đại động mà chúng ta cũng phải ghi nhớ trong lòng). Phong Chuyết Tổ Năng (1313 – 1377) đã hoàn thành chuyến đi cách giáo huấn và hành trì của Đại Đăng phản ánh một sự năm 1358. Hai mốc điểm then chốt này đánh dấu một đồng tình rõ rệt đối với những vấn đề trọng tâm này hay thời đại truyền nhập văn hóa và tôn giáo đầy biến động, khác, một sự tinh lọc đào luyện từ những nhập nhằng mơ sự truyền nhập này đã ảnh hưởng một cách quyết định hồ và rạn nứt đã tạo nét đặc thù cho giai đoạn đầu của đến văn hóa nước Nhật. Thiền tông Nhật Bản. Đại Đăng hội đủ tiêu chuẩn là vị khai tổ trong Thiền Giống như ý niệm về giác ngộ, chữ "Thiền" có thể lúc tông Nhật dù Sư sống vào cuối thời đại này. Sư theo đuổi đầu hàm ý một điều gì cố định và bất biến, nhưng tốt nhất sự nghiệp hoằng hóa như một thiền sư trong khi nhiệm vụ là nên hiểu từ này như là một tốc ký đối với một truyền này vẫn chưa xác định một cách tương đối, Sư vật lộn với thống lịch sử và tâm linh luôn biến chuyển và thay đổi

6 7

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản DẪN NHẬP THIỀN GIỚI CỦA ĐẠI ĐĂNG

Chikafusa). Vừa là học viên nghệ thuật dân sự lẫn quân bình chú nhiều ý ngầm, hoặc nhắn gửi nội qui điều lệ cho sự, ông là vị chỉ huy giỏi của quân lực Hậu-Đề-Hồ và là vị tân tăng mới đến thiền viện. Sư có thể tự bày tỏ qua tác giả quyển sách có ảnh hưởng lịch sử về sự kế vị trong những sắc thái im lặng khác nhau tọa thiền, ánh mắt trao Hoàng gia Nhật, Thần Hoàng Chánh Thống Ký. Bắc đối với đệ tử, hoặc không giải đáp cho một tân tu. Nắm Thân Phòng tin rằng giới quý tộc có quyền chính đáng cai cái hùng biện phi ngôn ngữ của nhà Thiền bằng cách theo trị nước Nhật và Hậu-Đề-Hồ là đại diện tông chi hợp sát từng chữ thái quá, không những chỉ làm tối tăm thêm pháp của hoàng tộc đang phân hóa, song lập luận của ông vai trò phức tạp của ngôn ngữ và văn tự trong đời sống chỉ để bàn bạc vì các biến động vẫn tiếp diễn. Một người tăng chúng, mà còn bỏ qua không nhận thấy sự tỉnh giác đồng thời với Đại Đăng là Cát Điền Kiêm Hảo (1283– tinh tế trong lý giải tôn giáo. Đời Tống, thiền tăng là 1350) than trách mối đe dọa mai một nền văn hóa quý tộc thành phần lỗi lạc trong văn giới trí thức, và

những thiền hiếm quý đang xảy ra. Là một viên chức tòa án trung sư như Huệ Hồng Giác Phạm (1071–1128) xiển dương thẩm, Kiêm Hảo thương tiếc những ngày trước khi thiết văn tự thiền. Ở Nhật thiền môn điển hình vào thời Đại lập chế độ tướng quân ở Liêm Thương: “Trong tất cả mọi Đăng thường có làm thơ kệ về những chủ đề như tọa sự tôi nuối tiếc quá khứ”. Luận điệu của ông trong tác thiền, kinh điển, du hành, thời tiết, bệnh hoạn, nghỉ hè, phẩm Đồ Nhiên Thảo (Tsurezuregusa) đầy vẻ khao khát, uống trà và v.v... Các vị thầy cũng thích làm thi kệ sau châm biếm và xung đột. Mô tả sự dời đổi biểu tín hoàng khi chứng ngộ và thị tịch. Những bài kệ thời này chỉ gồm đế từ cựu Nhật hoàng đến vị tân kế vị, Kiêm Hảo tập một vài dòng, song phải bộc lộ được chỗ tỏ ngộ uyên áo trung vào nỗi cô đơn của một người bị hạ bệ: của tác giả. Trong những nội dung như thế, “bất lập văn tự” cũng chỉ cho thấy việc sử dụng khéo léo ngôn ngữ Trong buổi lễ thoái vị, Gươm, Ngọc và Gương được một cách tự tại để đưa đến hoặc phát sinh ngộ. Mức độ dâng lên tân hoàng đế, thật đau lòng không kể xiết. Khi hùng biện tối thiểu trong Thiền là việc sử dụng ngôn ngữ cựu hoàng xuống ngôi vào mùa xuân có làm một bài thơ, tài tình để phục vụ cho ngộ. Ngôn ngữ để dẫn đến ngộ và tôi rất hiểu: Ngay cả kẻ hầu của chủ nhân cung điện đối cũng làm đẹp ý nghĩa văn chương được một số thiền sư đãi tôi giờ đây như kẻ xa lạ; trong khu vườn của tôi đánh giá là đỉnh cao của sự diễn đạt Thiền. Giá trị của không một nhát chổi quét hoa đào lả tả rụng rơi. Đại Đăng, càng nâng cao qua năng lực phi thường của Sư Bài thơ truyền đạt một cảm thức cô đơn – thiên hạ trong lãnh vực này, đã được thấy rõ trong ngữ lục, bình đang bận bịu với lễ lạc hội hè của tân triều, không một ai chú trước ngữ và trong thi kệ. lo nghĩ đến một cựu hoàng xuống ngôi. Đây đúng là một cơ hội để những cảm giác chân thực bộc lộ. "NỬA MỞ NỬA ĐÓNG” Vị cựu hoàng vừa thoái vị nói ở đây là Hoa Viên (Hanazono), một thí chủ thế lực và là đệ tử của Đại Đăng. Cốt lõi trong công án đã thúc đẩy Đại Đăng đến chứng Ở Nhật chế độ quý tộc thường liên kết với một thành phố ngộ là một chữ “Quan", nghĩa là cửa ải chắn ngang đặc biệt, Kyoto, là thủ đô của cả nước từ 794 đến 1185. đường. Chúng ta giáp mặt rất nhiều “quan” này trong sự Kyoto cũng là chỗ tạo dựng phần lớn đạo nghiệp của Đại tham học, bắt đầu với chính ngôn ngữ. Thiền thư đầy dẫy

24 13

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

những ám chỉ mù mờ và thuật ngữ chuyên môn. Hình CHẾ ĐỘ QUÝ TỘC VÀ THÀNH PHỐ KYOTO thức văn tự của Thiền tông Nhật trong hơn sáu thế kỷ là một sự pha trộn kỳ lạ gọi là Hán văn (Kanbun) chữ Hán Nhóm thứ hai trong tam đầu chế đã định hướng nước đọc và viết theo kiểu Nhật. Thời Đại Đăng, Thiền tạng Nhật trung đại – là giới quý tộc – uy thế vẫn còn mạnh và không được dịch sang tiếng Nhật, mà người Nhật cũng gây ảnh hưởng cả sau một thế kỷ dưới sự cai trị của giai không đọc được chữ Hán. Hơn nữa chữ Hán đọc theo cấp chiến sĩ. Năm 1300 Nhật hoàng đang trị vì, và ít nhất Nhật cũng gần với giọng đọc Tàu có biến cách theo Nhật, là năm vị hoàng đế trước kia, đã ban tước phẩm mà giới và đọc phối hợp với cú pháp Nhật. Giống như tăng sĩ Âu quý tộc cũng như chiến sĩ đều thèm muốn. Một nhà quý Châu thời trung cổ cố viết chữ La

tinh, tăng sĩ Nhật viết tộc khôn ngoan về chính sự có thể bắt đầu sự nghiệp làm hầu hết các tác phẩm lớn bằng chữ “Hán” khác với nét một viên sĩ quan bảo vệ cung điện, bước lên làm luật sư tượng hình cổ điển của chính ngữ bản xứ. Ví dụ, khi Đại tòa trung thẩm, bộ trưởng tư pháp, và đương nhiên tiến Đăng viết một bài thơ, Sư thường giữ đúng qui luật vần đến chức pháp quan tòa án. Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ ý điệu Trung Hoa, mặc dù “vần điệu” này căn cứ trên cách muốn yêu sách quyền lãnh đạo cho ngôi vua, một lối nhìn phát âm Hán cổ khó hiểu đối với người Nhật. Đại Đăng đồng nghĩa với sự trở lại quyền bính của giới quý tộc, đối cũng biên soạn bài giảng bằng chữ Hán, người nghe cũng với các nhà quan sát sau này có thể xem điều này như lỗi khó tiếp thu nếu không có trong tay bản chữ viết. Đã có thời, song vào thời đó chiến thắng của giai cấp chiến sĩ trường hợp chính người tu trong pháp hội của Đại Đăng đối nghịch không có gì bảo đảm chắc chắn. Dù viễn hiểu sai khi nghe giảng. Cửa ải thứ hai chúng ta gặp phải tượng chính trị có thế nào đi nữa, giới quý tộc tự thấy là những khe hở tồn tại trong ngữ lục. Mặc dù một số lớn mình là người bảo vệ chủ yếu di sản văn hóa phong phú nguyên bản của Đại Đăng và những tài liệu giá trị khác của nước Nhật. Không những chỉ bảo trợ và tham gia vào được tàng trữ khắp nước Nhật, vài chi tiết về cuộc đời nghệ thuật cổ truyền, họ còn cố gắng sánh vai với những của Sư và thời đại của Sư không bao giờ có thể chắc chắn phát triển triết học và mỹ thuật ở Trung Hoa. Bởi vì thiền về mặt lịch sử. Bản tiểu sử đầu tiên của Sư không thấy tăng thường có nhiều hiểu biết uyên bác về lãnh vực này, xuất hiện mãi đến 89 năm sau khi Sư tịch, và nguồn tin nên giới quý tộc chào đón nồng nhiệt các tăng sĩ trong trong đó không phải luôn luôn xác thực: tác giả dùng tư những buổi bình thơ hay uống trà. Trong khi hàng chiến liệu của một người khác đã viết về Nhật hoàng, và những sĩ ôm vật với quân lính Trung Hoa trên bãi biển Cửu tác giả tiếp tục về sau đã cho nhiều ngày tháng khác nhau Châu thì giới quý tộc ôm ấp sách vở Trung Hoa với thể về việc Đại Đăng dời về chùa Đại Đức. Hơn nữa, không điệu âm vận. Một thể loại bình dân mới pha trộn tài tình còn một bản bình chú trước ngữ nào của Sư tồn tại từ tay thi ca Hoa và Nhật: dùng những câu thơ liên hoàn người Sư, và bản xưa nhất hiện có của bài Khuyến Văn Tối Hậu tham dự đã khéo léo giao xen hai ngôn ngữ. Mặc dù tìm thấy trong ấn bản năm 1617. Khi bản gốc không còn, nhiều nhà quý tộc có chức tước nhưng không thực quyền, những bản đã sao duyệt lại có thể được truyền từ thế hệ một số đã tham gia rõ rệt vào những sự đấu tranh chính này sang thế hệ khác qua những bản chép tay. Những bản trị thời đó. Sau Hậu-Đề-Hồ, vị đại diện quan trọng nhất văn có ảnh hưởng đôi khi được phát hiện hoàn toàn giả của giai cấp quý tộc trong những năm Đại Đăng ở vào tuổi trưởng thành là Bắc Thân Phòng (Kitabatake

14 23

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

đầy ba thạch rượu. Khi viên tướng đến chiếm đóng tạo: bài Khuyến Văn của Quan Sơn Huệ Huyền (1277– 1360) là đệ tử của Đại Đăng xuất hiện 373 năm sau khi buộc phải rút lui sau đó vài tuần, ông ta cũng đền đáp Quan Sơn tịch, khiến phải thi hành những đòi hỏi trong lại với lương thực và tặng phẩm bằng như trước. tông môn lúc bấy giờ. Ấn

định giới hạn tin cậy cho những nguồn tài liệu, chúng ta sẽ thấy không có một hình ảnh Thời Đại Đăng sinh sống, một chế độ tướng quân sụp duy nhất gói trọn con người Đại Đăng toàn diện. Sư xuất đổ ở Liêm Thương thì một chế độ tướng quân khác thiết hiện như một người xuất thế toàn hảo và nhập thế cũng lập ở Kyoto, một sự thay đổi song phương nhất thời của toàn hảo, một người ăn mày ở gầm cầu đã khai sơn một đảng phái cai trị và thủ đô. Chế độ Liêm Thương suy yếu đại thiền viện. Những người đồng thời tả Sư nghiêm khắc vì thay đổi mô thức chiếm hữu đất đai ở thôn quê và vì và khó gần gũi, nhưng trong những lá thư dạy học nhân gánh nặng chiến tranh tự vệ chống quân Mông Cổ; sự suy Sư tỏ ra là một bậc thầy ân cần và biết quan tâm. Có khi vi này càng nhanh chóng do thiếu khéo léo không làm Sư là người sáng tạo tài tình, có khi bảo thủ truyền thống. thỏa mãn tất cả chiến sĩ và tăng lữ đòi hỏi quyền lợi, sau Là một nhà thơ uyên bác và nhạy cảm, khi thị tịch Sư đã khi góp phần vào việc đánh thắng quân Mông Cổ. Vị cuối bẻ chân xếp bằng ngồi kiết già. Nhiều hậu bối của Đại cùng trong dòng họ Bắc Điều đã cai trị là Takatoki Đăng cố gắng hài hòa những cảm nhận nhiều mặt tạp (1303–1333), khi lên nắm quyền năm 1316 mới mười ba nham như thế. Cuối thế kỷ 15, khi có người tán dương Sư tuổi, còn quá nhỏ đối với một nhân vật lãnh đạo. Hai năm là một vị sáng lập thành đạt và được hai Nhật hoàng bảo sau Hậu-Đề-Hồ lên ngôi ở Kyoto vào tuổi tương đối trợ, một tăng nhân chùa Đại Đức lập luận rằng muốn mô trưởng thành là ba mươi, và năm 1331 Ngài mở chiến tả Sư chân thực hơn nữa thì phải nhấn mạnh đến những dịch khôi phục trọn vẹn quyền lợi cho Nhật hoàng. Trong năm dài gian khổ và tối tăm. Thế kỷ 18, Bạch Ẩn đã đi vòng bảy năm một phe chiến sĩ khác họ Trúc Lợi giành theo đường lối của Sư hầu như trên mọi quan điểm không được thắng lợi, xác nhận sự tập trung giai cấp chiến sĩ một chút chống trái. Khi bình luận bao quát về bài giảng trong xã hội Nhật. Trúc Lợi Tôn Thị chọn Kyoto làm thủ của Đại Đăng, Bạch Ẩn đã tôn kính sự kiện vị tiền bối đô, và lính hầu ở tỉnh tràn lan thủ đô trong những năm không bị trói buộc vào hệ thống của tự viện. Trong khi cuối đời của Đại Đăng. Trong một biến cố nhiều người đã tán dương thi kệ chữ Hán của Sư trác tuyệt vô song trong biết, một băng lính hầu chặt cành một cội cây nằm trong thiền sử, Bạch Ẩn lại khắc họa Sư là một kẻ ăn xin rách khuôn viên hoàng gia và có ý định đốt cháy hoàng cung; rưới dưới gầm cầu Ngũ Điều. Trong ngôn ngữ Thiền, khi họ bị trục xuất khỏi thủ đô, họ còn trơ tráo tổ chức những hình ảnh như thế giống như muôn vàn bóng trăng mở hội diễu hành. Chẳng mấy chốc các chiến sĩ ở Kyoto phản chiếu trong vũng nước dọc đường. Chừng nào ta đã khéo léo chiếm được thuận lợi trong sự nâng cao địa vị không còn nhầm lẫn bóng trăng với mặt trăng thì con của mình, “của cải mỗi ngày tăng lên gấp trăm lần”. người chân thực của Đại Đăng vẫn tiếp tục phất tay áo khi quét lá trong vườn.

22 15

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

thực sự được chuẩn bị để cống hiến đời mình cho chủ soái hoặc vì danh dự của mình: năm 1247 năm trăm quân lính bị sa vào tay giặc đã mổ bụng tự tử hơn là kéo dài nỗi nhục bị bắt giam. Mặc dù lòng trung thành là để đền đáp ơn vua, lý tưởng vương quyền

không được phát triển

2 tốt, và hoàng đế không phải là trung tâm điểm của lòng trung thành tổ quốc, điều mà lịch sử nước Nhật sau này mới có. Vấn đề càng thêm phức tạp khi có hai phái hoàng tộc đối nghịch và những vị hoàng đế "ẩn tu" (nghỉ hưu), một sự dàn xếp không ổn định khiến Đại Đăng phải tùy hợp khi ứng xử với các nhà đại thí chủ của mình. Tuy có thể có sự thô bạo nơi một lính hầu điển hình, NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14 những người chiến sĩ được ưu đãi vẫn thụ hưởng khoảng thời gian nghỉ ngơi và trau luyện. Những nhân vật thượng lưu chiêu đãi nghi thức uống trà, bảo trợ cho nghệ sĩ và nghệ nhân, tham hỏi những cố vấn về các vấn đề văn hóa, và thảo luận triết lý với các tu sĩ học thức. Một tướng

Đ lãnh của Tôn Thị, bắt buộc phải rời tòa nhà của mình khi ại Đăng sống vào thời đại lịch sử nước Nhật bại trận, đã cam kết tòa nhà sẽ tiện nghi đối với viên đầy sắc thái và xáo trộn. Năm 1282, trước khi tướng thù địch sẽ tới chiếm đóng: Sư ra đời một năm, vua Mông Cổ là Kubilai [Ông] trải thảm trang trí táo bạo với hình chòm lông Khan cất quân đến xâm chiếm Nhật Bản, và một năm trước khi Sư tịch vào năm 1337, một tướng lãnh nổi loạn mào trên sàn nhà của căn phòng sáu gian và sắp dọn là Trúc Lợi Tôn Thị thiết lập chính quyền quốc gia mới, mọi vật vào đúng vị trí, từ bộ liễn treo gồm ba bức đến truất ngôi vị Nhật hoàng bại trận. Vào thời đại trên súng lọ hoa, nhang đốt, bình trà và khay tách. Trong phòng dưới gươm này, giai cấp chiến sĩ đứng lên xác nhận địa vị của họ là tinh hoa cai trị nước Nhật, và Thiền bắt đầu làm việc ông treo một câu kinh Phật do Vương Hi Chi xuất hiện trong đời sống văn hóa và tôn giáo của đất (Wang Hsi Chih) và một hợp tuyển của Hàn Dũ (Han nước. Khi Kubilai Khan gửi thông điệp đầu tiên đến "Vua nước Nhật" năm 1268, người Nhật đã biết quân đội của Yü), trong khi ở phòng ngủ ông treo đồ ngủ bằng tơ Kubilai lật đổ nhà Tống ở Hoa lục và tham vọng của họ cạnh chiếc gối bằng gỗ đàn hương. Ông cung cấp căn vẫn chưa thỏa mãn. Tuy như thế, vị tướng quân dũng cảm phòng nghỉ mười hai gian cho lính gác với ba sào đất Bắc Điều Thời Lại (1251–1284) không theo đường lối chính trị ngoại giao mà chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu quân có đủ gà, thỏ, gà lôi và ngỗng cùng một thùng chứa

16 21

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

những người dũng mãnh, cho đến chết cũng không chịu sự. Tháng 11 năm 1274, ba mươi ngàn lính Mông Cổ và buông tay mà cả hai đều dùng giáo đâm lẫn nhau, và cùng Hàn Quốc đánh chiếm Cửu Châu (Kyushu) ở Tây Nam ngã xuống trên một tấm đệm. nước Nhật. Sau nhiều trận chiến đẫm máu nhưng không Dù những cảnh tượng hung bạo như thế hình như ra phân thắng bại, một trận bão dữ dội thổi đến đánh chìm xa khỏi nếp sống tu viện nơi Đại Đăng đang tu học, tàu chiến Mông Cổ, và đoàn quân bị đẩy lui. Trong tình trạng biến động toàn quốc, người Nhật chiêu mộ lính mới những lãnh vực chính trị và tôn giáo đều liên kết chặt chẽ và khởi công xây dựng tường thành phòng bị dọc theo bờ với nhau vào thời trung đại ở Nhật. Chú của Đại Đăng là Xích Tòng Tắc Thôn (1277–1350), một tướng lãnh và thí biển đảo Cửu Châu. Kubilai phái

thêm hai sứ thần đến, tướng quân Bắc Điều trả lời bằng cách chém đầu hai chủ nhiệt tình của Thiền tông. Là thống đốc quân sự ở Phiên Ma Harima, Xích Tòng ủng hộ Nhật hoàng Hậu- người đi sứ không may này. Tháng 6 năm 1281, một lực Đề-Hồ trong việc lật đổ chế độ tướng quân đặt bản doanh lượng khổng lồ hơn 150.000 lính Mông Cổ, Trung Hoa và Hàn Quốc gồm bộ binh và thủy binh đến Cửu Châu. ở Liêm Thương. Nhưng khi Hậu-Đề-Hồ không thưởng Trận chiến bùng nổ trên bộ và dưới nước, đất nước bị công cho Xích Tòng xứng đáng, vị tướng lãnh này bất xâm chiếm đồng cầu nguyện được giải phóng. Nhật bình kể lể số phận mình cho Trúc Lợi Tôn Thị (1305–1358), một người khác ủng hộ việc hạ bệ Hậu-Đề-Hồ để hoàng hồi hưu là Kameyama khấn nguyện Thái Dương Thần Nữ Ama–terasu, các tu sĩ Thần đạo cũng cầu xin thiết lập một thể chế tướng quân mới theo ý mình. Xích các vị thần linh khác, và tăng sĩ Phật giáo cầu xin chư Tòng là điển hình một câu chuyện về thành công thường Phật và chư Bồ-tát hộ trì. Khoảng hai tháng sau trận tấn nhắc đi nhắc lại trong lịch sử nước Nhật thời trung đại: công lần thứ hai, một trận bão khác thổi vào bờ biển Cửu một ông đầu tỉnh tàn ác từ từ bành trướng thế lực cho đến Châu. Tàu chiến kẻ xâm lăng đắm tại bến cảng nhỏ hẹp khi tham vọng ảnh hưởng đến những biến cố quốc gia. và ngoài khơi mênh mông. Hằng ngàn lính thủy chết Một lần Xích Tòng chống cự một trận công đồn của một chìm, lính bộ bị giết và bắt giam. Một lần nữa quân Mông đội quân mạnh hơn, ông lừa kẻ địch cho vào bẫy: “Chẳng Cổ đại bại. Tình cảm dân chúng Nhật dành trọn chiến mấy chốc trong ba dặm đường người và ngựa chết hàng công bi tráng cho quân cảm tử “thần phong”, điều này đống, từ chân lâu đài đến bờ phía tây sông Muko, khiến xảy ra hình như do lời cầu nguyện linh ứng của cả nước. không ai đặt chân nổi để đi qua”. Một dịp khác ông ra Lòng tin vào các vị thần bản xứ mạnh hơn hình tượng lệnh xử trảm hằng trăm tù binh, đầu của họ treo lủng lẳng trong đền thờ Phật giáo. Như Bắc Thân Phòng (Kita– trên ngọn sào. Song song với nghiệp binh đao Xích Tòng batake Chikafusa, 1293–1354) viết mười năm sau đó: phát nguyện “nhập đạo”, tu tại gia và trợ giúp xây dựng một thiền viện mới cho Đại Đăng. Năm thứ 4 đời Hoằng An (1281) quân Mông Cổ tập trung nhiều tàu chiến đánh nước ta. Một trận đấu ác liệt Ai cũng biết rằng giai cấp chiến sĩ Nhật ký tên đòi hỏi xảy ra ở Cửu Châu, nhưng thánh thần ban phát quyền đạo luật về lòng trung kiên. Trên nguyên tắc một người năng vĩ đại và hiển lộ thần thông đuổi quân xâm lược hầu cận hàm ơn mọi mặt đối với chủ soái của mình, chạy dài. Một trận gió to thình lình thổi đến và hằng ngàn nhưng vào cuối thời Liêm Thương hầu hết lính hầu đều tàu giặc bị đánh tan tác và chìm lỉm. Mặc dù người ta nói mong muốn được thưởng công khi phục vụ. Một chiến sĩ

20 17

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

việc này giống như hồi thời xưa lạc hậu, nhưng thực sự UY THẾ CỦA GIAI CẤP CHIẾN SĨ quyền năng chính nghĩa do thánh thần thị uy ở thời nay vượt trên tầm hiểu biết của con người. Ba giai cấp lãnh đạo nước Nhật thời Đại Đăng tại thế là chiến sĩ, quý tộc và tăng nhân Phật giáo. Giai cấp chiến Dù thánh thần có can thiệp hay không, nước Nhật may sĩ, cai trị cả hai tầng lớp quốc gia trung ương và địa mắn là bị chiến tranh vào thời

điểm đất nước có giai cấp phương, bắt rễ từ thời Bình An (794–1185), khi hạng quý chiến sĩ năng động tích cực và những nhà lãnh đạo tài ba. tộc lần đầu tiên ủy thác cho những người hầu cận Đại Đăng ra đời một năm sau cuộc tấn công lần thứ hai, ở (samurai: thị giả) làm nhiệm vụ cảnh sát địa phương. tỉnh Phiên Ma (Harima), một địa điểm chiến lược quan Thời đại này chấm dứt với sự thiết lập một chính thể quân trọng giữa Cửu Châu (tiền tuyến tự vệ đầu tiên) và Kyoto sự vẫn tiếp tục nắm quyền lúc Đại Đăng ra đời một thế kỷ (trụ xứ của Nhật hoàng). Thuở ấu thời Đại Đăng chứng sau. Thời Liêm Thương (1185–1333) tiếp theo mang tên kiến những việc chuẩn bị ở địa phương đón chờ trận tấn của thành phố nơi tướng quân đóng bản doanh. Tuy chiến công lần thứ ba giữa những bản báo cáo về sự thù địch tranh xảy ra vào đầu và cuối thời Liêm Thương, những gây hấn dai dẳng của Mông Cổ. Rồi vào năm 1294 trận đánh thường là đụng độ cấp nhỏ. Một trận đánh có Kubilai chết, sự đe dọa của Mông Cổ yếu đi, những thể chỉ gồm có một chỉ huy và vài tùy tùng của một cánh người ở tầng lớp thượng lưu được báo tin, và họ bắt đầu quân lớn; ngay cả khi có những đội quân lớn, các sĩ quan thưởng thức hương vị mới của lòng tự hào dân tộc. Kể từ chỉ huy hiếm khi tung hết lực lượng vào một trận duy những ngày đầu lập quốc vào thế kỷ 6, hình bóng nước nhất. Như những lãnh vực văn hóa khác của Nhật, màu Trung Hoa trùm khắp các lãnh vực chính trị, văn hóa và sắc và dáng dấp bên ngoài chiếm phần quan trọng: quân sáng tác, ban đầu xa lạ rồi quen thuộc; giờ đây một tầm phục nghiêm chỉnh của một chiến sĩ gồm bộ quần áo cỡ khác tham gia vào mối tương quan phức tạp này. Nhà trong có thêu hoặc dệt hoa, áo giáp nặng nề may bằng da Tống đáng kính đã rơi vào tay Mông Cổ, và nước Nhật bò, tay mang băng, chân quấn xà cạp, mũ tơ và mũ sắt trước đây chưa bao giờ bị xâm lấn nay “đánh bại Trung với hình nét trang trí hung hãn. Nếu đúng theo nghi thức Hoa”. Việc xác nhận tính chất thống nhất lặp đi lặp lại và thì trận đánh mở màn với hàng loạt tên bắn lẫn nhau, rồi thỉnh thoảng khẳng định khí phách cao ngạo của nước từng người một cưỡi ngựa đối mặt, và cao điểm là đánh Nhật đã tiếp ứng sinh lực cho giới nghệ thuật, tôn giáo và nhau giáp lá cà. Quyển lịch sử quân sự đầu tiên vào thời văn hóa. Mối đe dọa của Mông Cổ đã thúc đẩy một thiền này, Thái Bình Ký, mô tả trận đánh mặt chạm mặt một tăng cầu nguyện: “Chí đến tận cùng của tận cùng thế mất một còn giữa hai chiến sĩ Shirada và Saitò, họ chỉ gian, đất nước chúng tôi sẽ cao vĩ hơn tất cả nước khác”, nhảy vào vòng chiến sau khi tự giới thiệu: một tình cảm có hiệu quả vì những biến động của thời cuộc. Hai người phi ngựa tiến đến nhau, tay mang khiên xô chạm nhau chan chát và họ vật lộn hung tợn cho đến khi cùng ngã xuống. Là người mạnh hơn, Shirada đạp trên đầu Satò và định cắt đầu đối thủ, nhưng Saiò, thật nhanh tay, lật nhào và đâm Shidara ba nhát. Thực sự họ là

18 19

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

là một vị Ni tên là Thanh Trạch, vợ của một lính hầu bị Đăng Sư đã gặp vị thầy đầu tiên của mình ở đây và về sau giết năm 1331. Bà đã ngăn cản một tên cướp mang gươm: trở lại đây để xây cất thiền viện của mình. Nguyên thủy “Vị ni lấy một miếng giấy cuộn tròn lại rồi đâm vào mắt có tên là Bình An (Heian), thành phố này ở ngay giữa tên cướp

như một nhát kiếm. Tên cướp không thể nào trung tâm của hòn đảo chính là Honshu, nửa đường từ chống cự và hoàn toàn bị khuất phục trước sức mạnh tâm Liêm Thương phía Đông đến Cửu Châu phía Tây. Chung linh của bà. Hắn định bỏ chạy thì vị ni hét lên, đánh trúng quanh bao bọc nhiều ngọn đồi cả ba hướng và không mở hắn với lưỡi kiếm bằng giấy. Hắn ngã xuống và chạy ra biển, Kyoto có tiết mùa rõ rệt: mùa thu dài lâu khí hậu mất". Dù có những thành tựu cá nhân đến đâu, ni không ôn hòa, mùa đông lạnh và trời sáng; mùa xuân muôn hoa được phép làm lễ xuất gia cho đệ tử, hoặc đảm nhận nở rộ; rồi đến mùa hè mưa dầm nhiều tuần, tiếp theo là những trọng trách trong hàng giáo phẩm cũng như chiêm nóng bức oi ả. Triều đại đầu tiên đặt Kyoto là trung tâm bái những thánh tích như núi Tỷ Duệ và Cao Dã. chính sự quốc gia thực sự chấm dứt vào năm 1221, khi chế độ ở Liêm Thương đặt cơ quan đại biểu trong một khu vực của thành phố tên là Lục Ba La (Rokuhara). Vì NHẬT HOÀNG HẬU-ĐỀ-HỒ trong thế kỷ tới chế độ tướng quân kiểm soát chặt chẽ KHÔI PHỤC TRIỀU ĐẠI KIẾN VŨ thành phố và triều đình, thỉnh thoảng còn thao túng việc Triều đại Kiến Vũ ngắn ngủi của Hậu-Đề-Hồ, một kế vị các Nhật hoàng. Hoàng tộc xuống dốc đến gần như bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Nhật Bản, là bối nghèo túng và sắp khánh tận, bắt buộc rời bỏ cung điện. cảnh những năm cuối đời của Đại Đăng. Hậu-Đề-Hồ lên Từ từ thành phố tự định hướng theo trục đông tây chiến ngôi năm 1318 ở tuổi thành nhân (cha truyền con nối theo sĩ, quý tộc và tăng lữ là một nửa ở tầng thượng lưu, còn xưa), phụ vương là Hậu–Vũ–Đa đã sớm giải tán cơ quan thương buôn phát đạt chiếm phân nửa ở tầng hạ lưu. của vị hoàng đế đi tu, thống nhất vương quyền lần đầu Kyoto vào thời Đại Đăng là một trung tâm tôn giáo hưng tiên trong vòng hơn hai trăm năm. Năm 1324 Hậu-Đề-Hồ thịnh. Hai tông phái Phật giáo uy thế nhất thời Bình An là bị lôi kéo vào một âm mưu chống lại chế độ tướng quân Thiên Thai và Chân Ngôn, tiếp tục gây ảnh hưởng mạnh nhưng sớm thất bại, và năm 1331 ông bắt buộc phải trốn mẽ; sự hiện diện của tông Thiên Thai nổi bật hơn hết vì chạy đến dãy đồi phía tây Nại Lương (Nara). Năm sau trong khu vực của họ các ngôi bảo tháp vượt cao hơn ông bị lưu đày ở quần đảo Oki. Bất chấp tình hình lộn thành phố khi nhìn từ đỉnh núi Tỷ Duệ phía đông bắc. Vô xộn này, những tướng lãnh kế tục sự nghiệp của Nhật số đền chùa khác kết hợp tín ngưỡng đạo Phật bình dân hoàng lại chiến thắng ngoài trận mạc: Trúc Lợi Tôn Thị mọc lên vào thời Liêm Thương, chủ yếu là tông phái Tịnh chiếm cứ Kyoto, và Tân Điền Nghĩa Trinh chiếm cứ Độ, Chân Tịnh Độ và Nhật Liên. Vào giữa thế kỷ 14, một Liêm Thương. Hậu-Đề-Hồ thắng lợi trở về Kyoto năm số lớn tu viện thiền đều có mặt ở mọi khu vực trong thành 1333, ký tên khai tử chế độ tướng quân ở Liêm Thương phố: Kiến Nhân tự phía đông dọc sông Gia Mậu Kamo, đã cai trị nước Nhật hơn một trăm năm. Ba năm sau Hậu- Đông Phước tự phía nam, Nam Thiền tự đông nam, Đại Đề-Hồ tìm cách sáng lập một đế chế mới căn bản trên Đức tự của Đại Đăng phía bắc và Lâm Xuyên tự ngay quyền lãnh đạo vô điều kiện của hoàng tộc. Một số đường chân dãy núi phía tây. Song hành với thành phố cảng

36 25

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

Sakai (sát bên thành phố Osaka hiện nay), Kyoto cũng là thửa ruộng bùn lầy, chuyên chở hàng hóa dọc theo đại lộ, khu vực trung tâm phồn vinh nhất của nước Nhật trung tìm cách trốn né sưu cao thuế nặng, và còn phải dọn dẹp đại, một giao lộ thương mãi đến và đi tốt đẹp từ các tỉnh tẩy rửa sau những trận chiến đẫm máu. Những tai ách chung quanh. Hoạt động thương vụ tăng gia một cách thiên nhiên định kỳ càng làm họ thêm khổ ải. Vào giữa chắc chắn suốt thời Liêm Thương vẫn còn tồn tại qua tình thế kỷ 13 một loạt động đất và lụt lội gây ra đói kém và trạng chia rẽ của chế độ tướng quân đang sụp đổ, và ngoi bệnh dịch lan tràn; nông dân bị đói ăn cả rễ cây và cỏ, lên những đỉnh cao mới dưới chế độ Trúc Lợi. Vì các thây chết chất nghẹt đường đi. Người phụ nữ ở Nhật Bản thương gia tiếp đãi ân cần nên hàng chiến sĩ lũ lượt kéo từ lâu lệ thuộc vào đàn ông mặc dù vào đầu thời kỳ Liêm đến thủ đô, hàng hóa càng sản xuất nhiều và sản lượng Thương giai cấp chiến sĩ đã cởi mở ngắn ngủi và dành nông nghiệp lên cao. Một vài thiền viện lớn đỡ đầu chợ nhiều cơ may cho nữ giới, họ có thể thừa kế và ngay cả búa và phường hội, các thiền viện khác giữ vai trò tích quản lý tài sản ở thôn quê. Trên bình diện quốc gia, Bắc cực trong thương trường quốc tế. Năm 1336, một năm Điều Chánh Tử (1157–1225) mở đầu thể chế nhiếp chính trước khi Đại Đăng tịch, các nhà lãnh đạo Trúc Lợi chọn đầu tiên qua đứa con của bà và sau đó đến đứa cháu họ. một cảnh trí ở Kyoto làm tân cung điện cho hoàng gia, và Tuy như thế, địa vị người phụ nữ vẫn thấp kém vì chế độ ở đó họ tấn phong vị hoàng đế bù nhìn của “Bắc triều” là phong kiến thống trị xã hội; sự khuất phục của họ được Quang Minh (Kòmyò 1321–1380). Mặc dù sự thiết lập bào chữa bằng những đức tin bản xứ hòa hội với nhau, thể chế tướng quân Trúc Lợi đã hạ màn chế độ quý tộc, đồng hóa với tín ngưỡng Trung Hoa có từ trước và giáo nhưng lại đánh dấu sự tái phục sinh đế đô Kyoto như một lý đạo Phật. Vì máu huyết là điều kiêng kỵ ở Nhật nên trung tâm thương mại, văn hóa và chính trị của cả nước. kinh nguyệt và sanh đẻ được xem là ô uế. Đạo Khổng đặt phái nam làm cơ sở tôn ti trật tự và biện hộ cho việc ly dị vợ là tuân theo cổ truyền với lý do: không sanh con trai, GIỚI TĂNG LỮ VÀ THẾ GIỚI QUAN PHẬT GIÁO ngồi lê đôi mách, dâm dật, ghen tuông, ăn trộm của Tu sĩ đạo Phật và hàng tăng lữ cấu thành yếu tố thứ ba chồng, bất hiếu với cha mẹ chồng hoặc bệnh hoạn. Nhiều trong tam đầu chế lãnh đạo nước Nhật trung đại. Giai cấp Phật tử tin rằng nữ giới có ít cơ may giác ngộ trừ phi tái chiến sĩ nắm quyền chính trị, giai cấp quý tộc nắm giữ sanh làm nam tử. Kiêm Hảo một lần nữa bày tỏ thái độ mỹ thuật tao nhã, nhưng giới tăng lữ lại là chuyên gia đặc thù của thời Đại Đăng: “Thật vậy, người nữ hư hỏng trong lãnh vực tiền đề của những sinh hoạt thuộc mọi giai tự bản chất. Họ ích kỷ rất nặng, đi tới cực đoan, rỗng cấp. Ưu thế của Phật giáo ở Nhật bắt đầu khoảng năm thế tuếch mọi sự thuộc về lý trí, nhanh chóng chấp nhận kỷ trước khi Đại Đăng ra đời và kéo dài ít nhất là 250 những gì mê tín dị đoan... Chỉ khi nào một người đàn ông năm sau khi Sư tịch. Thế giới quan phổ cập của Phật giáo biến thành nô lệ vì mê đắm đeo đuổi một người đàn bà thì ảnh hưởng đến tất cả những nhân vật hữu danh hoặc vô người phụ nữ mới được thấy là duyên dáng và dành cho danh chung quanh Đại Đăng, từ bác nông dân thất học họ giải trí”. Một lĩnh vực ở ngoài gia đình mà người phụ đến nhà thơ cung đình, thế giới quan Phật giáo định nữ ở mức độ nào đó được hưởng quyền tự do chính là hướng cảm thức của

họ về thế giới hình tướng, khái niệm lĩnh vực tôn giáo. Một phụ nữ đi vào Thiền sử nước Nhật

26 35

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

hoàng đế đã lập nguyện tu Phật và những nhà quý tộc từ về sanh và tử, ngôn ngữ và giấc mơ của họ. Trong những bỏ thế gian là ví dụ điển hình sự hòa lẫn quý tộc–tăng sĩ; việc được thừa nhận nhiều nhất ở thời đại này có ý niệm những vai trò quý tộc và chiến sĩ sống tan hòa trong cuộc về nghiệp và luân hồi. Cả hai liên kết chặt chẽ, và được đời triều thần tay cầm súng nhân danh Hậu-Đề-Hồ. Như dùng để giải thích số phận chênh lệch của kiếp người, Kiêm Hảo đã bình: “Mọi người đều thích thú làm một mối tương quan giữa người và vật, tiến trình giải thoát, và việc gì khác với cuộc sống thường nhật. Tu sĩ thì dấn thân ông chủ tạo tác của mọi hiện tượng khác. Nghiệp là độ vào nghệ thuật kiếm cung của chiến sĩ; chiến sĩ (hiển nhạy cảm đạo đức của lý nhân quả, sự vận hành của nhiên chưa từng quen cung cách lễ lạy) lại tỏ vẻ am tường nghiệp có tính cách thường xuyên và trật tự: hành động kinh điển nhà Phật và giải trí với thi ca âm nhạc... Không quá khứ tạo ra hoàn cảnh hiện tại, việc làm hiện tại tạo ra chỉ những tu sĩ mà các nhà quý tộc, triều thần và cả giới sự sống tương lai. Kinh điển Phật giáo biện rõ sự khác thương lưu đều ưa chuộng binh nghiệp”. Một khuôn mặt nhau giữa nghiệp và định mạng, song khái niệm dân gian nổi bật đã kết hợp cả ba vai trò là hoàng tử Hộ Lương kém sâu sắc hơn. Một quyển niên phổ thời Đại Đăng bảo (1308–1335), con của Hậu-Đề-Hồ. Vào tuổi hai mươi, rằng: “Ngay cả khi nhiều người cùng ẩn núp chung dưới sau một năm ở trong tu viện, Hộ Lương được bổ nhiệm một tàng cây hoặc cùng nhau chìm xuống một giòng làm trụ trì trong tông Thiên Thai (một nhiệm vụ có tính sông, cũng bởi vì nghiệp lực mạnh mẽ từ nhiều kiếp đã cách chiến lược chính trị), và khi chiến tranh bùng nổ cột chặt họ với nhau”. Một chiến sĩ sắp giết một quý tộc hoàng tử là một tướng lãnh đắc lực. Ông cũng là một thí bị bắt sẽ trấn an nạn nhân (và biện minh cho hành động chủ đầu tiên của Đại Đăng. Trong một lá thư bất thường của mình) bằng cách nhắc lại thuyết nghiệp báo: “Hãy an gửi cho cha, Hộ Lương cố biện minh mục đích quân sự ủi lấy mình bằng cách nhớ lại rằng mọi sự đều là quả báo của mình với ngôn ngữ Phật giáo: của việc làm đời trước”.Sự tiếp nối nhiều đời kiếp được vẽ ra trong óc tưởng tượng dân gian là bánh xe có nan Nếu con trở về làm một thầy tu, bỏ hết quyền hành chỉ hoa với sáu cõi giới hay sáu đường: trời, người, rồng, súc huy của một viên đại tướng, thì ai sẽ bảo vệ ngôi vua trên sinh, ngạ quỉ, địa ngục. Đồ hình này xuất xứ từ Ấn Độ chiến trường quân sự? Chư Phật và chư Bồ-tát có hai sang đến Trung Hoa có điều chỉnh rồi truyền đến Nhật, cách cứu độ chúng sanh: dùng dũng lực và sức thuyết và được nhiều người công nhận. Một quyển sách viết phục... Con phải theo con đường nào tốt nhất cho đất xong một năm sau khi Đại Đăng ra đời cho thấy một hình nước – sống trong bóng tối trên núi Tỷ Duệ gìn giữ vỏn ảnh bi thương của sự chuyển kiếp từ súc sanh lên con vẹn một ngôi chùa, hay làm một đại tướng an lập hòa người; kể lại chuyện một con sò trên bãi biển trở thành bình cho đất nước tận vùng đất xa xôi nhất? một tu sĩ trong một ngôi chùa lớn: Khát vọng bộc bạch

trong lá thư nửa chừng bỗng đứt Giác Hải, thị giả của Nam Chính Phòng trên núi Cao ngang khi Hộ Lương bị giết trong tù ở tuổi hai mươi bảy. Dã, nổi tiếng là một học giả lỗi lạc của tông Chân Ngôn. Đa số dân chúng, rất đông so với thiểu số ở thượng tầng xã hội, dĩ nhiên không biết gì đến kiếm đạo, thi ca, luận Muốn biết đời trước của mình, ông cầu nguyện Đại sư giảng đạo Phật. Trong bối cảnh những biến cố lịch sử của [Không Hải] và được thấy kiếp sống bảy đời trước của thời đại có những người nông dân vô danh cày bừa trên mình: “Trước hết ông là con sò nhỏ ở biển phía tây chùa

34 27

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

Thiên Hoàng bị sóng đánh trôi giạt lên bờ. Nằm trên bãi Mặc dù Kiêm Hảo tự mô tả là một ẩn sĩ, những nguồn tài cát, sò được một đứa trẻ nhặt lên mang đến trước Kim liệu khác cho biết ông thường đến chỗ tụ hội thi ca ở triều Điện nơi sò được nghe tụng kinh Tán Thán Xá Lợi. Do đình và hòa mình với những nhà lãnh đạo tân chế độ Trúc công đức này sò được thác sanh làm con chó ở chùa Lợi. Giống như Kiêm Hảo, hầu hết những người độn thế Thiên Hoàng, thường nghe tụng kinh và tụng chú. Rồi giả vẫn tiếp tục theo đuổi ít nhất là một vài hoạt động sau đó tái sanh làm con trâu, do vì trâu chở giấy để chép quen thuộc thế gian, và những bộ mặt trái ngược sống kinh Đại Bát Nhã nên sanh làm ngựa. Ngựa do chở du như thế không phải là không xảy ra. Một tu sĩ Phật giáo là tăng hành khước đến Thái Dã nên sanh làm người hầu Vô Trụ Nhất Viên (1226–1312) đã nói thẳng rằng: canh lửa cúng để soi đường cho người. Dần dần do hành Họ chỉ mượn danh nghĩa “ẩn sĩ” nhưng không biết nghiệp của trí tuệ được tròn đủ, ông được tái sanh làm thực chất là thế nào. Năm này qua năm khác chúng ta có người chăm sóc Nội điện, tu tập Tam Mật với tai thường thể thấy số người độn thế giả gia tăng, lý do dễ hiểu là họ xuyên nghe theo và mắt thường xuyên mở lớn. Và giờ chỉ cốt trèo lên chỗ cao ở đời mà thực tế chẳng có một đây ông là thị giả Giác Hải. chút khát ngưỡng tôn giáo nào. Mặc dù những kiếp tái sanh có như ý đi nữa, cứu cánh Hãy đổi chữ “độn” trong chữ “độn thế” để phù hợp với tối thượng vẫn là thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Nếu thời thế: chữ cũ nghĩa là “thoát khỏi” chữ bây giờ là giác ngộ không đạt được ngay đời này thì sẽ đạt được ở “thèm muốn". kiếp chuyển tiếp sau khi chết ở đời sau, hoặc qua sự vãng sanh ở cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà. Ở cõi Phật A Di Đà chung quanh toàn là cây như ý và bạn đồng tu tiên NHỮNG VAI TRÒ KHÁC tiến, ta có dịp may hãn hữu để nghe pháp của chư Phật. TRONG XÃ HỘI THỜI TRUNG ĐẠI Những điều kiện để dễ dàng giác ngộ sẽ thành tựu. Một chiến sĩ khi ra đi để vợ ở nhà sẽ hứa hẹn đầy vẻ phấn Đôi khi ranh giới giữa giai cấp chiến sĩ, quý tộc và tu khởi: “Nếu được lên cõi Tịnh Độ, anh sẽ chờ em, sẽ dọn sĩ rất mù mờ. Khi Liêm Thương được chọn là đế đô nước chỗ ngồi cho hai đứa trong cùng một đài sen”. Con đường Nhật, quan triều thần từ Kyoto hòa mình một cách tự do đưa đến giải thoát như thế là sự đau khổ kéo dài kinh qua với những nhà cai trị quân sự, đến lượt những vị này bổ những sự tái sanh làm người trở đi trở lại hoặc, xấu tệ nhiệm một thái tử hoàng gia làm tướng quân. Sau khi đế hơn, đi xuống một trong những cảnh giới không phải là đô đổi sang Kyoto năm 1336, những cuộc hôn nhân giữa người. những người thuộc gia đình chiến sĩ và

quý tộc xảy ra nhiều hơn. Sự phân biệt giai cấp phai dần theo một cách Tin vào thánh, thần, bùa chú, và quyền lực thiêng liêng khác qua những người đã hòa lẫn vai trò chiến sĩ và tu sĩ của đức tin là yếu tố cơ bản của một thế giới quan phổ hoặc quý tộc với tu sĩ, hoặc quý tộc với chiến sĩ. Không thông. Khi còn trẻ thơ, Đại Đăng đầu tiên đi vào thế giới riêng những chiến sĩ như họ Xích Tòng tự xưng mình là huyền bí ở chùa Viên Kính, một ngôi chùa lớn thuộc tông cư sĩ "nhập đạo", mà có những tăng sĩ thuộc nhiều chùa Thiên Thai gần nhà. Sư được dạy rằng tượng đức Phật ở mang súng và gây thế lực cho cán cân quân sự. Các vị chùa Viên Kính do một nghệ nhân siêu phàm tạo ra, rằng

28 33

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

cả (hoặc hầu hết) những đeo đuổi thế gian. Song những tổ khai sơn chùa vào thế kỷ thứ 10 là Tánh Không đã đi phức tạp rối rắm sẽ không sao tránh khỏi, bởi vì người tu đến núi Tỷ Duệ rồi từ đó trở về trong vòng một ngày (xa không nhất thiết phải sống cả đời trong một tu viện và bởi khoảng sáu mươi lăm dặm), và khăn của Tánh Không giặt vì cơ chế của Phật giáo còn có vai trò sinh hoạt trong xã trong một hồ nước ở Ấn Độ "vì nước ở Nhật không tinh hội. Một vị trụ trì thuộc tông Thiên Thai là Huyền Huệ khiết". Năm Đại Đăng xây dựng chùa Đại Đức ở Bắc (1279–1350), nổi tiếng là bác học hơn hết mọi người Kyoto, hàng chức sắc cao cấp tông Chân Ngôn thu hút sự đương thời, là người đầu tiên khởi xướng chủ thuyết Tân chú ý khắp nơi trong thành phố bằng cách tiến hành nghi Khổng Giáo ở Nhật, và đã góp phần vào Thái Bình Ký. lễ Mật giáo để tạo niềm tin cho thái tử nối ngôi. Khi họ Năm 1324 Ngài được mời giảng dạy cho một nhóm cầu nguyện chư Phật để khỏi bệnh, khấn vái thần thánh người ủng hộ Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ, và một năm sau để sinh con trai, lễ lạy chư Bồ-tát để được sống lâu thì Ngài được các tông phái đã có từ trước đưa ra đọ sức với "khói nhang lan tỏa khắp nội viên của công chúa, và tiếng Đại Đăng để tranh luận chống lại một tông phái mới mà chuông vang rền cả nội cung". Các chiến sĩ cũng tin vào họ không thừa nhận: Thiền tông. Các vị tăng khác cố tìm quyền năng nhiệm mầu. Viên tướng trung thành Nam điểm cân bằng thỏa đáng giữa xuất thế và nhập thế. Chánh Thành (1294–1336) bị tên bắn phải rất gần, nhưng Người đồng song với Đại Đăng là Mộng Song Sơ Thạch vẫn sống sót vì mũi tên "trúng vào lá bùa hộ mệnh trong (1275–1351) làm trụ trì liên tiếp tám ngôi chùa và tham đó có chép bộ kinh Quan Âm mà ông đặt trọn niềm tin và gia vào sinh hoạt chính trị quốc gia, song tác phẩm của đọc tụng nhiều năm". Hơn nữa "mũi tên dừng ngay nơi Ngài cho thấy nơi Ngài một cuộc đời ẩn tu và tĩnh lặng hai dòng kệ "chí thành niệm danh hiệu Quan Thế Âm". chưa hoàn mãn. Một qui chế tu sĩ khác, không giống với Trong khung cảnh như thế chiêm bao được chú trọng một chế độ chính quy bình thường, dành cho người nào phát cách nghiêm túc như là cách thức soi sáng quá khứ, dự nguyện tu Phật nhưng không vào tu viện để tu tập thời đoán tương lai và liên lạc với người chết. Trong tự truyện gian dài. Người như thế gọi là "độn thế giả" (tonseisha) của Đại Đăng có kể những điềm chiêm bao đã ứng hiện tức người trốn lánh hoặc thoát ly cuộc đời. Những động trước khi Sư ra đời, lúc Sư giác ngộ và xuất hiện là một cơ biến thiên từ tính chất tôn giáo đến sự kỳ quặc: một nhân vật của

quần chúng. Điềm mộng nổi tiếng nhất thời chiến sĩ trong một chuyến đi săn thất bại vì được quá ít đại thuộc về Hậu-Đề-Hồ, khi sự nghiệp chính trị của ỏi, tự che giấu sự hỗ thẹn của mình bằng cách cạo đầu và mình xuống đến chỗ thấp nhất, ông nằm mộng thấy một mặc vào bộ áo tu. Người "độn thế giả" tiếng tăm nhất là cây xanh tuyền khổng lồ, đặc biệt chiếu sáng chỗ mặt các hoàng đế phát nguyện tu Phật sau khi nhường ngôi, hướng ra phía nam. Giải đoán giấc mộng này, Hậu-Đề- Nhật hoàng Chánh Võ (Shòmu ?–756) người mở đầu kiểu Hồ lưu ý đến chữ "cây" (noki: mộc, cây) và "nam" (kusu) tu này vào thế kỷ 8. Phụ vương của Hậu-Đề-Hồ là Hậu– hợp thành "cây nam" (kusunoki: cây long não). Chẳng Vũ–Đa được xem là ngoại hạng vì lòng thâm tín, người ta bao lâu ông vui mừng khi gặp Nam Chính Thành tôn xưng Ngài trong thời đó là "đại thánh tăng". Vị xuất (Kusonoki Masa–shige), người ủng hộ ông kiên quyết ly thế gian được biết đến nhiều nhất trong khung cảnh của nhất. Chiêm bao cũng liên quan đến lý vô thường của đạo Đại Đăng là Cát Đằng Kiêm Hảo, tác giả Đồ Nhiên Thảo. Phật: cái gì có khởi thì có diệt, có sanh thì phải tử. Trong

32 29

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

khi tu sĩ Phật giáo ở Ấn Độ đào sâu sức tỉnh giác của Trong các tông phái đạo Phật thời trung đại, Thiền và mình đối với vô thường bằng cách thiền định trên chi Chân Ngôn ít bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng công phần của thây chết, người Nhật chọn những hình ảnh mỹ nhận thời mạt pháp. Thiền sư Bạt Đội Đắc Thắng (1327– thuật như sương sớm, hoa đào rơi rụng, nước chảy. Cát 1387) sanh mười năm sau khi Đại Đăng tịch, đã biểu lộ Điền Kiêm Hảo đã viết trong cuốn tiểu luận Đồ Nhiên một thái độ độc đáo khi cầu nguyện: "Vào thời này khi Thảo: "Thế gian vô thường như mực nước sâu cạn của đạo Phật chân chánh suy vi đến chỗ gần tận diệt, xin cho con sông Minh Nhật Hương". Những người đồng thời với lòng ngưỡng vọng tự giác ngộ của tôi đủ sức mạnh để Đại Đăng tin rằng lịch sử nhân loại đang tiến đến tận cứu độ tất cả chúng sanh ở thế gian không còn Phật nữa". cùng của một chu kỳ dài đi xuống. Họ nêu lên những Đối với Bắc Thân Phòng, trận bão thần phong đánh đuổi đoạn kinh đức Phật Thích-ca Mâu-ni tiên đoán Phật pháp quân Mông Cổ báo hiệu một sự chuyển hướng trong sẽ hoại diệt. Ba giai đoạn đi đến suy vi là: Chánh pháp, luồng gió đủ để lật ngược xu hướng suy vi của thời mạt Tượng pháp và Mạt pháp. Tuy thời gian của những giai pháp: "Chúng ta không thể tự động có mặc cảm tự ti chỉ đoạn này được tính toán nhiều cách khác nhau ở Ấn Độ vì nghe nói rằng đang sống vào đời mạt pháp. Đây là và Trung Hoa, người Nhật nhắm vào năm 1052 (tức một nguyên lý khai mở trời đất bắt đầu từ hôm nay". Trong ngàn năm trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt) là lúc bắt đạo Phật người tu không những chỉ đi tìm một thế giới đầu giai đoạn thứ ba. Như thế họ nghĩ rằng đang sống quan và con đường tâm linh, mà còn phải có một sự trong thời mạt pháp. Một vị tăng quý tộc là Từ Viên nghiệp cho phép cơ may tốt để hướng thượng hơn là (1155–1225) viết trong một quyển sách về lịch sử nước những công việc khác. Bất kỳ động cơ và hoàn cảnh nào Nhật trong thời kỳ suy thoái bất ổn này, và các nhà lãnh cũng có thể thúc đẩy ta vào tu viện. Một đứa trẻ có thể đạo tôn giáo phổ thông Pháp

Nhiên (1133–1212) khẳng vào chùa vì cha nó có quá nhiều miệng ăn để nuôi, một định rằng vì lời dạy của đức Phật siêu vượt thế trí thường cậu thanh niên có thể cảm hứng bởi một niềm khao khát tình, tín đồ Phật giáo không còn đạt được giải thoát nhờ tôn giáo chân tình, một người già có thể tìm chỗ giải tỏa tự lực nữa. Tuy như thế, những ý kiến bất đồng không những gánh nặng ràng buộc xã hội và v.v... Sinh hoạt của quy phục vẫn bày tỏ trong nhiều khu vực khác. Bài thơ tăng chúng gồm có tọa thiền, tụng kinh, nghi thức đám sau đây của một vị tăng thi sĩ là Tây Hành (1118–1190) sám (kể cả ma chay), học kinh, hành hương, lễ nhạc múa nói về Linh Thứu nơi đức Phật thuyết pháp: đạo, công tác công cộng, công việc chính sự và kinh tế. Trong hầu hết các tông phái tu sĩ phát nguyện độc thân, Ai nhìn mặt trăng trên Linh Thứu nhưng vài chi phái Tịnh Độ không tuân theo điều luật này chìm khuất dưới chân trời và cho phép tu sĩ lập gia đình. Trở thành tăng sĩ đạo Phật có nghĩa là "xuất gia". Thuật ngữ tôn giáo "xuất gia" có Sẽ là người tâm trí mê mờ, ôm giữ bóng nghĩa là ra khỏi thế gian hiện tượng của sự vô thường bất tận và đi vào cõi giới thường hằng tịch lặng toàn bích. tối. Nói theo ngôn ngữ đời thường có nghĩa là cắt đứt tất cả (hoặc hầu hết) mọi ràng buộc với gia quyến và từ bỏ tất

30 31

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

đây cũng là giai đoạn truyền trao bằng miệng trong tông lối chính trị bi thảm nhất của ông là thiết lập cơ chế tôn môn trước khi được chép lại thành ngữ lục. Có vài cuộc giáo để từ đó áp đặt biện pháp kiểm soát. Trong kế hoạch tham kiến chắc được tạo ra sau này do những người biên của ông có việc dời thủ đô quốc gia từ Liêm Thương đến soạn hay sưu tập tài liệu. Những đối thoại như trên từ xưa Kyoto, ông tổ chức lại thứ bậc trong hệ thống Ngũ Sơn gây tin tưởng trong nhà Thiền nên đủ lý do để đánh giá là chính thức, mạng lưới các thiền viện. Hậu-Đề-Hồ chọn nghiêm túc, thậm chí nếu được xem xét theo văn học hơn thiền viện mới xây của Đại Đăng là "ngôi chùa độc nhất là lịch sử. Ngôn ngữ trong lần tham kiến đầu tiên Đại vô nhị của quốc gia", đặt lên hàng đầu của hệ thống thiền Đăng – Cao Phong rất súc tích, khó hiểu, và đầy các qui viện và xưng tán là "quang cảnh hùng vĩ và thuận lợi cho chiếu về Phật học và Thiền học. Đại Đăng chứng minh sự thăng tiến số mệnh hoàng gia". Hậu-Đề-Hồ cũng bảo một sự hiểu biết toàn triệt Thiền thư, tức là những án văn trợ cho các thiền sư khác, kể cả Minh Cực Sở Tuấn cổ điển như Lâm Tế Lục, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục và (1262–1336) di dân từ Trung Hoa, và người lanh lợi Bích Nham Lục. Văn phong của Sư về sau, nói cũng như trong chính trường là Mộng Song Sơ Thạch đã được mời viết: trực chỉ, tự tin, hầu như mạnh bạo. Ví dụ, Sư trả lời: đến Kyoto trong vòng vài tháng sau khi Nhật hoàng trở "Mỗi bước đều đạp trên đảnh Tỳ-lô-giá-na" hoặc "Trên lại quyền bính. Mặc dù sau này phần lớn những đề xướng trời dưới trời chỉ có Ta độc tôn". Sau ngày thứ hai tham của Hậu-Đề-Hồ bị đảo lộn, sự khôi phục triều đại Kiến vấn, Cao Phong dẫn vị khách tăng đến cổng chùa và bảo: Vũ đánh dấu ngày tổ chức Thiền tông bước vào chính "Ta đã gặp nhiều thiền giả, nhưng không ai mãnh lợi như mạch tôn giáo và chính trị của nước Nhật thời trung đại, ngươi. Hãy ở lại đây cạo tóc, xuất gia làm tăng. Ngươi sẽ một sự

phát triển mà Đại Đăng đã chứng kiến và tạo thêm là cột trụ chống đỡ tông môn ta". Thời điểm quyết định thuận lợi. Những khó khăn chính trị chẳng bao lâu đã tác trong vấn đáp được ghi là xảy ra vào ngày thứ ba như hại Hậu-Đề-Hồ, ông đã thưởng công những người ủng hộ sau: mình một cách kỳ quặc và giao phó quyền hành một cách Sư [Đại Đăng] viếng Phật Quốc [Cao Phong] lần nữa vụng về. Hoàng tử Hộ Lương và Trúc Lợi Tôn Thị bắt đầu mang mối hận thù, và sự rối loạn kéo dài ở các tỉnh hôm sau. Khi Phật Quốc thấy Sư đến, liền dẫn chứng địa phương. Trường hợp của Xích Tòng, chú của Đại một Thiền sư thuở xưa và hỏi: Khi đại dụng hiện tiền, Đăng, là một điển hình: dù làm công cụ giúp cho Hậu- không bị triền phược trói buộc, là sao? Sư đáp: Đã Đề-Hồ thành công, ông chỉ được thưởng có một khoảng đất và đơn xin làm lãnh chúa Phiên Ma Harima bị bác. hiện tiền lâu rồi, trước khi Thầy hỏi. Thái Bình Ký viết: "Chính vì thế mà Viên Tâm [Xích – Ở đâu? Tòng] thay dạ đổi lòng và biến thành thù địch của vương triều". Triều đại Kiến Vũ Phục Hưng chấm dứt nhanh – Đêm qua ngọn gió lớn đánh ngã cây bách trước chóng. Tôn Thị quay sang chống lại Hậu-Đề-Hồ, chiếm cổng. cứ Kyoto năm 1336, và tôn vinh Quang Minh lên ngôi – Cái gì là gió lớn? vua. Khác hẳn Hậu-Đề-Hồ, Tôn Thị đã thỏa mãn lòng ham muốn đất đai của các chiến sĩ đồng minh của mình;

48 37

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

lần này Xích Tòng được chấp nhận làm lãnh chúa Phiên nhiên Lâm Tế vừa nói vừa than: 'Đây là phương thuốc Ma. Tháng giêng năm 1337 Hậu-Đề-Hồ đào thoát khỏi cứu nguy cho thế gian, không phải nguyên lý giáo ngoại nơi lưu đày độc cư trong dãy núi Cất Dã phía bắc Kyoto. biệt truyền', rồi Sư thay y phục lên đường hành khước". Năm đó sức khỏe của Đại Đăng suy yếu, và Sư ngồi kiết già thị tịch vào mùa đông. TU TẬP VỚI CAO PHONG VÀ NAM PHỐ Năm 1338 Tôn Thị được tuyên bố là tướng quân, và Hậu-Đề-Hồ băng hà năm sau, vào tuổi năm mươi hai. Sau Rời chùa Viên Kính, đầu tiên Đại Đăng đến Kyoto, rồi khi triều đại Kiến Vũ Phục Hưng sụp đổ, triều đình bị đi xa hơn về phía đông đến Liêm Thương. Trung tâm mất quyền cai trị quốc gia trong năm trăm năm. Thiền của nước Nhật thời bấy giờ là Cửu Châu (tại Hakata) và Liêm Thương, Kyoto kém hơn ở hàng thứ ba. Các học giả hiện đại đều công nhận tinh thần độc lập Theo Xuân Tác, Đại Đăng đã có dịp dự buổi vấn đáp với và tánh khí năng động của Hậu-Đề-Hồ, song phần nhiều vị trụ trì không biết tên của chùa Kiến Trường ở Liêm họ cũng phê bình ông thiếu nhạy bén về chính trị và đối Thương. Trạch Am ghi năm tham kiến đó là 1301, trong xử nhẫn tâm với những người ủng hộ mình. Trên quan thời gian Tang Điền Đạo Hải (?–1309) làm trụ trì; hai điểm của sử gia, "Ông là một người lãnh đạo trang năm sau thiền sư Trung Hoa lỗi lạc là Nhất Sơn Nhất nghiêm và uy vũ, không để một điều gì cản bước đường Ninh (1247–1317) lên làm trụ trì. Đại Đăng đã thử vị trụ lối của mình. Tuy nhiên ông, với tất cả trí tuệ và học thức trì với công án: "Gặp một con rắn sắp chết giữa đường, uyên bác của mình, đã theo đuổi cao vọng của mình với đừng đánh nó chết. Hãy đem nó về trong một chiếc giỏ một đức tính thiếu sót thực tế lớn lao". Bởi vì triều đại thủng đáy" 1 . Cuối mẩu đối thoại ngắn ngủi, vị trụ trì ngắc Kiến

Vũ Phục Hưng chỉ kéo dài vỏn vẹn vài năm, thật ngứ và Đại Đăng hét. Năm Đại Đăng lên mười chín, các khó mà đánh giá. Thay vì một sự phân phối lại quyền tác giả viết tiểu sử tả là Sư đã đối đáp thiền ngữ với học hành với tính cách ép buộc, triều đại này đã phải ứng phó nhân trong vấn đáp, dù chưa được tu tập với một thiền sư với tình hình hỗn tạp giữa các thế lực chính trị, xã hội và và cũng chưa thọ giới làm đại tăng. Chẳng bao lâu sau đó, trí thức. Mặc dù triều đại Phục Hưng này một cách chung năm 1303 hoặc 1304, Đại Đăng đến gặp vị thầy đầu tiên chung được xem là một xu hướng phản kháng để áp đảo của mình là Cao Phong Hiển Nhật (1241–1316) hiệu là sự vùng dậy khó lay chuyển của giai cấp chiến sĩ, một vài Phật Quốc Quốc Sư. Một người con của Nhật hoàng đã học giả hiện nay không thừa nhận luận đề về sự thống trị từng học tại Nhật với hai thiền sư di dân, và Cao Phong là bắt buộc phải có của giai cấp chiến sĩ. Ngoài ra, họ công một trong các nhân vật lãnh đạo Thiền tông thời đó. Lúc nhận Hậu-Đề-Hồ có cái nhìn thực dụng về nền quân chủ đó Cao Phong còn trụ trì chùa Vạn Thọ ở Liêm Thương. phong kiến, sánh ngang với sự tập trung quyền hành Cuộc diện kiến đầu tiên giữa Đại Đăng và Cao Phong kéo trong tay giới quý tộc đã thành tựu sáu mươi năm sau này dài hơn ba ngày, theo tài liệu của Xuân Tác. Kiểu tham do công của tướng quân Trúc Lợi Nghĩa Mãn. Những vấn như thế không ai có mặt để có thể ghi chép tỉ mỉ; mỗi quan sát viên đồng thời, trong số đó có Đại Đăng, cũng bên có thể kể lại việc đối đáp cho môn đệ của mình, và đã đấu tranh phê phán những biến cố bi thảm này, đã làm phát sinh những vấn đề cơ bản và rối rắm về tính chất 1 Của Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội – Truyền Đăng Lục. (D.G.)

38 47

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NƯỚC NHẬT VÀO ĐẦU THẾ KỶ 14

viện và pháp tu thiền của tông Thiên Thai, tiêu biểu cho hợp pháp. Ai là người chính danh để cai trị, hoàng đế hay trào lưu chính của đạo Phật thời bấy giờ. Hầu hết những tướng quân, quý tộc hay chiến sĩ? Trong nội bộ hoàng tộc nhân vật tôn giáo thời Liêm Thương đều tiếp nhận bài đang phân hóa, dòng nào là đại diện chính thống để nối học Phật pháp vỡ lòng từ tông Thiên Thai, tuy nhiên ngôi dòng phía nam của một Hậu-Đề-Hồ đã bại trận hay những vị tăng môn sinh của Đại Đăng đặc biệt dành cả dòng phía bắc do Tôn Thị bắt ép lên ngôi? Sẽ áp dụng đạo nghiệp đời mình theo Thiền tông. Đại Đăng ở ngay những tiêu chuẩn nào để giải quyết các song đề này? điểm chuyển tiếp giữa hai thời đại. Sự tu tập theo tông Trong khung cảnh này xuất hiện bộ Thần Hoàng Chánh Thiên Thai sở đắc trên núi Shosha tiếp tục nuôi dưỡng Thống Ký của Bắc Thân Phòng, một cuốn sách điều tra Sư, mặc dù về sau Sư đã hiến mình cho Thiền tông. về quyền hợp pháp của hoàng gia. Như chúng ta sẽ thấy, Những năm sau, một trong những điều lệ của chùa Đại những chủ đề tương tự về sự chính thống trong tôn giáo Đức có ghi: “Hàng sa-di, tân tu... phải dốc hết thân tâm đã là việc bận tâm cho Đại Đăng và những vị khai tổ vào sự học Phật”. Trong tác phẩm của mình, Sư không trong Thiền tông Nhật Bản. Đối với người nào vẫn còn cho biết gì về tuổi thơ hoặc những kinh nghiệm tu hành chú trọng đến bối cảnh của những vấn đề thuộc về thời lúc đầu. Dù hoàn cảnh chung quanh việc Sư rời chùa cuộc công chúng thì Đại Đăng, với

tư cách cá nhân, đã Viên Kính không được rõ, Trạch Am đã tả khi Sư mười dính líu vào các nhân vật lãnh đạo của thời đại với con số sáu tuổi từ Thiên Thai chuyển sang tu Thiền như sau: đáng ngạc nhiên. Ba người thí chủ nồng cốt của Sư là ba Cho dù tôi có học hết Tam Tạng kinh điển, tôi chỉ là đại diện chính của hoàng tộc: Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ, Nhật hoàng Hoa Viên và hoàng tử Hộ Lương. Một thí một người học trên ngôn ngữ của người khác. Dù cho chủ có thế lực khác (và là thân quyến của Sư) là viên người đó được gọi là trí giả, cũng cần phải có một thái tướng lãnh oai quyền Xích Tòng Tắc Thôn. Đại Đăng có độ sống [đạo] khác. Nếu tôi lý giải những câu kinh hay một cuộc diện kiến nổi tiếng với vị trụ trì được kính trọng bậc nhất trong tông Thiên Thai là Huyền Huệ, vị này đã cho đó là Phật pháp, tôi sẽ không bao giờ có thể giải xin làm môn đệ của Đại Đăng. Một người khác có thể quyết đại sự của mình. Tốt nhất là gia nhập Thiền thêm vào danh sách những cao nhân có tiếp xúc với Đại Đăng là Cát Điền Kiêm Hảo, tác giả Đồ Nhiên Thảo. Ra tông vì "bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, và chỉ đời cách nhau một năm, cả hai đều tích cực ở Kyoto cùng truyền riêng như thế". một thời gian, và cả hai đều là môn đệ của Nam Phố Thiệu Minh. Mặc dù Kiêm Hảo không có ý định đề cập Những câu này là tiêu chuẩn để Thiền phê phán tông đến những mối quan hệ tôn giáo trong tác phẩm của Thiên Thai và các tông phái đạo Phật khác mang nhãn mình, tên tuổi của ông vẫn có ghi trong tư liệu đầu tiên hiệu Thiền mà là "giáo" tông. Câu cuối ý muốn nói đến của chùa Đại Đức. Ta có thể mường tượng rằng Kiêm bài kệ của Thiền Tổ Bồ-đề-đạt-ma. Dù cảm nhận thực sự Hảo bái kiến Đại Đăng tại phương trượng vào một ngày của Đại Đăng có như thế nào, câu chuyện trên nhắc đến mùa đông lạnh lẽo nhà thi sĩ cung đình và vị thiền sư – tiểu sử của Thiền sư Lâm Tế (?–866), chỗ Lâm Tế đề cập một câu khác trong bài kệ của Tổ Bồ-đề-đạt-ma: "Bỗng

46 39

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

vừa bàn luận cổ thư Trung Hoa hoặc những cuộc chiến thọ thai qua một giấc mơ, và đứa trẻ sau này là đức Phật mới xảy ra vừa sưởi ấm đôi tay trên lò than hồng. cũng có những tướng tốt như thế. Xuân Tác kể lại chỉ một câu chuyện trong tuổi thơ của Đại Đăng: đứa bé miệng lưỡi sắc bén đặt câu hỏi ngược đời để đánh lừa người lớn. Niên Phổ của Trạch Am thêm vào ba câu chuyện, và tự đặt ngày tháng cho cả bốn. Mặc dù những câu chuyện này chắc chắn là không đáng tin, nhưng đã giới thiệu lý Thiền và tánh tình của Đại Đăng theo sự cảm nhận của tác giả. Ví dụ điển hình là một câu chuyện của Đại Đăng khi lên sáu tuổi: Một hôm Sư đang nô đùa gần chùa với một đứa trẻ. Sư chỉ tượng Phật trong chánh điện và hỏi một đứa trong bọn: Cái gì đó? Đứa trẻ đáp: Ông Phật. Không phải. Nếu không phải thì là cái gì? Nếu là ông Phật thì sẽ không có mặt người như mặt của mi đó. Rồi Sư leo lên vai tượng Phật. Đám trẻ sợ hãi bỏ chạy hết, Sư vẫn điềm nhiên không chút lo sợ. Khi Sư gần mười tuổi, song thân gửi đến chùa Viên Kính, một ngôi chùa Thiên Thai cách nhà khoảng hai mươi dặm. Tọa lạc trên cao trong rừng núi Shosha nhìn bao quát cả vùng chung quanh thật ngoạn mục, chùa Viên Kính có một lịch sử kỳ đặc trải qua ba thế kỷ, và hưng thịnh vào thời Đại Đăng, là trung tâm của địa phương này về Phật học và sinh hoạt tín ngưỡng. Thái Bình Ký mô tả bức

tượng chính trong chùa là Bồ-tát Quan Thế Âm “được tạc từ một cội cây vốn là một vị Phật”, và Xuân Tác nói rằng song thân Đại Đăng đã cầu tự nơi bức tượng này. Đại Đăng sống và tu học gần chín năm trên núi Shosha. Một vị giáo thọ của Sư là Giới Tín chuyên về luật tạng tức giới luật của tăng đoàn đạo Phật. Trong thời gian này Đại Đăng bắt đầu học kinh điển, thanh qui tu

40 45

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

đại Thiên Văn (1532–1555) nơi chôn nhau cắt rốn của Sư được vinh dự xây một ngôi chùa nhỏ, ngày nay tên là Bảo Lâm tự. Có một cái giếng cũ trong đất chùa nơi gia đình của Sư thường hay lấy nước. Thân phụ là Bồ Thượng Tảo Bộ, con cháu trong gia tộc họ Kỉ, có thế lực trong vùng Phiên Ma nhiều thế kỷ. Mặc dù gia đình Bồ Thượng thuộc giai cấp chiến sĩ, nghề chính của ông không biết là gì. Thân mẫu thuộc gia tộc họ Quản. Cậu của Sư là đại tướng thống lãnh Xích Tòng Tắc Thôn, về sau làm lãnh chúa hạt Phiên Ma. Lớn hơn 3 Đại Đăng năm tuổi, Xích Tòng xuất gia tu thiền hồi còn nhỏ, cạo tóc và được pháp danh là Viên Tâm. Ông tu một thời gian tại chùa Thiếu Lâm ở Đình Lại (Niwase). Xuân BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG Tác tả chuyện Sư chào đời trong Hành Trạng như là một thánh sử: Bà mẹ nằm mơ thấy một vị tăng đưa một cành hoa trắng; hoa nở năm cánh, và tặng cho Bà. Bà thọ thai. Khi thọ thai Bà sống trong tình trạng như ngủ mê, không thức dậy. Đến ngày mãn nhụy khai hoa, Bà ngủ thật sâu, mê man. Bỗng chốc bà mụ nghe một B ản đầu tiên về cuộc đời của Đại Đăng là một tự truyện kết hợp với truyền thuyết và thánh sử. Người viết tìm cách lột tả đặc tính và tinh thần chủ đề, tán dương Sư là một vị tổ khai sơn trong tông môn, một gương sáng mẫu mực, một cuộc đời cống hiến tiếng trẻ la lớn. Bà mụ bước đến nhìn. Da của đứa bé cho sự tu thiền. Dù có hay không ý thức đến mối liên đã sáng ngời ngay cả khi chưa tắm. Đứa bé sớm phát quan với một thể loại, họ vẫn kết cấu tác phẩm của mình triển rất tốt. Đỉnh đầu phía trên trán phồng lên. Đôi theo đúng với qui định của một tự truyện Phật giáo. Công việc của họ được thuận lợi rất nhiều do chính vì Đại Đăng mắt chiếu sáng như đâm vào người khác, và đứa trẻ đã sống một đời gương mẫu tiếp nối những bậc tiền bối đã biết xoay đầu nhìn những chuyển động chung kiệt xuất. Theo tự truyện, Sư ra đời có điềm tốt và phúc quanh mình. ân gọi theo đạo Phật rất sớm, tiếp theo là đỉnh cao sáng chói trên bước đường tu tập: khởi đầu được tham kiến với Những ám chỉ trong đoạn này rõ ràng đã tôn trí Đại một thiền sư, được triệt ngộ, có một thời quy ẩn và cuối Đăng vào những bậc đạo hạnh cao thượng: theo truyền cùng thành đạt ở cương vị một bậc thầy. Bài khuyến văn thống đạo Phật, thân mẫu của đức Thích-ca Mâu-ni cũng tối hậu của Sư và giây phút thị tịch ngoại hạng của Sư đã

44 41

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

thành tựu một khuôn mẫu theo đúng truyền thống đạo. Vào năm bảy mươi mốt tuổi Trạch Am viết một chữ Hầu hết người viết và đọc những giai thoại này là những “mộng” và tịch. Sách của Trạch Am gồm có bài tiểu luận tu sĩ tự xem mình là hậu duệ

của Đại Đăng, và họ cũng nổi tiếng về sự đồng nhất giữa Thiền và kiếm đạo, và tên chẳng quan tâm lắm đến vấn đề chính xác lịch sử. Dù có của Ngài được đặt cho một loại củ cải ngâm giấm là một ai nhận ra những yếu tố thánh sử cũng sẽ hài lòng vì cuộc món ăn của người Nhật. Trong quyển Niên Phổ, Trạch đời của Đại Đăng đã truyền ngấm với ý nghĩa siêu thoát Am cho vào phần lớn "Hành Trạng" của Xuân Tác và vượt ra ngoài chân lý phàm tình. viết thêm tư liệu mới gần bằng như thế, trong đó Ngài có Các tài liệu trong tông môn được gia tăng thêm và rút từ tài liệu lịch sử và phần còn lại không được xác chứng. Để viết thành một quyển Niên Phổ, Ngài ghi ngày sáng tỏ thêm nhờ những tư liệu còn tồn tại từ thời Đại Đăng. Thật quý báu làm sao, chúng ta còn có thể khảo sát tháng vào từng biến cố và dẫn chứng biến cố vào cuộc một công trình thư pháp lớn lao do chính tay Sư viết ra; đời của Đại Đăng. Bản chính của Trạch Am còn bảo quản rất tốt, tàng trữ nơi Đại Tiên Viện trong chùa Đại Đức. Ta hai bài kệ ngộ đạo, một bài phó chúc sau cùng, một bài kệ có thể thấy công khó của người viết: có những dòng bị từ thế, thư đáp và bản chép tay nhiều cổ thư đạo học và thế học. Rất nhiều lời tuyên bố do chính tay Nhật hoàng gạch bỏ, những chữ viết thêm vào bên lề, và thư pháp viết gửi đến Sư cũng được lưu trữ. Nhiều sử liệu khác giá càng lưu loát khi câu chuyện sắp kết thúc. Vào cuối thế kỷ 17 nhiều đoản thiên tự truyện của Đại Đăng xuất hiện, trị gồm Sổ tay của Nhật hoàng và ngữ lục do Triệt Ông đa số được viết ra để sung vào bộ sưu tập tiểu sử các vị Nghĩa Hanh (1295–1369), đại đệ tử của Sư ghi giữ. Tiểu cao tăng Nhật Bản. Những tự truyện này dẫn xuất từ sử đầu tiên của Đại Đăng xuất hiện năm 1426, gần một Hành Trạng của Xuân Tác và bỏ qua vài tư liệu trong trăm năm sau khi Sư tịch, do một tăng nhân trong tông quyển Niên Phổ của Trạch Am viện dẫn lý do quyển này môn của Sư là Xuân Tác Thiền Hưng viết. Ít được biết về không được phổ biến rộng rãi. Năm 1767 Niên Phổ của vị tăng này, ngoại trừ ông là một đệ tử của vị trụ trì đời Trạch Am được Cự Hải Tông Như (1695–1770) vị trụ trì thứ 17 chùa Đại Đức và là trưởng chúng chùa Đức Thiền, thứ 349 chùa Đại Đức in ấn và phát hành. ngôi chùa chi nhánh cổ nhất của Đại Đức. Đó là quyển Đại Đăng Quốc Sư Hành Trạng, viết sơ lược và ngày tháng rời rạc, tuy nhiên là sách căn bản của mọi cuốn tự ĐẠI ĐĂNG THỜI NIÊN THIẾU truyện sau này của Sư. Tiểu sử thứ hai của Đại Đăng viết vào năm 1617, tên là Đại Đức Khai Sơn Hưng Thiền Đại Đại Đăng chào đời năm 1282. Mặc dù ngày sanh Đăng Cao Chiếu Chánh Đăng Quốc Sư Niên Phổ. Người không được ghi chép nhưng bản tiểu sử sau này cho rằng viết là Trạch Am Tông Bành (1573–1645), một vị thiền Sư sanh vào ngày mùng 7 tháng chạp, buổi chiều trước sư lỗi lạc có phong cách độc đáo. Trạch Am tu ở chùa ngày Phật thành đạo. Song thân của Sư sống trong một Đại Đức và là vị trụ trì thứ 154 tại chùa một thời gian ngôi làng theo nghề nông ở Oyake, khoảng bảy mươi ngắn vào năm 1608. Trạch Am cũng dựng lập nhiều chùa dặm phía tây Kyoto. Vào thời đó, vùng này tên là Isei ở những nơi khác trong nước, chỉ dạy cho một vị cựu thuộc tỉnh Phiên Ma, ngày nay là thị trấn của Tatsuno Nhật hoàng và có nhiều đệ tử sáng chói trong hàng võ sĩ. (Lôi Dã), gần thành phố Himeji thuộc hạt Hymògo. Triều

42 43

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

có một điều gì trong chiếc chìa khóa rơi trên bàn đã thúc Sư liền quạt với cây quạt đang cầm. Phật Quốc im đẩy đến chứng ngộ: tiếng động chát chúa của kim khí khi chạm mặt gỗ, hình dáng một vật đang rơi xuống, hoặc chỉ lặng. Sư hỏi: giản dị một hành động buông rơi một món đồ việc Sư đã – Không phải gió lớn đến từ cây quạt sao? Phật Quốc ôm ấp miệt mài chữ "Quan" suốt bao nhiêu năm không cười lớn, nói: giải quyết được. Rất nhiều mối liên kết giữa chiếc "chìa khóa" và "quan ải" được gợi ý: có lẽ Đại Đăng vừa khóa – Ngươi gần thấy được, nhưng lại qua mất rồi. cổng hay cửa ra vào, và có một điều gì trong hành động Trong những buổi tham kiến như thế, người tham dự này bỗng nhiên chỉ cho Sư con đường xuyên phá quan ải phấn đấu trong việc sử dụng ngôn ngữ sao cho cắt ngang của chính mình. Cũng có thể, không có mối liên kết cố hoặc ra ngoài phạm vi mà ngôn ngữ có thể nhận ra được. hữu nào giữa hai biến động (siêu vượt tính đồng thời). Câu đáp có giá trị nhất sẽ tạo được điểm thắng bằng sự Trong trường hợp này ngộ cũng có thể dễ dàng xảy đến minh chứng hơn là cãi lý, và lý tưởng là vẫn duy trì một khi Đại Đăng đang rửa mặt buổi sáng. Tuy nằm trong nhịp độ sinh động nhưng không cho phép suy nghĩ hay truyền thống Thiền tông, những giai thoại về chứng tính toán theo nhận thức riêng của mình. Ngập ngừng kéo nghiệm ngộ khác nhau rất nhiều từ sự hình thành, tình tiết dài quá lâu có nghĩa là một nhược điểm và hậu quả sẽ là diễn biến và cường độ cảm nghiệm. Về thời gian tính, "bại trận" (tuy nhiên trong trường hợp khác im lặng có người gần Đại Đăng nhất có thể so sánh là Mộng Song, chủ ý lại là câu đáp đúng). Cho dù sự bày tỏ đầu tiên của đã đạt ngộ khoảng ba năm trước đó, vào tuổi ba mươi Đại Đăng hướng về Thiền, tầm quan trọng của ngôn ngữ mốt. Mặc dù Mộng Song đã tu tập chính thức trong các hẳn đã rõ ràng. Vấn đề không bác bỏ ngôn ngữ, nhưng thiền viện lớn, Ngài sống độc cư trong thất ở thành phố thừa nhận tiềm năng tài tình của ngôn ngữ trong sự diễn Usuba, tỉnh Hitachi (bây giờ là hạt Ibaraki). Một buổi tả chứng ngộ, phấn khích tỉnh giác, và chuyển hóa một chiều vào cuối tháng 5, Mộng Song tọa thiền ngoài cửa hoàn cảnh đã an bài. Những đối đáp trong cuộc tham kiến cho đến giữa đêm rồi vào nhà nghỉ. Trong bóng tối Ngài như thế có khuynh hướng chống lại những hình thức diễn vói tới để dựa vào bức tường, nhưng không trúng chỗ nên giải theo thói quen, ngay cả một chú thích đơn giản nhất vấp ngã trên sàn nhà. Ngay lúc chợt té đó Ngài chứng cũng phát sinh một số vấn đề đòi hỏi thuật lý giải tôn ngộ. Niên phổ của Mộng Song không nói rõ là Mộng giáo. Có thể nguy hiểm giống như một việc làm liều lĩnh, Song ngộ đạo, cũng chẳng mô tả như thế nào; chỉ kể là nhưng chúng ta dù sao đi nữa cũng cố tháo mở cái uyên Mộng Song có làm kệ chứng ngộ. nguyên uẩn áo của ngôn ngữ truyền trao trong nhà Thiền. Đại Đăng, chắc chắn là đã thâm nhập chữ "Quan" của Một thiền sư có thể đòi hỏi một thiền tăng chứng minh Vân Môn, chạy vội đến thầy và la lên: "Hầu như cũng thể và dụng của một công án nào đó hay của Phật tánh. một con đường ấy!" Qua đó Sư thực chứng sự đồng nhất Trong đối đáp kể trên không những gió lớn chỉ hiển hiện về cơ bản giữa đường đạo của Sư và đường đạo của Vân diệu dụng của Phật tánh, mà gió lớn còn đủ sức xô ngã Môn, nói rộng ra của cả tông môn các thiền sư. Đối với một cội cây, và cũng hiển thị tính chất cơ bản "không trói Nam Phố cũng như đối với đệ tử của Ngài, hẳn là công án buộc" của Phật tánh ra ngoài tầm với của đầu óc lý luận

phân tích. Câu đáp chót của Đại Đăng là quạt cho mình. tháng chạp. Hai hoặc ba năm trôi qua kể từ ngày được Khi “đại dụng” hiện hành tự nhiên thì đồng thời mỗi giao công án “Quan", và Sư cũng chưa xong việc. Tác giả người cũng là sáng tác giả của nó; dù nó vốn sẵn ở đây ta Xuân Tác không tả lại sự tu tập của Đại Đăng hoặc gợi vẫn phải xác minh hoặc chứng tỏ. Cơn gió mà Đại Đăng nhắc đến sự thăng trầm trong đời sống nội tâm của Đại nêu lên, ngoài việc minh họa cho đại dụng, có thể cũng Đăng; ông chỉ kể lại đỉnh cao của một diễn trình công ám chỉ mối tương quan với vị thầy trong trường hợp này phu: cây bách trước cổng chùa tượng trưng cho Cao Phong, người bị “gió thổi ngã” bởi một vị tăng táo tợn là Đại Đăng. Cao Phong hiểu ý liền hỏi: “Cái gì là gió lớn?” Đại Gần mười ngày trôi qua [tại Kiến Trường] khi Sư [Đại Đăng không nói và tự bày tỏ bằng cách quạt mình. Cao Đăng] làm rớt chìa khóa lên bàn. Ngay đó Sư thấu Phong im lặng là một sự trắc nghiệm tiếp theo, và lần này phá chữ “Quan”. Sư đạt được giác ngộ, toàn mãn vô rõ ràng Ngài nắm bắt được Đại Đăng đang cố ngôn ngữ hóa chủ ý của mình nhưng lại lộ ra còn thiếu một điều lượng vô biên, chỗ Phật pháp hiển lộ tròn đầy. Mồ hôi chắc chắn. Đại Đăng đã gần đạt nhưng chưa đạt: “Ngươi ướt đẫm châu thân. gần thấy được nhưng lại qua mất rồi”. Đến chùa của Cao Phong chẳng bao lâu, Đại Đăng thọ giới làm tăng. Tác Một sự chứng nghiệm toàn triệt ra ngoài ngôn ngữ văn giả tự truyện bỏ qua ý nghĩa sự kiện này vì chính Đại tự, cho dù Xuân Tác cố truyền đạt tác động này khi cầu Đăng hoặc vì vai trò của Sư trong giáo hội Thiền tông. viện đến câu cú theo lệ thường. Có một lần Đại Đăng đã “Thế phát” gồm có nghi thức cạo tóc, phát nguyện đi tu nói thẳng đến chuyện này khi làm lễ khánh thành chùa và nhận pháp hiệu. Pháp hiệu đầy đủ của Đại Đăng là Đại Đức, dùng ẩn dụ để diễn tả. Khi niệm hương, Sư bảo: Tông Phong Diệu Siêu, tuy trong ngữ lục không nói rõ làm thế nào và vào lúc nào tên này được đặt cho Sư. Diệu Nén hương này nằm trong chữ “Quan” của thầy Vân Siêu (sự siêu vượt vi diệu) là tên húy của Đại Đăng, là tên lần đầu tiên thầy đặt cho, có lẽ Sư nhận tên này khi thọ Môn, một công án bí hiểm mà ta đã không giải nổi giới với Cao Phong. Tông Phong (đỉnh cao trong Thiền một thời gian rất lâu. Khi ta ở chùa Kiến Trường gần tông) là hiệu của Sư, đôi khi do chính mình lựa chọn; Sư Liêm Thương, ta nắm được nén hương này, và từ đó thường dùng pháp hiệu này vào khoảng 1326. Tên Đại Đăng là tước hiệu do Nhật hoàng Hoa Viên phong tặng hương thơm của nó tỏa khắp bầu trời. sau này qua sự nghiệp tu hành của Sư. Vào thời gian này, Một khi hành giả đạt đến trạng thái chín muồi đòi hỏi, một vị nổi tiếng nhất đồng thời với Đại Đăng là Mộng thường là sau nhiều năm tham cứu nội tâm mãnh liệt, một Song Sơ Thạch cũng đến tham kiến Cao Phong. Buổi biến động gần như chẳng chút ý nghĩa có thể gây ra giác tham kiến đầu tiên với Cao Phong của hai thiền sinh trẻ ngộ. Đạt đến tâm thái chín muồi này, giác ngộ cũng có cũng được đề cập và so sánh. Khác với Đại Đăng, Mộng thể phát sinh từ nội tâm, không lệ thuộc vào tác động Song đã có kinh nghiệm tu thiền chính thức nhiều năm ngoại cảnh báo trước. Trong trường hợp Đại Đăng có thể

như thế không?” Ý nghĩa Thiền ở đây không phải là Thúy trong một tu viện lớn ở trung tâm thành phố, nhưng Mộng Nham đặc biệt quan tâm đến việc có sai lạc trong khi Song làm thầy của mình là Nhất Sơn Nhất Ninh thất thuyết pháp hay không; ý định thực sự căn bản của Ngài vọng, và đang cố thử đến tham kiến Cao Phong. Theo là nêu ra để trắc nghiệm đệ tử. Dùng một vật rất cụ thể và quyển Niên Phổ đầu tiên về cuộc đời của Mộng Song, quen thuộc là “lông mày”, Ngài đã bố cục vấn đề về hiện Cao Phong chào đón vị thiền khách mới đến với câu hỏi hữu và phi hiện hữu. Vị đệ tử thứ nhất gợi ý (một cách thử thách: “Nhất Sơn Nhất Ninh dạy cho ngươi điều gì?” gián tiếp) là lông mày không còn nữa, vị thứ hai đáp là Mộng Song đáp, viện dẫn thầy mình: Tông môn của tôi vẫn có lông mày; nhưng câu nào cũng chỉ nghiêng một không ngôn cú, không pháp để dạy người. Cao Phong: bên. Đến Vân Môn Văn Yển (862–949) đáp: “Quan", Sao ngươi trả lời nhiều giáo ngôn thế? Vừa nghe xong nghĩa là cửa ải để đi qua. Một lời của Vân Môn (Vân Mộng Song hoát nhiên có tỉnh. Ngài phát nguyện trong Môn nhất tự) là sức mạnh mệnh lệnh: “Dừng lại!” hoặc lòng sẽ đến gặp thầy nữa cho đến khi nào triệt ngộ. Rồi “Đứng lại!” Trong sự tu thiền chữ “Quan” này được xem Ngài lui đi. Trong khi vấn đáp giữa Cao Phong với Đại như diễn bày cảnh giới siêu vượt nhị nguyên bằng cách Đăng kéo dài ba ngày, với Mộng Song chỉ trong vòng gạt bỏ không nắm giữ một câu nào cả. Vân Môn thoát năm phút. Đại Đăng trả lời với nhiều tính sáng tạo trong khỏi lồng bẫy của Thúy Nham. Theo Xuân Tác, lần đầu khi Mộng Song chỉ biết viện dẫn thầy cũ của mình. Tuy Đại Đăng trả lời công án với trước ngữ: “Đã lầm còn nhiên Mộng Song có tỉnh một phần nào đó, còn Đại Đăng thêm lầm (tương thố tựu thố)”. Câu đáp này ngụ ý câu hỏi thì không. Hậu quả sau đó cũng khác nhau: Mộng Song của Thúy Nham đã sai, nhưng câu đáp của Vân Môn cũng ra đi tức khắc, còn Đại Đăng ở lại một hoặc hai năm làm thế, và một cách nào đó đã làm tình hình xấu thêm. Ngôn chúng đệ tử của Cao Phong. Tuy như thế rốt cuộc chính ngữ Thiền, vì đặc tính muôn màu muôn vẻ của nó, có thể Mộng Song, chớ không phải Đại Đăng, là đệ tử nối pháp biểu lộ cả chê lẫn khen; trong trường hợp này cái “lầm” của Cao Phong. Một sự so sánh sau này cũng đáng chú ý của Vân Môn cũng là đính chính cái “lầm” của Thúy Niên Phổ của Cao Phong xác nhận có đối đáp giữa Cao Nham, qua đó giải quyết toàn bộ tình thế. Nam Phố bảo Phong và Mộng Song, nhưng không đá động gì việc gặp Đại Đăng phải tham cứu thâm sâu hơn nữa: “Được đó, gỡ Đại Đăng trong tự truyện của Cao Phong. nhưng ngươi còn phải nắm cho được cốt lõi của chữ Một đêm Đại Đăng đang tọa thiền trong tăng đường Quan. Rồi một ngày kia toàn thể sinh mạng của ngươi sẽ chùa Vạn Thọ thì nghe một người ở phòng khác đọc một đổi khác”. bài kệ của Thiền sư Trung Hoa là Bá Trượng Hoài Hải (720–814): CHỨNG NGỘ TẠI CHÙA KIẾN TRƯỜNG Linh quang chói sáng Cuối năm 1307, Đại Đăng và Nam Phố rời chùa Vạn Thọ ở Kyoto và đến Liêm Thương. Đại Đăng 25 tuổi, Vượt khỏi căn trần Nam Phố 72 tuổi. Nam Phố làm trụ trì ngôi chùa danh Thể bày chân thường vọng nhất Liêm Thương là Kiến Trường tự vào ngày 29

58 51

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

Bản chất đặc thù trong pháp tu công án của Đại Đăng Không cuộc văn tự 2 . vẫn còn chưa rõ, bởi vì tư liệu do tác giả tự truyện cung (Truyền Đăng Lục, quyển 9) cấp quá rời rạc. Trước ngữ đã đóng vai trò then chốt trong buổi đầu tu tập, tuy không bao giờ rõ nghĩa dù cho Khi Đại Đăng nghe bài kệ này, hoát nhiên tỉnh ngộ, và Sư có trả lời thành công trong công án “Con trâu chui qua cũng trong đêm đó Sư đến gặp Cao Phong để trình kiến cửa sổ”. Tác giả tự truyện thuộc thế kỷ 18 là Cự Hải giải. Không thấy ghi lại vấn đáp này và cũng không có kệ Tông Như, có lẽ cảm nhận được kẽ hở này, quả quyết chứng ngộ, nhưng Cao Phong không tiếc lời khen ngợi. rằng Đại Đăng “tham cứu và giải mã gần hai trăm công Ngài bảo Đại Đăng: “Đây là kiến giải chân chánh. Ngươi án” vào năm kế tiếp. Dù sao đi nữa, nhịp cầu giữa thầy và phải giương cao ngọn cờ Phật pháp và làm vững mạnh trò càng đậm đà và sâu sắc. Nam Phố bảo Đại Đăng: giáo pháp trong tông môn ta”. “Ngươi là một ông tăng chân chất. Chắc chắn ngươi đã tu Mặc dù giác ngộ đôi khi được diễn tả là một kinh hơn một hoặc hai đời”. Khi Nam Phố lâm bệnh mười nghiệm tất cả–hoặc–không là gì hết, những lần chứng ngộ ngày, Ngài cấm cửa tất cả các đệ tử trừ Đại Đăng. Năm có thể khác xa rất lớn về mức độ sâu cạn, bừng sáng và 1305, khi Nam Phố rời Thao Quang Am về một ngôi mãnh liệt. Tác giả tự truyện nói về lần thức tỉnh đầu tiên chùa khác ở Kyoto là Vạn Thọ tự, Ngài mang Đại Đăng của Đại Đăng (và Mộng Song) dưới hội Cao Phong là “có theo làm thị giả. Một lần trong thời gian hai năm ở chùa tỉnh” hoặc “tỉnh ngộ” thường để chỉ một sự thoáng thấy Vạn Thọ, Đại Đăng được giao công án chữ “Quan”, toàn hoặc chợt nếm qua lần đầu tiên hương vị của tự ngộ. Câu bộ tắc công án là “Thúy Nham lông mày” trong Bích nói mạnh và rõ của Cao Phong “kiến giải chân chánh” Nham Lục: nhắc lại một câu trong Lâm Tế Lục, và nói đến ngọn cờ Phật pháp là câu trả lời trong nhà Thiền đối với sự đạt Cuối hạ, Thúy Nham nói với hội chúng: “Suốt mùa hạ ngộ cao tột, một thành ngữ thường có nghĩa công nhận là đệ tử nối pháp. dài, Thúy Nham này đã thuyết thoại. Hãy nhìn và xem Bài kệ tài tình của Bá Trượng và sự tương ưng với bài lông mày của Thúy Nham có còn không”. Bảo Phước kệ nhanh như chớp của Đại Đăng chứng minh chỗ mà nói: “Làm cướp tâm bất an (tác tặc nhân tâm hư)” 4 . ngôn ngữ thiền và thực nghiệm thiền có thể hội tụ. Tác nhân thúc đẩy Đại Đăng lần đầu chứng ngộ không chỉ lời Trường Khánh nói: “Vẫn mọc”. Vân Môn nói: “Quan”. nói mà còn có bài kệ mười sáu chữ. Đối với Đại Đăng Thúy Nham Lệnh Tham, một thiền sư thuộc thế kỷ 10 nguyên bài kệ hoặc một câu trong đó có tác dụng như một rất có uy tín, ý muốn nói đến một cách ngôn cho rằng “chuyển ngữ": một chữ hay một câu, phát ra đúng lúc và lông mày sẽ rụng, nếu ai nói quá nhiều hoặc chỉ dạy sai kịp thời, sẽ chuyển hóa mạnh mẽ kinh nghiệm tu hành lầm. Đã dạy chúng suốt mùa an cư kiết hạ, Ngài như của người nghe hay người đọc. Trong trường hợp này, muốn hỏi: “Tôi có hủy phạm Phật pháp khi đã giảng dạy 2 Bài kệ đủ có thêm 4 câu: Tâm tánh không nhiễm – Vốn tự nhiên 4 thành – Chỉ lìa vọng duyên – Tức như như Phật. (D.G.) Tục ngữ có nghĩa là: có tật giật mình. (D.G.)

52 57

Ngũ Tổ Pháp Diễn hỏi: Có con trâu chui qua cửa sổ. câu then chốt không hẳn nhắm riêng biệt vào Đại Đăng. Sau này, là một bậc thầy lão luyện, Đại Đăng dùng thi kệ Đầu, sừng và bốn chân đều qua lọt. Thế tại sao đuôi và bình chú trước ngữ đầy chất thơ một cách tự tại lưu qua không lọt? loát, tạo riêng cho mình những chuyển ngữ đặc thù. Chính trong ý nghĩa trớ trêu mà bài kệ của Bá Trượng rất Công án này được cho là khó nhất trong nhà Thiền. được tôn trọng với câu kết thúc đề cập đến chân lý tối Nếu lý giải theo giáo môn thì ở đây muốn nói đến dấu vết thượng không nói được bằng lời. Nhưng đối với hành giả ảo tưởng hoặc kiêu căng (cái đuôi) còn sót lại sau khi có khuynh hướng Thiền biện tài, những câu như "không chứng ngộ (con trâu chui lọt), tuy nhiên đôi khi cái đuôi cuộc văn tự" có tác dụng nghịch lý và là một cách nói rất được hiểu là tượng trưng cho giác ngộ hay Phật tánh. Còn hiệu quả trong ngôn ngữ của đạo. Trong khi Cao Phong theo cách khác thì nhấn mạnh rằng công án không có và Đại Đăng vừa triển khai một mối quan hệ đầy lợi lạc, tượng trưng điều gì cả. Chúng ta không biết Đại Đăng một vị thầy kiệt xuất khác làm cho Đại Đăng quan tâm: tham công án này bao lâu, và mối tương quan của Sư với Nam Phố Thiệu Minh, tước hiệu là Đại Ứng Quốc Sư. Nam Phố ra sao trong thời gian tham công án. Ngữ lục Nam Phố tu ở Trung Hoa trong tám năm dưới hội thiền chỉ nói rằng Đại Đăng trình lên thầy mình chỗ nhận ra sư Hư Đường Trí Ngu (1185–1269) vừa trở về Nhật. trong công án bằng hai trước ngữ, và hai câu bình chú Nam Phố trụ ở Hakata thuộc đảo Cửu Châu, nơi đây Ngài uẩn áo này về sau là đặc trưng Thiền phong của Sư. Theo giảng dạy suốt ba mươi năm. Vào tuổi bảy mươi Ngài Xuân Tác, lần đầu Đại Đăng đáp: "Tâm cong vẹo thì dễ được thỉnh làm trụ trì các thiền viện ở Kyoto và Liêm thấy". Có thể Sư muốn nói với Nam Phố: "Con thấy ý Thương. Xuân Tác nói một cách chắc chắn rằng Đại định của Thầy gài bẫy con với câu hỏi này, nhưng đối với Đăng bị tiếng tăm lừng lẫy của Nam Phố lôi cuốn, và con cái đuôi trâu đã qua lọt rồi". Lời bình này cũng có thể Trạch Am cho biết chính Cao Phong đã khuyến khích Đại nhắm đến Ngũ Tổ Pháp Diễn, người lập ra công án này. Đăng nên đến một vị thầy khác, khi trả lời câu hỏi của Câu đáp này chưa làm Nam Phố hài lòng, và Ngài bắt Đại Đại Đăng về một công án. Đăng phải dò sâu hơn nữa. Ba ngày sau Đại Đăng trả lời lần thứ hai: "Nghe lời rỗng của thầy bói". Ở đây lời của Sư [Đại Đăng] trước đó đã hỏi Phật Quốc [Cao Phong] thầy bói là một điều gì mơ màng hoặc ảo tưởng, như vậy về công án "Con trâu chui qua cửa số" 3 . Phật Quốc Đại Đăng đang khẳng định rằng ai vẫn còn thắc mắc cái bảo: "Lão Nam Phố được Hư Đường truyền pháp. Một đuôi trâu là còn mê mờ vì một cái gì không thực hữu, vì một vấn đề do chính mình tạo ra. Nam Phố vẫn chưa hài ngày kia hãy đến Nam Phố mà hỏi". lòng, nhưng Ngài chỉ nói với Đại Đăng một câu duy nhất: Tu tập với nhiều vị thầy là một phương thức thiết lập "Ngươi gần đạt". Lời này của Nam Phố đã nhắc lại câu rất hay ở Trung Hoa, thiền sinh hành khước cốt tìm cho nhận xét của Cao Phong về Đại Đăng cuối buổi tham kiến được vị chân sư cho mình hoặc để trắc nghiệm kiến giải về gió và quạt: "Ngươi gần thấy được, nhưng lại qua mất của mình qua cuộc "pháp chiến". Một số thiền tăng Trung rồi". 3 Trong Vô Môn Quan của Vô Môn Huệ Khai. (D.G.)

56 53

Hoa có ghi chép hành trạng trong Truyền Đăng Lục – Nếu Thầy đối xử như vậy, con e không thể tiếp nhận chẳng hạn, thường xuyên lên đường từ chùa này đến chùa nọ, băng qua những đoạn đường dài hầu như bằng chân. được. Thiền tông Nhật Bản trong những giai đoạn đầu cũng áp – Ngươi chỉ là khách mới đến. Làm sao biết được dụng cách thức tương tự. Nam Phố tu học mười năm ở chuyện này. Nhật với một thiền sư Trung Hoa di dân là Lan Khê Đạo Long (1213–1278), và tám năm ở Trung Hoa với Hư – Đối với bậc trượng phu, phải chăng đâu cũng là một Đường trong cùng một hệ phái (Dương Kỳ), rồi học tiếp thứ gió dù ở xa ngàn dặm? với Lan Khê ba năm sau khi hồi hương. Mộng Song khởi đầu đạo nghiệp dưới hội Nhất Sơn Nhất Ninh, rời thầy Cuộc trao đổi này y theo kiểu vấn đáp trong nhà một thời gian đi tìm một thầy khác, trở lại thầy cũ, rồi lại Thiền. Khi Nam Phố khiêm cung đã tránh né một cách đi đến Cao Phong Hiển Nhật. Quan Sơn Huệ Huyền, một khéo léo việc dạy bảo theo yêu cầu của vị khách tăng mới trong hai trưởng tử của Đại Đăng, đã năm mươi tuổi và đi đến, Ngài đã biểu lộ lý thiền là căn bản không có gì để tu khá lâu trước khi gặp Đại Đăng, Ngài được Đại Đăng chỉ dạy và không có gì để người học sở đắc, một khi họ ấn chứng là đệ tử nối pháp chỉ sau ba năm. Đồng thời tính vốn có sẵn. Câu trả lời của Nam Phố là một loại trắc chất độc lập của người học bị giới hạn bởi đặc tính và nghiệm, một cách thăm dò kiến giải của Đại Đăng. Đại tông phái đã nhập môn. Một trường hợp cực đoan là Đăng phản ứng rất táo bạo: “Thầy chớ gạt con!” Rồi Nam Trung Nham Viên Nguyệt (1300–1375) đã bị khai trừ và Phố thử nghiệm một cách trực tiếp hơn. Một lần nữa Đại thậm chí cuộc đời bị bóp nghẹt vì việc Ngài đi đến hết vị Đăng yêu cầu được xử sự nghiêm túc, ý muốn nói đến thầy nầy đến vị thầy khác bị xem là bất hợp pháp. Năm câu châm ngôn của Khổng giáo về bản tính bình đẳng của 1304 Đại Đăng rời chùa của Cao Phong ở Liêm Thương một “trượng phu”. Câu trả lời của Sư cũng nhắc lại một và đi về phía tây Kyoto, nơi Sư gặp Nam Phố ở Thao câu trả lời của Lục Tổ Huệ Năng khi gặp Thầy là Ngũ Quang Am. Cuộc tham kiến đầu tiên giữa Nam Phố và Tổ: “Thân man rợ của con và thân của Thầy tuy không Đại Đăng tương đối ngắn, bắt đầu như sau: đồng, nhưng Phật tánh khác nhau chỗ nào?” Vị tân tu Đại Đăng quả là kỳ đặc, không biết sợ và rất mãnh lợi ngay cả khi đứng trước mặt một bậc thầy tôn quý trong nhà Sư [Đại Đăng] nói: Thiền là Nam Phố. – Con đến từ xa, xin được thụ giáo, xin Thầy cho con Có một lần sau buổi tham kiến, Nam Phố giao cho Đại tham kiến. Đăng công án “Con trâu chui qua cửa sổ”, có lẽ theo yêu cầu của Đại Đăng. Công án này có trong nhiều sách Nam Phố: Thiền, kể cả Vô Môn Quan ở thế kỷ 13: – Ta đã già, sức yếu. Ngồi xuống một chốc và uống trà.

54 55

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

nguồn bên ngoài thiền môn. Bản thứ hai Sư chép ngữ lục đã được giải đáp, bởi vì lần này Nam Phố không trắc của Đại Xuyên Phổ Tế (1179–1253) là tác giả bộ thiền sử nghiệm Đại Đăng cũng không đánh giá câu đáp của Sư. Ngũ Đăng Hội Nguyên. Khi Đại Đăng chép lại quyển Thay vào đó Nam Phố chỉ đề cập đến kinh nghiệm riêng thiền sử

quý báu này Sư đã chen vào những biệt chú của của mình: mình, mở đầu một hoạt động trọn đời đưa đến kết quả là những bình chú trước ngữ. Suốt thời gian này có lẽ Đại Đăng đắm mình trong kinh tạng mênh mông: những ngữ Nam Phố rất đỗi ngạc nhiên. Ngài bảo: “Đêm qua, ta lục của danh sư trong nhà thiền như Lâm Tế, Triệu Châu nằm mộng thấy Vân Môn bước vào phòng. Hôm nay và Hư Đường; tuyển tập công án như Bích Nham Lục và ngươi thấu phá chữ Quan. Ngươi là Vân Môn tái lai!” có thể Vô Môn Quan; tự truyện các thiền tăng, Khổng thư, những tác phẩm muôn thuở bằng văn xuôi lẫn thi ca. Đại Đăng bịt lỗ tai quay gót. Chắc chắn là Sư vẫn tiếp tục công phu tọa thiền không lơi Trực giác của Nam Phố cho rằng Đại Đăng có liên hệ lỏng. Khi Nam Phố tịch, Đại Đăng chấm dứt thời kỳ tu về tâm linh với Vân Môn (khiến Đại Đăng bịt lỗ tai, một tập chính thức với một vị thầy sinh tiền, và ứng dụng kinh cử chỉ khiêm cung) đương nhiên là mở rộng sự đón nhận điển như Truyền Đăng Lục làm phương tiện tu tập tiếp Sư vào dòng thiền Lâm Tế. Vân Môn Văn Yển, một trong tục với những bậc tôn đức cao tăng trong nhà thiền, tự những cao tăng lãnh đạo Thiền tông đời Đường, khai trắc nghiệm mình với công án và vấn đáp. Trưởng dưỡng sáng dòng thiền mang tên Ngài là Vân Môn, hưng thịnh thánh thai ở mức độ như thế, sự “học” của một học giả và ba trăm năm trước khi sáp nhập vào tông Lâm Tế. Nổi sự “hành” của một hành giả không còn đứng riêng rẽ. danh với câu đáp “nhất tự” sắc bén, được công nhận sáng Cũng như Đại Đăng đang thầm lặng tự mình chuẩn bị cho tác hằng trăm công án, gồm tám tắc trong Bích Nham Lục giai đoạn sau này sẽ xuất hiện trước quần chúng, Thiền và năm tắc trong Vô Môn Quan. Dù Nam Phố có thấy cũng nghiêng về một trào lưu ảnh hưởng mới trong xã hội hay không điềm chiêm bao ngắn ngủi, ta vẫn thấy rõ Đại Nhật Bản, đạt đến cực điểm trưởng thành vững vàng gần Đăng đã cảm nhận một ái lực mật thiết với Vân Môn sau một trăm năm mươi năm. khi vật lộn nhiều năm với chữ “Quan” của Vân Môn. Đại Đăng rất ngưỡng mộ việc sử dụng ngôn ngữ thật là quán triệt của Vân Môn và các đệ tử nối pháp; Ngài đặc biệt được đưa vào tác phẩm của Tuyết Đậu Trùng Hiển (980– 1052), đệ tử đời thứ ba phái Vân Môn. Ngài không cho phép xây điện thờ theo truyền thống trong đạo, và Đại Đăng cũng truyền lệnh tương tự như thế lúc lâm chung. Một sự liên hệ xa hơn giữa hai người có thể là trùng hợp. Khung cảnh chứng ngộ của Vân Môn (cửa đóng dập bàn chân) khiến Ngài bị thương nơi chân. Đại Đăng cũng bị thương nơi chân lúc sắp tịch, tuy thế cả hai vẫn ngồi kiết

72 61

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

già khi thị tịch. Mối liên hệ rõ ràng giữa Vân Môn và Đại thêm bảy trăm vị khác. Trong nhà Thiền thời Thất Đinh ở Đăng được lồng vào một công án rất hay vẫn còn được Nhật đây là bộ thiền thư được sùng mộ nhất. Đại Đăng đã tăng nhân chùa Đại Đức tham học: chép tay hết bốn mươi ngày, một thời gian ngắn đối với một công việc tỉ mỉ, và cho thấy sức tinh tấn bền bỉ của Sư: Quốc sư Đại Đăng được gọi là Vân Môn tái lai, nhưng cả hai sống cách nhau nhiều trăm năm. Trong khoảng Đây chính là nếp sống đạo của hằng ngàn thánh hiền, thời gian đó họ làm gì? là mạch sống của chư tổ anh kiệt. Nó siêu vượt cái Đại Đăng là vị thiền sư đầu tiên sinh trưởng ở Nhật “uẩn áo” và

cái “thánh thiện”. [của Lão Tử] Nó vượt xa được đồng hóa cùng một giòng giống với một thiền sư Trung Hoa, một cặp bài trùng tượng trưng cho sự tinh chân lý và nguyên lý tối thượng. Khắp và sâu, khó thông quán triệt ngoại hạng về Thiền. Một trăm năm sau lường khó biết. Ít có ai hy vọng vẽ được những dấu Đại Đăng, một thiền sư Nhật là Nhất Hưu Tông Thuần vết này bằng chữ bằng mực. Chẳng khác nào phô bày (1394–1481) cho mình là hậu thân của Hư Đường (thầy của Nam Phố). Như James Sanford đã ghi: vết thương trên một thân thể tráng kiện. Nhưng trong bốn mươi ngày cây bút lông của tôi chưa bao giờ rời [Nhất Hưu] không chỉ cho mình là hậu duệ mà còn tự khỏi bàn tay. Có ba mươi chương đầy ắp những cuộc nhận là hậu thân thực sự của vị tăng Trung Hoa [Hư đời đã sống rất phong phú và cao vời. Cần phải có Đường]. Sự tin tưởng nửa đùa nửa thật này thường một thiên tài hoàn toàn vượt trên cái khéo léo nhỏ thấy lặp đi lặp lại, không những trong thi kệ của Nhất nhoi của tôi ngay cả chỉ mới bắt đầu thưởng thức. Hưu mà còn thấy trong hai bức họa rất thú vị của Chép vào năm thứ 2 Chánh Hòa [1313] ngày 23 tháng nghệ nhân trong pháp hội Nhất Hưu. Mặc dù đề tên 5 do sơn tăng Diệu Siêu. Nhất Hưu, hai bức tranh này đều vẽ thêm râu quai Hai bản văn chép tay khác của Đại Đăng, không thấy nón và râu mép của Hư Đường chồng lên chủ đề Nhất ghi năm tháng, đều cho là xuất phát từ thời kỳ Vân Cư Hưu để lồng hai nhân vật vào chung một chân dung. am. Một bản Sư chép lại vài bài thơ trong Bạch Vân Tập gồm một trăm năm mươi bài thơ do nhà thơ đời Nguyên Những sự trình bày như thế cho thấy lòng nhiệt tình là Thích Anh Thực Tồn sưu tập. Sự kiện một trong những của thiền tăng Nhật muốn nắm giữ và chủ quan hóa Thiền bản văn đầu tiên do chính tay Đại Đăng viết, là quyển tông. chép các bài thơ, cho thấy ngay từ đầu thể loại này đã thu hút Sư, và đúng là Sư đã chọn chép lại thi kệ từ một

62 71

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

ác ý xuất phát từ tây bắc. Khi Vinh Tây xây chùa Kiến Một ngày sau khi chứng ngộ, Đại Đăng trình hai bài Nhân, Ngài so sánh sông Gia Mậu với sông Hằng, con kệ lên thầy. Bản sao một tài liệu quý hiếm ở hình 1 là ngữ sông thiêng ở Ấn Độ. Và Ngài xem ngôi chùa mới của lực phổ biến đầu tiên do chính tay Đại Đăng viết: mình giống như tinh xá Kỳ Viên ở Ấn Độ, nơi đức Phật thuyết giảng cho tăng chúng. Tên hiện nay của vùng này là Kỳ Viên, chữ tắt của Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên. Tôi đã thấu phá Cửa Mây – con đường sống ở bắc nam đông tây. Chiều tôi nghỉ, sáng tôi chơi, không Được biết rất ít về sinh hoạt của Đại Đăng trong thời gian ở Vân Cư am nên ta không thể ngay cả ước định người không ta. Ở mỗi bước chân, ngọn gió trong lành chuyện khất thực với một mức độ tin cậy nào đó. Vài thổi đến. luận giải thời nay chấp nhận câu chuyện ở giá trị bề ngoài; còn những người khác thì phủ nhận toàn bộ câu Cửa Mây đã xuyên thấu, con đường cũ đã đi qua bầu chuyện. Ông D. T. Suzuki viết: “ Đại Đăng Quốc Sư sống trời trong vầng dương sáng ngôi nhà thực sự của tôi. đời ăn xin hơn hai mươi năm và nếm qua cuộc sống thấp Bánh xe cơ duyên quay tự do bên trên con người. hèn nhất của kiếp người”. John Covell thừa nhận: “Đại Đăng thực sự chỉ đi ăn xin khoảng năm năm dưới cầu Ngài Ca-diếp thân vàng ra đi, tay chắp trước ngực. Ngũ Điều", dù ông không

đưa ra chứng cớ hiển nhiên nào Theo sau hai bài kệ, Đại Đăng viết cho Nam Phố: bảo vệ dự đoán của mình. Nhiều học giả Nhật Bản tin rằng Đại Đăng đến với đám ăn mày dưới cầu Ngũ Điều ban ngày và về Vân Cư am ban đêm. Xuân Tác chỉ nói Đây là tâm trạng của con. Nếu thầy nhận, con xin (trong đoạn văn đã làm Nhất Hưu thất vọng): “Sư trở về đảnh lễ dưới chân thầy và thỉnh cầu thầy cho một lời. đế đô và ngụ ở phía tây bờ sông. Chỉ có sáu hoặc bảy vị tăng đến với Sư. Sư tự quên mình trong cực khổ đến nỗi Con định sẽ sớm trở về đế đô cũ (Kyoto), con sẽ rất không còn biết đến cái lạnh cái đói”. Nếu Đại Đăng có hoan hỷ và phấn khởi nếu thầy cho phép. thực sự trải qua hai mươi năm ăn xin dưới cầu Ngũ Điều thì thật không chắc rằng Sư có được một sự tinh thông Trong hai bài kệ Đại Đăng diễn tả niềm vui sâu xa và quán triệt văn học thiền mà về sau ông đã bộc lộ trong cảm thức tự tại qua những ẩn dụ và biểu tượng đầy màu những bài thuyết pháp, thi kệ và bình chú. Chỉ tồn tại một sắc phong nhiêu. Cửa Mây tức Vân Quan là tên ghép của tài liệu duy nhất có đề năm tháng từ Vân Cư am cho thấy “Vân Môn” và chữ “Quan”, công án đã đẩy Đại Đăng đến Đại Đăng là một học giả hơn là người ăn xin trong những chứng ngộ. Thâm nhập được “Vân Quan” đồng thời dò năm trưởng dưỡng thánh thai. Đó là bản chép tay toàn bộ tìm được công án, vị thầy thuở xưa, và bóng dáng mê mờ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục có hậu đề. Bộ Truyền Đăng của tâm thức chính mình; mây tan để hiển lộ bầu trời Lục này gốc do Đạo Nguyên ở Trung Hoa sưu tập vào thế trong sáng (hoặc mặt trăng rằm) là ẩn dụ nổi tiếng trong kỷ 10, sau này Dương Ức (968–1024) ấn hành, trình bày đạo Phật chỉ cho sự giác ngộ. Những hình ảnh khác trong tiểu sử của gần một ngàn thiền tăng, và vào danh sách bài kệ tăng cường một cảm thức rằng tất cả chướng ngại

70 63

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

đã biến mất. Sự vắng bặt cái ta và người (nguyên văn là hằng ngày với bình bát cầm tay, nghi thức khất thực này “chủ” và “khách") chỉ ra sự tỉnh giác siêu vượt tính chủ còn duy trì trong đa số tông phái đạo Phật ở châu Á. quan phàm tình. Giòng thứ nhất trong bài kệ thứ hai “con Những người đi hành hương ở Trung Hoa nếu có gặp đường cũ đã đi qua” cho thấy bản chất căn để trong sự được một lão già ăn xin trong vùng ngọn núi thiêng Ngũ chứng ngộ của Đại Đăng cái ta xưa cũ đã biến mất, và Sư Đài sẽ thắc mắc hoài nghi không biết có phải là Bồ-tát cũng quên bẵng điều gì đã thúc đẩy Sư đến tâm thái kỳ Văn Thù dưới lốt cải trang. Một tác phẩm Nhật Bản ở thế diệu hiện thời này. Đồng thời Sư đào luyện con đường kỷ 12 “Kim Tích Vật Ngữ” đã xác nhận: “Trong đám ăn mới của mình, không còn nương cậy vào chư Phật chư Tổ mày, ngày nay cũng như thuở xưa, đều có hiện thân của nữa. Bánh xe cơ duyên chính là diệu dụng của tự ngộ, chư Phật và chư Bồ-tát”. Tuy Đại Đăng không nói đến người khác không thể nào hiểu được. Ca-diếp là đại đệ tử việc ăn xin của mình trong tác phẩm, Sư cũng không đề của Phật, được truyền trao chánh pháp một cách vô ngôn 5 cao sự nghèo khổ xem như một đức tính liêm khiết trong và trở thành Nhị Tổ Thiền tông Ấn Độ 6 . Trong bài kệ của đạo. Nếu chúng ta chuyển từ truyền thuyết đến lịch sử thì Đại Đăng, Tổ Ca-diếp ra đi một cách trịnh trọng và cả có thể tạo dựng lại nhiều nếp sinh hoạt của Đại Đăng

quyết vì Tổ không còn cần gì nữa cũng như niềm tin chắc trong những năm trước khi khánh thành chùa Đại Đức. thật của Đại Đăng rằng bây giờ mình là pháp khí chánh Vào ngày 29 tháng chạp năm 1308, Nam Phố Thiệu Minh truyền. tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Đại Đăng đã giải được công án "Quan" vào đầu năm đó, và đã ở lại chùa Kiến Trường Hai bài kệ này chứng thực vai trò trọng tâm của thi kệ tiếp tục tu tập. Sau lễ tang của Nam Phố và thời kỳ cư trong nhà thiền và trong sự diễn bày của chính Đại Đăng. tang, Đại Đăng rời Liêm Thương và trở về Kyoto năm Ngay khi đạt ngộ một thiền tăng không bắt buộc nói 1309. Thay vì tìm một vị thầy khác hoặc hành hương pháp, bình chú, im lặng, hoặc phải làm một việc gì ưa sang Trung Hoa, Sư dời đến một ngôi chùa nhỏ tên là thích; mà cần phải viết bài kệ trình bày chỗ mình lĩnh hội. Vân Cư am ở đông Kyoto. Tuy không còn một tòa nhà Chỉ đơn giản trên nền tảng một hoặc hai bài kệ ngộ đạo, nào còn sót lại, Vân Cư am đã tọa lạc tại vị trí nay là chùa vị thầy có khả năng đo lường được mức độ giác ngộ của Yasaka và Kòdaiji (Cao Thai tự). Chỉ có một ít lô đất ở tác giả, ngay cả phải vượt qua khoảng cách lớn lao về xa là chùa Kiến Nhân danh tiếng của tông Lâm Tế do thời gian lẫn văn hóa. Về cơ bản, những bài kệ ngộ đạo Minh Am Vinh Tây (1141–1215) dựng lập năm 1202. cũng được trình bày như một bức thư họa, một sự luyện Một lô đất nhỏ và ngắn hơn ở phía tây là sông Gia Mậu tập làm tăng cường mối liên hệ giữa kinh nghiệm tu hành chảy từ bắc đến nam qua Kyoto. Trong nhiều chiếc cầu và sự diễn đạt mỹ học. bắc qua sông Gia Mậu, cầu Ngũ Điều có lẽ gần Vân Cư Nam Phố viết đáp từ bài kệ trực tiếp trên tờ thư của am nhất, chỗ mà đám ăn mày địa phương thường tụ tập. Đại Đăng đệ trình, lời của Ngài như thế vẫn được lưu giữ: Nguyên phần đất này của Kyoto là vùng đất thiêng liêng trong tâm tư những người mộ đạo thời trung đại. Núi Tỷ 5 Duệ, đỉnh cao trong dãy Đông Sơn được xem là ngọn núi Đức Phật đưa cành hoa trên hội Linh Sơn, Ca-diếp mỉm cười. (D.G.) thiêng có nhiệm vụ bảo vệ thành phố khỏi những thế lực 6 Theo tác giả, đức Phật Thích-ca Mâu-ni là sơ tổ Thiền tông. (D.G.)

64 69

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

Ngựa xe vương triều bon chen trước Pháp đường nhưng không một ai ghi nhớ quãng đời hai mươi năm Ngươi đã ném bỏ cái sáng và hiệp nhất với cái tối. Ta mưa gió dưới cầu Ngũ Điều. không bằng ngươi. Nhờ ngươi, tông phái của ta sẽ Việc tả Đại Đăng như thế có một người khác đã đề được dựng lập vững bền. Trước khi ấn chứng chính xướng và rất có ảnh hưởng là thiền sư Bạch Ẩn. Tác thức công khai, ngươi phải tiếp tục tu tập hai mươi phẩm của Bạch Ẩn vào năm 1750, có thể là ấn bản đầu năm. tiên, có tả câu chuyện quả dưa, và Bạch Ẩn đã vẽ nhiều chân dung của Đại Đăng rất truyền cảm, một người ăn Lời tiên đoán của Nam Phố rằng Đại Đăng bảo đảm xin râu ria, tay cầm bát, y phục rách rưới, khoác lên mình duy trì tông phái đã nhắc lại lời xưa trong đạo, và điều một chiếc áo rơm. Trên một bức chân dung (hình 2) Bạch này được chứng thực qua những diễn biến sau này. Ẩn viết bài kệ: Những tiểu sử đầu tiên đã chứng minh sự tín nhiệm của Đại Đăng, nhưng không cho biết mối tương quan giữa Khoác chiếc áo rơm giữa đám ăn mày, vì thích ăn dưa Đại Đăng và thầy mình. Ấn bản Niên Phổ của Cự Hải

chỉ ghi là Nam Phố ban cho Đại Đăng một tử y xem như biểu ngọt nên bị bắt sống. “Nếu đưa dưa cho tôi không tín của sự nối pháp. cầm tay Tôi sẽ bước vào sự hiện hữu của ông cũng không bằng chân”. SỰ TÁC THÀNH MỘT THIỀN SƯ

Nhất Hưu và Bạch Ẩn cả hai đều quay về thi ca khi họ Khi Nam Phố nói với Đại Đăng: “Trước khi ấn chứng muốn tán dương hoặc tạo mẫu cho giai thoại về Đại chính thức công khai, ngươi phải tiếp tục tu tập hai mươi Đăng. Nhất Hưu bình với chữ nghĩa còn Bạch Ẩn ghi năm”, Ngài đứng trong truyền thống cổ xưa của đạo Phật. khắc thành chân dung, song thi ca đều đáp ứng yêu cầu Thuật ngữ kinh điển chỉ cho sự tu tập sau khi ngộ đạo là của họ trong cả hai trường hợp. Bài kệ phong phú sắc “thánh thai trưởng dưỡng (Shòtai–chyò)”. Câu này được màu của Bạch Ẩn có thể xem như đáp lời gọi của Nhất dùng đầu tiên trong bản dịch chữ Hán kinh Bát-nhã Ba- Hưu để miêu tả mật thiết hơn cuộc đời ăn xin của Đại la-mật-đa vào thế kỷ 5. Trong Thiền tạng câu này xuất Đăng. Gần ba trăm năm sau khi Nhất Hưu làm bài kệ hiện đầu tiên trong ngữ lục của Mã Tổ Đạo Nhất (709– tưởng nhớ, nay đã nhận được một bài thơ đáp từ khế hợp. 788), và vào đời Tống vị tăng hành khước Nhật Bản là Đạo Nguyên Hi Huyền (Tổ tông Tào Động Nhật sau này) Đại Đăng trong vai trò ăn xin mang nhiều sắc thái học chữ này từ thầy của mình là Thiên Đồng Như Tịnh huyền thoại. Trong nhiều nền văn hóa, thần thánh và hiền (1163–1228). Đời Đường Trung Hoa, khái niệm về việc nhân cải trang thành ăn mày khi đi vào nhân gian để trắc tu tập sau khi ngộ đạo (kiến tánh khởi tu) rất gần với một nghiệm hoặc giúp đỡ loài người. Ăn xin còn có ý nghĩa khái niệm khác, đó là sự ẩn tu. Ví dụ, thiền sư Phần Châu khác trong đạo Phật: đức Thích-ca Mâu-ni sống khất thực Vô Nghiệp (762–823) than phiền là cổ đức “xóa sạch vết

68 65

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản BUỔI ĐẦU TU TẬP CỦA ĐẠI ĐĂNG

tích và quên mất thế gian” trong hai mươi năm hoặc ba Thời gian tu sau khi chứng ngộ của Đại Đăng đã phát mươi năm. Chỉ riêng hình ảnh hai mươi năm cũng nói lên sinh một số huyền thoại và bán huyền thoại, và ý nghĩa đã được ý niệm tu hành trùng hợp với quy ẩn. Đối với hầu ảnh hưởng đến hình tượng và di sản của Sư trong nhà hết Phật tử, “hai mươi năm” nhắc đến kinh Pháp Hoa với Thiền. Những ai đã quen thuộc những khuôn mặt lãnh ẩn dụ người cùng tử lang thang nghèo khổ khoảng hai đạo Thiền tông Nhật Bản, hình ảnh đầu tiên của Đại mươi năm mới trở về nhà. Những quy chiếu khác được Đăng xuất hiện trong đầu là một người ăn mày dưới gầm thấy trong Thiền: Lâm Tế tu dưới hội Hoàng Bá hai mươi cầu, căn cứ trên giai thoại về những năm Sư quy ẩn: năm và một bài kệ của Tuyết Đậu than rằng “Ta hai mươi Người ta nói Sư đã sống qua những năm với đám ăn năm cay đắng”. Trong hầu hết các tôn giáo, hình ảnh và mày dưới cầu Ngũ Điều (Gòjò) ở Kyoto, khó phân biệt lời nói xuất hiện rồi sau đó được diễn dịch thành văn tự Sư với những đồng sự rách rưới. Nhật hoàng Hoa Viên (thường có ảnh hưởng nghiêm trọng). Đại Đăng, những nghe tiếng Sư và mong muốn thỉnh Sư về thuyết pháp tác giả tự truyện của Sư, và những đệ tử nối pháp, tất cả trong nội cung. Cũng được biết vị ăn mày lạ thường này đều cảm thấy tự hào về công việc mà họ cho là đã hoàn thích ăn một thứ dưa tên là chơn tang qua (makuwa-uri). thành một cách thận

trọng huấn thị của thầy mình. Khi Nhật hoàng bèn cải trang đến cầu Ngũ Điều mang theo Đại Đăng làm trụ trì khai sơn chùa Đại Đức năm 1326, một giỏ dưa thật to. Ngài phát dưa cho đám ăn xin từng Sư đã so sánh sự chứng ngộ của mình với nén nhang ngát người một, nhận dạng tỉ mỉ nét mặt mỗi người. Thấy một hương và nói: “Dù ta cất giữ hương thơm này trong đãy người có đôi mắt sáng quắc, Nhật hoàng vừa đưa dưa vừa ngót hai mươi năm, càng giấu kín thì càng thơm lừng”. bảo: Cự Hải cũng nhấn mạnh điểm này: – Cầm lấy mà không được đưa tay ra. Kể từ khi Sư được Nam Phố ấn chứng vào năm thứ Lập tức có câu trả lời: Hãy đưa cho tôi mà không đưa tay ra! hai thời Đức Trị [1307] cho đến khi làm lễ khai tự thực Một quy chiếu đầu tiên thừa nhận Đại Đăng ăn xin hai sự, hai mươi năm đã trôi qua. Trước đó, vào thời mươi năm gần cầu Ngũ Điều là một bài thơ của Nhất Chánh Trung [1324–1326], chức vị trụ trì chùa Nam Hưu, viết vào ngày giỗ của Đại Đăng. Nhất Hưu vừa đọc Thiền khuyết chỗ, và Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ cung Hành Trạng của Cự Hải, Ngài nhận thấy tác giả giấu đi nỗi gian khổ Đại Đăng đã chịu đựng nhiều năm dài. Dòng thỉnh Sư đảm nhận ba lần, nhưng không thành. Sư đã đầu tiên trong bài thơ Nhất Hưu chơi chữ trên tước hiệu giữ đúng thời hạn tu tập theo lời dạy của thầy mình, của Sư, Đại Đăng là ngọn đèn lớn: theo đúng như một cặp nhãn hiệu chẳng khác mảy may. Sau khi đọc Hành Trạng của Quốc Sư Đại Đăng Đưa cao ngọn Đại Đăng chiếu sáng thấu trời.

66 67

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

Giác A từ Trung Hoa về Nhật năm 1175, nhiều dòng thiền Trung Hoa được truyền sang Nhật. Sự trình bày năm 1677 về việc truyền nhập này, vẫn được thừa nhận trong tông Lâm Tế, xác định có bốn mươi sáu dòng truyền nhập. Trong đó hai mươi bốn dòng gọi là lưu (ryù) hoặc phái (ha) xuất phát từ các đệ tử nối pháp. Vị đứng đầu mỗi dòng gọi là Tổ. Những vị được công nhận là Tổ như thế được phân bố đều giữa các du tăng Nhật và tăng nhân Trung Hoa di dân. Hai mươi mốt dòng thuộc tông Lâm Tế và ba thuộc tông Tào Động. Vị sư tổ trong phổ hệ này không phải là Giác A, mà là Vinh Tây đã trở về 4 Nhật năm 1191. Vị sư cuối cùng trong dòng này là Đại Chuyết Tổ Năng, vị du tăng hồi hương năm 1358. Trong NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG số các tăng sĩ di dân, người đầu tiên sáng lập dòng thiền Nhật là Lan Khê Đạo Long đã đến Nhật năm 1246. Và NHẬT BẢN Thiền sư Trung Hoa cuối cùng in dấu trên đất Nhật trong thời kỳ này là Đông Lăng Vĩnh Dự (?–1365) đã đến năm 1351. Sau năm 1358, sự giao lưu giữa Phật giáo Trung Hoa và Thiền tông Nhật Bản giảm xuống, và không có những pháp hệ mới nào được thành lập ở Nhật trong ba trăm năm kế tiếp. Một danh từ khác rất quan trọng diễn đạt phổ hệ truyền thừa trong nhà Thiền là chữ tông, có thể dịch sang tiếng Anh là “lineage”, “school” hoặc “sect” tùy theo nội dung lịch sử. Ở Trung Hoa những sự phân chia trong nhà Thiền lúc ban đầu là phương tiện để K hi Đại Đăng trải qua bốn mươi ngày chép lại bộ Truyền Đăng Lục ở Vân Cư am, Sư nhận ra rằng không phải Sư chỉ có ghi chép lịch sử Thiền tông mà còn được tham gia vào. Vừa được một thiền sư Nhật lỗi lạc đã tu học ở Trung Hoa ấn chứng, Sư minh định dòng họ thầy–trò. Đôi khi sự phân

chia có thể tự cảm thấy mình ở vào vị thế tác động đến truyền thống mang ý nghĩa về chủ thuyết hoặc cơ chế khác nhau, nhà Thiền, chỗ giao điểm quyết định lịch sử. Đối với tăng nhưng sự hiểu biết của chúng ta về những sắc thái này ít sĩ thuộc thế hệ Đại Đăng sự kiện Thiền tông sẽ thành chắc chắn. Cũng không hẳn ranh giới giữa Thiền tông và công trong ngôi nhà mới thật đã rõ ràng. Giữa sự chuyển các tông phái khác của đạo Phật lúc nào cũng rõ rệt. Khi tiếp nơi bản thân mình và sự chuyển tiếp của lịch sử, Sư nói về thiền lúc khởi thủy, chữ tông phái (lineage) có lẽ quay về thời xưa làm vòng đệm, chỗ gợi hứng và xác thích hợp nhất. Sau năm 969 (bắt đầu đời Tống) chữ minh đặc tính chân truyền trong di sản tinh thần của "Thiền tông" có ý nghĩa nhiều hơn. Ở Nhật ranh giới giữa mình. Xem lại sơ lược sự phát triển Thiền tông Nhật Bản các tông phái đạo Phật và những chi phái trong đó rõ rệt

84 73

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

sẽ soi sáng bối cảnh Thiền đã nuôi dưỡng Đại Đăng và Môn Quan vào Nhật có thể định được chính xác. Tăng sĩ đến lượt Đại Đăng sẽ ảnh hưởng lại bối cảnh này. Nhật là Tâm Địa Giác Tâm (1207–1298) tu học thiền ở Trung Hoa với soạn giả của Vô Môn Quan là Vô Môn Huệ Khai (1183–1260). Khi Giác Tâm trở về Nhật năm NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN 1254, Ngài mang theo tập công án của thầy mình. Thiền Giai đoạn đầu của Thiền tông Nhật Bản bắt đầu vào tăng Trung Hoa di dân Thanh Chuyết Chánh Trừng (Đại cuối thế kỷ 12. Tăng nhân tông Thiên Thai hành khước Kinh, 1274–1339), đồng thời với Đại Đăng, đã viết luận đến Trung Hoa, thấy rằng Thiền tông là môn phái chủ trị giải Vô Môn Quan đầu tiên ở Nhật, song tác phẩm này đạo Phật đời Tống, và họ mang lý thiền về Nhật. Những hình như đã thất lạc. Bản Vô Môn Quan đang sử dụng ở cuộc hành khước như thế được thuận lợi do việc nối lại Nhật căn cứ trên ấn bản của Nhật năm 1405. Tuy hai mối giao hảo giữa Trung và Nhật sau khi gián đoạn gần tuyển tập công án lớn truyền nhập vào Nhật đầu triều đại ba trăm năm. Đối với cả hai nước miếng mồi thương mãi Thất Đinh, nhưng tác động trên Thiền tông Nhật Bản không thể nào cưỡng lại lâu hơn nữa: người Hoa tìm đao khác nhau rất nhiều. Thời trung đại, Bích Nham Lục khúc kiếm, quạt và bình phong từ quần đảo láng giềng; người chiết hơn và văn chương hơn, được sử dụng rộng rãi và Nhật ưa chuộng đồ thêu, nhang và trà chỉ có ở lục địa. nhiều người thán phục. Tuyển tập này tạo phấn khích Với nền bang giao chính thức được đổi mới, người Nhật quan trọng trong phong trào văn hóa tên là "Ngũ Sơn Văn phấn đấu để tinh thông kỹ thuật tân tiến của người Hoa Học", đã lan xa ra khỏi phạm vi thiền viện. Còn Vô Môn trong công nghệ đóng tàu và đi biển. Nhật Bản khao khát Quan thì không đạt được mức hưng thịnh bằng, chí đến du nhập văn hóa Trung Hoa bằng cách lấy mẫu hàng hóa thế kỷ 17. Vào thời này khả năng đọc được chữ Hán cổ Trung Hoa. Tăng nhân đi theo những chuyến hàng buôn (giống như Hán văn: Kanbun) trong chư tăng kém hơn, được xem như truyền nhân hướng dẫn những phát triển và các vị thấy Vô Môn Quan có cấu trúc giản dị hơn, chữ hiện đại nhất trong chánh quyền, kỹ thuật, mỹ thuật và nghĩa dễ tiếp thu hơn Bích Nham Lục. tôn giáo

Trung Hoa. Lợi thế trong những nguồn tôn giáo Trung Hoa càng được tăng cường vì mối bất hòa với tổ TÔNG CHI CÁC TRUYỀN NHÂN ĐẦU TIÊN chức Phật giáo trong nước Nhật ở thế kỷ 12. Nhiều lời phê phán buộc tội tông Thiên Thai và Chân Ngôn bị lún Tông chi phổ hệ rất quan trọng trong nhiều lãnh vực ở trong các pháp thế gian, sống trưởng giả và giải đải trong xã hội Đông Á, và rất được chú trọng ở Nhật. Thiền được sự tu hành. Một phản ứng đối với khuyết điểm rõ ràng các môn sinh xem như một pháp hệ tâm linh có thể truy này là sự phổ biến những chủ thuyết cấp tiến cho rằng sự nguyên qua chư Tổ Trung Hoa và Ấn Độ đến Đức Phật giải thoát mở rộng cho tất cả mọi người, đặc biệt qua ân Thích-ca Mâu-ni. Vô số tông phái và chi phái trong Thiền phước của Đức Phật A Di Đà hoặc sự linh ứng của kinh tông đôi khi được đồ họa thành một cội cây với nhiều Pháp Hoa. Phản ứng thứ hai là đòi hỏi phải trở về sự nhánh họ tộc, và đều là "họ hàng công nhận lẫn nhau là thanh tịnh của nếp sống tu viện, xác nhận lại lập trường thành viên trong đại tông môn, và tự cho mình là dòng nghiêng về truyền thống hơn, đó là giải thoát thành tựu dõi trực tiếp nhất". Trong vòng hai trăm năm, sau khi

74 83

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

giới đạo Phật Trung Hoa và Thiền tông Nhật Bản giữa qua nỗ lực tu tập của mỗi người, dù cam go gian khổ. 1175 và 1358. Tuy sự truyền đạt bằng chữ không chiếm Những vị khai tổ Thiền tông Nhật Bản thuộc phong trào ưu thế so với việc khai triển giáo lý và tu tập, một trong thứ hai, đã cố gắng khôi phục đạo Phật gốc ở Trung Hoa những mục tiêu hành hương là có được tài liệu. Ban đầu hoặc thậm chí ở Ấn Độ. Người Nhật đầu tiên qua Trung ở Nhật việc học và sao chép kinh điển quan trọng trong Hoa học Thiền là Giác A, một tăng nhân tông Thiên Thai nhà Thiền đều tập trung vào phương thức thiền tập. Các xuất thân từ núi Tỷ Duệ. Nghe một thương nhân nói rằng tuyển tập công án Trung Hoa mới nhất, cao tăng truyện Thiền chiếm ưu thế ở Hoa lục, Giác A và một người bạn và luật nghi được phổ biến trên đất Nhật chỉ trong vòng đồng tu rời Nhật năm 1171. Ở chùa Linh Ẩn Hàng Châu, vài năm sau khi phát hành ở lục địa. Tác phẩm các thiền Giác A gặp Hạt Đường Huệ Viễn, đệ tử của thiền sư lỗi sư Nhật, gửi sang Trung Hoa qua các môn đệ ưu tú, đôi lạc Viên Ngộ Khắc Cần (1063–1135). Không nói được khi được các thiền sư Trung Hoa đánh giá cao ở phần hậu tiếng Hoa, Giác A bắt buộc nói chuyện với Hạt Đường đề. Thật là một vinh hạnh lớn lao đối với một tăng sĩ bằng chữ. Trước khi hồi hương năm 1175, Giác A được Nhật được một vi tăng Trung Hoa viết tiểu sử của mình, thầy ấn chứng. Nguyên Hanh Thích Thư 7 , viết vào năm và càng vinh dự hơn nữa khi tiểu sử được vào Thiền tạng 1322, tả sự đón tiếp Giác A ở Nhật: "Triều đại Gia Ứng Trung Hoa. Bộ sưu tập lớn về tự truyện trong nhà Thiền, [1169–1175] Nhật hoàng nghe tin Giác A tu thiền, mời như bộ Truyền Đăng Lục mà Đại Đăng sao chép, được đến triều đình và hỏi yếu chỉ Thiền tông. Đáp từ Giác A tìm thấy trong thư mục thuộc giữa thế kỷ 13 tàng trữ tại đã thổi sáo... Nhật hoàng và những người hầu cận đều chùa Đông Phước ở Kyoto. Vào lúc Đại Đăng tịch năm chẳng hiểu".

Tuy câu chuyện này không chính xác, 1337, hai tập công án cổ điển Bích Nham Lục và Vô Môn nhưng đã phác họa Thiền lần đầu tiên xuất hiện ở Nhật lạ Quan vào đến nước Nhật. Ngày chính xác Bích Nham lùng ra sao đối với hầu hết người Nhật. Giác A ảnh Lục truyền vào đất Nhật không biết rõ, dù có một giai hưởng không nhiều đến thế giới Phật giáo thời bấy giờ, thoại xưa cho rằng Đạo Nguyên Hi Huyền đã chép lại và không có đệ tử nào nối pháp. Song Giác A là tăng sĩ năm 1227 trong đêm cuối cùng ở Trung Hoa trước khi về Nhật đầu tiên được xếp vào truyện tích Thiền Trung Hoa, Nhật. Khó mà tưởng tượng được một công trình lớn lao được công nhận là truyền nhân đầu tiên của Thiền đời như thế mà sao chép quá nhanh, bản của Đạo Nguyên tên Tống du nhập vào đất nước mình. Giai đoạn đầu của là Nhất Dạ Bích Nham Lục được cất giữ trong chùa Đại Thiền tông Nhật Bản mang nhãn hiệu “hỗn tạp” bởi vì Thừa ở Kanazawa. Vào đầu thế kỷ 14 Bích Nham Lục giáo lý và pháp tu thiền lúc đầu pha trộn với nghi thức được in ấn lại ở Trung Hoa do công của Trương Minh Chân Ngôn và Thiên Thai đã quen thuộc từ lâu. Ví dụ, Viễn. Ấn bản của Trương, dựa trên hai mộc bản đã in tăng sĩ của một ngôi chùa nào đó có thể thọ giới và học trước đây và những bản viết tay còn sót lại, đã vào Nhật kinh theo Thiên Thai, song vẫn tọa thiền theo Thiền tông. sau đó không lâu, và là bản còn được sử dụng đến ngày Khuynh hướng này một phần đáp ứng với tình hình thực nay. Đại Đăng là một trong những người đầu tiên ở Nhật tế chính trị Thiền đã gây phản đối mạnh mẽ từ phía các quan tâm đến Bích Nham Lục. Sư đã bình chú từng dòng tông phái đã hình thành trước và phía tín ngưỡng dân chữ một suốt cả quyển sách bằng trước ngữ. Ngày Vô 7 Nguyên Hanh là tên triều đại.

82 75

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

gian nổi bật. Đồng thời, cũng như Thiền Trung Hoa đã là người Triều Tiên. Tiểu sử của những tăng nhân như từng có những yếu tố chung với đạo Phật đời Tống, Biệt Nguyên nói lên xu hướng trong cả hai nước Hoa và những lãnh vực có tương đồng căn bản giữa Thiền tông Nhật về tài viết văn và làm thơ bằng tiếng Hoa như dấu và các tông phái đạo Phật đã hình thành trước ở Nhật đều hiệu của sự tiến bộ trong việc học Thiền. Một điển hình được công nhận. Đặc biệt là tông Thiên Thai đã sớm đưa nổi tiếng ở Nhật Bản là việc thiền sư Trung Hoa di dân vào một số yếu tố của Thiền tông trong sự phát triển tông Nhất Sơn Nhất Ninh mở cuộc thi sau khi đến Liêm phái mình, bởi vì tổ khai sơn Thiên Thai ở Nhật là Tối Thương. Để tuyển chọn đệ tử trong đám học tăng xin thụ Trừng đã mang Thiền thư từ Trung Hoa về vào thế kỷ 9. giáo với Ngài, Nhất Sơn trắc nghiệm tài năng của họ Thiền tông tồn tại chung với các tông phái đã hình thành bằng cách cho làm thơ thiền chữ Hán. Vị tăng trẻ Mộng từ trước tập trung ở Kyoto và kéo dài khoảng nửa thế kỷ, Song Sơ Thạch là một trong những người đậu hạng cao. phỏng chừng từ 1200 đến 1250. Một sự kiện bất thường Chẳng bao lâu tăng sĩ Nhật khẳng định sự liên kết giữa trong giai đoạn đầu này là sự tồn tại ngắn ngủi của phái Thiền và thi ca, như sẽ thấy dưới đây. Đạt-ma tông do một vị tăng là Đại Nhật Năng Nhẫn (?– Trong việc thực tập bút đàm, chướng ngại ngôn ngữ 1196) thành lập. Tự xưng

là thiền sư chưa hề đến Trung phát sinh. Tuy người Nhật và người Hoa không thể hiểu Hoa, Năng Nhẫn dạy một kiểu thiền không thừa nhận giá lẫn nhau khi nói, nhưng họ đều có thể viết chữ Hán. Nền trị của các pháp tu theo đạo Phật đã quen thuộc từ lâu. tảng chung này cho phép thiền sư Trung Hoa dạy đệ tử Ngài bảo rằng giáo lý của Ngài dựa trên sách thiền du Nhật Bản bằng cách viết ra câu hỏi và đáp. Tăng nhân nhập vào Nhật từ thời Tối Trừng như ba quyển luận của Nhật ở Trung Hoa tin vào thông ngôn trong trong hầu hết Tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tác động lớn lao của thiền Năng Nhẫn những công việc hằng ngày, nhưng lại thích tham vấn trong vùng Kyoto được biết đến qua sự chống đối dữ dội riêng với các thiền sư bằng bút đàm, cách thức này cũng nổi lên thời bấy giờ. Một giai thoại đầu tiên, của một tác được áp dụng ở Nhật, như Lan Khê Đạo Long với Cao giả trong dòng thiền Minh Am Vinh Tây, quả quyết rằng Phong Hiển Nhật. Tuy những cuộc nói chuyện bằng bút Vinh Tây "tranh luận nhiều lần với Năng Nhẫn về giáo lý đàm có vẻ lúng túng, Minh Cực Sở Tuấn vẫn thấy vẻ nên và đã đánh bại Năng Nhẫn". Sau khi Năng Nhẫn tịch, một thơ trong đó: số đệ tử của Ngài gia nhập hội chúng của Đạo Nguyên Hi Huyền (Tổ tông Tào Động Nhật). Các học giả gần đây kết luận rằng Đạt-ma tông có ảnh hưởng thấy rõ trên giáo lý của Đạo Nguyên và sự phát triển về sau này của tông Tôi diễn tả tâm tư bằng bút thay lưỡi và thầy nắm Tào Động. Thiền tự nó có thể bị thu hút vào Thiên Thai được ý nghĩa khi nghe lời tôi bằng mắt của thầy. hoặc Chân Ngôn, không cần phải có một thực thể độc lập, nhưng nó không bị thu hút vì hai yếu tố: những thí chủ có Cách thức này vẫn duy trì cả khi hai bên tham dự đều thế lực bắt đầu ủng hộ tông phái mới non trẻ này, và có là người Nhật, như trong đối thoại bằng chữ viết giữa Đại nhiều vị thiền sư tên tuổi từ Trung Hoa đến. Những sự Đăng và Nhật hoàng Hoa Viên. Ngoài việc trao đổi giữa phát triển này đưa đến một thời kỳ lớn mạnh và vững tăng sinh và thiền sư, sự lưu chuyển nhanh chóng sách vở là một dấu hiệu khác về sự liên kết mật thiết giữa hai thế

76 81

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

Ta vượt biển hằng ngàn hải lý đến bến bờ này, không chắc kéo dài gần một thế kỷ, từ khoảng 1250 đến 1340, suốt thời kỳ này Liêm Thương thế chỗ cho Kyoto làm hề biết một tiếng nói của dân cư: ta chỉ biết một việc trung tâm của Phật giáo. Những thí chủ đến với Thiền bập bẹ nói lên "ba ba ba", và nghe được một điều gì gồm quý tộc, lãnh chúa địa phương, người trong hoàng như "li li li". tộc, và được phê bình nhiều nhất các quan nhiếp chính họ Bắc Điều của giai cấp tướng quân ở Liêm Thương. Theo Không có người thông ngôn hiện diện, người Nhật ghi mô hình của vị nhiếp chính thứ năm là Bắc Điều Thời Lại lại ngữ âm của thiền sư Trung Hoa bằng mẫu tự ký âm (1227–1263), nhiều nhà lãnh đạo họ Bắc Điều trở thành Katakana (giả danh Hán tự), mặc dù chưa hiểu được đệ tử các thiền sư di dân Trung Hoa, xây dựng và cúng những lời đã nghe. Khi nào thuận tiện, những ký âm kana vốn cho các thiền viện và củng cố thanh qui thiền viện. này về sau sẽ được chuyển sang chữ Hán-Nhật. Tài liệu Họ Bắc Điều thật lòng rất cảm kích đối với các thiền sư có ghi rằng Lan Khê, khi tiếp chuyện với Viễn

Sơn là đã được gặp, và họ thấy rằng liên hiệp với Thiền họ sẽ lãnh chúa vùng Đan Hậu (Tango) đã nói: “Maku-maa- được ủng hộ giúp đỡ về mặt tín nhiệm văn hóa. Bén nhạy sun, maku-maa-sun, nyuzu kunrii fuya”. Sinh trưởng ở với đường lối mới trong việc tạo ảnh hưởng trên các cơ Tứ Xuyên, Lan Khê dùng tiếng địa phương không phải là sở tôn giáo khắp nước, họ khai trương hệ thống các thiền tiếng Trung Hoa chuẩn thời bấy giờ, lời của Ngài sau đó viện được chính thức xếp loại tên là Ngũ Sơn. Năm 1229 được một người Tứ Xuyên đang sống ở Liêm Thương Thường Trí tự được chọn là đệ nhất trong Ngũ Sơn, và ba viết ra chữ Hán, sau này được dịch ra chữ Nhật có nghĩa chùa khác ở Liêm Thương được thêm vào năm 1310. là “Chớ vọng tưởng, chớ vọng tưởng! Chính ông xưa nay Trong vòng nửa thế kỷ tiếp theo (dưới quyền cai trị của vốn là Phật”. Một nhận xét của Vô Học Tổ Nguyên, cũng họ Trúc Lợi) ba trăm thiền viện đều trực thuộc mạng lưới ghi chép lại theo kiểu như trên, được chấp nhận như là Ngũ Sơn. Trong giới học thiền đây là chỗ tự hào vì các công án, nhưng không thể giải đoán được. Cả trăm năm nhà cai trị họ Bắc Điều, người đã đẩy lui quân Mông Cổ, sau khi Vô Học tịch, một vị Sư sau này nhận ra rằng Vô nằm trong số những người học thiền đầu tiên ở Nhật. Học chỉ muốn nói: “Vào đi, vào đi! Ta có một việc muốn Mộng Song đã khen ngợi Bắc Điều Thời Lại và con của nói với ngươi!” Hàng rào ngôn ngữ không thể nào tránh ông là Bắc Điều Thời Tông như sau: khỏi làm chướng ngại cho việc tăng sĩ Nhật đến Trung Hoa. Vinh Tây vẫn không nói được tiếng Hoa trong lần thứ hai hành hương đến lục địa, mười chín năm sau Thời Liêm Thương, đệ tử Thiền là Bắc Điều Thời Lại chuyến đi thứ nhất. Các nhà du hành có tiền thường thuê tôn kính thiền pháp và xây cất chùa Kiến Trường... thông ngôn, đa số là thương buôn. Tăng sĩ Nhật hình như Thời Hoằng An (1278–1287) cả thế giới đảo lộn vì học vấn về ngôn ngữ kém hơn du học sinh các quốc gia khác, chỉ một số ít có được năng lực đúng mức. Một học quân Mông Cổ xâm lược. Môn đệ cư sĩ Bắc Điều Thời tăng có khả năng nhất là Biệt Nguyên Viên Chỉ (1295– Tông dù sao vẫn bình tĩnh, và mỗi ngày đều mời thỉnh 1364) nói tiếng Hoa lưu loát đến nỗi thường bị hiểu lầm thiền sư Vô Học Tổ Nguyên, lúc đó trụ trì chùa Kiến

80 77

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

Trường, hoặc nhiều thiền tăng kinh nghiệm, và các vị Collcutt tả rằng những ngôi thiền viện mới này như thể “tiền đồn của tôn giáo và văn hóa Trung Hoa trong xã hội đã thuyết pháp. Thái độ này rất đáng ca tụng và được Nhật Bản trung đại”, một sự nhận định đúng với những ghi vào Vô Học Ngữ Lục. Sau này, Thời Tông xây thiền viện đầu tiên thời Liêm Thương, song có lẽ không dựng chùa Viên Giác, tiếp tục nuôi lớn sự hưng thịnh phù hợp lắm với các ngôi chùa thời Đại Đăng.

của Thiền tông. Không phải đó là lý do tại sao quân Ngôn ngữ là một trong những chướng ngại nghiêm trọng nhất mà người Nhật khao khát hiểu biết Thiền phải Mông Cổ không hủy diệt được nước ta sao? Thế giới đương đầu. Thiền thư dĩ nhiên là viết bằng chữ Hán, và được an bình trong hai thế hệ cha đến con, và cả hai văn phong chuyên biệt trong thiền thư khác với tiếng Hoa phổ thông thường dùng. Hơn nữa người

Nhật không đọc được biết là đã qua đời trong tư thế mẫu mực. hoặc nói tiếng Hoa như người Hoa. Thay vào đó họ biểu Trong thời kỳ lớn mạnh và vững chắc, tác động hỗ thị chữ Hán sao cho có thể đọc theo lối Nhật, một tiến tương giữa Thiền Trung Hoa và Thiền Nhật Bản càng trình phức tạp gồm có sự đảo ngược trật tự chữ và chia tăng gia. Tăng nhân Nhật đến Trung Hoa hy vọng rằng sẽ động từ thêm vào. Vì từ đầu không có tự điển thiền ngữ trở về cùng với thiền sư Trung Hoa, và thiền sư Trung và hầu hết sách vở đều chép tay (với mức độ trung thực Hoa thúc giục học tăng Nhật mang lý thiền trở về Nhật. cũng thay đổi). Việc khắc bản in bằng gỗ chưa có ở Nhật Một vài vị thầy Trung Hoa ở Nhật hứa hẹn với đệ tử ở cho đến cuối thời Liêm Thương, và sự phổ biến lan dần. Nhật sẽ cho xuất dương đến lục địa tu học, như trường Hậu quả là nhiều người đã hao phí nhiều năng lực để tìm hợp Nam Phố. Một số tăng sĩ hành khước Nhật đã ở lại hiểu ngôn ngữ thiền mà vẫn không đạt được sở nguyện. Trung Hoa cả chục năm, và nhiều vị qua đời tại đó. Trớ trêu thay những người mong muốn đi vào tông phái Đương nhiên mối quan hệ không phải lúc nào cũng tốt “bất lập văn tự” bước đầu phải nương nhờ một ngôn ngữ đẹp một số ít tăng nhân Trung Hoa di dân bị kết tội làm nước ngoài; song tiến trình này cũng mang lại nhiều công gián điệp cho Mông Cổ, và cuối cùng một vị thiền sư, bất dụng tích cực phù hợp với nguyên tắc của Thiền (ví dụ, hạnh thay đã thấy một điều gì đó ở Nhật, đột ngột trở về giảm bớt sự dính mắc vào phạm trù chữ nghĩa của ngôn Trung Hoa. Mặc dù Nhật và Hoa lại bang giao tiếp, hai ngữ). Bất chấp những khó khăn đó, tăng nhân Nhật vẫn bên vẫn còn ngăn ngại bởi những khoảng cách lớn về văn thích dùng Hán văn (Kanbun) để trước tác những công hóa, và điều này không đâu rõ rệt bằng trong thế giới nhà trình nghiêm túc, và Hán văn được trọng dụng trong Thiền. Những thiền viện đầu tiên ở Nhật, xây dựng và Thiền tông Nhật Bản hơn năm trăm năm. quản lý theo tiền lệ Trung Hoa, mang sắc thái ngoại lai Thiền tăng Trung Hoa vào đất Nhật nhưng không nói một cách kỳ lạ trong sự xây dựng mới này. Đường nét được tiếng Nhật là cả một sự thử thách cho cả chủ lẫn trang trí và vị thế bố trí các tòa nhà khác với kiến trúc các khách. Minh Cực Sở Tuấn đến Nhật năm 1330, báo tin ngôi chùa hiện có. Thiền tăng mặc kiểu y phục không cho thí chủ người Nhật của mình bằng một bài kệ: quen mắt, tiến hành nghi thức và kiểu cách nói chuyện lạ lùng; trong vài ngôi chùa còn nghe nói tiếng Hoa. Martin

78 79

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

lần nữa: “Khi trời và đất nát vụn thì ông ra sao?” An hơn ở Trung Hoa, như vậy chữ “môn phái” (sect) có thể dùng cho Thiền tông Nhật Bản và cũng dùng cho những Sơn, mình tựa trên thanh kiếm còn đẫm máu, hét lên sự phân chia sơ khởi trong đó. Mới đây, Bernard Faure thật to: “Quát!” và đứng yên tắt thở trước mặt vị thầy. yêu cầu các học giả xem lại những sự thừa nhận liên quan với khái niệm về tông phái hoặc môn phái thường dùng Một thiền sinh tham công án này đôi khi được trắc trong Thiền và Thiền học. Xem nhẹ yếu tố tín nhiệm nằm nghiệm với câu hỏi: “Khi tứ đại của thân tan rã, ông ở trong ý niệm về mối quan hệ tinh thần giữa thầy–trò, đâu?” Vài công án từ

thời Liêm Thương vẫn còn hương Faure lập luận rằng các tông phái được thành lập từ bên vị của văn chương bình dân (thuyết thoại văn học: ngoài hơn là bên trong: setsuwa-bungaku) của nước Nhật thời kỳ đầu trung đại, một thể loại tự sự trong đó đạo Phật và tín ngưỡng dân gian, có tính cách giải trí và luân lý, được hòa lẫn vào Nói cách khác, yếu tố chính thống hình thành một nhau một cách phong phú. Trong những công án thời tông phái không phải từ cốt lõi của nó, nhưng từ Liêm Thương này du tăng hành khước có những giấc mơ nhiều ảo tưởng, có thánh thần đến rồi đi, và loài vật tụ tập những cái bên lề, những xu hướng khác nhau chống để nghe pháp, "mắt chúng đẫm lệ". Ví dụ, một thiền tăng lại điều phản ứng ngược lại bằng cách loại bỏ hoặc than rằng con rắn thần canh gác chùa cuộn mình ngày bao vây... Bằng cách làm tan hòa những phạm trù của đêm, ai có "chánh nhãn" đều thấy. Trong một công án khác, một thiền tăng được thỉnh cầu làm lễ cầu mưa sau một "môn phái" như thế, một quan điểm rõ ràng có một cơn đại hạn, và tăng trả lời bằng cách đi tiểu nơi bệ tính chất quá "thực thể", chúng ta có khả năng đưa ra thờ. Các viên chức bị xúc phạm liền bắt giữ vị tăng, nhưng trên đường đi đến bót cảnh sát đoàn người bị một một sự phân tích hơi khác một chút và chú trọng đến trận mưa lớn ướt sũng, và vị tăng được trả tự do giữa nhiều cách tụ nhóm theo xã hội, chính trị, chiến lược, những lời tạ lỗi thành tâm. Những vị thầy lãnh đạo Thiền chủ thuyết hoặc địa dư. tông Nhật Bản dấn thân vào pháp tu công án bằng nhiều phương thức khác nhau. Mặc dù tên của Vinh Tây thường Biết rằng có giới hạn trong vài danh từ thường dùng không liên hệ đến công án, hiển nhiên Ngài là một trong rộng rãi, tuy thế chúng ta vẫn minh định được những những vị sáng tạo công án từ các đoạn kinh. Ngôi chùa nhân vật then chốt trong tiến trình truyền thừa và ghi của Vinh Tây ở Liêm Thương là Thọ Phước tự được một nhận chỗ đứng truyền thống của họ trong nhiều chi phái bản văn xưa gọi là "ngôi chùa của mười tám công án Kim Thiền Trung Hoa và Thiền Nhật Bản. Ngay từ đầu những Cương". Đạo Nguyên quay sang chuyên tu công án của dòng Thiền Nhật Bản đã tạo một hình thể khác với hình nhiều dòng Thiền Lâm Tế trong năm năm ở Trung Hoa, thể Trung Hoa đã có trước, và những sự khác biệt này gia và về sau tự tay sưu tập ba trăm tắc công án cổ điển. Khi tăng theo thời gian. Những chi phái Thiền Trung Hoa có bộ sưu tập này được tìm thấy trở lại vào năm 1766 thì bị ưu thế lại tàn lụn ở Nhật, trong khi những dòng phái ít nổi loại bỏ vì các môn đồ Tào Động cho là giả mạo, họ nhấn bật hơn lại thắng lợi ở đây. Một hậu quả của việc này là

96 85

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

những vị thầy còn trong bóng tối ở Trung Hoa lại được bao vây, ông làm sao thắng trận mà không phải chiến đấu người Nhật trọng vọng như là Tổ sư Trung Hoa. Đương hay bao vây họ?" Những công án khác căn cứ trên các nhiên là các tăng nhân Nhật và Hoa đã du nhập vào Nhật biến cố (hoặc được cho là biến cố) trong đời sống các dòng thiền chiếm ưu thế thời bấy giờ. Đời Nam Tống chiến sĩ. Câu chuyện sau đây nêu lên cường độ tu Thiền dòng thiền chính là dòng Phá Am Tổ Tiên thuộc phái của vài chiến sĩ:

Dương Kỳ trong tông Lâm Tế. Nhân vật lãnh đạo trong số các du tăng Nhật Bản đã truyền dòng Phá Am này là Viên Nhĩ Biện Viên (1201–1280). Thầy của Viên Nhĩ là Trung Chánh, quan hầu cận lâu năm của Nhiếp chính Vô Chuẩn Sư Phạm (1177–1249), trụ trì ngôi chùa tiếng Bắc Điều Thời Trinh có pháp danh là An Sơn. Ông là tăm là Kính Sơn. Vô Chuẩn tích cực khuyến khích truyền một thiền sinh rất ham tu và suốt hai mươi ba năm bá Thiền ở Nhật, Ngài được sách vở thời nước Nhật trung đại khen tặng là "đệ nhất thiền sư của thế gian". Đệ tử là thường đi lại thiền đường dành cho cư sĩ ở chùa Kiến Viên Nhĩ rất trung thành với giáo lý của thầy mình, Trường. Khi cuộc chiến xảy ra vào năm 1331, ông bị nhưng hoàn cảnh nước Nhật không cho phép dựng lập thương trong một trận đánh. Bất chấp vết thương đau một phái thiền độc lập. Thay vào đó, Viên Nhĩ đề xướng một mô thức thiền phối hợp với những thành tố từ tông đớn ông phi ngựa đến chùa Kiến Trường để gặp Tổ phái khác của đạo Phật ở Trung Hoa và Nhật Bản, một Sơn, vị giáo thọ thứ hai mươi bảy ở đó. Một tiệc trà đặc trưng đáp ứng cho giai đoạn hòa giải lúc ban đầu. Vị thiền sư Trung Hoa gây ảnh hưởng nhiều nhất đã truyền theo nghi thức đang tiến hành tại chùa Kiến Trường. dòng Phá Am là Vô Học Tổ Nguyên (1226–1286), một An Sơn đến còn nguyên áo giáp trận, Tổ Sơn nhanh đệ tử khác của Vô Chuẩn Sư Phạm. Khi Vô Học đến tay đưa tách trà trước mặt người chiến sĩ và hỏi: "Thế Nhật năm 1279 Ngài đã năm mươi ba tuổi và là một lão tăng đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các thiền viện nào đây?" An Sơn lập tức đạp nát tách trà dưới chân lớn Trung Hoa. Bắc Điều Thời Tông đã cung thỉnh Ngài và bảo: "Trời và đất đều nát vụn". Vị thầy hỏi tiếp: "Khi làm trụ trì khai sơn chùa Viên Giác ở Liêm Thương. Nhiều vị khai tổ trong Thiền tông Nhật là đệ tử của trời và đất nát vụn thì ông ra sao?" Người chiến sĩ những dòng thiền có ảnh hưởng bậc nhì ở lục địa Trung đứng thẳng, chắp tréo tay trên ngực. Tổ Sơn đánh Hoa. Vị thầy đầu tiên trong loại này là Vinh Tây, đã quay ông, và An Sơn bất chợt hét lên vì vết thương gây cơn sang tu thiền vào năm 1187 trong lần du hành thứ hai sang Trung Hoa. Thời điểm này phái thiền Dương Kỳ đau. Tổ Sơn bảo: "Trời và đất chưa bể nát". không phân chia đang chiếm ưu thế và làm lu mờ phái Tiếng trống từ quân ngũ bay qua núi vang lên, và An thiền Hoàng Long, song Vinh Tây mang về Nhật phái thiền Hoàng Long. Yên lòng với những phức tạp trong Sơn phi ngựa trở về. Chiều hôm sau ông lại đến chùa, các dòng phái Trung Hoa kình địch lẫn nhau, và có lẽ mình đầy máu, để gặp thầy. Tổ Sơn bước ra và hỏi

86 95

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

được những kiểu đáp nào không bằng lời nói có thể đi không đủ khả năng để xác định những sắc thái đặc thù kèm những câu đáp bằng lời. của phái Hoàng long, Vinh Tây đặt phái này ngang hàng với mọi thiền phái khác. Ngài cũng xem Thiền là toàn bộ Phật giáo đời Tống, dùng những danh xưng như "Thiền TU CÔNG ÁN THỜI KỲ ĐẦU của Phật", "Như Lai Thiền". Trong khi sự đồng nhất THIỀN TÔNG NHẬT BẢN Thiền với Phật giáo đời Tống của Vinh Tây được xem Sự du nhập Thiền tông vào Nhật đã phấn khích sự phát như là một sự đơn giản hóa thái quá hoặc một phương triển tươi mới

pháp tu công án cổ truyền. Khi sự hiệu sách có tính cách thủ đoạn và luận chiến, cuộc khảo cứu nghiệm của công án được tất cả các vị thiền sư thời kỳ gần đây cho rằng sự nhận định của Vinh Tây không phải đầu nhìn nhận, các vị cũng nhận thấy rằng các thiền sinh là không căn cứ. Đó là, Thiền đã lan thấm khắp Phật giáo Nhật Bản gặp khó khăn đối với văn bản công án cổ điển, đời Tống đến đỗi những sự dị biệt có tầm quan trọng giữa thường có vẻ như quá xa lạ, quá phức tạp, và quá văn nhiều tông phái đạo Phật trở thành tương đối vô nghĩa. chương bóng bẩy. Do đó các vị thêm những công án mới Vừa trở về Nhật năm 1191, Vinh Tây vẫn tự cho mình là vào nguyên văn xưa. Vài vị sáng tạo một cách tự nhiên một tăng sĩ Thiên Thai, và Ngài tự ý sát nhập sự biện giải ứng đối các tình huống đặc biệt; các vị khác dựa trên Thiền của Ngài vào mô thức Thiên Thai. Những tông những đoạn kinh trong Tam tạng kinh điển đã được biết phái đã dựng lập từ trước tuy thế lại cảm thấy bị đe dọa, đến ở Nhật. Ví dụ, Tâm kinh Bát-nhã có nhiều câu tạo và sự phản kháng của họ khiến Vinh Tây phải trả lời rằng nên những công án rất hữu hiệu, và thiền sinh sau đó Ngài đang khôi phục "Thiền đời Đường" đã được du được thử thách cô đọng Tâm kinh còn "một chữ" duy nhập nhiều thế kỷ trước đây bởi vị sáng lập tông Thiên nhất. Một câu nói của Đức Phật trong kinh Kim Cang trở Thai là đại sư Tối Trừng. Nam Phố, thầy của Đại Đăng, thành một công án: là một nhân vật quan trọng hàng đầu đã du nhập dòng thiền có ảnh hưởng kém hơn. Nam Phố tu học ở Trung Hoa với Hư Đường Trí Ngu, thuộc nhánh Tùng Nguyên Nếu lấy sắc thấy Ta Sùng Nhạc phái Dương Kỳ. Hư Đường làm trụ trì hơn Lấy âm thanh cầu Ta mười ngôi chùa khác nhau, trong đó có ngôi danh lam Kính Sơn, song Ngài chưa bao giờ đạt đến mức phát triển Không thể thấy Như Lai. như Vô Chuẩn. Khi Nam Phố sắp về Nhật, Hư Đường Để qua được công án này, thiền sinh phải làm sao khích lệ Ngài với lời sấm ký: "Con cháu biển Đông ngày chứng minh rằng không phải qua sắc tướng "thấy" được thêm nhiều". Ai tham dự vào dòng mạch truyền thiền từ Phật. Hư Đường đến Nam Phố đến Đại Đăng (bao gồm gần hết các học nhân Thiền Lâm Tế ngày nay) đều nhìn nhận Giai đoạn đầu tiên của Thiền tông Nhật Bản tập trung rằng cái thấy của Hư Đường đã thực sự được xác minh ở Liêm Thương, chỗ bản doanh của tướng quân, và nhiều qua những sự phát triển về sau này. công án trong thời này được các môn sinh chiến sĩ thụ nhận. Một vị thầy có thể hỏi: "Nếu ông bị trăm quân thù

94 87

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

Ngoài Nam Phố, nhiều thiền tăng di dân Trung Hoa đại diện cho dòng Tùng Nguyên ở Nhật. Khuôn mặt tiêu biểu nhất là Lan Khê Đạo Long, đã kể ở trên, đến Nhật Bá Trượng lấy một tịnh bình, đặt xuống đất và hỏi: hai mươi năm trước khi Nam Phố hồi hương. Do Bắc "Không được gọi là tịnh bình. Phải gọi là gì?" Điều Thời Lại bảo trợ, Lan Khê làm trụ trì khai sơn chùa ..... Qui Sơn bước đến, đá tịnh bình và lui ra. Kiến Trường ở Liêm Thương, và sự bổ nhiệm Ngài là điềm báo trước sẽ có chuyển biến trong Thiền tông từ sự Trong Lâm Tế Lục có một cuộc tham kiến hoàn toàn kiện hiện hữu hỗn hợp đến độc lập. im lặng: Trong những năm truyền nhập tôn giáo và văn hóa, Đại Giác đến

gặp Lâm Tế. Sư [Lâm Tế] đưa phất tử những tông phái ít nổi tiếng cũng được du nhập vào Nhật. lên. Đại Giác trải chiếu. Sư hạ phất tử xuống. Đại Giác Truyền nhân quan trọng bậc nhất trong tông phái ít tiếng cuốn chiếu và đi về tăng đường. tăm này là Đạo Nguyên Hi Huyền, đệ tử của Thiên Đồng Như Tịnh. Thiên Đồng Như Tịnh thuộc tông Tào Động, Những câu đáp như trên vẫn còn giữ địa vị quan trọng một trong bảy tông phái thiền. Nhưng như Đạo Nguyên trong nhà Thiền hiện đại: vài công án được trả lời bằng tự công nhận, gần thế kỷ 13 tông Tào Động bị lấn lướt về những sự chứng tỏ trong đó hành giả hành động ra ngoài con số bởi nhiều chi phái thuộc tông Lâm Tế ra đời. Ngay sự hiểu biết theo một cung cách rất là hồn nhiên và tự tại. khi về đến Nhật năm 1227, Đạo Nguyên đầu tiên định Để diễn tả tinh thần một công án liên quan đến một con truyền bá Thiền ở Fukakusa, ngoại vi phía nam Kyoto. vật, để ví dụ, thiền sinh liền cúi mình bò bốn chân và Thất vọng khi được đón tiếp hoặc bị thúc ép bởi những lý "biến thành" con vật. Dầu nội dung câu đáp bằng lời hay do khác khó hiểu, Ngài dời về bắc đến tỉnh Echizen và không bằng lời có như thế nào, vị thầy trước tiên chú ý xây chùa Vĩnh Bình. Tại đây Đạo Nguyên hoàn thành bộ đến sự lý hội của hành giả; nếu vị thầy thấy rằng câu đáp Chánh Pháp Nhãn Tạng, một tác phẩm đưa Ngài nổi danh "đúng" không phát xuất từ tâm thái tất nhiên, kể như là là một nhà tư tưởng lớn tầm cỡ quốc tế. Trong tình thế hành giả không được chấm đậu. Ta không thể biết được kình chống giữa nhiều phái thiền, Đạo Nguyên vẫn bình với mức độ nào một sự chứng tỏ bằng hành động bộc lộ thản khởi đầu giảng dạy, sau khi dời về Echizen Ngài ra ngoài đã được sử dụng trong Thiền Trung Hoa hoặc công kích thật sắc bén tông Lâm Tế và vài vị lãnh đạo, thời sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản. Không có gì bảo đảm cho rằng Lâm Tế "chưa hề nói lên điều gì độc đáo ngay khi cho rằng những câu trả lời đi vào ngữ lục là những cả trong mộng". Tông Tào Động Nhật Bản, bấy lâu nay câu duy nhất đã được đưa ra, song cũng sẽ lầm lẫn khi vẫn xem Đạo Nguyên là Sơ Tổ, đã vượt qua những thăng đọc những câu trả lời hiện nay hoặc các pháp tu công án trầm lịch sử để trở thành một trong hai phái thiền Nhật nằm trong những bản văn đầu tiên. Trong Lâm Tế Lục, Bản chánh yếu. Lâm Tế hỏi Hạnh Sơn: "Cái gì là con trâu trắng đứng trên bãi đất trọc?" Hạnh Sơn trả lời: "Mu...u, mu...u!" Trong những trường hợp như thế, chúng ta không thể nào biết

88 93

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

nhất được gọi là "thoại đầu" của công án: chữ "Quan". SỰ PHÁT TRIỂN PHÁP TU CÔNG ÁN Năm 1229 Vô Môn Huệ Khai ấn hành Vô Môn Quan, có lời bình bằng văn xuôi và thi kệ cho bốn mươi tám công Công án nghĩa đen là "án lệnh nơi công đường". Một án tuyển chọn. Như đã nói ở trên, Vô Môn Quan dễ tiếp công án là một câu đố về tâm linh không thể nào giải đáp cận hơn Bích Nham Tập: ngắn hơn một phần mươi; chỉ bằng tri thức được. Tuy những câu hỏi hắc búa và nghịch một người biên tập; không có trước ngữ; văn phong thẳng lý vẫn tìm thấy trong văn chương thế gian và xuất thế tắt hơn và ít văn chương hơn. Công án đầu tiên trong Vô gian của nhiều nền văn hóa, nhưng chỉ

riêng Thiền tông Môn Quan là một trong những công án được dùng rộng mới có những châm ngôn triển khai thành phương pháp rãi nhất trong nhà Thiền: tu hành tinh chuyên miên mật. Điều làm cho những công án thành miếng ngon để cắn, miếng mồi mắc vào lưỡi câu, là một chi tiết nào đó sẽ thách đố lý luận thường tình Tăng hỏi Triệu Châu: theo công ước, giống như chiếc đuôi không theo con trâu Con chó có Phật tánh hay không? để chui qua cửa. Lúc đầu, một công án có thể dùng để tập trung chuyên chú trong thời tọa thiền. Nhưng một khi Triệu Châu đáp: Không. hành giả bị công án kẹp chặt thì sẽ bị thu hút vào đó vượt Suốt đời Tống và Nguyên, các vị thiền sư thường giao quá thời hạn tọa thiền. Vài hành giả kể lại rằng họ có thể công án cho tham và bình tụng khi thuyết giảng bằng văn tiếp tục khán công án ngay cả trong giấc ngủ. Khi sự tập xuôi và thi kệ. Tuy nhiên chi tiết trong sự ứng dụng tu tập trung vào công án mãnh liệt đến mức hành giả không còn vẫn còn lờ mờ. Thiền sinh được tự do lựa chọn công án thấy mình nữa, lúc đó giác ngộ có thể xảy đến. Sự phát theo ý mình, hoặc do vị thầy giao, có lẽ có một chuẩn triển thực sự pháp tu công án khó thể tả ra. Chữ “công đích liên tục? Khi thiền sinh cần được hướng dẫn, họ sẽ án” đầu tiên xuất hiện trong pháp ngữ của thiền sư Hoàng gặp vị thầy riêng từng người hay cả nhóm được gặp? Tu Bá Hi Vận (?–850?); trong một bản văn đầu tiên của một công án là phần việc chính thức hay không chính thức đệ tử của Hoàng Bá nói với vị tăng đến tham kiến: “Như trong quy chế thiền viện? Làm thế nào nắm được phạm vi một công án có sẵn, ta tha ông ba mươi gậy”. Bích Nham chữ nghĩa của pháp tu công án? Những câu hỏi này và Lục chỉ nói: “Công án phát sinh từ đời Đường và hưng những câu hỏi khác không thể giải đáp bằng những tư thịnh vào đời Tống”. liệu rời rạc tồn tại từ thời đại đó. Công án có thể được Giai thoại và đối đáp từ cuộc sống của những khuôn giải đáp bằng lời hay không bằng lời. Dĩ nhiên, những mặt thiền ưu tú dù có ghi chép trong bộ sưu tập tự truyện câu đáp bằng lời chiếm ưu thế hơn bài viết, dù cho đủ đầu tiên hoặc được truyền qua miệng những du tăng hành kiểu trả lời không bằng lời nói đã được ghi chép lại: tăng khước, đều là nguồn tư liệu phong phú cho các công án tát sư và sư tát tăng, cúi lạy, cuốn chiếu, buông thân nằm Trung Hoa đầu tiên. Trong những giai thoại này các vị xuống, phất tay áo, và v.v... Vài câu đáp không bằng lời thầy bố cục những câu hỏi trong khung ngôn ngữ nghịch nói, đặc biệt cho một tình huống riêng biệt nào đó, như lý để trắc nghiệm môn đệ, thường rút ra từ những việc trong tắc 40 Vô Môn Quan: tình cờ xảy ra hoặc đồ vật ngay tầm tay. Ví dụ, nhiều mẩu

92 89

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

đối thoại trong Lâm Tế Lục mang tính chất gần như công thế kỷ được dùng như một bản trích yếu phong phú trong án: nhà Thiền về giáo lý, kiến giải, thi kệ và trí tuệ. Bích Nham Tập cũng phản ánh chỗ hội giao giữa Thiền với tầng lớp trí thức đời Tống. Như Robert Buswell đã ghi Sư [Lâm Tế] hỏi một vị tăng: Ông từ đâu đến? Tăng: nhận, sưu tập công án như thế “giúp đưa Thiền vào trào Con đi kinh thành bán hạt kê. Bán hết chăng? Vâng, lưu chính của đời sống văn hóa Trung Hoa, và cũng dẫn bán xong hết. Sư

đưa gậy lên vẽ một đường thẳng đến sự giao lưu phong nhiêu giữa Thiền và giới văn chương thế tục". Đệ tử của Viên Ngộ là Đại Huệ Tông trước mặt tăng hỏi: Ông bán được vật này chăng? Cảo (1089–1163) nâng cao sự phát huy pháp tu công án Lâm Tế không xác định bất kỳ pháp tu nào của Ngài là Trung Hoa đến tuyệt đỉnh. Đại Huệ chủ trương tham cứu tu công án (ngay như chữ công án cũng không thấy xuất cốt lõi của công án, một kỹ thuật tu thiền gọi là "khán hiện trong Ngữ lục), tuy nhiên về sau ở Nhật "Thiền Lâm thoại". Thay vì tham cứu toàn bộ công án, hành giả cố tập Tế" trở thành đồng nghĩa với "Thiền công án". Vào đầu trung chuyên chú vào một chữ hoặc một câu cốt yếu, có thế kỷ 10 hành giả được chỉ dạy tham thiền trên lời nói tính chất quyết định (thoại đầu). Liên tục bám chặt câu hoặc hành động bí ẩn của các vị tiên đức. Nam Viện Huệ này trong tâm, ta cố thâm nhập ý nghĩa. Đại Huệ nhận Ngung (?–930) sử dụng nhiều câu của Lâm Tế để trắc định pháp tu này là con đường thẳng tắt hữu hiệu trong sự nghiệm đệ tử, và Vân Môn (?–949) có lẽ là vị thầy đầu tu tập, và là con đường đưa đến giác ngộ: tiên đã giao công án cho tham cứu từ đó trở thành biểu thị đặc trưng của tông Lâm Tế. Vào lúc các tập công án xuất Nếu ông muốn hiểu được nguyên lý con đường thẳng hiện vào thế kỷ 11 và 12, công án được định nghĩa là một phương pháp tu thiền và là một thể loại văn học thiền. Bộ tắt, ông phải trong một cú đột kích phá tan tư niệm sưu tập đầu tiên và qui mô hơn hết là Bích Nham Lục, này lúc đó và chỉ lúc đó ông mới hiểu được sanh tử. biên tập qua hai giai đoạn. Ban đầu, Tuyết Đậu Trùng Lúc đó và chỉ lúc đó mới gọi là đạt ngộ... Ông chỉ cần Hiển (980–1052) tập hợp một trăm tắc công án từ ngữ lục chư cổ đức, bình tụng mỗi bài cho mỗi công án, và luận buông xuống, một lần dứt khoát buông hết, cái tâm giải mười lăm công án với trước ngữ. Khoảng sáu mươi chứa đầy vọng tưởng điên đảo, cái tâm phân biệt lý năm sau khi Tuyết Đậu tịch, Viên Ngộ Khắc Cần (1063– luận, cái tâm ham sống sợ chết, cái tâm tri kiến và 1135) thêm vào lời thùy thị cho hầu hết các công án, trước ngữ từng hàng một trong bản tắc công án, cộng biện giải, cái tâm ưa thích tịch lặng chán ghét ồn náo. thêm trước ngữ từng câu một trong bài tụng của Tuyết Pháp tu công án do Đại Huệ chủ xướng đã truyền vào Đậu, và lời bình kết cục cho toàn bài tụng của Tuyết Đậu. Nhật trước thời Đại Đăng (và vẫn còn biểu thị đặc trưng Quyển sách đúc kết đầy đủ ấn hành năm 1128, được Viên của Thiền Lâm Tế ngày nay). Khi Đại Đăng khán công án Ngộ đặt là "Bích Nham", theo tên thiền thất của Ngài trên "Thúy Vi lông mày" Sư chuyên chú vào một chữ duy núi Giáp Sơn ở Hồ Nam. Bích Nham Tập trải qua nhiều

90 91

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản NHỮNG NỀN TẢNG CỦA THIỀN TÔNG NHẬT BẢN

(1257–1325). Vì Thông Ông lớn hơn Đại Đăng hai mươi mạnh rằng Đạo Nguyên không bao giờ sử dụng công án lăm tuổi và là trụ trì ngôi đại tự Nam Thiền, nên giữ (năm 1935 được xác minh là đúng). Sự kiện Đạo Nguyên nhiệm vụ hàng đầu chống đỡ Thiền tông. Các tông phái thân thuộc với công án được thấy rõ trong bộ Chánh Pháp đã dựng lập trước có đại biểu là một số tăng lữ tiếng tăm; Nhãn Tạng. Tuy thế trong những chương cuối bộ sách trước tiên là Huyền Huệ, vị trụ trì Thiên Thai "nổi tiếng này, Ngài

tự nhận là khác xa với những người chủ trương vì học rộng hơn tất cả mọi người đồng thời". Những tu thiền với công án, xem thường kiến giải của Đại Huệ là người khác tham dự tranh luận gồm có Hổ Thanh, trụ trì "chẳng có gì ngoài một ít đoạn nhớ thuộc từ kinh...". Đông Tự là một ngôi chùa của Chân Ngôn tông ở phía (Những lời phê bình như thế cũng phản ánh sự kình địch nam Kyoto; tăng nhân từ Tam Tỉnh tự là ngôi chùa trong giữa các dòng thiền và sự thất bại về chính trị đã làm điêu bản doanh của Thiên Thai trên bờ hồ Tỳ Bà (Biwa); và đứng Đạo Nguyên khi Ngài vừa hồi hương từ Trung các tu sĩ của tông phái Nại Lương. Hoa). Trong số các vị thiền sư di dân, Lan Khê dẫn đầu Chỉ có vài tường thuật rời rạc tồn tại, và mức độ chính trong việc chấp nhận dạy cho người học những công án xác không thể định được, song vai trò của Đại Đăng được giản dị như "kinh Nhất tự" và đưa ra những huấn thị mô tả là nổi bật. Có một điểm được kể lại là Huyền Huệ giống công án như thể "Hãy nhìn từ đâu cuộc sống bắt tiến công với câu hỏi: "Cái gì là Thiền, thường cho là đầu!" Vô Học Tổ Nguyên, đến Liêm Thương một năm sau ngày Lan Khê tịch, người đã chứng ngộ nhờ công án, 'giáo ngoại biệt truyền'?" Câu hỏi này ám chỉ một châm đã thúc giục môn sinh Nhật của mình hãy tham những ngôn nổi tiếng trong Thiền không thừa nhận các tông phái công án cổ điển và mới tạo ra: trong đạo Phật dựa vào kinh điển gọi là "giáo tông". Đại Đăng trả lời, ngắn gọn và cương quyết, trích dẫn câu trước ngữ trong Bích Nham Lục: "Cối đá xây hình bát Ngay từ đầu các ông hãy tham một công án. Công án giác bay trên không" (Bát giác ma bàn không lý tẩu) 8 . là một lời nói uẩn áo của Tổ sư; tác dụng của công án Thay vì đưa ra một lời giải nghĩa lý luận về Thiền hoặc có liên quan đến giáo điển, Sư tìm cách diễn đạt Thiền trong thế gian phân biệt này là khiến cho cái nhìn của một cách càng trực tiếp càng tốt, và muốn thế Sư sử dụng con người được ngay thẳng, và cho họ sức lực để họ một trước ngữ. Chúng ta không ngạc nhiên khi được biết "Huyền Huệ không hiểu" biểu tượng của Đại Đăng là đứng vững trên bến nước bờ sông. Xưa kia, trong hai một tượng trưng khó hiểu, và có lẽ Huyền Huệ không hoặc ba năm tôi được giao ba công án trong những quen với thông lệ đối đáp tại buổi tham kiến trong nhà buổi tham kiến: "Gương mặt xưa nay trước khi cha mẹ Thiền. Tuy thế trước ngữ không hẳn là không có ý nghĩa. Ít nhất hình ảnh cái cối xay bay trên trời gợi ra một ý gì sinh", "Tức tâm, tức Phật", và "Không tâm, không siêu vượt kinh nghiệm thường tình hoặc sự diễn tả theo Phật". Đối với một người đứng trước cái điên đảo của công ước, những đặc tính khế hợp với "giáo ngoại biệt sanh và tử, những công án này quét sạch cát bụi thế 8 Câu nói của Dương Ức (968-1024).

108 97

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

gian và mở ra kho tàng trân bảo vốn đã ở đó xưa nay, tham gia một cuộc tranh luận tôn giáo, một biến cố đã khiến tên tuổi của một vị thầy tương đối chưa ai biết đến là căn nguyên phi thời gian của mọi vật. tiến nhanh đến chỗ nổi danh một cách đột ngột. Giống như Lan Khê trước đó, Vô Học chính thức tiếp kiến thiền sinh trong thời tham thiền, đó là buổi tham vấn CUỘC TRANH LUẬN CHÁNH TRUNG riêng thầy–trò, và sau này trở thành bắt buộc trong pháp tu công án ở Nhật. Vị đệ tử xuất cách nhất của Vô

Học là Cuộc Tranh Luận Chánh Trung, lấy tên triều đại lúc quan nhiếp chính Bắc Điều Thời Tông, người đã thắng lợi xảy ra, phản ánh sự kình chống giữa cơ chế Thiền tông trong công cuộc bảo vệ nước Nhật chống Mông Cổ. Vì vừa thành lập và các tông phái Phật giáo đã xây dựng Vô Học không nói được tiếng Nhật, Ngài tiếp xúc với trước đây. Vào thời Chánh Trung (1324–1326), Thiền Thời Tông qua thông ngôn. Ngoài chướng ngại về ngôn tông đã đặt nền móng ở phía nam (Cửu Châu) và phía tây ngữ, mối quan hệ với người ở địa vị cao là Thời Tông đã (Liêm Thương) nước Nhật, tuy nhiên vẫn còn gặp chống khiến tương quan thầy–trò không được tự nhiên khi Vô đối mãnh liệt ở đông Nhật Bản (vùng ngoại vi Tokyo). Học muốn đánh người đệ tử đặc biệt này, Ngài giáng gậy Nơi đó tông Thiên Thai và Chân Ngôn và các tông phái xuống vị thông ngôn không may. cổ Nại Lương (Nara) đã đặt bản doanh. Khi các nhân vật lãnh đạo các đoàn thể tôn giáo kiến nghị chận đứng sự bành trướng của Thiền tông, Nhật hoàng trả lời bằng cách tổ chức một cuộc tranh luận công khai, một phương thức được nhiều bậc tiên đức khuyến khích ở Á châu. Như Viên Ngộ đã viết trong Bích Nham Tập: Trong các cuộc tranh luận về giáo lý ở Ấn Độ, người thắng cuộc cầm cờ đỏ trong tay, trong khi người bại trận cởi áo trong ra và bỏ đi qua cửa hông. Ai muốn tổ chức cuộc tranh luận phải xin phép vua. Chuông và trống sẽ được đánh lên ở các ngôi chùa lớn và sau đó cuộc tranh luận mở màn. Cuộc tranh luận tôn giáo đầu tiên ở Nhật do Nhật hoàng Ta-Nga (trị vì 809–823) chuẩn y, nghe nói kéo dài mười bảy ngày đêm. Tranh luận Chánh Trung khai mạc suốt vào giữa tháng giêng năm 1325, tại Thanh Lương Điện trong hoàng cung. Đại biểu cho Thiền tông là hai vị đệ tử của Nam Phố: Đại Đăng và Thông Ông Kính Viên

98 107

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

theo qui ước vị trí của hoàng đế là tối cao và tuyệt đối; chỉ một ít bề tôi được phép nhìn lên ngang mặt vua. Đáp lại Đại Đăng phô bày pháp Phật là chân lý nền tảng và siêu vượt mọi phân biệt thế gian, một qui luật tự nó "không nghĩ lường" bởi vì nó bất chấp khái niệm tri thức. Tuy Hoa Viên không phải là người mới đến với Thiền, nhưng câu đáp thẳng thừng của Đại Đăng có thể xúc chạm ông: Sư đã bắt đầu chỉ giáo vị cựu hoàng đế theo phong cách Thiền. Một tháng sau khi Hoa Viên viết về Đại Đăng lần đầu tiên trong nhật ký, ông ghi thêm vài suy 5 nghĩ cũng một đề tài đó: "Đầu tiên và trước hết, qui luật ngàn đời và pháp của Phật không thể nào là hai điều khác biệt. Kinh Pháp ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC Hoa nói: 'Dù đang cai trị thế gian hoặc luận bàn thiền Một đêm Sư (Đại Đăng) nằm mơ thấy sáu vị tỳ-kheo định, ta đều phải tuân theo chánh pháp trong mọi hình như là đại đệ tử của Phật. Vị trưởng thượng nhất trường hợp.' Hơn hết bất cứ ai, một vị hoàng đế phải bảo: "Thời cơ đã đến cho ông trụ trì. Tại sao không hiểu ý nghĩa muốn nói gì". chịu đi?" Mặc dù Xuân Tác viết về lần gặp gỡ đầu tiên giữa Đại Đăng và Hoa Viên rất phong phú với những yếu tố chưa HÀNH TRẠNG CỦA QUỐC SƯ ĐẠI ĐĂNG

T chính xác, bài viết cũng nêu bật một chủ đề thích hợp và nắm bắt được tinh thần của mối tương giao tuyệt vời giữa heo các nhà viết tiểu sử, những năm quy ẩn của hai nhân

vật. Như sẽ thấy dưới đây, vị hoàng đế hồi hưu Đại Đăng ở Vân Cư am chấm dứt vì điềm tiếp tục tu tập với Đại Đăng ít nhất mười bốn năm, và ông chiêm bao thấy sáu vị tỳ-kheo yêu cầu Sư "ra được công nhận là một trong các đệ tử xuất cách của Sư. đi!" Một trong sáu vị đó, để nhấn mạnh lời khuyến cáo, đã đâm một mũi kim bằng tre vào đầu Đại Đăng. Trạch Khoảng một năm sau khi Đại Đăng gặp Hoa Viên, lần Am cho rằng sáu vị tỳ-kheo này chính là "Sáu vị Tổ Sư đầu tiên Sư gặp một đại thí chủ khác thuộc hoàng tộc, (Thiền) đã được truyền y bát", và Xuân Tác kết luận về Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ. Đại Đăng bốn mươi hai tuổi, và câu chuyện này với một chi tiết dễ khiến ta tin tưởng: "Sư Hậu-Đề-Hồ ba mươi sáu. Hoàng đế gần như vội vàng bày thức dậy bị đau đầu". Điềm lành trong giấc chiêm bao tỏ lòng nhiệt tâm ủng hộ, cúng dường như mưa đến Sư này là điềm thứ ba trong tự truyện của Đại Đăng sự chào với nhiều đặc ân của hoàng gia, những sự trợ cấp và đời nhiệm mầu từ giấc mộng của thân mẫu, và khi chứng phong tước vị. Hậu-Đề-Hồ cũng mời thỉnh Đại Đăng đến ngộ được báo trước qua giấc mơ của Nam Phố thấy Vân

106 99

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

Môn. Dù những thị hiếm này có thể là do các tác giả tự nghiệp! Tôi tự hỏi trời Phật với trí tuệ sáng suốt muốn truyện tô đẹp, việc Đại Đăng bỏ công sức ra chép Truyền Đăng Lục trong bốn mươi ngày đủ cho ta cảm nhận giấc tôi phải làm gì". mộng kỳ lạ về những vị thiền tăng (không cần kể đến việc Vì ông đang khảo cứu giáo lý và pháp tu của tông Sư đau đầu). Thời gian Đại Đăng trải qua mười năm tại Chân Ngôn, Thiên Thai và Tịnh Độ, nên ông đã đọc qua Vân Cư am (1309–1319) là thời kỳ Thiền tông ở Nhật hơn bốn mươi quyển kinh Phật, có thể đọc thuộc. Đầu tiếp tục lớn mạnh. Tại Liêm Thương các thiền viện trung năm 1320 ông gặp một vị tăng Lâm Tế tên Nguyệt Lâm tâm bành trướng ảnh hưởng dưới sự bảo trợ của các nhà Đạo Kiểu (1293–1351), còn có tên là Diệu Hiểu. Hai bên cai trị họ Bắc Điều. Năm Đại Đăng cư ngụ ở Vân Cư am đàm luận mãi đến hừng đông, và Hoa Viên tán dương vị thiền sư lỗi lạc Đông Minh Huệ Nhật (1272–1340) đến Nguyệt Lâm là "rồng". Họ tiếp tục gặp nhau định kỳ Trung Hoa theo lời mời của Bắc Điều Trinh Thời. Sau trong vòng gần ba năm. Hoa Viên đặt hết tâm trí càng lúc những lần bổ nhiệm liên tiếp làm trụ trì nhiều thiền viện ở càng sâu vào học Phật, và ông ngưỡng mộ Thiền: "Đặc Liêm Thương, Đông Minh được người thanh niên trẻ đầy tính tối thượng, vi diệu của Phật pháp và lý tột cùng của tham vọng là Hậu-Đề-Hồ thuyết phục Ngài tiếp quản Tâm thể đều nằm chỉ trong một tông phái Thiền. Giáo lý chùa Kiến Nhân ở Kyoto. Thế lực chính trị của họ Bắc của các tông phái khác trong đại thừa và tiểu thừa không Điều lúc đó đã giảm, và càng suy tàn nhanh chóng sau cái thể sánh bằng". Vị cựu hoàng đế dấn thân vào pháp tu chết của Trinh Thời năm 1311, song sự bảo trợ Thiền công án, và thụ giáo với Nguyệt Lâm trong một buổi lễ tông của họ Bắc Điều vẫn duy trì trong tay Nhiếp chính chính thức, nhưng quan hệ thầy trò bỗng nhiên cắt đứt khi Takatoki (1303–1333) lên nắm quyền năm 1316. Trong Nguyệt Lâm xuống tàu hành hương sang Trung Hoa. nhiệm kỳ của Takatoki thêm ba vị thiền sư di dân đến ngụ tại các chùa ở Liêm Thương. Các du tăng hành

khước vẫn Khoảng thời gian này Hoa Viên gặp Đại Đăng lần đầu. tiếp tục tìm học Phật ở Hoa lục, không hề nao núng dù Nguyệt Lâm và Đại Đăng trước đây có cùng mối liên kết hậu quả đầy thương tích của sự xâm lược Mông Cổ mới với Cao Phong Hiển Nhật, và có thể Nguyệt Lâm có nhắc đây, những bất trắc trong cuộc viễn du trên biển, hoặc đến tên Đại Đăng cho vị cựu hoàng đế lưu ý. Xuân Tác cuộc sống vất vả cam go nơi xứ lạ quê người. Dù cho mô tả buổi diện kiến đầu tiên giữa Đại Đăng và Hoa Viên quân Mông Cổ đã giày xéo Trung Hoa song vẫn tỏ ra thù sau này đã góp phần vào sự hiểu biết Thiền tông Nhật địch với Nhật Bản, họ tự chứng tỏ là những người bảo trợ Bản: nhiệt thành đạo Phật. Trong hai mươi năm đầu tiên vào Nhật hoàng nói trước: “Pháp của Phật đối diện với thế kỷ 14, số các du tăng Nhật Bản đến Trung Hoa lên rất pháp của Vua đồng ngang hàng thật khó nghĩ lường!” cao; trong vài thiền viện Trung Hoa sĩ số tăng nhân Nhật và Triều Tiên đông hơn người Trung Hoa. Ví dụ, khi Đại Sư đáp: “Pháp của Vua đối diện với pháp của Phật Đăng ẩn tu ở Vân Cư am, Trung Nham Viên Nguyệt đang đồng ngang hàng thật khó nghĩ lường!” chờ tại cảng Cửu Châu ở Hakata để lên tàu xuất dương. Ngài đã hụt một chuyến đi an toàn lần đầu vào năm 1318 Lời phát biểu cởi mở của Hoa Viên nói lên lòng tôn quý Đại Đăng đã được công nhận: trong tôn ti thứ bậc

100 105

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

một vị hoàng đế tìm kiếm hiền nhân. Dù có thể đây là cốt vì số tăng sĩ đã đủ chỉ tiêu, vài năm sau Ngài mới đạt sở lõi của sự thật trong việc lý tưởng hóa một thần tượng, nguyện. Những tác giả viết tiểu sử của Đại Đăng không cũng giống như thể Đại Đăng đã từng hoan nghênh thậm đề cập đến một ý định nào của Đại Đăng xuất dương sang chí cầu xin sự bảo trợ trong thời gian ở Vân Cư am và Trung Hoa, cũng không thấy suy đoán lý do nào phải đầu thời kỳ ở Sài Dã. Mối quan hệ của Sư trong phạm vi tránh một chuyến đi xa như thế. Đại Đăng không phải là nhà Thiền và dây liên kết thân tộc với họ Xích Tòng đặt người duy nhất trong số tăng sĩ trẻ đầy triển vọng đã cho Sư ở vị thế tốt cho những hoạt động kể trên. Hai vị không hành trình sang Trung Hoa để được thuận lợi tu bảo trợ cho Đại Đăng, Nhật hoàng Hoa Viên và Hậu-Đề- tập nhiều hơn ở Nhật, họ thường là những người ở trong Hồ đều là người trong hoàng tộc ở hai phái khác nhau: bóng tối tương đối ít ai biết đến. Trong khi Đại Đăng Hoa Viên cai trị từ 1308 đến 1318 thuộc Bắc phái; người sống bình thường giản dị ở Kyoto, Mộng Song cũng kế vị Ngài là Hậu-Đề-Hồ cai trị từ 1318 đến 1339, thuộc tương tự sống độc cư sáu năm ngoại ô Liêm Thương. Nam phái. Đại Đăng đã gặp Hoa Viên ngắn ngủi trước Trong một bài thơ Mộng Song trách cứ những người xâm khi gặp Hậu-Đề-Hồ. Hoa Viên viết một quyển nhật ký rất phạm sự độc cư của Ngài: phong phú tỉ mỉ, một nguồn tư liệu giá trị về bối cảnh tôn giáo và văn hóa thời bấy giờ. Trong quyển nhật ký này Đại Đăng lần đầu được đề cập vào ngày 23 tháng 5 năm Tôi sẽ tri ân những ai không đến réo gọi và làm ồn cái 1323, khi Hoa Viên còn tuổi thanh niên hai mươi sáu cô liêu của những dãy núi nơi tôi quay về từ nỗi ưu (song đã về hưu). Mở đầu ngắn gọn: phiền của thế gian. Tôi gặp Hòa thượng Diệu Siêu (Đại Đăng). Cuộc đàm Một vị thiền tăng khác đồng thời là Hổ Quan Sư

luận giữa chúng tôi cũng tương tự như lần nói chuyện Luyện (1278–1345) vẫn ở yên trong nước Nhật. Hổ Quan trước đây (không thấy ghi lần "nói chuyện trước đây"). tin rằng một vị tăng Nhật Bản ưu tú không cần phải sang Trung Hoa nữa, và Ngài muốn đính chính lại tình thế Vào lúc Hoa Viên gặp Đại Đăng, ông đã thông thạo bằng chính mình ra đi, nhưng phải bỏ kế hoạch vì sức giáo lý một số tông phái Phật giáo, và đã phát huy được khỏe yếu. Khi thầy của Hổ Quan là Nhất Sơn Nhất Ninh nhiều lợi lạc trong Thiền. Lòng khát khao tu học và tuệ yêu cầu đọc lịch sử Phật giáo ở Nhật Bản, Hổ Quan được giác của ông được nêu lên trong nhật ký. Trong một đoạn gợi ý để viết quyển Nguyên Hanh Thích Thư. Quyển này văn, viết sau khi bị bắt buộc thoái vị vào năm 1318, ông ấn hành năm 1322, quyển đầu tiên trong loại sách này. than rằng: Gần cuối thời kỳ Đại Đăng ở Vân Cư am, có nhiều sôi "Thường khi, vì tôi bất an, tôi xem như ra khỏi thế tục, nổi kỳ lạ trong nhà Thiền và nền chính trị quốc gia. Một song quyết định của tôi không được đến như vậy. số thiền sư tiếng tăm qua đời, đặc biệt nhất là Cao Phong Hiển Nhật năm 1316 và Nhất Sơn Nhất Ninh năm 1317. Điều này cho thấy tôi thiếu đạo tâm. Thật là tội Các vị tịch rồi làm trống chỗ những ngôi chùa lớn như Nam Thiền tự, mở ra con đường lãnh đạo chuyển tiếp cho

104 101

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

thế hệ mới. Năm 1318 Hậu-Đề-Hồ lên ngôi và bắt đầu người "bảo trợ" của Bạch Hào viện, ngôi chùa có lẽ thuộc gây ảnh hưởng trên trào lưu các biến cố. Mộng Song bị quyền sở hữu ruộng đất lớn lao của giòng họ Xích Tòng. Takatoki trong họ Bắc Điều gọi về hưu năm 1320. Năm Đại Đăng nhanh chóng thu hút các đại thí chủ có thế lực. sau Đại Đăng nhận phong đất từ hoàng tử con của Hậu- Sự ấn chứng của thiền sư Nam Phố đã tạo cho Sư lòng tín Đề-Hồ là Hộ Lương, và năm 1323 Sư gặp gỡ lần đầu nhiệm trong tôn giáo, và qua Tắc Thôn sư có mối liên hệ Nhật hoàng về hưu là Hoa Viên. Đại Đăng ra khỏi thời kỳ tốt đối với chánh quyền địa phương. Vào thời điểm quyền ẩn tu sau khi chứng ngộ đúng vào lúc Thiền tông ở tư thế lực chính trị bắt đầu chuyển hướng từ Liêm Thương về sẵn sàng đảm đương một vai trò ưu việt trong nước Nhật Kyoto, triển vọng của một tân thiền viện không bị ảnh trung đại. hưởng vì chế độ Bắc Điều đã kêu gọi được nhiều thí chủ có tiềm năng. Ngoài những quyền lợi do liên kết với một thiền sư tài ba đầy hứa hẹn và có thí chủ, còn cần phải BUỔI ĐẦU Ở MURASAKINO được thúc đẩy bởi những động cơ tinh thần chơn thật và Murasakino (Sài Dã) là vùng đất phía bắc Kyoto, đức tính riêng của con người Đại Đăng. Con của Tắc hướng tây của sông Gia Mậu và đông của dãy đồi tròn Thôn là Tắc Hữu (1312–1371) trở thành người ủng hộ Kinugasa (Y Lạp). Nổi danh vì vẻ đẹp những cánh đồng đầu tiên giống như hoàng tử Hộ Lương con của Hậu-Đề- và hoa (murasakino có nghĩa là cánh đồng tím), vùng này Hồ, đã phong thêm đất ở vùng quê cho chùa Đại Đức vào có một thời là nơi hoàng tộc cư ngụ trong một lâu đài của triều đại Nguyên Hanh (1321–1323). Mùa xuân năm Nhật hoàng Thuần Hòa (trị vì từ 823–833), và là điểm lý 1324 Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ mở rộng quần thể chùa Đại tưởng cho giới quý tộc hội họp thơ phú. Vào thời Đại Đức với đất đai ban thêm ở phía nam. Khoảng đất này Đăng vùng này là mảnh đất chắp vá dân

cư thưa thớt với bao gồm gò đất mai táng Nhật hoàng Thuần Hòa và một ruộng lúa, rừng rậm và đầm lầy hoang vu. Nông dân ở đó ngôi chùa Thiên Thai khác tên là Vân Lâm viện xây năm dâng cúng sản phẩm quê hương tại một đền thờ Thần đạo 869. Đại Đăng viết một lá thơ cho Hậu-Đề-Hồ, hứa hẹn cổ kính tên là Nội Sơn (Uchiyama), một quần thể kiến thế hệ mai sau sẽ tiếp tục chu toàn việc cúng kỵ lăng tẩm trúc nhỏ và giản dị rải rác giữa những cội cây oai phong. hoàng gia. Năm 1325, còn một năm nữa trước lễ khánh Không một tòa nhà nào trong vùng cao vừa đủ để che tầm thành chính thức chùa Đại Đức, Đại Đăng nhận được một mắt khỏi nhìn thấy sườn núi Tỷ Duệ phía đông đầy ấn loạt nhiều sắc lệnh của Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ và Hoa tượng mạnh mẻ, và con sông Gia Mậu. Ở đây Đại Đăng Viên. Vào tháng hai Nhật hoàng về hưu Hoa Viên chỉ nhận xây dựng một ngôi thiền viện mới đặt tên là Đại định chùa Đại Đức là trung tâm cầu nguyện của hoàng Đức tự. Có lẽ Sư quyết định dọn từ Vân Cư am về Sài Dã tộc, và Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ cũng ra chiếu chỉ tương năm 1319 vào tuổi ba mươi bảy. Một phần đất của chùa tự năm tháng sau đó. Nhiều nhà hảo tâm vô danh và hữu Đại Đức lúc đầu một ngôi chùa cổ của Thiên Thai chiếm danh bắt đầu cúng dường dưới hình thức tiền mặt, phẩm dụng tên là Bạch Hào viện. Chú của Đại Đăng là Xích vật, đất đai ở Kyoto, hoặc ruộng đất có huê lợi ở thôn Tòng Tắc Thôn, lãnh chúa tỉnh Phiên Ma, chắc đã chiếm quê. Huyền thoại “người ăn xin dưới cầu” vẽ lại chân hữu sỡ đất này. Mặc dù ngữ lục xác nhận Tắc Thôn chỉ là dung một Đại Đăng bất đắc dĩ bị lôi ra khỏi bóng tối bởi

riêng với Đại Đăng nhưng bỏ hết thông tri cho công truyền”. Một món đồ cứng nặng đang bay cũng có thể bị chúng. Hậu-Đề-Hồ ban hành hơn bốn mươi sắc dụ về vỡ tan, ngay cả làm kinh sợ, y như Thiền được xem là có chùa Đại Đức, một sự sắp đặt cho thấy ông can thiệp vào một sức mạnh báo động làm hoảng sợ và khiến đảo lộn cơ chế của Thiền tông và ý định củng cố quyền hành khi mọi khuôn sáo thói quen của tư tưởng. Trong ngôn ngữ trở về Kyoto. Ông tiếp tục vận động quyền đất đai cho Thiền, đồ vật vô tri vô giác như những viên đá cối xay chùa Đại Đức vượt mức sự can thiệp cho tài sản các chùa thường muốn nói đến tính chất “vô tâm” trong sự chứng khác. Có năm văn kiện chính yếu phát hành trong khoảng ngộ. Các bậc thầy khẳng định rằng nếu sự tỉnh giác của thời gian một năm, bốn văn kiện còn tàng trữ, và một lá Thiền được đưa vào hành động hằng ngày thì ta có thể thư trả lời của Đại Đăng cho một trong năm văn kiện đó động chuyển tự tại trong cuộc sống đời thường theo cung hãy còn đến nay. cách vi diệu như “bay trên không trung”. Huyền Huệ thất Sắc dụ chính đầu tiên của Hậu-Đề-Hồ, ghi vào tháng bại rút lui và tiếp theo là một vị tăng Thiên Thai mang tám năm 1333, hạn chế chức vị trụ trì sau này của chùa một chiếc hộp. Đại Đăng hỏi Tăng mang vật gì, Tăng Đại đức phải thuộc về con cháu trong phổ hệ của Đại đáp: “Hộp này là cả vũ trụ”. Giáo lý Thiên Thai cho rằng Đăng. Lệnh này trái ngược với nguyên tắc của Ngũ Sơn tiểu vũ trụ bao trùm đại vũ trụ, như trong kinh nói “một khi khai mở thiền viện, theo đó vị trụ trì được chọn trong niệm là cả tam thiên thế giới”. Một lần

nữa Đại Đăng chuyển đổi ngôn ngữ trong cuộc tranh luận. Sư đưa cây bất kỳ dòng Thiền nào căn cứ trên công hạnh và đức độ gậy ngắn lên và đập vào chiếc hộp làm hộp vỡ toang. Sư (ít nhất là về lý thuyết). Văn kiện của Hậu-Đề-Hồ nói hỏi: “Khi vũ trụ bị đập nát thì ra sao?” Lời thách thức của rằng: Đại Đăng đối với một môn sinh trong nhà Thiền sẽ không Đại Đức tự là ngôi thiền viện ưu việt của quốc gia, nơi hoàn toàn bất ngờ. Một số công án đưa ra những câu hỏi hằng ngàn tăng chúng sống tu an bình. Tôi ra lệnh hắc búa tương tự: “Nếu muôn vật về Một thì Một về cho họ cầu nguyện quốc thái dân an muôn đời. Trong đâu?” Hoặc: “Nếu kiếp lửa cháy rụi, cả thế gian đều hoại. Hãy nói cái này hoại hay không hoại?” Trong Thiền có sự kế thừa từ thầy đến trò, người trong Thiền phái nhiều cách để trả lời những câu hỏi này, nhưng vị tăng khác không được phép làm trụ trì. Tôi ra chỉ thị này Thiên Thai không may, “bàng hoàng và lúng túng”, không thể trả lời Đại Đăng. với sự tôn kính đặc biệt vì chính sự truyền thừa Phật Các nhà viết tự truyện của Đại Đăng kể lại cuộc đối pháp, không phải do thiên kiến. Những lời này sẽ để thoại lần thứ hai gồm có Đại Đăng, Huyền Huệ và nhiều lại cho hậu thế lâu xa, chí đến ngày đức Di Lặc xuất người khác; nếu lần gặp gỡ này không nằm trong cuộc hiện ở thế gian. Tranh Luận Chánh Trung có thể đã xảy ra cùng khoảng thời gian đó. Cuộc đối đáp, nhắm vào kinh điển Khổng Ngày hai mươi bốn, tháng tám, năm thứ ba Nguyên giáo, chứng minh một sự quan tâm đổi mới trong Khổng Hanh [1333]. Kính gửi thiền sư Tông Phong Quốc Sư. giáo giữa các nhà Phật học Nhật Bản:

120 109

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

Nhóm của Huyền Huệ nghe tiếng của Sư (Đại Đăng) Đề-Hồ, năm 1329, chỉ định Đại Đức tự là một trong những ngôi chùa riêng cho họ cầu nguyện). Năm 1330 đến tham vấn. Họ hỏi Sư: Phương pháp của Thiền Hậu-Đề-Hồ cấp cho Đại Đức tự một vùng đất bao gồm tông là gì? Sư đáp: Chỉ dạy chân lý qua vọng thuyết. nơi sinh quán của Đại Đăng ở tỉnh Phiên Ma, và có ghi rõ Các học giả Khổng giáo hỏi tiếp: Chẳng lẽ thánh hiền chùa được hưởng phần lợi tức lúa gạo. Trong giai đoạn bảo trợ đầu này Hoa Viên tu thiền miên mật, và ở một cũng vọng ngữ? Sư đáp: Có vọng ngữ. Họ nhấn điểm nào đó ông đã chứng ngộ và được Đại Đăng ấn khả. mạnh: Đã là thánh hiền, sao lại vọng ngữ? Sư hỏi vặn Một cuộn giấy họa không đề ngày do chính tay Hoa Viên viết đã diễn đạt sự hội thiền của mình: lại: Các ông không biết một đoạn này trong Mạnh Tử? “Tượng (nghĩ rằng mình sẽ nối ngôi nếu giết chết Một người đã chịu đựng hai mươi năm Thuấn) bảo: ‘Ta đã giết Thuấn.’ Nhưng khi Tượng vào gian khổ nhà Thuấn, thấy Thuấn ngồi trên giường thổi sáo. không thay đổi gió và khói cũ của mình Thuấn (biết trước ý định của Tượng) vui mừng khi thấy khi xuân đến. Tượng vào nhà”. Đó không phải là vọng dối sao (vì Thuấn vui khi thấy Tượng)? Các học giả đạo Khổng Chỉ mặc áo và ăn cơm. bàn cãi sôi nổi với nhau. Rồi họ hỏi Sư: Làm sao hiểu Một người sống một đời như thế, nổi ý nghĩa đoạn này một cách toàn triệt? Sư đáp: làm sao đại địa có thể dấy lên dù chỉ Thực sự, Thuấn đã giết Tượng. Các học giả đều đảnh mảy may bụi trần? lễ Sư theo phép môn đệ. Trong bài kệ này Hoa Viên muốn nói đến cả bản thân Trong cuộc đối thoại này Đại

Đăng chỉ trình bày sự mình lẫn Đại Đăng, người ông tin rằng đã chịu đựng gian hiểu biết tinh thông về Khổng thư, Sư cũng chứng tỏ khổ suốt hai mươi năm. bằng vào truyền thống tu thiền của chính mình để giải thích một cách sắc bén. Hậu bối của Đại Đăng dẫn chứng Khi âm mưu nổi loạn lần đầu tiên xảy ra năm 1331, những câu đáp của Sư trong Tranh Luận Chánh Trung, Hậu-Đề-Hồ buộc phải trốn khỏi Kyoto, và sự bảo trợ riêng chỗ đập vỡ chiếc hộp và "cối đá xây hình bát giác" chùa Đại Đức bị gián đoạn. Năm 1333 ông trở về thủ đô như là bản chất cô đọng của con người Sư và là Thiền thắng lợi và cai trị triều đại Phục Hưng Kiến Vũ ngắn phong của Sư. Tuy nhiên hai chân dung này của Đại ngủi. Sự ủng hộ nhiệt tình của Hậu-Đề-Hồ giữa năm Đăng ở tư thế một nhà tranh luận được nhìn sát cánh nhau 1333 và 1336 là giai đoạn hai của chế độ bảo trợ. Trong sẽ cho thấy hình ảnh đầy đủ và phức tạp hơn nơi con thời gian này cựu hoàng Hoa Viên vẫn tiếp tục tham kiến

110 119

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

VIỆC THÀNH LẬP CHẾ ĐỘ BẢO TRỢ người Sư. Câu thứ nhất Đại Đăng có vẻ bí ẩn và vũ bão, trong khi ở câu thứ hai Sư là một người uyên bác và rõ Trong mười năm đầu tiên, Đại Đức tự chịu ảnh hưởng ràng sáng sủa. Nếu thực sự Sư bắt buộc phải biện luận trực tiếp về những thay đổi bao quát đi kèm theo giai hoặc không biện luận tùy tình hình đòi hỏi, Sư sẽ chu đoạn chuyển tiếp của nước Nhật từ thời kỳ Liêm Thương toàn chức năng của một bậc chân sư trong nhà Thiền, đó đến thời kỳ Thất Đinh. Năm 1330 Liêm Thương vẫn còn là "chỉ giản dị nắm ngay giáo lý để trả lời kịp thời đúng là trụ sở của chế độ tướng quân họ Bắc Điều, và hầu hết lúc, thả lỏng dây cương cho lưỡi tự do". thiền viện tiếng tăm đều ở đây. Hệ thống thứ bậc chính thức Ngũ Sơn của Bắc Điều lần đầu tiên áp dụng vào Những cuộc tranh luận tôn giáo được bảo trợ này thiền viện Thường Trí ở Liêm Thương năm 1299; rồi không tránh khỏi mang sắc thái những động cơ chính trị, thiền viện Kiến Trường, Viên Giác và Thọ Phúc đều ở và đôi khi những biến cố này chỉ để hợp pháp hoá một sự Liêm Thương được đưa vào hàng ngũ Ngũ Sơn năm thay đổi ảnh hưởng đã diễn ra. Nước Nhật của năm 1325 1310. Khi Hậu-Đề-Hồ giành lại quyền bính trong tay chế với sự thống trị trước đây của những giáo phái cổ rất tế độ Bắc Điều năm 1333, trọng tâm chính trị chuyển về nhị; trong vòng mười lăm năm cán cân nghiêng về ủng hộ phía tây Kyoto. Để củng cố sự chuyển tiếp này, Hậu-Đề- Thiền tông, qua sự nâng đỡ của chế độ tướng quân mới là Hồ ra lệnh thay đổi quan trọng trong cơ chế Thiền tông, Trúc Lợi. Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ, lòng đầy tham vọng, cải tổ thứ bậc Ngũ Sơn ưu tiên cho các chùa ở Kyoto. Đại tìm cách thúc đẩy cơ cấu Phật giáo (cũ lẫn mới) tùy thuộc Đức tự nổi bật trong chiến lược của ông, nên được ông vào luật lệ chính sách của Hoàng gia. Vì những lý do tư đưa lên hàng đầu trong hệ thống Ngũ Sơn. Tuy nhiên, riêng hoặc để đáp ứng những luận cứ của người tranh không đầy ba năm quyền hành lại thay tay, Hậu-Đề-Hồ bị luận, Hậu-Đề-Hồ quyết định thắng lợi về phía Thiền tăng. viên tướng lãnh của mình là Trúc Lợi Tôn Thị hất cẳng. Đối với Thông Ông và Đại Đăng, ông ban cho kiệu ngồi Tôn Thị xác nhận Kyoto là tân thủ đô của cả nước, nhưng đặc biệt để cho hai vị hoặc con cháu sử dụng khi được đối

với Thiền tông ông có kế hoạch riêng của mình. mời vào cung điện (kiệu của Đại Đăng còn tàng trữ tại Trong cách sắp xếp lại Ngũ Sơn đầu tiên của Trúc Lợi, chùa Đức Thiền, một chi nhánh của Đại Đức tự). Thông năm 1341, Đại Đức tự bị loại ra khỏi năm vị trí đầu bảng. Ông bảy mươi sáu tuổi, đúng là đã hết sức khỏe để nhân Chế độ bảo trợ chùa Đại Đức của hoàng gia thời Đại danh cho Thiền tông cuối đời thật buồn vì Ngài tịch trên Đăng còn sống có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn đường trở về chùa Nam Thiền ngay sau cuộc tranh luận. thứ nhất, từ 1323 đến 1330, Đại Đăng nhận được mức Đại Đăng đối kháng với Huyền Huệ trước đây được kể lại ủng hộ vừa phải từ hoàng đế tại vị là Hậu-Đề-Hồ và cựu đã gây ấn tượng mạnh trong nhà Thiền và chính qua hai hoàng Hoa Viên, cả hai phần gần bằng nhau. Hoa Viên điển hình này mà Sư chứng kiến một chuyển biến toàn gặp gỡ Đại Đăng trước; còn Hậu-Đề-Hồ sau đó mới xét diện. Xuân Tác nói: “Tẩy Tâm Tử (Huyền Huệ) bắt đầu xử cuộc tranh luận Chánh Trung ngắn ngủi. Năm 1325, tham thiền (dưới sự chỉ dạy của Đại Đăng). Những thành như ta đã thấy, cả hai vị hoàng đế đều chọn chùa Đại Đức tựu của ông không phải cạn cợt, và lòng thâm tín của ông làm trung tâm cầu nguyện của hoàng gia. (Chế độ tướng thật cùng cực. Để xúc tiến việc xây dựng phương trượng quân Liêm Thương định chống lại ảnh hưởng của Hậu- mới cho vị trụ trì, ông cúng dường chỗ ở của mình cho

118 111

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

chùa Đại Đức”. Tuy việc sự chuyển hướng của Huyền Nam Phố nếu Sư thọ hơn năm mươi lăm tuổi. Năm 1330, Huệ được xem như là tượng trưng cho sự củng cố thắng Đại Đăng được Sơn Danh Thời Thị (?–1372) mời đến lợi của Thiền tông, điều đó cũng không hẳn là đáng chê khánh thành chùa Hữu Đức, một ngôi chùa mới xây ở trách như người ta tưởng lúc đầu. Mặc dù những sự kình tỉnh Tajima (nay là hạt Hyògo), không xa nơi Đại Đăng chống môn phái dữ dội vào thời đó, các tăng sĩ trên ra đời. Thời Thị là lãnh chúa tỉnh này và là hậu duệ một phương diện cá nhân vẫn không nhất thiết phải bị cột chặt gia đình chiến sĩ lẫy lừng. Trong phạm vi buổi lễ khai vào hệ phái của họ. Quả vậy, sự gia tăng nhanh chóng số đường Hữu Đức tự, Đại Đăng đã thử hội chúng ở đó: người tu hành trong thiền viện suốt nửa thế kỷ đầu tiên Nếu các ông nghĩ rằng đã hội trước khi nghe [Pháp], của thế kỷ 14 một phần đến từ hàng ngũ các tăng nhân (hoặc tăng sĩ học giả) đã xuất gia thọ giới nơi các tông các ông đã phạm đến ý lệnh của chư tổ. Nhưng đã hội phái có trước. Một vị trụ trì khác của tông Thiên Thai trở được Phật pháp căn cứ trên ngôn thuyết [của một thành môn đệ của Triệt Ông Nghĩa Hanh, đệ tử của Đại người khác] cũng không đúng. Bây giờ, có ai ở đây có Đăng, sau ngày Đại Đăng tịch. Những vị lão tăng này bị cuốn hút đến với Thiền bởi một số lý do: Thiền ưu việt ở thể giải được việc này mà không kẹt vào lỗi ở bên này Trung Hoa, có liên hệ với sự phát huy tư tưởng mới nhất hoặc ở bên kia?” ở lục địa, sự nghiêm ngặt trong giới luật tu hành, hoặc phẩm chất của những bậc lãnh đạo. Những sự thay đổi Năm sau Đại Đăng được mời đến chùa Sùng Phước ở pháp môn tuy thế vẫn không giảm bớt được sự chống đối Cửu Châu, chỗ Nam Phố trụ ba mươi năm. Lời thỉnh cầu chính thức của các giáo phái đã có trước. Sự đối nghịch xuất phát từ Đại Hữu Lại Thượng, một quan thống soái

mãnh liệt của tông Thiên Thai vẫn còn thấy rõ hai mươi thuộc doanh trại quân đội ở Dazaifu (bây giờ là hạt năm sau cuộc Tranh Luận Chánh Trung, khi Mộng Song Fukuoka). Xuân Tác kể rằng Đại Đăng phải xin Hậu-Đề- khánh thành chùa Thiên Long năm 1345. Trong sự việc Hồ hai lần mới được phép lên đường. Suốt ba tháng ở lại này sự đe dọa bằng vũ lực của tông Thiên Thai gặp phải để chu toàn lễ khai đường, hoàn tất khóa tu chín mươi sự phô diễn sức mạnh quân sự của Trúc Lợi, và một lần ngày, và dựng lập một ngôi chùa chi nhánh tên là Tâm nữa Thiên Thai thất bại. Tông am. Cuối chuyến đi Sư làm bài kệ tạ từ: Không cho thấy dấu chân LỄ KHÁNH THÀNH CHÙA ĐẠI ĐỨC Nơi nào ta đi qua! Đối với đạo nghiệp riêng cá nhân của Đại Đăng cuộc Tranh Luận Chánh Trung năm 1325 là bước đầu thuận Trên đầu sợi lông ta rời kinh đô lợi. Đó là một điểm chỉ thanh thế đang lên, và cung cách Dứt ba hồi trống ta rời Cửu Châu. xử sự của Đại Đăng sau này đã tạo ấn tượng đối với những người bảo trợ và những người cùng đẳng cấp. Vào tháng bảy năm 1325 chùa Đại Đức được tôn vinh qua sự

112 117

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

hầu hết các thiền viện chánh đều được thành lập bởi kiện hai Nhật hoàng đặt làm trung tâm cầu nguyện của những vị sư Trung Hoa di dân hoặc du tăng Nhật Bản đã hoàng gia, và những sự cúng dường tiếp tục gửi đến từ đạt được uy tín ở ngoại quốc. Trong sự tiếp nhận Thiền nhiều nơi. Một thí chủ là nữ đệ tử giàu có tên Tông Ấn, vào Nhật, Đại Đăng là vị tăng bản xứ đầu tiên tu học đã giúp đỡ mua vật liệu xây dựng ngôi chùa mới: “Họ trong nước Nhật đã kiến tạo một thiền viện lớn. Đại Đăng chọn những khối gỗ đồ sộ và làm gió nổi lên với những lãnh chức trụ trì chùa Đại Đức từ khi dời về Sài Dã năm đòn trục kêu vù vù”. 1319 cho đến lúc tịch mùa đông năm 1337. Trong thời kỳ Pháp đường khởi công năm 1325 và hoàn tất cuối năm này Sư du hành một chuyến đi mười ngày đến tỉnh láng 1326. Trong nhà Thiền thời trung đại, pháp đường là một giềng Tajima và một chuyến đi xa ba tháng đến Cửu tòa nhà vuông góc cao hai tầng; ngoài ra còn những trụ Châu. Ngoài ra Sư chỉ ở Kyoto để giáo dưỡng môn sinh cột chống đỡ và một bục cao duy nhất, bên trong được để của mình và chăm sóc nuôi lớn ngôi chùa non nớt của trống dành cho tăng chúng tụ họp. Pháp đường sử dụng ở mình. Trường hợp tương đối ít đi lại của Đại Đăng có vẻ Nhật y như các vị tiền bối ở Trung Hoa, như đã tả trong hiếm hoi vì đầu thời kỳ Thất Đinh, một vị thiền sư lỗi lạc một văn bản Thiền ở đời Tống: thường làm trụ trì nhiều ngôi chùa khác nhau. Chúng ta đã thấy thầy của Đại Đăng là Nam Phố, sau hơn ba mươi Tất cả tăng chúng tụ tập sáng và chiều trong pháp năm làm thầy thường trụ Sùng Phước tự ở Cửu Châu, đường. Vị trụ trì tiến vào và bước lên bục. Ban chức được bổ nhiệm trụ trì Vạn Thọ tự ở Kyoto vào tuổi bảy sự của tu viện và tất cả hội chúng đứng từng hàng để mươi mốt, rồi trụ trì chùa Kiến Trường ở Liêm Thương sau đó hai năm. Người ngang hàng với Đại Đăng là Mộng nghe [vị trụ trì thuyết pháp]. Trụ trì và chư tăng đáp Song có lẽ là người di chuyển nhiều nhất trong hai mươi hỏi lẫn nhau, qua đó sẽ làm sáng tỏ đại ý Phật pháp. sáu năm cuối đời Ngài du hành mười lần, làm trụ trì tám ngôi chùa. Sự khôn khéo của Mộng Song chuyển hướng Thay vì bình giảng kinh tạng, một vị thiền sư sẽ diễn theo trào lưu chính

trị thật đáng kể: Ngài là cố vấn thân đạt sự chứng ngộ của chính mình, sự nhận hiểu Phật cận của anh em họ Trúc Lợi ngay khi họ đánh bại đại thí pháp, trong một cung cách thẳng tắt và mạnh bạo, đầy chủ trước đây của Ngài là Hậu-Đề-Hồ; trước đó Ngài đã sức thuyết phục. Các hình tượng của đức Phật để sùng bái rời bỏ những người ủng hộ Ngài đầu tiên là nhiếp chính không được tôn trí ở đây càng củng cố uy quyền của vị họ Bắc Điều, vì tài sản của họ đã giảm sút. Đại Đăng thầy như là một đại biểu sống của toàn bộ phổ hệ truyền không bao giờ có ý định rập khuôn theo những thủ đoạn thừa tổ vị. khéo léo như thế để tồn tại trên vũ đài công chính. Bốn Mùa đông năm 1326, vào ngày đức Phật Thích-ca năm trước khi tịch, Sư tán thành một nghị quyết của thành đạo (mồng tám tháng Chạp), Đại Đăng chủ trì nghi Hoàng gia (xem đó là một vinh dự) hạn chế chức vị trụ trì thức khánh thành pháp đường của Đại Đức tự. Sự kiện chùa Đại Đức đối với con cháu trong tông môn, và Sư này cùng một lúc hoàn thành nhiều mục tiêu: chính thức cho rằng chính Sư cũng bị hạn chế qua sắc dụ này. Rất có khánh thành pháp đường lẫn Đại Đức tự; tấn phong Đại thể đạo nghiệp tương lai của Sư sẽ nối gót y khuôn theo Đăng làm tổ khai sơn và chứng nhận tư cách trụ trì; và

116 113

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

cũng là dịp xác minh công khai những nguồn bảo trợ cho chức cao cấp trong chính phủ, Sư khuyên bảo họ tích cực Đại Đăng. Nghi thức khánh thành do Đại Đăng tiến hành noi gương Mạnh Tử và các quan chức đại thần mẫu mực được gọi là lễ khai đường. Theo truyền thống Trung Hoa, của nước Trung Hoa cổ kính. Trong khi một số thiền tăng buổi lễ bắt đầu với một cuộc diễu hành trang nghiêm từ chống đối những nghi thức này, Đại Đăng chắc biết rằng cổng chánh đến ngôi pháp đường mới. Vị trụ trì, mặc lễ hai vị hoàng đế sinh tiền đều là đại thí chủ quyền thế phục lộng lẫy, mang đôi hài đỏ thắm kiểu Tàu với mũi nhất. giày cong lên trên. Có các sa-di trẻ, chư tăng đang tu học, Bởi vì một thiền sinh thường thụ giáo với nhiều vị các vị trụ trì những ngôi chùa khác theo sau Đại Đăng, thầy, nên vị tân trụ trì cần phải chỉ định giáo thọ để ấn một vài vị mang lễ vật. Thông thường, vị trụ trì dừng lại chứng cho họ. Nếu họ được ấn chứng bởi nhiều vị thầy, ở mỗi cổng hoặc tòa nhà để ban một bài kệ bằng chữ họ sẽ công bố dòng Thiền nào họ chọn để kế thừa. Trong Hán, nhưng những cơ cấu kiến trúc khác chưa xây cất lời mở đầu buổi nói chuyện của Đại Đăng, Sư minh định xong ở chùa Đại Đức. Ngay khi vào trong pháp đường, thầy của mình là Nam Phố Thiệu Minh và bày tỏ lòng Đại Đăng bước lên bục theo nấc thang ngay giữa và an “biết ơn sâu xa đối với nguồn sữa Pháp thầy đã ban cho”. tọa trước hội chúng. Từng người một các vị tăng thị giả Sư ám chỉ một cách nên thơ sự chứng ngộ của mình ở tiến lên bục bằng nấc thang hai bên hông, cho đến khi lễ chùa Kiến Trường và giai đoạn tự tu tiếp theo. Nâng lên nghi dâng cúng chấm dứt. Rồi Sư trụ trì nói chuyện với lá y ca-sa của mình, biểu trưng của sự truyền pháp, Sư cử tọa. Theo truyền thống, lễ tấn phong tân trụ trì gồm có lớn tiếng hỏi: “Ta đã cung kính đắp chiếc ca-sa này, ai một cuộc đối thoại sinh động, theo kiểu như lần khảo nói được chân sắc của nó?” Về sau, Đại Đăng gửi thư có hạch cuối cùng, ai trong hội chúng đều được quyền thi nói thêm về lòng biết ơn, khen ngợi

không tiếc lời nữ đệ đấu với vị trụ trì trong một cuộc "Pháp chiến". Trong tử – thí chủ Tông Ấn. Sư viết, lòng đầy hoan hỉ: trường hợp của Đại Đăng các vị tăng đặt câu hỏi một cách cung kính tột bậc, và vị thầy của họ luôn luôn nói lời Rất cám ơn [đại nguyện] của Hoàng đế và các quan, rốt sau. (Trong Thiền tông Nhật Bản thời nay mẩu đối tôi xin hồi hướng công đức cho tất cả hiền thánh – quá thoại này được diễn ra giữa vị trụ trì và một người được khứ, hiện tại, vị lai – vào biển đại giác ngộ, cho tất cả chỉ định). Bài thuyết pháp ngày lễ khánh thành của Đại Đăng theo sát thông lệ nhưng vẫn không mất tính sinh những thiện hữu tri thức tôi đã gặp nhiều đời nhiều động. Phong phú với ngôn ngữ đa dạng, có đủ lời nói hoa kiếp trước đây, cho những bạn đồng tu trên đường mỹ ca tụng Nhật hoàng, bày tỏ lòng biết ơn của riêng mình, thi kệ đặc sắc, bình giải công án, nhiều tính tượng đạo đã chia sẻ cuộc đời tu hành trong tu viện, cho các trưng bác học và những nghịch lý mờ ảo. Khởi đầu buổi bậc ân sư, cho cha mẹ, cho tất cả những ai giúp đỡ lễ, Đại Đăng dâng hương cho Hậu-Đề-Hồ vị hoàng đế tôi, và cho tất cả chúng sinh. đương kim và Hoa Viên vị cựu hoàng, xướng câu tụng tiêu chuẩn của Phật giáo Trung Hoa: "Tôi cầu nguyện Lễ khánh thành chùa Đại Đức đánh dấu một thời điểm Hoàng đế sống muôn năm". Thắp hương cho các viên có ý nghĩa trong lịch sử Thiền tông Nhật Bản. Trước đây,

phạm vi khác trong xã hội Nhật chắc chắn làm gia tăng sự Trong sắc dụ thứ hai, ban ra gần hai tháng sau đó, bàn luận về tính chính thống trong nhà Thiền. Hậu-Đề-Hồ ra lệnh Đại Đức tự gia nhập Ngũ Sơn. Lời nói không rõ ràng trong văn kiện cũng có vẻ như đặt để Tranh cãi về những yếu tố chính thống của Thiền tông càng có tính cách bè phái vào lúc đầu trong thời kỳ chùa Đại Đức lên hàng đầu thứ bậc Ngũ Sơn. Xuân Tác chuyển tiếp; sự liên hiệp khéo léo của Đạo Nguyên và bảo rằng Đại Đăng kính cẩn từ chối vinh dự này (biểu lộ tính khiêm cung nơi một thiền tăng). Tuy nhiên trong một thường khi phải bắt tay cả hai bên đặc biệt nổi bật. Các vị lá thư viết cho vị tu sĩ ở chùa Hữu Đức, Đại Đăng bày tỏ khai tổ sau này, Đại Đăng là kiệt xuất nhất, bắt đầu biểu lòng hân hoan về tin tức này và bổ nhiệm năm đệ tử do lộ ở mức độ cao hơn sự đồng tâm nhất trí đối với những Sư chỉ định trông nom việc chuẩn bị mở rộng ngôi chùa. đặc tính chính của Thiền tông Nhật Bản. Để có thể tiếp cận con người Đại Đăng, trước tiên nên khảo sát sự đóng Vài tháng sau, vào tháng giêng năm 1334, Hậu-Đề-Hồ góp của những vị tiền bối và ngang hàng của Sư. nói rõ trong sắc dụ thứ ba rằng Đại Đức tự được xếp đồng hạng bên cạnh Nam Thiền tự ở hàng đầu trong Ngũ Sơn. Ông nói trong một đoạn: "Chùa Đại Đức là một danh lam QUAN ĐIỂM VỀ CHÂN CHÁNH thuận lợi cho việc nâng cao vận mệnh của Hoàng đế... Mọi truyền thống tôn giáo đều liên tục định nghĩa và Các tòa nhà của chùa làm chúng tôi rất hài lòng. Những tái định nghĩa vì sự thay đổi hoàn cảnh. Trên phương diện nghi thức của chùa cũng trội hơn so với các ngôi đại tự về tính hỗn tạp và mơ hồ tiềm tàng, các tín đồ muốn có trong thời xưa. Cần phải đặt chùa Đại Đức bên cạnh chùa niềm tin (và thuyết phục người khác tin theo) rằng giáo lý Nam Thiền ở hàng đầu các chùa khác". Trong sự sắp xếp và sự tu tập họ đã

nhận được là chân chánh với mọi ý mới của Nhật hoàng bốn ngôi chùa đặt hàng đầu đều ở nghĩa của quan điểm này tức là căn bản, chơn, chánh, Kyoto: Đại Đức, Nam Thiền, Đông Phước và Kiến Nhân. thật, tín, hợp pháp và có căn cứ. Mẩu chuyện Thiền sau Bên dưới là Kiến Trường và Viên Giác đều ở Liêm đây có thể xem như giai thoại về chân chánh: Thương. Một vị tăng hành khước trên đường đi đến một thiền Công bố thứ tư của Hậu-Đề-Hồ, ban hành vào tháng viện trên đỉnh núi. Dọc theo sườn núi có con suối, ông thứ năm năm 1334, xác nhận vòng đai chùa Đại Đức ở Kyoto. Vào thời đó ngôi chùa mở rộng thật xa: "Đông nhìn thấy có một lá rau ở hạ lưu trôi xuống từ phía giáp cạnh phía đông của đồi Thuyền Cương (Funaoka thiền viện. Ông nghĩ rằng: "Chỉ là một lá rau thôi, Hill), nam giáp đại lộ An Cư viện (Agui Avenue), tây giáp khu rừng tre, và bắc giáp đền Nội Sơn (Uchiyama)". nhưng chỗ nào làm ô uế như vậy thì không phải là Một sắc dụ khác quan trọng vào tháng thứ tám năm 1334, chỗ tốt", và ông quay lưng xuống núi. Lúc đó ông thấy biết được qua Niên Phổ của Cự Hải. Bản này bổ túc sự một vị tăng chạy xuống từ trên núi, rượt theo lá rau kiện Hậu-Đề-Hồ công nhận chùa Đại Đức qua việc xác nhận đất đai vùng quê của chùa. Sau khi chỉ định nhiều khoảng đất ở các tỉnh khác nhau, vị hoàng đế viết:

132 121

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

Kể từ hôm nay, quốc ti và thủ hộ (hai chức vụ cai thân các thiền sư và các dòng phái tranh chấp lẫn nhau để tạo ảnh hưởng. Hơn thế nữa, bản thân truyền thống nhà quản ở miền quê) bị cấm chỉ không được trưng dụng Thiền nằm trong một tiến trình thực sự tự xác định và tự lao động khổ sai, lúa gạo, hoặc tương tự trong những quán chiếu. Dưới hình thức này hay hình thức khác, các vùng này. Tôi hy vọng rằng ý định của tôi nuôi dưỡng hành giả đương đầu với những vấn đề gay go thử thách: Hiểu biết chân chánh Thiền là gì? Và làm sao chỉ ra? Đâu đầy đủ chư tăng sẽ được chu toàn trong thời gian dài. là dòng mạch chính của Thiền tông và cái gì rơi rớt bên Khi pháp của Vua và pháp của Phật hỗ trợ lẫn nhau, ngoài đối với những đặc tính chính của Thiền tông Nhật Bản. gió của hoàng gia và gió của chư Tổ sẽ hiệp nhất mãi Vấn đề về sự chân thực và chính thống cũng là vấn đề mãi. sống chết trong xã hội Nhật thời trung đại nói chung. Giai Đại Đăng trả lời trong Ngữ Lục: cấp chiến sĩ đã thay thế giai cấp quý tộc ở địa vị cao cấp Tất cả đất đai thuộc quyền của chùa giờ đây được xác lãnh đạo xứ sở, và họ cũng còn được xem là kẻ cướp đoạt trong một vài khu vực, họ cố đề cao sự hợp pháp của định rõ. Những lời nói trong giấy chứng nhận chính mình với bất kỳ phương tiện nào, từ việc sở đắc tước vị thức này, một khi đã nhận được, không thể nào bãi bỏ đến những bộ lễ phục văn minh. Tính chất hợp pháp của sự kế vị ngôi báu trở thành nguồn gốc căng thẳng sau khi trong hằng trăm kiếp hoặc cả ngàn đời. hoàng gia chia rẽ thành hai nhánh. Mặc dù đại diện của Không chắc rằng Đại Đăng có mối kết giao mật thiết "hai triều đình" thay phiên nhau lên ngôi một cách thân với Hậu-Đề-Hồ như với Hoa Viên. Chúng ta đã lưu ý thiện trong một thời gian, những áp lực quân sự đã phát rằng bản chất nặng về chính trị trong thái độ của Hậu-Đề- sinh tình trạng thiếu ổn định chung quanh sự kế vị chánh Hồ, ý muốn kiểm soát các tông phái Phật giáo đã dựng

thống và những tiêu chuẩn thường dùng để an lập. Một lập trước đây, và sự quan tâm rất nhiều đến các vị thiền triều thần là Bắc Thân Phòng bị bắt buộc xem lại toàn bộ sư khác ngoại trừ Đại Đăng. Ví dụ, khi Hậu-Đề-Hồ trở về lịch sử đế quyền suy sụp ở Nhật trong luận văn của ông quyền bính năm 1333, ông đã cho mời Mộng Song đến năm 1339. Kyoto trước khi ban hành bất kỳ sắc dụ nào cho chùa Đại Trong lãnh vực tôn giáo, những đề tài tương tự làm Đức. Cũng trong thời kỳ này Hậu-Đề-Hồ cung thỉnh các khuấy động một số giáo phái đạo Phật ở ngoài Thiền thiền tăng lỗi lạc lãnh chức trụ trì chùa Nam Thiền và tông. Ví dụ, sự tranh chấp quyền lãnh đạo Tịnh Độ Chân chùa Kiến Nhân, và phong tước cho các thiền sư khác tông được che đậy dưới danh từ chính thống trong việc kế như Tâm Địa Giác Tâm. Ngay cả sau khi đã thoái vị, thừa trong đạo. Giác Như (1270–1351) không thể khẳng Hậu-Đề-Hồ vẫn duy trì mối giao tiếp với một số nhân định uy quyền của mình chỉ do liên hệ huyết thống với tổ vật; ví như ông nhận pháp danh một cách chính thức do Thân Loan, từ đó cho mình là một bậc pháp khí hàng đầu Mộng Song đặt cho. nối pháp Thân Loan, viện cớ là thầy trò truyền nhau đã ba thế hệ. Sự bất định chung tính cách hợp pháp nơi các

122 131

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

Một tác giả viết tiểu sử Đại Đăng đã khẳng quyết: “Bất cứ lúc nào Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ có thì giờ rảnh ngoài công việc quốc sự, đều cho mời Sư (Đại Đăng) và hỏi Sư về yếu chỉ của Thiền tông”. Tuy nhiên, chỉ có hai cuộc gặp gỡ được đặc biệt ghi nhận. Theo Xuân Tác,

6 hoàng đế mời Đại Đăng vào cung cho một buổi lễ; một chân dung của Tổ Bá Trượng được vinh dự trưng bày nhân dịp này. Hậu-Đề-Hồ rất hoan hỷ về buổi nói chuyện với Đại Đăng đến đỗi ngày hôm sau gửi đến cúng dường Sư “quý kim, vải vóc tơ lụa, và các phẩm vật khác”. Năm 1335 Hậu-Đề-Hồ đến viếng chùa Đại Đức. Với tư cách là nhà bảo trợ, ông nêu lên sự lợi lạc trong việc mở rộng GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH ngôi chùa, gợi ý cho chủ nhân nên xây một cái hồ phía đông nam phương trượng của trụ trì. Đại Đăng “lập tức chỉ đạo chúng tăng khởi công đào ngay cái hồ, cùng đồng sự với họ trong công việc”. Trong giai đoạn thứ hai của chế độ bảo trợ hoàng gia, con của Hậu-Đề-Hồ là thái tử Hộ Lương, một trong những người đầu tiên ủng hộ Đại

K hi Huyền Huệ hỏi “Thiền là gì?” trong cuộc Đăng, vẫn tiếp tục ủng hộ công khai chùa Đại Đức. Năm tranh luận Chánh Trung, Ngài đã nên lên câu 1333 ông cúng dường một bữa tiệc chay lên tăng chúng hỏi mà các vị khai tổ trong Thiền tông Nhật trong chùa. Đại Đăng tán thán Hộ Lương, vốn là một viên Bản đều cần phải trả lời cho chính mình, cũng như cho đại tướng, so sánh ông với sự hiện thân võ tướng của Bồ- người khác. Nhiều yếu tố như đổ dầu thêm vào câu hỏi tát từ bi: “Bồ-tát Quán Âm có ba mươi hai hiện tướng. đến tận bản thể và những nét đặc trưng chính yếu của Trong số đó, hiện thân viên tướng trời là chân chất nhất. Thiền. Thiền tông ngay từ đầu là một tôn giáo phương Ngài dẹp tan mọi chướng ngại, ban bố niềm vui, được ngoại ở Nhật, được nhìn nhận là của đạo Phật, nhưng xa hằng trăm phúc lạc, và cứu nguy người khốn khổ”.

Năm lạ trên nhiều phương diện. Các ngôi thiền viện theo kiểu sau Hộ Lương cúng thêm đất đai cho nhà chùa. Năm Trung Hoa to lớn ở Liêm Thương và Kyoto trình bày 1333 một thí chủ lúc ban đầu, Xích Tòng Tắc Thôn, dâng đường nét kiến trúc mới mẻ, từ nghi thức, y áo, cách giao cúng khoảng đất riêng ở Phiên Ma và có thông báo cho thiệp và ngôn ngữ cũng mới lạ. Các tăng sĩ không những hoàng đế biết. Giai đoạn thứ ba trong chế độ bảo trợ, chỉ tìm hiểu những đặc tính xa lạ mà còn nắm giữ những trong đó Hoa Viên là vị đứng đầu, kéo dài công khai đặc tính này một cách mật thiết và cho riêng mình. mười tám tháng từ 1336 đến 1337. Trong nhiều năm vị Những lý do chính trị cũng làm ảnh hưởng đến quan điểm cựu hoàng đi ven bờ vũ đài chính trị. Năm 1335 ông về chính thống và không chính thống, cũng như về bản xuống tóc theo nghi thức Thiền tông, một hành động biểu

130 123

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

lộ sự ký thác bản thân mình cho Đại Đăng và sự từ bỏ thế năm 1339. Trong lãnh vực tôn giáo, những đề tài tương gian sau này. (Tóc của Hoa Viên được giữ ở chùa Đại tự làm khuấy động một số giáo phái đạo Phật ở ngoài Đức trong một tháp đựng xá lợi nhỏ). Khi Hậu-Đề-Hồ bị Thiền tông. Ví dụ, sự tranh chấp quyền lãnh đạo Tịnh Độ tước quyền vào cuối năm 1336, một vị hoàng đế dòng Chân tông được che đậy dưới danh từ chính thống trong phía Bắc lên thay thế do Trúc Lợi Tôn Thị sắp đặt. Đối việc kế thừa trong đạo. Giác Như (1270–1351) không thể với Đại Đức tự, chế độ bảo trợ trước đây của Hậu-Đề-Hồ khẳng định uy quyền của mình chỉ do liên hệ huyết thống có mối nguy biến thành một khoản nợ nghiêm trọng, với tổ Thân Loan, từ đó cho mình là một bậc pháp khí trong khi số hội viên của Hoa Viên trong phái phía Bắc hàng đầu nối pháp Thân Loan, viện cớ là thầy trò truyền bỗng nhiên thành một thứ tài sản. Đáp ứng việc chấp nhau đã ba thế hệ. Sự bất định chung tính cách hợp pháp nhận về chùa Đại Đức, Hoa Viên lại tiến đến xác nhận sự nơi các phạm vi khác trong xã hội Nhật chắc chắn làm gia ủng hộ chùa và vị trụ trì. tăng sự bàn luận về tính chính thống trong nhà Thiền. Vào tháng thứ chín năm 1336 Hoa Viên gửi “nhiều Tranh cãi về những yếu tố chính thống của Thiền tông loại hoa kết bằng tay” đến Đại Đăng. Có thể là sức khỏe càng có tính cách bè phái vào lúc đầu trong thời kỳ của Đại Đăng đã giảm sút, mặc dù trong tiểu sử không đề chuyển tiếp; sự liên hiệp khéo léo của Đạo Nguyên và cập đến bệnh tình của Sư cho đến qua sang năm. Lời Đại thường khi phải bắt tay cả hai bên đặc biệt nổi bật. Các vị khai tổ sau này, Đại Đăng là kiệt xuất nhất, bắt đầu biểu Đăng tán thán được ghi trong Ngữ Lục: lộ ở mức độ cao hơn sự đồng tâm nhất trí Trời Đế Thích mưa hoa xuống cho [Tu Bồ Đề] và làm đại địa chấn động. Vị Cựu hoàng đã ban bố bông hoa đến chúng ta. Hai việc này giống nhau hay khác nhau? Năm 1337, khi đất đai chùa Đại Đức sắp bị Trúc lợi Tôn Thị hoặc nhóm ủng hộ tịch biên, Hoa Viên cúng chùa một vùng đất trong tỉnh Mino (Mỹ Nùng, bây giờ là hạt Gifu). Chỉ bốn tháng trước khi Đại Đăng tịch, Hoa Viên ban hành một sắc dụ tái xác nhận đặc ân cho chùa Đại Đức chỉ có một dòng kế thừa duy nhất (*hình 3). Những lời này nhắc lại sắc dụ thứ nhất của Hậu-Đề-Hồ gửi chùa Đại Đức bốn năm trước đây: Thiền viện Đại Đức là pháp khí trong

dòng mạch chính thống của [Lục Tổ ở] Tào Khê. Chỉ có Đại Đức tự tiếp tục thổi mạnh ngọn gió từ [Bồ-đề-đạt-ma trên]

124 129

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

được xếp lên hàng đầu của hệ thống Ngũ Sơn. Trong thời núi Thiếu Lâm. Đại Đức tự thực sự đặt được quy củ kỳ mười lăm năm này Đại Đăng đã xuất hiện từ bóng tối đi đến một địa vị quyền năng trong sự mở rộng thế giới trong tất cả các thiền viện. Suốt kiếp này, cho đến khi Thiền tông Nhật Bản. Vai trò người kiến lập và trụ trì Đại Phật Di Lặc ra đời, ngôi Pháp bảo của chùa này chỉ Đức tự của Sư trở thành chánh yếu trong di sản nhà Thiền có con cháu kế thừa trong dòng họ Đại Đức tự mới đối với bản thân của một biến cố lịch sử và đối với sự biện giải tôn giáo dành cho việc thành tựu này. Đại Đăng được an tọa, không bao giờ tăng sĩ dòng phái khác kế được mô tả trong những tư liệu và tự truyện là một nhân vị được. Làm sao mà sắc dụ này xuất phát từ tình cảm vật mà sự truy tìm giác ngộ không bị tham vọng thế gian thành kiến riêng tư được? Ý định ở đây là phân biệt rõ làm ô uế, cũng như sự tiến tu vẫn tiếp tục ngay chỗ gián đoạn giữa giác ngộ và đạo nghiệp có tính quần chúng, và ràng các môn phái Thiền khác nhau. Từ đây về sau, là người chỉ có một ý định thuần túy tâm linh chân chánh không bao giờ được vi phạm mệnh lệnh này. trong việc kiến lập một ngôi chùa. Vì vậy Sư đại biểu cho một giải pháp lý tưởng trong sự căng thẳng luôn luôn Ngày hai mươi sáu, tháng thứ tám, năm thứ tư Kiến hiện hữu giữa cá nhân một hành giả tu Thiền và tổ chức Vũ [1337]. Kính gửi thiền sư Hưng Thiền Đại Đăng của Thiền tông: một tinh thần tự tại có thể vận dụng khôn Quốc Sư. khéo trong nội bộ tổ chức, cúi mình vì những mục tiêu vô ngã mà không cho phép làm hao hụt đạo lực cũng như Làm việc mật thiết với Đại Đăng và đệ tử là Quan San làm mờ đục trí tuệ của mình. Huệ Huyền, Hoa Viên bảo trợ việc xây dựng một thiền Vấn đề về sự chân thực và chính thống cũng là vấn đề viện khác là Diệu Tâm tự, vốn là một dinh thự ở vùng sống chết trong xã hội Nhật thời trung đại nói chung. Giai quê do Hoa Viên cúng dường. Sau khi Đại Đăng tịch năm cấp chiến sĩ đã thay thế giai cấp quý tộc ở địa vị cao cấp 1337, Hoa Viên lựa chọn việc tiếp tục tu thiền với Quan lãnh đạo xứ sở, và họ cũng còn bị xem là kẻ cướp đoạt San, dù vẫn bảo trợ cho vị kế thừa chùa Đại Đức là Triệt trong một vài khu vực, họ cố đề cao sự hợp pháp của Ông Nghĩa Hanh. mình với bất kỳ phương tiện nào, từ việc sở đắc tước vị Lúc sinh thời Đại Đăng, hai vị hoàng đế Hậu-Đề-Hồ đến những bộ lễ phục văn minh. Tính chất hợp pháp của và Hoa Viên đề cao uy tín của Sư bằng cách phong tước sự kế vị ngôi báu trở thành nguồn gốc căng thẳng sau khi hiệu "Quốc Sư". Pháp hiệu ban đầu của Đại Đăng là hoàng gia chia rẽ thành hai nhánh. Mặc dù đại diện của Tông Phong Diệu Siêu. Hoa Viên ban thụy là "Hưng "hai triều đình" thay phiên nhau lên ngôi một cách thân Thiền Đại Đăng Quốc Sư", và Hậu-Đề-Hồ phong hiệu thiện trong một thời gian, những áp lực quân sự đã phát cho Sư là "Cao Chiếu Chánh Đăng Quốc Sư". Trong tư sinh tình trạng thiếu ổn định chung quanh sự kế vị chánh liệu còn tồn tại, danh xưng "Quốc Sư" đầu tiên trong sắc thống và những tiêu chuẩn thường dùng để an lập. Một dụ năm 1333 của Hậu-Đề-Hồ ban lệnh một dòng kế thừa triều thần là

Bắc Thân Phòng bị bắt buộc xem lại toàn bộ duy nhất, chỗ tên "Tông Phong Quốc Sư" được sử dụng lịch sử đế quyền suy sụp ở Nhật trong luận văn của ông như là một hình thức địa chỉ. Sự kết hợp khác thường này

128 125

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẠI ĐĂNG VÀ CHÙA ĐẠI ĐỨC

giữa tên riêng với chữ "Quốc Sư" chỉ có thể là do lòng một vị trụ trì tôn kính tức là hủy diệt tổ vị của Thiền quý trọng của Hậu-Đề-Hồ đối với Đại Đăng. Tước hiệu Quốc Sư đầy đủ đầu tiên xuất hiện trong giấy tái xác nhận tông. Ta không thể giúp đỡ mà còn phải bất bình". của Hoa Viên năm 1337 về một dòng phái duy nhất kế Hai vị hoàng đế thường ban hành sắc dụ cho Đại thừa trụ trì chùa Đại Đức, kết thúc với câu chào gửi đến Đăng. Khi Hoa Viên chỉ định chùa Đại Đức là trung tâm "Thiền sư Hưng Thiền Đại Đăng Quốc Sư". Ban hiệu vào cầu nguyện của hoàng gia, Hậu-Đề-Hồ cũng y theo. Hậu- thời điểm này trong đạo nghiệp của Đại Đăng là sự cúng Đề-Hồ hạn chế chức vị trụ trì cho một dòng kế thừa duy dường cuối cùng thích đáng gửi đến một bậc thầy sắp gần nhất thì Hoa Viên lặp lại mệnh lệnh này bốn năm sau đó. cái chết, và đó là một kiểu khác chống đỡ việc chùa Đại Hoa Viên phong hiệu Quốc Sư; Hậu-Đề-Hồ không biết Đức mất ảnh hưởng sau khi Hậu-Đề-Hồ thoái vị (tước và cũng tự ý phong theo. Khó mà lường được phản ứng hiệu mới có thể là nhân tố căn bản cho sự công bố). Tước của Đại Đăng đối với sự thành lập chế độ bảo trợ. Quan hiệu do Hậu-Đề-Hồ ban cho, "Cao Chiếu Chánh Đăng điểm theo truyền thống trong nhà Thiền cho rằng Sư quá Quốc Sư", không thấy xuất hiện trong bất cứ tư liệu nào nhiệt tâm trong sự giáo dưỡng tăng chúng cho nên Sư hiện còn. Hình như "Chánh Đăng" được phong khi Đại không để ý những công việc thế gian như chính trị hoặc Đăng còn sinh thời và "Cao Chiếu" là thụy khi Hậu-Đề- sự bảo trợ. Những nhà viết tiểu sử đầu tiên cho rằng Sư Hồ bại trận bị quản thúc trong dãy núi Cất Dã gần Nại phản đối hai công bố chính của Hậu-Đề-Hồ: sắc dụ năm Lương (Nara). Chiếu chỉ sắc phong "Cao Chiếu" ghi 1325 chọn chùa làm trung tâm cầu nguyện của hoàng tộc tháng thứ tư năm 1339, được gửi đến Triệt Ông. Cuộn và sắc dụ 1333 xếp chùa đứng đầu Ngũ Sơn. Nhà học giả giấy này đôi khi được cho là của Nhật hoàng Hậu-Thôn- Nhật Hirano Sòjò tin rằng những ân huệ của hoàng gia là Thượng (trị vì 1339–1368), nhưng cho dù như thế tước vị sự "phiền toái kinh khủng" đối với Đại Đăng và sự ganh phải được Hậu-Đề-Hồ xác định. Một sự kình chống tinh đua thấy rõ giữa hai vị hoàng đế làm tăng thêm "cơn đau tế đã xảy ra giữa Hậu-Đề-Hồ và Hoa Viên, song đã được đầu". Song đọc bằng chứng trong tư liệu, bao gồm nhiều chế ngự vì sự phân hóa cay đắng của thời cuộc. Bốn năm câu nói biết ơn của Đại Đăng đáp lại quà cúng dường và trong triều đại Hậu-Đề-Hồ trị vì, Hoa Viên hai lần ca tụng các sắc dụ, ta có cảm giác là Sư thành thật hoan hỷ với người kế nhiệm trong cuốn Nhật ký của ông. Tuy nhiên bất cứ sự chịu đựng nào bắt Sư phải ráng sức. Nếu thực luận điệu của ông thay đổi vào tháng mười năm 1325, ở sự Đại Đăng muốn bác bỏ sự bảo trợ của hoàng gia, Sư thời kỳ đầu khi hai vị hoàng đế ganh đua trong sự bảo trợ đã phải rời xa Kyoto, như một số vị tiền bối và đồng thời Đại Đăng. Sau khi tả lại cuộc gặp gỡ giữa Hậu-Đề-Hồ và đã từng làm. Thay vào đó, Sư kham nhẫn đối với sự ủng Mộng Song, Hoa Viên phê bình cả hai:

hộ của hai vị hoàng đế "đối thủ" suốt mười lăm năm, xử "Ai cũng bảo Vua [Hậu-Đề-Hồ] khao khát Phật pháp sự khéo léo đến đỗi cả hai vị bảo trợ vẫn mong muốn tôn hưng long. Thế tôi không hiểu vì sao Vua lại cố giữ bí vinh Sư ngay cả sau khi Sư tịch. Khi Đại Đăng dời đến Sài Dã năm 1319, vào tuổi ba mươi bảy, Sư mất đi cơ sở, mật sự liên hệ [với Mộng Song]. Đối xử với vị này như đại thí chủ thế lực và sự công nhận của quần chúng. Năm 1334, khi Sư năm mươi hai tuổi, ngôi chùa mới của Sư

126 127

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

và từ này đôi khi choàng qua nhiều tầm cỡ của khái niệm. đang trôi trên mặt nước. Vị tăng hành khước liền quyết Tuy nhiên sự nhập nhằng phát sinh từ đó có thể được biện minh, vì nhiều ý nghĩa khác nhau của từ giác ngộ về cơ định xin vào tu viện trên núi. bản đều phù hợp và thậm chí đến chỗ cứu cánh không Chỉ căn cứ trên một lá rau vị tăng hành khước kết luận khác. Vào lúc Thiền đến Nhật Bản, sự tranh cãi kinh điển sự tu thiền ưu việt nói rộng là chân thiền không thể tìm liên quan đến tánh chất "đốn" hoặc "tiệm" của giác ngộ thấy nơi tu viện trên núi; rồi bóng một vị tăng trên núi đi đã nhường bước trước sự công bố phổ biến rộng rãi thừa xuống đã thuyết phục được ông rằng đây là chỗ tu tập nhận rằng bản tính đốn của giác ngộ, và cần phải tu tập cả chân thiền. Trong trường hợp này, trên nguyên tắc không hai phương diện trước và sau khi ngộ. Những thay đổi có gì gọi là ô nhiễm (liên quan đến giáo lý Thiền như là nằm trong gần như một sự thỏa thuận chung là một chủ nhất tâm chánh niệm và giá trị bản hữu của muôn pháp) đề để nhấn mạnh hơn là bản thể. Tính chất đốn được xác vận hành như một tiêu chuẩn quyết định về tính chất chân định trong ngôn ngữ của các thiền sư Lâm Tế di dân như chánh đối với người tán thành giai thoại này. Lan Khê và các thiền sư Lâm Tế Nhật Bản như Bạt Đội. Lan Khê viết: Mọi tông phái Phật giáo đều kêu gọi bảo tồn Phật pháp, ý muốn nói đến (trong nhiều ý nghĩa) chân lý tối Khi vọng kiến không còn nữa, ông đột nhiên thức tỉnh thượng và lời dạy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni sau khi từ cơn đại mộng và nhận thấy Phật tánh. Đây gọi là giác ngộ. Kinh điển Phật giáo nguyên thủy cho rằng "đại ngộ viên mãn". "chánh pháp" tương phản với tà pháp hoặc tà kiến. Giản đồ vũ trụ Phật giáo có tác động lớn ở Đông Á đã xác định Bạt Đội lặp lại: những thời kỳ chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp. Một Khi nghi vấn mãnh liệt bao trùm từng tấc nhỏ trong bộ sử có tầm quan trọng thuộc thế kỷ 8 về môn phái Thiền tên Lịch Đại Pháp Bảo Ký được đề tựa là "trong đó ông và xâm nhập tận đáy thẳm tột cùng của mọi đáy chánh và tà được biện rõ, ngoại lai bị dẹp bỏ và chính thẳm, nghi vấn sẽ đột nhiên nổ tung và bản thể của thống được đề cao". Trong Thiền tông quan điểm về chân Phật tâm được khơi dậy... Niềm vui tại thời điểm này chánh được diễn tả bằng nhiều cách (chữ hoặc cụm từ Hán–Nhật thường có chức năng là một danh từ, tính từ không thể nói nên lời. hoặc động từ như chữ Anh). Chữ chánh (shò) và chân Đốn ngộ cũng được các thiền sư Tào Động Nhật thời (shin) có nghĩa thực, đúng. Chữ này xuất hiện trong chữ kỳ đầu chấp nhận. Đạo Nguyên tán thán Huệ Năng bởi vì ghép như "chánh pháp", "chánh tông", "chân thừa", "ngay khi Tổ chợt ngộ, Ngài liền rời mẹ già đi tìm thầy". "chánh môn" và "chân ngộ". Thiền sư Lâm Tế tổng hợp Hậu duệ của

Đạo Nguyên là Oánh Sơn bảo rằng ta đi vào hai chữ trên để chỉ cho “chân chánh kiến giải”. “Chân ngộ khi “cái tâm trong sáng vốn sẵn có và khó nghĩ lường ngụy” thường tương quan với khái niệm về chân chánh, bỗng nhiên được khơi dậy và bản quang chiếu rọi khắp như trong đoạn văn sau của Đạo Nguyên:

144 133

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

“Các ông nên biết đối với người học Phật không có và rồi, hoàn toàn bế tắc, ông nhảy vọt với đôi bàn tay vấn đề tranh cãi về giáo lý cao hay thấp, hoặc chọn giơ cao lên trời vào hầm lửa trước mặt vào ngọn lửa lựa sâu hay cạn; mọi sự chúng ta cần biết là sự tu có muôn đời đốt cháy bản chất nguyên thủy của chính chân chánh hay không (tức chân hay ngụy)”. ông mọi thức tình vị ngã, mọi cảm thọ mê mờ và mọi Các danh từ “bổn phận” hay “bổn lai” có thể có nghĩa niệm tưởng tri giác sẽ tiêu tan với gốc rể của ngã, và là căn bản, nguyên thủy, hoặc chân chánh. Viên Ngộ định chân nguyên của Tự tánh xuất hiện. Ông sẽ cảm thấy nghĩa “bổn phận tông sư” là người “dựng pháp kỳ lập sống lại, mọi bệnh tật hoàn toàn tan biến, và sẽ chứng tông chỉ”. Đạo Nguyên nói đến “bổn phận nhân” tức là người “chân chánh”, “nguyên bản”. nghiệm chân lạc và chân hỷ. Ông đã hoàn toàn giải Một chữ khác, “chứng” (shò) là một thuật ngữ Thiền thoát. quan trọng, theo tiếng Anh 9 tương đương gồm có Trong ý nghĩa quan trọng thứ ba, giác ngộ thỉnh “chánh”, “giác” và “chứng”. Ví dụ trong một phương thoảng tương đương với giác ngộ viên mãn hoặc toàn châm nổi tiếng của Đạo Nguyên: giác. Nhận định này nhấn mạnh đến tuyệt đỉnh chứng Học Đạo là học tự ngã nghiệm, đặc biệt tán dương sự tỉnh giác từ thời khắc này đến thời khắc tiếp nơi giai tầng cao nhất của sự chứng Học tự ngã là buông bỏ tự ngã đạt. Mặc dù tâm thái này siêu vượt mọi diễn tả, những thuộc tính tâm lý được tin rằng nằm trong sự tỉnh giác bất Buông bỏ tự ngã là “chứng” các pháp. nhị, ra khỏi sự phân biệt giữa ta với người, một sự giải Câu thứ ba có thể dịch là “Buông bỏ tự ngã là giác ngộ thoát mọi trói buộc, và một lòng từ bi tự nhiên đến với tất các pháp”, là bằng cớ về sự liên quan mật thiết giữa cả chúng sinh. Ở giai tầng này, còn sự khác biệt nhỏ giữa chứng ngộ và chân chánh trong Thiền. vị Phật lịch sử, các vị Phật vũ trụ, và hành giả đã tiến đến quả vị Phật. Thiền sư Lan Khê quả quyết: Khi một tôn giáo tìm cách tự đặt mình vào một nền Thấy tánh và thành Phật là nhận biết tự tánh và cắt văn hóa mới, đề tài về chân chánh càng phải tăng cường. Trường hợp Thiền du nhập vào nước Nhật, những vị khai đứt gốc rễ của chúng sanh tánh... Rồi không còn sanh tổ đối đầu với nhiều khó khăn lớn lao. Dù cho “Thiền” là tử hoặc phiền não điên đảo. Đó là tạm dùng chữ gì, thì phạm vi cũng luân phiên là tâm linh, giáo điển, tổ chức, nghệ thuật, văn học và xã hội. Thêm vào đó, tình “thành Phật”. Phật là giác ngộ, nhận ra là mình chưa trạng Thiền tông Trung Hoa tiếp tục biến đổi suốt thời kỳ từng mê vọng. chuyển tiếp bắc cầu gần hai thế kỷ. Sự kình chống môn Trong việc dùng chữ hiện nay, ranh giới giữa những ý 9 nghĩa cơ bản của từ “giác ngộ” không được xem xét tỉ mỉ, Dịch sang tiếng Việt.

134 143

thức và cảm thức. Ngài nói: “Hồi quang phản chiếu, biết phái tạo ra rạn nứt nội bộ, các chi phái hưng thịnh hoặc và thấy tự tánh vốn có sẵn, đó gọi là có con mắt trí tuệ; suy tàn, cách thức giáo huấn thay đổi, và sắc thái văn học một phen thấy được tự tánh, ta có thể có được cái dụng cũng đổi thay. Các tăng sĩ Trung Hoa xác nhận họ là đại của thấy, nghe, hiểu, biết”. Giác ngộ bất chấp quan điểm diện cho Thiền tông, dù ở lại Trung Hoa hay di cư đến khái luận, các thiền sư bảo như thế, nhưng mà vẫn biết Nhật, đều bắt buộc phải khác nhau trong đường hướng được một cách gần gũi như thể uống nước nóng lạnh tự của họ. Trên vài phương diện đáng kể, Thiền tông trình biết, không cần phải một lời nói riêng biệt nào, cũng bày từng bức tranh khác nhau nơi mỗi tăng sĩ Nhật giáp chẳng cần phải “chứng nghiệm” như mọi kinh nghiệm mặt với thiền. Một tác phẩm lớn đầu tiên của Đạo khác. Trong tinh thần này Đạo Nguyên nói về giác ngộ Nguyên tên là “Biện Đạo Thoại” mô tả mối ưu tư hàng vô lượng vô biên: “Sự giác ngộ vô thượng ngay cả mười đầu của những vị khai tổ về đặc tính chân chánh của Phật phương cõi giới cũng không bằng một phần nhỏ”. Giác giáo hoặc Thiền tông của chính họ. Trong câu đầu tiên ngộ có nhiều nghĩa và được Thiền tông Nhật Bản chấp của tác phẩm này, Đạo Nguyên tán thán sự trực tiếp nhận như Thiền tông Trung Hoa. (Mặc dù ở đây tập trung truyền trao Phật pháp từ một vị Phật giác ngộ đến một vị vào lịch sử, đối với Thiền tông đương đại cũng thế). Khái khác, và Ngài nói: “Đây là sự truyền trao không nghiêng niệm đủ mềm dẻo để choàng khắp những giáo lý kinh lệch từ Phật đến Phật nhờ công đức chánh định (samàdhi) điển lớn lao và kiên cố, những kinh nghiệm ngộ đặc thù, mỗi người tự thọ dụng (Tự thọ dụng tam-muội), đó chính và những trạng thái cấp cao của sự tỉnh giác. Một trong ý là tiêu chuẩn của sự truyền trao”. Đối với Đạo Nguyên, nghĩa đầu tiên của giác ngộ là tương đồng với Phật tánh chân Thiền là giác ngộ tối thượng của chư Phật. Cả quyển bản hữu. Ví dụ như Mộng Song tuyên bố rằng “thanh sách còn lại, Đạo Nguyên đã viết thật công phu về chủ đề tịnh, chân lý, tỉnh giác, Niết-bàn, và vạn hạnh ba-la-mật này. Như Carl Bielefeldt đã nói: đều lưu xuất từ giác ngộ” mà Ngài đồng nhất với “Bản Đạo Nguyên sử dụng khái niệm về truyền thống lịch Tâm địa”. Những vị thầy khác dùng những từ như Chân Tâm, Chân Diện Mục, Đạo, hoặc Tự tánh đồng nghĩa với sử của chư Phật và chư Tổ để phân biệt pháp tu giác ngộ. Trong ý nghĩa cơ bản thứ nhì, giác ngộ trùm Thiền của Ngài với những pháp tu Thiền khác của đạo khắp hạng mức của những kinh nghiệm ngộ, từ hương vị Phật. Thực ra hết tác phẩm được chỉ đạo bởi khả nếm được trên đầu lưỡi đến thâm ngộ toàn triệt. Công dụng như thế đã làm nổi bật tầm cỡ tâm lý của giác ngộ năng bén nhạy về truyền thống này và về ý nghĩa lịch như thể một bước ngoặt trong sự khai phóng tâm linh của sử của sự truyền trao ở nước Nhật. Trong phần dẫn một con người. Những sự trình bày huy hoàng về giây nhập quyển sách Đạo Nguyên kể lại huyền thoại về phút quyết định này, như một đoạn văn sau đây của Bạt Đội, thúc giục các hành giả nỗ lực nhiều hơn nữa: truyền trao “Phật tâm ấn” từ đức Thích-ca Mâu-ni đến Nếu ông đẩy mạnh tới với mẻ sức lực cuối cùng ngay Ngũ gia tông phái ở Trung Hoa. Truyền thống này đại tại chốt điểm mà con đường niệm tưởng bị kẹt cứng, diện cho “chánh truyền”, “Phật pháp của chân tông”,

142 135

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

“Phật pháp thuần nhất”, do Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma mang Cuộc tranh luận cổ điển xảy ra trong nhà Thiền nhiều thế kỷ cho rằng giác ngộ hoặc là “đốn” hoặc là “tiệm”. đến Đông độ, và được Lục Tổ Huệ Năng truyền bá. Phái Nam thiền tuyên bố theo đường lối của Lục Tổ Huệ Sau gần mười năm viết Biện Đạo Thoại, Đạo Nguyên Năng tức là đốn ngộ, trong khi Bắc thiền hiện thân qua viết một tiểu luận tên “Phật đạo” trong đó Ngài nói về sự đại sư Thần Tú (606?–706), người có ảnh hưởng lớn về truyền trao chân chánh có tính cách tông môn hơn. Ngài mặt lịch sử, theo đường lối tiệm ngộ. Thực ra, xu hướng vẽ lại phổ hệ nhà Thiền từ chư Tổ Ấn Độ đặc biệt đến của cả hai phái cũng kề cận nhau và phức tạp hơn sự phân đến các vị Thầy Trung Hoa của Ngài, và khẳng quyết loại mà chúng ta đã hệ thống hóa theo truyền thống. Các dòng phái do Ngài đại diện là chính thống duy nhất: vị thầy của phái Nam thiền thắng thế cho rằng đốn ngộ có “Không có sự truyền trao nào khác; không có tông phái thể chuyển một phàm nhân tức khắc thành một vị Phật, nào khác”. Khi nào Thiền tông chân chính du nhập Nhật cho dù họ vẫn thừa nhận trong sự tu tập một cái ngộ đột Bản đầu tiên? Khi nào người Nhật thật sự hội Thiền? Khi biến phải được tiếp tục công phu kiên trì sau đó. Những nào Thiền ở Nhật trở thành thực sự Thiền tông Nhật Bản? lời phát biểu ngụ ý sự tu tập trước khi giác ngộ là một Những câu hỏi này bao trùm các đề tài về tiêu chuẩn sau phương tiện đi đến cứu cánh đều bị loại trừ vì mang tính này liên quan đến bản chất của “Thiền Trung Hoa” và nhị nguyên. Điều khỏi cần nói rằng giác ngộ là trung tâm “Thiền Nhật Bản”. Một nguồn phức tạp khác là phạm vi điểm của Thiền tông Nhật Bản lẫn Trung Hoa. Danh từ bao la của những hiện tượng mà khái niệm về chân chánh trong nhà Thiền Nhật Bản đầy ắp những chữ và những có thể ứng dụng. Trong câu hỏi “Có phải Thiền của X là câu có nghĩa là giác ngộ, đa phần có ngữ nguyên trong chân chánh?” X có thể thay thế bằng một người, một tu Phật giáo Trung Hoa và Ấn Độ. Ngoài chữ “ngộ” và viện, một quyển sách, một dòng phái, một chủ thuyết, “kiến tánh”, ta còn thấy chữ “giác”, “chánh giác”, “viên một pháp tu, một kiểu thơ, và v.v... Mặc dù nhiều sự việc giác”, “tỉnh”, “thành đạo”, “thành Phật”, “khai nhãn”, có thể được tả là “Chân thiền”, không thể chỉ có một tiêu “chứng”, “đại tử”, “vô sư độc ngộ”, “đại ngộ triệt để”, và chuẩn duy nhất thích ứng với mọi trường hợp. “A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”. Tất cả những danh từ này đều có dạng động từ y hệt. Những Thiền ngữ khác Luận bàn một cách bác học về chủ đề tính chất chân quá nhiều để liệt kê cũng chỉ cho giác ngộ: “giải quyết đại chánh trong sự truyền Thiền vào Nhật Bản không đồng sự”, “một phát cắt đứt kho tàng thức”, “nhảy vọt tức khắc đều và tùy thuộc về tư chất hoặc tính khí riêng. Nhiều đến đất Như Lai”, v.v... Vài khái niệm về giác ngộ được tiêu chuẩn rất rộng đã được dẫn ra (hoặc mệnh danh), và phổ biến cũng do các vị khai tổ trong Thiền tông Nhật nhiều vị Thầy khác nhau tùy trường hợp được chọn ra để Bản. Khi Bạt Đội quả quyết rằng: “Điều cơ bản để đạt phân biệt. Ví dụ, vị du tăng hành hương đầu tiên là Giác ngộ là phải để tâm trống rỗng khái niệm về ngã”, Ngài đã A được Daigan và Alicia Matsunaga tả là “người đầu tiên xác nhận một pháp ngữ xưa như là đạo Phật. Lan Khê, nhận được sự truyền trao Thiền chính thống”. Hee-jin khi viết cho thính chúng người

Nhật, đã nêu lên tương tự: Kim chọn Đạo Nguyên là ưu việt: “Chùa Hưng Thánh giác ngộ không phải căn cứ trên thế trí hoặc cảm nhận Bảo Lâm [Hưng Thánh tự], do Đạo Nguyên xây dựng thường tình, nhưng, một khi đạt ngộ, sẽ báo động đến tâm năm 1233, có ý nghĩa lịch sử vì là ngôi chùa đầu tiên do

136 141

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

còn sinh khởi vọng tưởng, không bao giờ lạc mất người Nhật muốn thiết lập “Thiền thuần túy”. Heinrich Dumoulin nhấn mạnh đến việc các vị thiền sư Trung Hoa chánh niệm, và dập tắt ảo tưởng về sở hữu cá nhân. di dân đặt chân đến Nhật, bởi vì “Thiền do các vị mang Chính vì thế, họ không còn kẹt vào sanh tử. Từ khi theo mình là chân chính”. Yanagida Seizan chọn Đại thoát khỏi sanh tử, họ đạt đến trạng thái rốt ráo của Đăng là “người Nhật đầu tiên thực sự chạm được tâm huyết của Bích Nham Lục”. Các nhà học giả khác công sự tịch diệt [niết bàn]. Từ khi họ đạt đến tịch diệt, nhận các vị thầy khác (như Vinh Tây, Viên Nhĩ, Nam muôn vàn hỷ lạc tự nhiên tụ về họ. Phố và Mộng Song) với những mốc lịch sử khác nhau trong Thiền tông Nhật Bản thời kỳ đầu. Trong những năm Một thuật ngữ Thiền về giác ngộ được ưa chuộng lâu gần đây những sự thừa nhận làm nền tảng cho những việc đời là “kiến tánh”. Từ này được dùng lần đầu và trọng thể lượng giá trên là chủ đề cho việc nghiên cứu mới lại. nhất ở kinh Pháp Bảo Đàn (thế kỷ 9), và giữ vai trò hàng Thay vì tìm kiếm Thiền Trung Hoa hoặc Thiền Nhật Bản đầu trong giáo lý của Lục Tổ Huệ Năng. “Chiếu kiến” tinh thuần, vài học giả thấy một sự căng thẳng mạnh mẽ vào bản tánh của chính mình là khám phá và chứng và luôn luôn hiện hữu chánh với tà, chân với ngụy, và họ nghiệm Phật tánh trùm khắp, vốn có sẵn nơi mọi chúng miễn cưỡng ưu đãi người này hơn người khác. Bernad sanh dù họ đã giác ngộ rồi hay chưa. Một phương châm Faure viết: cổ điển có tầm ảnh hưởng lớn về kiến tánh là bài kệ bốn Vậy, không có đặc tính tinh thần nguyên sơ ngay tại câu của tổ Bồ-đề-đạt-ma mà nhà Thiền thường dùng để định nghĩa cho tông phong của mình: gốc ban đầu của đạo Thiền, và “Thiền tinh thuần” do Giáo ngoại biệt truyền (Truyền riêng ngoài Đạo Nguyên và một vài vị tiền bối chủ xướng có lẽ là giáo) một hệ tư tưởng tự dụng. Thiền, vì là một tôn giáo Bất lập văn tự (Không lập văn tự) truyền thống sinh động, luôn luôn có một bản chất hỗn tạp và tổng hợp... Không có đạo Thiền (Trung Trực chỉ nhân tâm (Chỉ thẳng tâm Hoa) hay đạo Thiền (Nhật Bản)... ngoài những bước người) đầu lặp đi lặp lại từ truyền thống. Kiến tánh thành Phật (Kiến tánh thành Phật) Thiền tông Nhật lúc đầu chắc chắn có giá trị khi xét đó là một tôn giáo gồm có nhiều tiếng nói khác nhau; trên Câu then chốt nhất là ở dòng cuối, kiến tánh và thành một mức độ nào đó có một sự phấn đấu thường xuyên để Phật đều rõ ràng ngang nhau. Nhưng trớ trêu thay, câu minh định những hình thức luận bàn chấp nhận được Thiền ngữ ách yếu này về sự không thích đáng của ngôn hoặc không chấp nhận được. Đồng thời, như chúng ta ngữ lại phô bày thành một bài kệ đáng ghi nhớ, với vốn định được chủ thuyết và thái độ của những nhân vật tôn chữ Hán ở mỗi dòng kệ (thể thơ tứ tuyệt). giáo có uy thế, tốt nhất là không để cho sự phân biệt giữa

140 137

“tinh thuần” và “tự dụng” quá sắc bén. Những thực tế lịch Phật từ kinh nghiệm chứng ngộ, cách đây hai ngàn sử và sự nhạy bén về luận giải tôn giáo sẽ không cho phép chúng ta thừa nhận một nền Thiền tông được xem là năm trăm năm ở phía Bắc Ấn Độ. Mọi người tu Phật chân chánh một cách rộng khắp. Tuy nhiên không nên đều kỳ vọng đạt ngộ dù ở kiếp này hoặc kiếp sau. tuân theo những phức tạp đã dẫn giải cho rằng những lời Không có giác ngộ, dù đã nhận ra rồi hoặc được nhận dạy của các vị khai tổ phải được nhìn chỉ là thuộc môn phái hoặc sự tranh đấu mạnh mẽ ý thức hệ. ra bằng cách nào đó, một lúc nào đó, ở đâu đó, cũng không có Phật đạo. Thiền không có ngoại lệ. Thực sự, GIÁC NGỘ chính Thiền khiến cho giác ngộ nhiều nhất, hoặc kiến Trong Bích Nham Lục, Viên Ngộ đặt ra một vấn đề cơ tánh. bản: Dù cho những lời tán tụng của Suzuki phản ánh lòng Ngọc được thử với lửa, vàng thử với đá, kiếm thử với ngưỡng mộ Thiền, cũng cho biết ngay cả trong nội bộ lông, nước thử với cây sào. Trong tông môn của nạp Phật giáo có nhiều cách nhận thức và diễn tả “giác ngộ” khác nhau. Như Phật giáo nguyên thủy (Theravada) cho tăng, một chữ, một câu, một hành động, một lời nói, giác ngộ ngang với sự nhận hiểu các pháp duyên hợp là một ra, một vào, một hỏi, một đáp, ông phải thấy được vô thường, vô ngã và gây ra đau khổ. Đối với nhiều tín đồ ai là sâu là cạn, ông phải thấy người đó ở trước mặt các nước Đông Á theo Phật giáo Tịnh Độ, giác ngộ được biết trước là sẽ xảy ra sau khi chết, nhờ công năng cứu độ bước tới hay bước lui. Nhưng hãy cho ta biết ông thử của đức Phật A-Di-Đà, hoặc nhờ lời cầu nguyện tha thiết người đó ra sao? thành tâm của con cháu họ còn sống trên dương thế. Phật giáo Tây Tạng, sơ bộ có vẻ tương phản, tìm giác ngộ qua Đối với thiền sư, giác ngộ là tiêu chuẩn hàng đầu của sự đồng nhất với một vị Phật vũ trụ và sự chuyển hóa tâm sự chân chánh, và mọi tiêu chuẩn khác đều liên hệ với thức bằng cách nhập định. tiêu chuẩn giác ngộ bằng cách này hay cách khác. Qua sự tu tập và chứng ngộ, vị Thầy sẽ khẳng quyết một thiền Trong đạo Thiền cách biểu thị giác ngộ cổ truyền nhất sinh kiến tánh, đạt được nền tảng sự hiện hữu của chính đều dùng ảnh tượng: tấm gương sạch bụi, mây tan hết, mình. Tính ưu việt của giác ngộ trong Thiền và các tông ngọn đèn chiếu sáng, và v.v... Những bản văn Thiền đầu phái khác của Phật giáo được thừa nhận rộng rãi. D. tiên cũng đưa ra những sự mô tả về giác ngộ có vẻ biện T.Suzuki nhấn mạnh điểm này: luận hơn, như chân dung sau đây của những vị đã chứng Phật quả: Giác ngộ chiếm trọng tâm giáo lý trong tất cả tông [Họ] đã giác ngộ Pháp tánh và rõ ràng sáng tâm, tâm phái đạo Phật, tiểu thừa lẫn đại thừa, “tự lực” và “tha sáng đó chính là cội nguồn [của các Pháp]. Họ không lực”, Thánh đạo và Tịnh độ, bởi vì lời dạy của đức

Nguyên lý của tâm-truyền-tâm cũng đóng một vai trò nơi”. Đệ tử của Oánh Sơn là Nga Sơn đã chợt ngộ khi trọng yếu trong việc xác định Thiền ở sơ thời Thiền tông. nghe thầy mình dẫn ra một thiền ngữ. Ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ 8, các môn sinh trong nhà Sự tu tập sau khi ngộ cũng vậy, được tất cả môn phái Thiền tìm cách chứng tỏ mình

khác biệt với những tín đồ thiền công nhận là cần thiết. Bởi vì sự giác ngộ ban đầu đạo Phật khác, hầu hết đã dựng lập dòng phái phổ hệ các hiếm khi là giác ngộ viên mãn, thậm chí những người đã bậc tiền bối. Thiền đã khai triển phổ hệ có thể so sánh đối thoáng thấy chân tánh của mình vẫn có thể bị chỉ trích là chiếu được để chứng minh Thiền thực sự truyền thừa tự đắc, tự mãn, hoặc tự dối mình. Do đó cần tiếp tục tu chánh pháp có dòng phái liên tục xuất phát từ đức Thích- tập và phải có sự hướng dẫn của một bậc thầy ưu tú. Bạt ca Mâu-ni. Sự tham chiếu trong nhà Thiền được biết đến Đội so sánh một người đã đạt ngộ còn non và cạn giống đầu tiên liên quan đến quan điểm tâm-truyền-tâm tìm như một người thấy được đồng rồi thôi không đi tìm vàng thấy trong văn bia của vị tăng Pháp Như (638–689): “Sự nữa. Đạo Nguyên tán thán Huệ Năng vì đi tìm thầy sau truyền [pháp] ở Ấn Độ cơ bản không văn tự ngữ ngôn, [vì khi đốn ngộ, và Mộng Song ca tụng sự tu tập sau khi ngộ thế] sự thâm nhập lý đạo duy chỉ [tùy vào] sự truyền của Triệu Châu, người được biết nhiều về sự nghiệp cống tâm”. Nhiều giai thoại về truyền pháp từ thầy đến trò hiến cho tọa thiền: chính là yếu tố chủ yếu của Thiền Trung Hoa và Thiền Nhật Bản. Theo truyền sử, đức Thích-ca Mâu-ni khai mở Vị lão tăng hầu như đã giác ngộ từ thuở nằm nôi, song việc truyền thừa khi trong pháp hội Phật đã im lặng đưa sự tu tập của Ngài [không lui sụt]. Ông có thể nghĩ lên cành hoa sen. Chỉ có ngài Ca-diếp, một đại đệ tử của xem người chưa giác ngộ viên mãn còn phải như thế Phật hội ý mỉm cười. Đức Phật liền tuyên bố (lời này thành phương châm) là trao truyền “chánh pháp nhãn nào? Một cổ đức 10 nói: “Chưa xong việc như đưa ma tạng, Niết-bàn diệu tâm” cho Ca-diếp. Một điểm khác có mẹ, xong việc rồi cũng như đưa ma mẹ”. ý nghĩa trong phổ hệ truyền thống là Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền thừa cho đệ tử người Hoa là Huệ Khả (487–593). Điểm nghịch tai nhất trong văn bản đầu tiên này có lẽ Khi Tổ hỏi ba vị đại đệ tử nói lên chỗ tỏ ngộ của mình, làm ta nhớ lại Đạo Nguyên. Mặc dầu chấp nhận nhiều câu đáp của vị thứ nhất được Tổ nhận, bảo là được “phần điểm giáo lý mà các vị ngang hàng đã tuân theo, Ngài bác da;” vị thứ hai cũng vậy, được phần “xương”. Vị cuối là bỏ danh xưng kiến tánh. Đối với Đạo Nguyên từ này gợi Huệ Khả đáp rằng: “Cơ bản không còn vọng tưởng, xưa ra ít nhất hai vọng kiến đối đãi tu đối với ngộ, và “kiến” nay [tâm] vẫn trong sáng”. Tổ bảo: “Ngươi được phần đối với “chân tánh”. Theo đó, Ngài phê bình câu “kiến tủy của ta”. Trong văn bản về sau thì có bốn đệ tử trong tánh thành Phật” trong bài kệ của Bồ-đề-đạt-ma. Tuy thừa câu chuyện. Vị thứ nhất được “da”, vị thứ hai được “thịt”, nhận Huệ Năng đốn ngộ, Ngài vẫn chỉ trích Pháp Bảo vị thứ ba được “xương”. Đến lượt Huệ Khả, Ngài bước ra Đàn Kinh vì tán thành kiến tánh: “Trong Đàn Kinh của đảnh lễ Tổ và lui về chỗ. Huệ Khả được phần tủy và là đệ Lục Tổ có những chữ ‘kiến tánh’. Quyển kinh này là một tử nối pháp. sự mạo nhận... con cháu chư Phật chư Tổ không nên tin

10 Thiền Sư Đạo Minh Trần Tôn Túc (D.G)

156 145

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

cũng không nên dùng”. Vì trường hợp giống với Đạo Vì khoảng cách lịch sử nên chúng ta khó nhận định Nguyên cũng thường xảy ra nên lời nói của Ngài có thể sức mạnh

tương đối về sự tương đồng và bất đồng trong xem là một sự chắt lọc sáng tạo trong giáo lý của Thiền pháp ngữ thời kỳ đầu của Thiền tông Nhật Bản. Cho dù tông, hoặc một tính toán bè phái muốn làm mất uy tín đường hướng của Đạo Nguyên về tọa thiền khác biệt rõ một dòng phái đối phương, hoặc cả hai. ràng đối với các vị ngang hàng hoặc tiền bối, đây là một trong các chủ đề hứa hẹn đối với các học giả. Khảo cứu mới đây cho thấy Đạo Nguyên đã mượn rất nhiều từ MỘT TIÊU CHUẨN KHÓ LÀM NGƠ Thiền Uyển Thanh Qui để viết cuốn Tọa Thiền Nghi của Khi các vị thiền sư như Đạo Nguyên nhìn nhận sự giác Ngài. Hee-jin Kim thừa nhận "hình thức tọa thiền của ngộ của chư Phật là tiêu chuẩn truyền trao chánh pháp, họ Đạo Nguyên không khác lắm" với cách tọa thiền đã nói không đưa ra những thuật ngữ hoặc những khẳng định về trong Thanh Qui, và Carl Bielefeldt cho rằng Đạo kinh điển cho sự phân tích triết lý kiểu tây phương. Quan Nguyên trong quyển sách của mình đã mở đầu với câu: điểm về một tiêu chuẩn có những vi tế của nó. Khi áp "Bất cứ vị thiền sư nào giữa đời Đường đều có thể nói dụng vào những chủ đề nan giải như truyền trao chánh gần như vậy". Tuy như thế Kim vẫn gán cho Đạo Nguyên pháp, giác ngộ, hoặc Thiền, tính phức tạp càng gia tăng "một quan điểm về tọa thiền khác từ căn để trong nội thập bội. Trong trường hợp này khảo hướng về Thiền và dung và ý nghĩa". triển vọng học thuật hình như bắt buộc phải phân rẽ. Trong nhà Thiền, giác ngộ có chức năng như là chân BIỂU TÍN CỦA SỰ TRUYỀN TRAO PHẬT PHÁP thiền vì "giác ngộ" và "thiền" không phải là hai hiện Thiền dạy rằng chân ngộ, ở mọi thời đại, cốt yếu cũng tượng khác nhau. D. T. Suzuki, đứng trên lập trường này là giác ngộ mà đức Thích-ca Mâu-ni đã chứng nghiệm. khẳng định rằng: "Thiền và ngộ đồng nghĩa". Ở đây cũng Như Vô Môn đã khẳng định, người nào đã ngộ đều có thể cần phân biệt giữa quan điểm có tính cách công ước và "thấy cùng với mắt và nghe cùng với tai của dòng mạch cứu cánh, như các vị thiền sư và pháp sư thường lập luận. chư Tổ". Con đường tâm linh liên tục này thường được Theo đường hướng này, từ quan điểm cứu cánh giác ngộ nhận thức là sự truyền trao hay truyền thừa Tâm hoặc là một tiêu chuẩn duy nhất của chân thiền, cho dù sự thật Pháp hoặc "ngọn đèn" giác ngộ (truyền đăng tục diệm). này sụp đổ ở giai tầng công ước. Nói cách khác, Đạo Hơn hẳn việc khai tâm vỡ lòng, sự trao truyền trong nhà Nguyên có thể khẳng định không thể lập lờ nước đôi rằng Thiền được mô tả là một sự truyền thông lý đạo trực tiếp sự giác ngộ của chư Phật là tiêu chuẩn độc nhất của sự và vô ngôn giữa thầy và trò, một sự thầm nhận hỗ tương truyền trao chánh pháp (yêu cầu ở giai tầng cứu cánh) và và ấn khả hỗ tương. Theo truyền thống trong đạo quy đồng thời lập luận rằng không có sự chứng nhận được định thì không có gì để trao phó ngay cả một vị đại sư truyền thừa thì không thể được xem là đệ tử nối pháp cũng không thể ban tặng giác ngộ cho một người nào (tính phân biệt ở giai tầng công ước). Đối với một người khác. quan sát thiện cảm với truyền thống thiền nhưng đứng bên ngoài Thiền tông, tương quan giữa Thiền và ngộ

146 155

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản GIÁC NGỘ VÀ CHÂN CHÁNH

trên đường Đạo tự nó đã là toàn thể bản giác". Để diễn tả không thẳng tắt như tính đồng nghĩa mà Suzuki đã xác rõ hơn câu nói của mình với danh từ căn để càng nhiều nhận. Bài viết về đặc tính chân chánh của Thiền chắc càng tốt, Đạo Nguyên dứt khoát đặt tư thế tọa thiền ngang chắn bắt đầu với giác ngộ, nhưng không phải chấm dứt ở với giác ngộ rốt ráo: "Tọa [thiền] tự bản thân là chánh đó. Trong một số trường hợp, giác ngộ riêng một mình pháp nhãn tạng và Niết–bàn diệu tâm". không thể xác định hay bảo đảm chân thiền. Ta thấy, để Cùng với những hiểu biết tương đồng về tọa thiền, còn ví dụ, có những thiền tăng đạt ngộ và được ấn chứng bị có dị biệt lớn lao nhắm vào nội dung đặc thù. Ngoài cách phê bình là không thích ứng và thậm chí là không chính thực hành căn bản về hơi thở, vài thiền sư còn nhấn mạnh thống trên những phương diện khác. Có những yếu tố phụ đến pháp tu công án theo kinh điển Trung Hoa, có vị đã vào việc ngăn cản giác ngộ không làm tròn chức năng là tạo thêm công án mới cho thiền sinh thuộc giai cấp chiến một tiêu chuẩn tự đầy đủ của sự chân chánh trong Thiền: sĩ của họ, và một vài dạng thức nghiêng về tự vấn như việc này được thể nghiệm rất đa dạng, rất khó chứng tỏ, "Tâm này là gì?" hoặc "Ai đang nghe đây?" Đạo Nguyên và có thể đào sâu hoặc phai mờ qua thời gian. Các vị thầy chủ xướng một pháp tu tỉnh giác không đối tượng và đặt thừa nhận rằng ta có thể chứng ngộ nhưng không biết. tên là "chỉ quản đả tọa". Một pháp tu lâu năm gồm có tọa "Đừng nghĩ rằng nhất thiết ông nhận biết mình ngộ", Đạo thiền liên hệ với việc hành trì theo các tông phái đạo Phật Nguyên đã nói thế. Không hẳn giác ngộ, tự chính nó, có khả năng thiết lập nét đặc trưng của một tông phái có khác đã chủ trương, đặc biệt là trì tụng kinh và niệm danh những vị sư giác ngộ trong các giáo phái đạo Phật và hiệu Phật A-di-đà. Ở Trung Hoa đời Tống, tọa thiền là không phải đạo Phật. Những tiêu chuẩn của giác ngộ là một trong nhiều pháp tu được giảng nói rộng rãi ngoài gì? Một lần nữa đường hướng của học thuật và đạo giáo công chúng tại các thiền viện với danh xưng là "Thiền", không gặp nhau. Trong nhà Thiền chân ngộ là tự chứng, và ở Nhật những pháp tu khác như thế cũng được nhiều như Đạo Nguyên đã viết trong các tiểu luận về sau. Đồng vị thầy chấp nhận. Đối với Lan Khê, niệm Phật và tụng thời, Thiền yêu cầu ngộ phải được kiểm chứng một cách kinh là nguồn phúc lạc cho đời sau, nhất là được "đại trí khách quan bởi những người có đủ năng lực chuyên môn huệ" và siêu thăng "Phật quốc". Tịch Thất Nguyên Quang thẩm xét. Một sự gần sát y như kinh nghiệm, và nhận ra (1290–1367) càng đi xa hơn đến chỗ khẳng định tu niệm như thế sẽ giống như một bà mẹ đã qua hạnh phúc hôn Phật và tu Thiền "có tên khác nhau nhưng cốt tủy là nhân chỉ một thoáng nhìn có thể biết ngay con gái của một". Nhưng Đạo Nguyên diễn tả một kiến giải khác: mình đang yêu. Bà mẹ không thể nào giải thích "đang Muốn đạt đến Phật đạo bằng cách dùng môi lưỡi tụng yêu" hoặc làm cho cô con gái cảm nhận được, nhưng, vì đọc liên tục hằng ngàn và mười ngàn biến kinh thì bà có kinh nghiệm bản thân nên có thể nhận ra nơi bất cứ chẳng khác nào lái gọng xe về Bắc trong khi muốn ai bà biết rõ. Trong trường hợp này, tiêu chuẩn chính là kinh nghiệm thân chứng thực sự, mặc dù những biểu hiện xuôi Nam... Cất cao giọng tụng đọc không dừng nghỉ riêng biệt sẽ thay đổi rất nhiều. Tương tự, một vị thầy giống như ếch nhái trên đồng cỏ mùa xuân kêu vang (thường dùng kinh nghiệm riêng của mình làm tiêu từ sáng đến tối...

chẳng chút lợi lạc.

154 147

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

chuẩn) sẽ có khả năng nhận biết sự giác ngộ của đệ tử Thiền Luận thời gian ngắn sau khi đến Nhật năm 1246, mình, dù cho đầu mối rất vi tế chỉ như một nụ cười. và Giác Tâm biên tập Tọa Thiền Nghi mười năm sau đó. Nhưng, một học giả có thể thắc mắc, nếu như bà mẹ Trong những tác phẩm này và các tác phẩm khác, tọa hoặc cô con gái nghĩ mình đã yêu mà sau này lại thấy thiền được tôn vinh là cốt lõi của sự tu tập và là nguồn rằng không phải thế? phải chăng có những mức độ sâu xa mạch của giáo lý. Để ám chỉ phương châm Thiền theo khác nhau, những giả định văn hóa tiềm ẩn, những lề lối kinh điển, các vị thầy hướng dẫn thường nhắc đến một hành xử và những yếu tố khác cần phải xem xét? Toàn bộ người khác: Vinh Tây và Đạo Nguyên cả hai đều gọi tọa sự hiểu biết và truyền thuyết về Thiền đẫy rẫy những việc thiền là "Pháp môn của đại an lạc", Lan Khê ca tụng tọa bất ngờ: các thiền sinh tuyệt đối chắc chắn về chân thực thiền là "Pháp môn của đại giải thoát", và Viên Nhĩ lặp ngộ của mình lại bị thầy từ chối đẩy ra một cách phũ lại rằng: "môn phái tọa thiền là con đường đến đại giải phàng. Các vị thầy vẫn thường thử thách lẫn nhau. Vinh thoát". Lan Khê được tán dương vì đã cổ vũ "những ai Tây kết tội Năng Nhẫn là ngụy giác ngộ, và Đạo Nguyên gia nhập hội chúng làm thiền tăng để dâng hiến đời mình cũng buộc tội tương tự để chống lại Đại Huệ. Thậm chí riêng vào việc tọa thiền". Bốn thời tọa thiền bị thúc ép Đạo Nguyên còn bác bỏ sự giác ngộ lẫy lừng của Đại miên mật, ngay cả trong những ngôi chùa mà sự tu tập Huệ đã được một vị thầy kiệt xuất ấn chứng. Chúng ta theo nhiều môn phái được cho phép. Mộng Song không phải kết luận thế nào về một "tiêu chuẩn" mà chính nó là phải là người duy nhất đã nhấn mạnh: "Chỉ ngoại trừ trung tâm điểm của sự tranh tụng sôi nổi như thế? Học những ngày tắm rửa và những ngày phải tham kiến vị trụ giả và hành giả có thể đồng ý ít nhất một điểm duy nhất: trì, bốn thời tọa thiền phải được giữ đều đặn, kể cả trong cuối cùng, tất cả khái niệm "giác ngộ" đều còn phải bàn. mùa nóng nhất và lạnh nhất trong năm". Bởi vì danh từ đưa ra cụ thể một điều gì siêu vượt cái cụ Tọa thiền và giác ngộ liên hệ mật thiết với nhau, thể, và càng được sử dụng thì càng đông kết lại thành một không rời nhau như hai mặt của một đồng tiền. Trên quan điều gì không phải là nó. Đối với thiền tăng và thiền sư điểm công ước, tọa thiền có thể được xem như một cách giải pháp nằm ở chỗ phải thể nghiệm giác ngộ và sống chính đáng là con đường hiệu quả nhất dẫn đến giác ngộ. được với nó, như thế vấn đề này cũng như nan đề khác Nhưng trên quan điểm cứu cánh, tọa thiền và giác ngộ trong kiến giải sẽ được nhìn với một ánh sáng khác. Như không thể được cho là cặp đối đãi lẫn nhau; hành giả phải Lan Khê đã nói: "Mê và ngộ chỉ tùy theo cái tâm hư dối, biết rằng hoạt động của tọa thiền nằm trong lòng giác ngộ chơn tâm thì không có mê hoặc ngộ. Chúng sanh và chư và giác ngộ thể hiện tròn đầy trong tọa thiền. Trong tinh Phật về cơ bản mê hoặc ngộ đều đặt trên một tâm; khi thần này, Lan Khê nói: "Khi ông một thời tọa thiền là bạn nắm được thực tánh của nó thì cứu cánh không có một thời làm Phật, khi ông một ngày tọa thiền là một phân biệt giữa phàm nhân và

hiền thánh". Có thể thấy ngày làm Phật; khi ông suốt đời tọa thiền là suốt đời làm trong lời phát biểu của Vinh Tây sau đây trả lời cho Phật". Lời phát biểu của Đạo Nguyên về chủ đề này còn người hỏi, hình như thuộc Đạt-ma tông, Vinh Tây đưa ra mạnh bạo hơn. Ví dụ trong Biện Đạo Thoại có một đoạn đề cương về tinh yếu Thiền của chính mình, bác bỏ dứt nổi tiếng Đạo Nguyên khẳng định: "Nhân vì hiện nay khoát những đường hướng khác: chúng ta tu phát xuất từ giác ngộ, từ ban đầu bước chân

148 153

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

Tống nội qui thiền tập qui củ trong các thiền viện lớn Thiền tông coi nhẹ các vị thầy giác ngộ còn mơ hồ, và gồm bốn thời tọa thiền hằng ngày. Trong sự đồng ý chung này ở hình thức bên ngoài, có nhiều từ ngữ khác ghê sợ vị nào chấp chặt thiên kiến về tính Không. Họ nhau dùng cho định tâm, thiền định, hoặc tọa thiền, và sự thật gớm ghiếc như thây thúi dưới đáy biển. Muốn đi giải thích nằm trong các pháp ngữ về đặc tính chân chính theo giáo lý viên minh, phải tu tập cho được toàn giác trong Thiền. Đa phần những quan niệm về tọa thiền bao gồm việc thực hành cụ thể pháp tọa thiền, nhưng có vài và đốn ngộ, bên ngoài dứt bỏ những lỗi lầm tuân theo quan điểm không thừa nhận sự cần thiết phải tuân thủ tư điều lệ giới luật, bên trong hành hạnh từ bi vì lợi lạc thế ngồi cổ truyền. Huệ Năng chẳng hạn, phê bình kiểu người khác đây là điều chúng tôi muốn nói theo Thiền ngồi bất động và định nghĩa lại việc tọa thiền mà không đá động đến hành động của thân. Về sau, Hoằng Trí tông, còn gọi là Phật pháp. Những ai mà sự nhận hiểu Chánh Giác (1091–1157) nói đến tọa thiền "mặc chiếu" còn mù mờ và những ai vọng kiến về Không sẽ không trong đó thân và tâm hoàn toàn lặng lẽ, trong khi một thiền sư đồng thời là Đại Huệ Tông Cảo chủ xướng một hội được. Họ là những tên trộm trong Phật pháp. pháp tu năng động hơn là "khán" công án. Tuy có vài Vinh Tây cố biện biệt giữa chân ngộ và ngụy ngộ, và cách tọa thiền được xác nhận là phổ thông, còn nhiều Ngài buộc phải trích dẫn một số thuộc tính khác về chân khía cạnh của sự thực hành không được truyền lại trong Thiền. Nói một cách nghiêm túc trên quan điểm cứu kinh điển; suốt nhiều thế kỷ truyền dạy những điểm đặc cánh, các thiền sư bác bỏ những yếu tố như triệt để giữ thù trong sự tọa thiền, một phần lớn vẫn còn truyền gìn điều lệ giới luật được xem là những tiêu chuẩn của miệng. Lâm Tế Ngữ Lục, rất có ảnh hưởng trong nhà Thiền, thực sự đó là biểu hiện của Thiền, chớ không phải Thiền, chỉ nói đến tọa thiền hai lần một cách lướt qua. Thiền đích thị. Tuy thế, nói trên bình diện qui ước, các Quyển sách tọa thiền đầu tiên được biết đến là Tọa Thiền thiền sư vẫn lập luận rằng một cách thức tọa thiền nào đó Nghi mãi đến năm 1103 mới xuất hiện, và là một phần hoặc một thiền viện được xây cất quy củ chính là đặc trong Thiền Uyển Thanh Qui. trưng của chân Thiền. Nếu hiểu một cách chính xác, cả Quyển Thanh Qui và sách về tọa thiền du nhập vào hai bình diện không phải là mâu thuẫn lẫn nhau. Chương Nhật vào cuối thế kỷ 12 và đầu thế kỷ 13 do các thiền này xem xét năm trong số các đặc trưng thường được dẫn tăng hành hương là Vinh Tây và Đạo Nguyên. Nhiều vị như là tinh yếu của Thiền: tọa thiền, biểu tín của sự khai tổ trong nhà Thiền cũng soạn ra những quyển sách truyền trao Phật pháp, quy luật thiền viện, xây dựng thiền

Thiền mới hay phụ lục, sao chép lại sách mẫu Trung Hoa viện và việc xả ly thế gian. Yếu chỉ thứ sáu tương ứng với bằng tiếng nói của mình. Vinh Tây đưa ra đường nét đại truyền thống kinh điển sẽ được đề cập ở chương 10, liên cương về tọa thiền căn bản vào một đoạn trong tác phẩm quan đến bình giải của Đại Đăng. chính của Ngài là bộ Hưng Thiền Hộ Quốc Luận. Đạo Nguyên soạn quyển Phổ Khuyến Tọa Thiền Nghi một thời gian sau khi hồi hương năm 1227. Lan Khê viết Tọa

152 149

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

của họ về Thiền tông chân chánh, họ vẫn không nhất trí về một số điểm cơ bản. Ví dụ, tọa thiền được xem là bắt buộc, song các thiền sư lại có quan niệm không thống nhất về tư thế đúng nhất và hiệu quả nhất của kiểu tọa thiền. Tính chất mãnh liệt và gay gắt tùy lúc trong những

7 cuộc tranh luận đầu tiên có.

TỌA THIỀN

Tuy các tông phái Phật giáo tu tập thiền theo cách này hay cách khác, tọa thiền là cách luyện tập “không có không được”. Tên Thiền tông lấy từ chữ Phạn “Thiền na” MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN (dhyana), dịch qua chữ Hán (đọc tắt) là Thiền (ch'an) mà người Nhật đọc là zen. Tọa thiền theo nghĩa vật lý là ngồi tréo chân ngay ngắn, lưng thẳng đứng và mắt khép hờ không nhắm lại. Tâm quay vào trong trụ vào một điểm cho đến khi không còn vọng tưởng lang thang. Tùy theo kiểu tọa thiền, đích điểm để tập trung sự chú ý thường đặt

L à một nhân vật chuyển tiếp bắc cầu từ sự tiến vào một trong những vị trí sau đây: hơi thở, một chỗ trên triển Thiền tông thời Liêm Thương đến sự thiết thân thể (vùng bụng dưới chẳng hạn), một công án hoặc lập Thiền tông thời Thất Đinh, Đại Đăng đã tỏa ngay vào sự tỉnh giác. Mặc dù tọa thiền được nhận thức sáng lên chư vị tiền bối cũng như hậu bối. Muốn định vị đa dạng, tính tập trung sẽ được nhấn mạnh ở mỗi giai Thiền của Đại Đăng trong việc truyền bá kiến thức cần đoạn tiến triển trong sự tu thiền. Theo truyền thống, Tổ phải xem xét ma trận đối thoại mà Sư đã vận dụng. Các Bồ-đề-đạt-ma tọa thiền chín năm sau khi đến Trung Hoa. học giả càng ngày càng hiểu biết về mức độ các thiền sư Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn (600–674) chủ xướng một pháp tọa đầu tiên đã khế hợp lẫn nhau và khế hợp với truyền thiền cùng có một điểm chung giống với những pháp tọa thống, họ thể hiện điều mà hiện nay được gọi là tính chủ thiền khác của đạo Phật: “Để thân và tâm thanh tịnh và quan liên kết và tính nguyên văn liên kết. Thiền cũng là bình ổn, không còn một chút niệm tưởng phân biệt. Ngồi “lấy tâm ấn tâm” theo ý nghĩa công ước; Đại Đăng cũng ngay ngắn, thân thẳng đứng. Điều hòa hơi thở và tập không sao tránh khỏi được uốn nắn trong một di sản đạo trung tâm ý như thế nào không phải ở trong, không phải ở giáo lẫn văn hóa. ngoài, và cũng không phải ở chặng giữa”. Vào đời Đường, Triệu Châu được nổi tiếng vì cả đời dành cho Bài viết về Thiền tông Nhật Bản thời kỳ đầu đều việc tọa thiền. Ngài đã nói: “Suốt ba mươi năm ở phương không đồng nhất, mang tính chất bất đồng lẫn tương Nam ta

tọa thiền liên tục trừ hai thời cơm cháo". Đời đồng. Ngay cả khi các thiền sư Nhật minh giải quan điểm

150 151

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

cốt để phân biệt Thiền tông với Giáo tông, tuy nhiên Phật Trong nhà Thiền dấu ấn giác ngộ rất tinh tế như một điện đều có trong tất cả thiền viện đời Tống, và đối với cái nháy mắt hoặc một nét mặt tĩnh lặng, tuy nhiên nhà Thiền tông Nhật Bản vẫn được công nhận hài hòa. Năm Thiền cũng cần vài phương tiện chuẩn định để nhận diện 1270 khi Nam Phố trở thành trụ trì Hưng Đức tự ở Cửu những ai giác ngộ đã được ấn chứng với đủ thẩm quyền. Châu, Ngài có ý phê bình hai vị thiền sư đời Đường đã Do đó, sự kế thừa trong đạo Thiền Trung Hoa và Nhật không tán thành Phật điện: "Động Sơn và Vân Môn chỉ Bản thường được chứng minh với nhiều biểu tín đa dạng. thấy trên đầu mũi dùi, mà không thấy đầu vuông của cái Ngũ Tổ dạy đệ tử kế thừa là Lục Tổ: "Y bát là chứng cứ đục. Đường hướng của tôi thì khác. Tại cổng vào tôi chắp được trao truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác". Hoàng tay; trong Phật điện tôi thắp hương". Gần đỉnh của trục Bá Hi Vận (?–850?) tương tự đã giao cây gậy trúc nhận chính là phương trượng, tức chỗ ở của vị trụ trì, một trong được từ thầy trước của mình cho vị đại đệ tử Lâm Tế. Đời rất ít tòa nhà trong quần thể tu viện phản ánh kiểu kiến Tống hầu hết món đồ thường dùng của vị thầy có thể trúc Nhật Bản. Nơi đó vị thầy ở riêng cách biệt với môn chọn làm biểu tín truyền thừa: Y, bát, gậy, chiếu để lạy, sinh, có một hoặc nhiều thị giả hầu cận. Bởi vì vị thầy phất tử, sách, bài kệ ứng khẩu, bức chân dung. Các văn thường chỉ dẫn đệ tử tham kiến riêng trong phương kiện truyền thừa chính thức và biểu tín chứng ngộ đều có trượng, nên nơi này càng có giá trị cao. Mộng Song đặt giá trị thực tế lẫn tinh thần: được các cấp thẩm quyền liêu ốc của vị trụ trì ưu tiên hơn cả Pháp đường trong một công nhận là văn kiện hợp pháp, các giấy tờ này quy định tu viện trung bình: "Không cần thiết phải xây cất Pháp bậc thầy ưu tú tương đương với một chứng chỉ hành đường... Nếu vị trụ trì thật sự có đức độ của một đại thiền nghề. Một vị tân trụ trì, vào ngày lễ khai tự, theo thông lệ sư như thời xưa, sẽ ngang nhiên ngồi nơi phương trượng xướng danh vị thầy đã ấn chứng cho mình, và những giấy của mình mà dạy dỗ thiên hạ đến cầu học". tờ ủy nhiệm sẽ tượng trưng cho việc thẩm định vị trụ trì hay ngôi chùa. Griffith Foulk lập luận rằng điểm chỉ đáng Cấu trúc cuối cùng, Tăng đường, là trái tim về mặt tin cậy nhất của một "thiền sư" đời Tống, ít nhất trên tinh thần lẫn cơ chế của hệ thống thiền viện ở Nhật Bản. quan điểm tổ chức cơ chế, không dính líu đến pháp tu hay Bên trong tăng đường có một bục gỗ dài là chỗ cho tăng giáo thuyết đặc biệt, mà chính là tờ chứng chỉ kế thừa chúng tọa thiền, ngủ nghỉ, tụng kinh, thọ trai và tiến hành trong nhà Thiền nắm trong tay. "Ấn khả trạng" và "truyền vài lễ nghi. Trong những sinh hoạt này mỗi vị tăng được pháp ấn" chứng thực sự giác ngộ do vị thầy viết bằng tay chia cho một chỗ nhỏ hơn, diện tích ba tấc nhân sáu tấc để xác nhận sự chứng ngộ của đệ tử mình, được ngầm trên bục gỗ dài. Nếp sống phơi bày lộ liễu trong tăng hiểu là trò bằng hoặc thậm chí hơn thầy. Những văn bản đường của một tu viện thiền đã tạo ấn tượng sâu sắc đối này có hình thức thay đổi, đôi khi kết hợp với lời khen, với

du tăng đến Trung Hoa. Như Đạo Nguyên đã kể lại: “chê”, ám chỉ khó hiểu, và khuyến cáo đặc biệt. Như “Chính mắt tôi trông thấy đời Đại Tống Trung Hoa các chúng ta đã thấy, Nam Phố đáp từ bài kệ ngộ đạo của Đại thiền viện ở nhiều vùng đều cất thiền đường đủ chỗ cho Đăng đã viết: “Ngươi đã ném bỏ cái sáng và hiệp nhất với từ năm sáu trăm đến một hai ngàn tăng trú ngụ, và họ cái tối. Ta không bằng ngươi. Nhờ ngươi, tông môn của được cổ vũ lao vào tọa thiền đêm ngày.” Tăng đường mà ta sẽ được dựng lập vững bền. Trước khi ấn chứng công Đạo Nguyên xây cất ở Hưng Thánh tự và Vĩnh Bình tự

168 157

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

khai, ngươi phải tiếp tục tu tập hai mươi năm nữa”. Văn trì những gì đã có trước trong cách bố trí và xây cất thiền kiện truyền thừa (tự thơ) là biểu đồ vẽ lại phổ hệ truyền viện bắt nguồn từ niềm tin vào những chi tiết này, và đó thống trong đạo Thiền Trung Hoa và Nhật Bản. Biểu đồ là chức năng sinh động của chân Thiền. Cấu trúc đầu tiên truyền thừa này bắt đầu với đức Thích-ca Mâu-ni hoặc ta gặp phải khi tiếp cận quần thể nhà Thiền là cổng vào “bảy đời chư Phật quá khứ”, đến danh mục hai mươi tám gọi là Tam môn. Một tòa nhà hai tầng nặng nề và đường vị tổ Ấn Độ, sáu vị tổ Trung Hoa, các vị thiền sư Trung bệ phía trên có mái chìa cong, bên ngoài thường có bậc Hoa làm tổ hệ phái, vị thầy của vị tăng được truyền thừa thang dẫn đến tầng trên. Nguyên thủy cổng này dính liền và cuối cùng chính vị tăng đó. Ví dụ, tự thơ của Viên Nhĩ với tường rào. Đối với Vinh Tây, cổng và tường của tu Biện Viên đặt Ngài là đệ tử truyền thừa thứ năm mươi viện chu toàn bổn phận sống chết: “Phải có tường bao bốn, theo sau thầy của Ngài là Vô Chuẩn. Một vị khai tổ bọc tu viện cả bốn bên, không có cổng bên hông và chỉ đã lượng giá những văn kiện này là Đạo Nguyên. Trong một cổng duy nhất để ra vào. Người gác cổng phải canh thời gian ở Trung Hoa, Đạo Nguyên tìm cách khảo sát giữ, mở lúc hừng đông và đóng khi chiều xuống. Chư ni, năm biểu đồ truyền thừa “mật”, và ngay khi hồi hương phụ nữ và người xấu không có lý do gì để được phép ở lại Ngài nhấn mạnh: “Trong đạo Phật, khi nào có truyền đêm.” Không chỉ riêng “phụ nữ và người xấu” mà tăng sĩ pháp thì phải có văn kiện truyền thừa (tự thơ). Nếu pháp ở ngoài cũng bị cấm chỉ không được ở đêm, như thế thời không được truyền trao thì đó là [giác ngộ] tự nhiên ngoài khóa tu tập của tăng chúng ở trong tu viện sẽ không bị đạo... Đối với một người [giác ngộ] thành Phật thì phải có quấy rầy. Phật điện, tọa lạc cách một khoảng sau cổng văn kiện kế thừa truyền từ Phật đến Phật”. vào, là một tòa nhà vuông rộng lớn hai tầng. Bên trong khoáng đãng làm ta có cảm giác thẳng cao phản ánh đặc Chân dung (đảnh tướng) của vị thầy cũng là chứng cứ tính người Trung Hoa ưa thích chiều cao. Phật điện mẫu truyền pháp. Tư thế ít thường thấy nơi vị thầy cũng thay mực thường tôn trí tượng đức Phật Thích-ca và nhiều vị đổi: ngồi trên chiếc ghế sơn mài ngoại khổ, tréo chân kiết Bồ-tát phụ tá, và đều được lễ kính trong những buổi lễ già dưới bộ lễ phục, vẻ uy nghi lạnh lùng. Nếu chân dung thờ phụng có công chúng hoặc riêng nội bộ. Những tấm kèm theo lời ghi riêng của vị thầy thì càng giá trị. Trước liễn bằng gỗ sơn son thếp vàng phía trước tượng thờ khi Nam Phố hồi hương,

Ngài nhận được một bức đảnh mang hàng chữ nhân gian như “Hoàng đế muôn năm” tướng của thầy mình là Hư Đường; gồm có lời chú mở hoặc “Chúc các vị bảo trợ giàu sang và hưng thịnh”, tuy đầu với câu: “Sự kế thừa này bảo đảm không lầm lẫn”. là những câu chuẩn của Phật giáo Trung Hoa vẫn thích Hình như Hư Đường rộng rãi một cách lạ lùng với những hợp với cách bài trí mới ở nước Nhật. Tại vị trí đầu của chân dung của mình; có nhiều bức được mang về Nhật, trục chính là Pháp đường kiến trúc tương tự với Phật và Nhất Hưu sau này khám phá ra một bức trong một điện. Vật trang trí chủ yếu bên trong là một bục dành cho gian hàng đồ cũ. Một biểu tín truyền thừa khác là pháp vị trụ trì khi thuyết pháp; ngoài ra để trống tất cả để có phục, y hoặc ca-sa, thường là một miếng vải chữ nhật chỗ cho tăng chúng tụ họp. Truyền thống Thiền tông đặt nhiều mảnh nối lại khoảng năm tấc Anh đến chín tấc Pháp đường ưu tiên hơn Phật điện, vì tôn kính bậc Thầy Anh, đắp ngang vai. Chiếc ca-sa cổ nhất trong nhà Thiền do Tối Trừng mang từ Trung Hoa về Nhật năm 805. Thầy Tổ như là vị “Phật Sống”. Vai trò thứ yếu của Phật điện

158 167

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

quan gì đến đồ đạc, chỉ có tính cách trang trí”. Nhiều vị của Đạo Nguyên là Như Tịnh đã không chịu đắp ca-sa ở tăng Nhật hành hương đã nghiên cứu đặc tính kiến trúc tu Trung Hoa, nhưng Ngài trấn an Đạo Nguyên lúc lên viện đời Tống một cách hăng hái nhiệt tình cũng như việc đường: “Không có điều gì ngăn cản ông đắp pháp y nơi tu Thiền. Sau khi hồi hương họ cử đệ tử đến Trung Hoa quê hương ông ở Nhật”. Những bộ y đẹp bằng tơ lụa Tàu để tìm thêm những mẫu mã mới, và sắp xếp để các nghệ như của Vô Chuẩn Sư Phạm, Vô Học Tổ Nguyên và nhân Trung Hoa về ngành mộc và điêu khắc đi theo về Tuyệt Hải Trung Tân (1336–1405) được cất giữ long Nhật. Những nỗ lực này kéo dài suốt những giai đoạn đầu trọng trong các chùa Nhật. du nhập Thiền tông, phát xuất từ việc cấu tạo lại nhiều Đại Nhật Năng Nhẫn là điển hình những vị không phương diện sắc thái của chùa chiền Trung Hoa: xây nền được ấn chứng thích đáng. Như đã ghi chú từ đầu, Ngài móng khổng lồ, lót gạch sàn, bệ đá giữ chân cột gỗ, vách bắt đầu dạy Thiền trong thẩm quyền riêng của mình, căn tường kiên cố, cửa có bản lề, cửa sổ hình chuông mỹ cứ trên sách Thiền được lưu truyền trong tông Thiên thuật, mái lợp ngói có diềm cong bằng gỗ. Sơ đồ bố trí Thai. Khi những đối phương của Ngài đòi hỏi giấy tờ chuẩn của một thiền viện đời Tống được sao chép khi có chứng nhận, Ngài gửi hai đệ tử đến Trung Hoa trình thư thể được. Tuy Đạo Nguyên và những vị khác tìm cách và bài kệ nói lên chỗ hội Thiền của mình. Phật Chiếu Đức nhấn mạnh đến những sự khác biệt giữa tu viện thiền và Quang (1121–1203), đệ tử nối pháp Đại Huệ Tông Cảo, tu viện thường, nhưng ở Trung Hoa đời Tống các tu viện đáp từ thuận theo lời khẩn cầu của Năng Nhẫn và chứng của Thiền, Luật và Giáo tông về cơ bản cũng có chung nhận sự giác ngộ của Ngài. Hai vị đệ tử hồi hương với cách bố trí. Người Nhật đặt ở giữa một trục chính hướng pháp y, một bức ảnh của Tổ Bồ-đề-đạt-ma có lời đề và về Nam gồm có cổng vào, Phật điện và pháp đường. Tăng một chân dung của Đức Quang có lời đề. Biến cố này có đường và nhà vệ sinh ở phía tây của trục chính, nhà bếp thể

nhắc lại vấn đề "tâm truyền tâm", nhưng cũng cho và nhà tắm ở phía đông, và phương trượng tức chỗ ở của thấy ý nghĩa tùy theo biểu tín của sự truyền pháp. Có lẽ vị trụ trì thường nằm ở đỉnh của quần thể này. Một quần để ứng phó với sự bất toàn về cơ chế của mình, Đạt-ma thể kiểu mẫu cũng có thêm một thư viện, tháp chuông, tông của Năng Nhẫn bao gồm pháp tu phổ thông Á châu liêu của phụ tá, một tháp thờ và nhà kho. Trong vài có sự truyền trao xá lợi (những hạt nhỏ như ngọc của trường hợp, các chùa chi nhánh của những tu viện kể trên nhục thân các bậc đại sư, Bồ-tát để lại). Được xá lợi trong cũng có cơ ngơi tiện nghi rộng rãi và vườn cảnh riêng. tay là phương tiện có sức thuyết phục về việc thiết lập Thừa nhận việc hiện diện riêng một tòa nhà hoặc điện thẩm quyền. Trong ý định minh giải tinh yếu của Thiền, đường đề cao đặc tính chính thống sẽ dẫn đến việc đánh các vị khai tổ Nhật gán ý nghĩa trọng đại cho các biểu tín giá những cơ cấu kiến trúc khác quan trọng tương đối. Ít truyền pháp. Suốt nhiều trăm năm không có bậc danh sư nhất theo ngữ lục để lại, Vinh Tây chú trọng đến tường và nào có ý xem thường những hình thức ấn chứng cổ cổng, Đạo Nguyên đến Tăng đường, Mộng Song đến truyền. Nhưng giữa thế kỷ 15, những sự lạm dụng bắt đầu phòng ốc trụ trì. Vô Học làm nổi bật Phật điện ở chùa xuất hiện, và vài vị thầy không còn xem những biểu tín Viên Giác, trong khi Đại Đăng làm lễ khánh thành chùa này là dấu hiệu đầy ý nghĩa của chân Thiền. Nhất Hưu Đại Đức ở mỗi tòa Pháp đường. Động cơ mãnh liệt duy Tông Thuần đã xé vụn giấy ấn chứng của mình, và khi đệ

166 159

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

tử của Sư định dán sửa lại, Ngài đem đốt hết. Nhất Hưu, gặp gỡ riêng giữa thầy và trò, đặc biệt được tổ chức trong để tiếp tục phản đối hệ thống ấn chứng này, đã từ chối tông Lâm Tế. Mặc dù hầu hết các khía cạnh của lần tham không chứng nhận bất cứ đệ tử nào của mình. kiến này được chỉ đạo theo đúng lễ nghi, trong khoảng thời gian có tính cách quyết định cả hai bên đều tự do hành động bất cứ cách nào cho phép họ chứng tỏ được QUY LUẬT THIỀN VIỆN Thiền của mình, thậm chí có thể kêu gọi đến sự thô bạo, Hoạt động của một Thiền viện, được chỉ đạo bởi ngây ngô hoặc phi lý nếu cần. Trong phạm vi lớn hơn những điều lệ, giới luật truyền thống lâu đời được tôn cũng vậy, áp lực do qui luật thiền viện tạo ra sẽ càng tăng trọng. "Thanh Quy" của Thiền viện định hướng tất cả cường một cách cố ý để đi đến bùng vỡ tâm linh. Pháp tu khía cạnh nếp sống trong thiền viện: thời khóa hằng ngày, này rất lý tưởng để cho thiền tăng dễ dàng siêu vượt bất phương thức tọa thiền, lao động, ngủ nghỉ và những sinh kỳ sự phân hai nào giữa "bên ngoài chế tài" và "bên trong hoạt khác; trách nhiệm của ban chức sự; chính sách đối tự do". Một người có thể biểu lộ tinh thần tự do trong với việc vắng mặt của chúng và khách viếng; sự quản lý việc chấp hành nội qui thời khóa mỗi ngày, làm tròn bổn ruộng đất; và việc điều hành các tu viện chi nhánh. phận thường ngày với tất cả tấm lòng. Một thiền ngữ nổi Những nhân tố đa dạng trong qui luật thiền viện không có tiếng soi tỏ điểm này thật cụ thể: "Gánh nước bửa củi, tính cách độc đoán hoặc áp đặt từ bên ngoài, nhưng đó là thần thông diệu dụng là đây!" 11 sự thể hiện từ một cái tâm giác ngộ, truyền trao từ đức Phật Thích-ca và chư Tổ sư Thiền. Tuy các sử gia thời

XÂY DỰNG THIỀN VIỆN nay nghi rằng các chế độ nội qui thiền viện hiện tại theo tiêu chuẩn Phật giáo đời Tống, các vị khai Tổ Nhật Bản Sự cần thiết minh giải tinh yếu của Thiền rõ ràng nằm xem khung tổ chức này là chức năng cốt cán của chân trong việc xây dựng các thiền viện Nhật đầu tiên. Hình Thiền. “Tăng sĩ ở mỗi thế hệ phải tạc dạ ghi lòng di sản thể kiến trúc bản xứ và đường nét góc cạnh các ngôi chùa kế thừa cả ngàn năm”, Mộng Song đã nói khi bàn đến xưa, thuộc các tông phái Phật giáo đã có trước, các vị thanh qui. Đối với Đạo Nguyên, chế độ thiền viện vẫn khai tổ đều bỏ qua và quyết định y theo kiểu kiến trúc tu duy trì toàn bộ truyền thống tu viện Phật giáo: viện thông dụng ở Trung Hoa, một dáng kiểu mà các vị Ông phải biết rằng phương thức bố trí sơ đồ và nghi lễ đồng nhất với Thiền. Một thiền viện được xem là môi trường thuận lợi nhất cho việc tu học, hoàn hảo qua vô số được thấy trong cơ sở hiện nay gọi là tu viện thiền đều thế hệ dưới trướng các vị thiền sư giác ngộ. Không phải tuân theo lời dạy của chư Tổ. Các vị đều là đệ tử được chỉ có một mình Đạo Nguyên mô tả sơ đồ bố trí thiền trao truyền chánh pháp. Vì thế, việc bố trí tu viện cổ viện như là việc “trao truyền chánh pháp cho đệ tử”. Cũng trong tinh thần này Nam Phố xác định: “Nhà cửa truyền của bảy đời chư Phật chỉ tìm thấy trong tu viện phòng ốc trong chùa với vật trang trí cố định là biểu thiền... Nghi lễ tiến hành trong các thiền viện ngày nay tượng tôn vinh đức hạnh Phật giáo. Chúng không liên thực sự chính là chân truyền của chư Phật và chư Tổ. 11 Của Bàng cư sĩ. (D.G.)

160 165

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

dạy Thiền theo kiểu công khai bất chấp giới luật. Các Những khía cạnh cụ thể trong qui luật thiền viện cho môn hạ của Năng Nhẫn tuyên bố: “Không có giới luật phép được sao y với một sự chính xác tương đối; nhiều nào để tuân giữ, không có pháp tu nào để dụng công.” chi tiết trong nếp sống hằng ngày ở các thiền viện lớn vào Lập trường dính líu với Năng Nhẫn đều được quy là cuối đời Liêm Thương đều phù hợp với các thiền viện mẹ ngoại đạo, và sự tranh luận đặc biệt này chẳng mấy chốc ở Trung Hoa. Những cộng đồng đầu tiên sống theo giáo lắng im. Quả vậy, những tư liệu tham chiếu về giới luật lý Thiền được dựng lập vào thế kỷ 7 trong núi ở phía hoặc về chủ đề đạo đức khái quát lại hiếm hoi trong ngữ Nam Trung Hoa, mặc dù các học giả không còn cho rằng lục các vị thiền sư Nhật đầu tiên. Trên phương diện giáo những môn đồ đầu tiên của Thiền đã tạo thành một giáo thuyết, Thiền tông tuyên bố đi trước giới luật, và biện giải phái riêng biệt. Bá Trượng Hoài Hải (720–814) được tôn giới luật theo phong tục tập quán được xem như thứ yếu. vinh theo sử sách là người lập ra thanh qui thiền viện, Trên phương diện thực hành, một tiêu chuẩn nào đó về tư song không còn một điều luật nào tồn tại để có thể quy là cách thái độ được thừa nhận một cách đơn giản. Trong của Ngài một cách chắc chắn đáng tin. Lần đầu tiên việc một bối cảnh cộng đồng được quản lý chặt chẽ ở một mô tả nếp sống thiền viện xuất hiện trong một văn bản thiền viện, một vị tăng phạm lỗi sẽ bị đưa ra đại chúng năm 1004 dưới nhan đề Thiền Môn Thanh Qui, và toàn ngay và thi hành kỷ luật. Một yếu tố khác trong sự giảm bộ qui luật thiền viện xưa nhất là bộ Thiền Uyển Thanh sút về mặt giới luật có thể là sự miễn cưỡng từ bên

trong, Qui năm 1103. Bộ sau này mang về Nhật thế kỷ 12; đến người Nhật không muốn phê phán đạo đức một cách sắc 1330 bốn điều luật Trung hoa khác được truyền thêm vào. nét về "thiện", "ác". Mối bận tâm quá đáng với những Dùng những tác phẩm này như khuôn mẫu, nhiều vị khai điều lệ giới luật có xu hướng mở ra một khoảng cách giữa Tổ Nhật Bản biên soạn thành nội qui thiền viện cho chính thánh và phàm, và làm giảm niềm tin nơi những người có mình. Đạo Nguyên, người lên tiếng chủ xướng nhiều nhất đời sống dính líu đến tội lỗi mà tu sĩ thì dễ dàng không qui luật thiền viện, đã để lại những tiểu luận rất phổ biến mắc phải. Dù với lý do nào đi nữa, giới luật hiếm khi vận chỉ dạy oai nghi tế hạnh hằng ngày của chư tăng. Vì bộ hành như một tiêu chuẩn ách yếu, hoặc độc lập về đặc Chánh Pháp Nhãn Tạng của Ngài được xem như là kinh tính chân chánh trong sơ thời Thiền tông nước Nhật. Nếp thư của tư tưởng Thiền, nên ta thường quên rằng khoảng sống thiền viện gợi ra những mâu thuẫn sắc nét giữa thái một phần ba nội dung dành cho việc hướng dẫn tọa thiền, cực nghiêm nhặt và tự do. Đường lối của Thiền được cho học giáo lý, đắp y, thọ trai, đi tắm và ngủ nghỉ. Trong một là nuôi dưỡng một tâm thức bất nhiễm bởi quy ước hoặc tác phẩm khác, Đạo Nguyên trích dẫn đức Phật như tư tưởng quy ước, và trong đạo sẽ quý trọng những ai người có thẩm quyền trong việc vệ sinh răng miệng: biểu lộ được tâm tự tại qua sự kỳ đặc. Đồng thời thói Sau đó ta lấy bản chải đánh răng và chắp hai tay nói: quen của một vị tăng điển hình bị hạn chế gắt gao bởi thời khóa hằng ngày, hằng tháng và hằng năm; một tôn ti Khi ta cầm lên bản chải đánh răng này, nguyện cho tất trật tự sít sao đặt trên tuổi tác hạ lạp; và đặc tính giản dị cả chúng sanh được cứu vớt; nguyện cho Chánh Pháp đến khổ hạnh của nếp sống chuyên tu. Kích thước gò bó và tai họ và tịnh hóa tâm ý họ... thoải mái trong nếp sống Thiền có thể thấy rõ trong buổi

164 161

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

Đức Phật bảo: "Đầu bàn chải không được cọ mòn quá sai khác nào giữa nam, phụ, lão, ấu, người trí, kẻ ngu, một phần ba độ dày". Khi đánh răng hoặc cạo sạch lưỡi, ta phải theo đúng lời dạy của Phật. con người, súc sanh. Trong một hội chúng ở kinh Pháp Hoa, không phải Long nữ tám tuổi xuống ngay Những đoạn văn trên có dụng ý không những chỉ dạy cách thức thao tác cho chư tăng noi theo; mà các vị thầy phương Nam đến quốc độ thanh tịnh Amala, ngồi lên còn tìm cách tưới tẩm ý nghĩa đạo vị vào mỗi hành động. tòa báu liên hoa, và giác ngộ viên mãn sao? Phương châm Thiền Tào Động luận về xu hướng này với từ ngữ cực đoan: "Luật nghi là pháp của Phật; oai nghi tế Sự căng thẳng giữa hai phương diện (tu sĩ và cư sĩ) của hạnh là yếu chỉ của tông môn". Ít nhất có hai vấn đề có vấn đề có thể thấy trong tư duy của một con người. Đạo thể bàn cãi liên quan đến qui luật thiền viện. Vấn đề thứ Nguyên ban đầu bảo rằng giác ngộ bình đẳng dành cho nhất là hiệu lực tu thiền của cư sĩ trong một thời đại mà mọi người: "Trong sự nhận hiểu Phật pháp không có đặc trưng tu sĩ của nhà Thiền đang ngự trị. Vài vị thầy phân biệt giữa nam và nữ, thượng căn và hạ căn... Ở đây nhấn mạnh thẳng đến lợi lạc và đức hạnh của tăng lữ. đơn giản chỉ là vấn đề có hay không có ý chí năng lực." Trong bài Khuyến Văn Tối Hậu, Nam Phố bảo: Sau khi dời về Echizen

năm 1243, Ngài nói ngược lại cho Những ai bước vào cổng đạo Phật đầu tiên phải ôm rằng chỉ có tu sĩ xuất gia mới đủ phẩm chất tu Thiền, và trong lịch sử Phật giáo không có cư sĩ thành tựu giác ngộ ấp niềm tin kiên cố vào oai đức của chư tăng... Oai chân chánh. Đạo Nguyên lập luận: "Một tu sĩ có phạm đức của chư tăng là cha chung của mọi chúng sanh; giới đi nữa cũng cao quý hơn một cư sĩ không phạm không có lòng kính trọng nào dành cho bậc cha mẹ giới." Mặc dù Đạo Nguyên có thể dùng tài hùng biện đối với tầng lớp thính chúng khác nhau, sự linh động này cho chủ một gia đình nhỏ bé có thể sánh được... Đầu cạo thấy nhận định của Ngài về Thiền không hẳn bất di bất trọc mặc áo nhuộm là dấu ấn thiêng liêng của một vị dịch. Vấn đề thứ hai là quan điểm bất đồng về vai trò của giới luật đạo Phật, một thành phần quan trọng trong qui Bồ-tát. luật thiền viện. Giới luật ngăn cấm sát sanh, trộm cắp, tà Đồng thời Thiền tông cũng có một truyền thống lâu dâm, nói dối, uống rượu và các chất say, và những tội dài về những cư sĩ xuất cách, và ở Nhật các vị thiền sư di khác. "Sau khi thọ giới, ta phải luôn luôn giữ giới", dân chấp nhận tự do các chiến sĩ trong hàng môn đệ, Thanh qui dạy thế. "Tốt nhất là giữ giới cho đến chết còn chứng nhận ngộ đạo cho nhiều nhân vật xuất sắc. Đa số hơn là sống mà mất giới". Thiền tông xem giới luật là các vị khai tổ khác tiếp tục khuyến khích tu cư sĩ đối với biểu hiện trực tiếp của giác ngộ, chứ không phải một pho nữ giới cũng như nam giới. Tịch Thất Nguyên Quang mệnh lệnh do quyền năng của Thượng đế hay nhu cầu minh định xu hướng này như sau: của xã hội áp đặt. Vinh Tây vẫn cho mình thuộc truyền Nếu ông lầm nhận tâm mình tức là phàm phu; nếu thống Thiên Thai tìm cách khôi phục và nâng cao giới luật trong mọi hình thái Phật giáo Nhật Bản, và Ngài ông nhận biết tâm mình tức là thánh nhân. Không có được báo động về vị đồng hương là Đại Nhật Năng Nhẫn

162 163

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

Thiền tông Nhật Bản; xuất xứ có thẩm quyền của từ này vào giữa thế kỷ 13 là tăng đường đầu tiên theo kiểu Tống ở trong Pháp Bảo Đàn Kinh và bài kệ của Tổ Đạt-ma. Đại ở Nhật Bản. Đạo Nguyên đã viết: "Các tòa nhà chánh yếu Đăng dùng từ này tự do trong hai bài giảng viết bằng chữ trong tu viện là Phật điện, Pháp đường và Tăng đường; Nhật phổ thông, đặt từ này ngang hàng với sự chứng ngộ trong đó Tăng đường là nơi sinh động nhất". ở cấp độ cao nhất: "Khi thực sự kiến tánh ông siêu vượt sanh tử và Niết-bàn, và thường trụ Phật giới". Hoặc là: XẢ LY THẾ GIAN "Nếu muốn gặp chân Phật, ông phải kiến tánh. Dù có niệm Phật, tụng kinh và giữ giới, ông cũng chỉ phí thời Biểu hiệu của Chân Thiền có thể hiện rõ một cách cụ gian mà thôi, trừ phi ông kiến tánh". Tuy danh từ "kiến thể như sơ đồ bố trí một thiền viện hoặc mơ hồ không xác tánh" không thấy trong ngữ lục chính thức của Đại Đăng, thực như tinh thần xả ly thế sự trần gian. Bởi vì nhiều chắc chắn Sư phải nói ra khi dạy dỗ môn sinh của mình. hình thức ẩn tu từ lâu đã được ca tụng trong các nền văn Trong tự truyện của Trạch Am về Sư, một vị tăng hỏi: hóa Á châu, đặc điểm này gần như không một chút liên "Kiến tánh thành Phật là gì?" Đại Đăng đáp: "Tuyết tan hệ đến Thiền. Tuy nhiên, xuất thế là cứu cánh và cũng là thì sườn núi lộ". biểu hiện nếp sống Thiền. Muốn trở thành một thiền

tăng Đại Đăng thích dùng nhiều thuật ngữ Phật giáo đồng phải "xuất gia", một hành động nguyên thủy có ý nghĩa nghĩa để chỉ cho ngộ hoặc chơn tánh. Dù danh xưng có xả ly thế gian với những ràng buộc của đời trần tục. Xuất khác, vật muốn nói đến không khác: "Cũng giống như gia còn có ý nghĩa thấy được bản chất huyễn hóa của thế một đứa trẻ ra đời từ đầu không có tên, về sau đặt nhiều gian tương đối này, "xả ly" thế tục để đi vào Pháp giới vô tên khác nhau". Trong một bài thuyết pháp tương đối hình tướng. Một người có Pháp nhãn tức là giải thoát ngắn Sư dùng ít nhất hai mươi tên luân phiên nhau: Đạo, khởi của cải, quyền hành, tiếng tăm và cám dỗ thế tục. Phật pháp, Tự tánh, Phật, Tâm, Không, Chân thân của Sự kiện cơ chế Thiền tông tự bản chất rất mực dấn Không, Chân thân của Tâm, Bản Lai Diện Mục, Bản Lai thân vào cuộc đời đã tạo thêm một lớp phức tạp cho khái Diện Mục trước khi cha mẹ sinh, Phật thân, Pháp thân, niệm xuất gia. Trong thời kỳ Thiền tông du nhập Nhật Ông chủ, Bổn sư, Phật tánh, Chân Phật, Phật đạo, Nhất Bản, cần phải ổn định và tăng cường cơ chế hơn là kiềm Tâm, Phật Tâm và "trú xứ bất khả tri". Ở chỗ khác, trong chế và cải cách. Gần như tất cả những vị thiền sư đầu tiên một bài kệ ngắn, Đại Đăng lặp lại sự kiện Sư không bám lập luận rằng Thiền phải đóng góp một cách có ý nghĩa chặt vào bất kỳ danh từ nào trong các thuật ngữ kể trên: vào phúc lạc của đất nước. Đối với cá nhân những hành "Mê", "ngộ" chỉ là lời nói ma mị làm điên đảo Thiền giả, nhiều khía cạnh đời sống bên trong một thiền viện có thể cũng phàm tình thế tục như điều gì đang xảy ra bên tăng khắp nơi. ngoài cổng tu viện. Ở đây những lý giải khác về xuất gia Đại Đăng nhấn mạnh đến tính ưu việt của giác ngộ rất là thực tế. Một người có thể năng động dấn thân vào trong bài Khuyến Văn Tối Hậu. Trong nhiều thiền viện thế sự và Phật sự mà vẫn bất nhiễm và không bị trói buộc. Lâm Tế bài này còn được tụng đọc trước khi đi ngủ, đêm Giống như ngụ ngôn về hoa sen mọc trong bùn nhưng này qua đêm khác, và việc này cho thấy tấm lòng thân trên mặt nước vẫn nở hoa đẹp, một thiền sinh thật sự xuất

180 169

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

gia hay tại gia ngưỡng vọng chuyển hóa một cuộc đời đã hết mọi đại địa, đâm thủng sắc tướng, vượt lên âm an bài thành con đường đi đến giải thoát. Giá trị xuất thế trong nhà Thiền không chỉ đơn thuần là từ bỏ thế gian. thanh. Nó mở rộng không bờ bến; nó xuất hiện trên Biểu hiệu ưu việt của việc xả ly nội tâm gồm có thiểu đỉnh cao với dốc đứng hiểm nghèo... Nó là tia sáng dục, quy ẩn và kỳ đặc. Nhiều khuôn mặt lớn trong nhà chiếu rọi từ đảnh môn, soi sáng chỗ nào đang đứng; Thiền đều có những đặc tính này, những gì thuật lại có vẻ huyền thoại hơn là thực tế. Tổ Bồ-đề-đạt-ma nổi tiếng với nó là cơn gió kinh thiên động địa, nổi lên từng bước chín năm tọa thiền trong một hang núi sâu. Thiền sư đời chân đi, bao phủ mọi sự... Nếu ông hội được tâm này Đường là Phần Châu Vô Nghiệp (762–823) nhấn mạnh là mình, thậm chí ông không tìm cái ưu việt, cái ưu rằng các vị cổ đức "bôi xóa dấu vết và hoàn toàn quên hết thế gian" trong hai mươi hoặc ba mươi năm. Triệu Châu việt vẫn tự đến. Không tìm giải thoát, ông

cũng chẳng nhiều lần từ chối các thí chủ cúng dường tịnh tài: “Khi hề bị một vật cỏn con nào trói buộc. vách tường thiền đường sụp đổ để cho gió đông khắc nghiệt phương nam Trung Hoa thổi vào, và khi bục giảng Vẽ lên chân dung của cái tâm giác ngộ chắc chắn đúc mục nát, Ngài chằm vá lại với mảnh ván cũ và vải vụn.” vào khuôn mô tả Bản Tâm trùm khắp, vì cả hai tâm là Trên bảng điển hình xuất ly thế gian còn có cư sĩ như một. Đối với Đại Đăng, Tâm này “xưa nay tịnh lặng”. Bàng Uẩn đã cho hết nhà cửa và đổ bỏ của cải xuống Tâm không sắc không hình, song “nó tròn đầy thái hư” và sông. Long Nha Cư Tuần (835–923) nói: “Chỉ khi nào nó chiếu sáng hơn cả “trăm ngàn mặt trời và mặt trăng”. học được cách sống thiểu dục và trở thành sống nghèo Tâm này vô sanh, bất tử, ra khỏi bánh xe luân hồi, siêu mới gần được Đạo (an bần thủ đạo).” vượt mọi phương diện quá khứ vị lai. Cho dù vũ trụ hoại diệt, nó chớ hề suy suyển. Dù Đại Đăng bảo rằng Tâm Từ bỏ thế gian được mô tả phong phú trong Lâm Tế này không thể đạt được bằng ngôn ngữ hay vô ngôn, Sư Ngữ Lục. Trong một bài giảng Lâm Tế bảo rằng thần vẫn không tránh khỏi ca tụng với ngữ ngôn: thông của một vị Phật ở chỗ “đi vào thế gian sắc tướng mà không bị mê lầm bởi sắc tướng; vào thanh giới mà Trước khi cái vô thủy khởi thủy, trước cả sự xuất hiện không bị âm thanh làm mê mờ, vào hương giới không bị vị Phật đầu tiên, ánh sáng của Tâm này đã chiếu soi mùi hương làm mê mờ... vào pháp giới không bị pháp biệt mù. Nó soi sáng cả bầu trời, và là tấm gương tròn trần làm mê mờ”. Một vị đồng hành với Lâm Tế là Phổ Hóa thể hiện một phương diện khác của ý niệm này. Ông đầy trên trái đất, bao trùm mọi vật và hiển hiện mọi được tả “hành động như một kẻ ngông ngông”. Được mời vật. Mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, hành tinh, sấm sét – thọ trai tại nhà một thí chủ, Phổ Hóa lật đổ nguyên bàn tiệc. Khi sắp tịch, Ngài vào nằm trong cỗ quan tài và bảo mọi sự không trừ điều gì đều thọ nhận ân đức của nó. người qua đường đóng nắp lại. Đó là phong thái của Trong khi nhắc lại những điển hình về ngộ, Đại Đăng những người tự tại đã xuất ly thế gian. Những vị thiền sư không dành riêng một từ ngữ đặc biệt nào. Như chúng ta Nhật đầu tiên tương tự đã nắm được ý nghĩa của xả ly và đã ghi nhận, từ “kiến tánh” được sử dụng rộng rãi trong

170 179

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

Trong tất cả những kinh nghiệm ngộ, lẽ dĩ nhiên bậc từ bỏ, nối kết ý nghĩa này một cách âm thầm hay rõ ràng tối thượng hơn hết đã triệt chứng là đức Phật Thích-ca với Chân Thiền. Oánh Sơn ca tụng “một người phi Mâu-ni. Đại Đăng chọn cử hành lễ khánh thành chùa Đại thường đã siêu xuất thế gian” (siêu tuyệt dị nhân). “Hãy Đức vào ngày kỷ niệm thành đạo của đức Phật, mồng tám tri túc thiểu dục”, Mộng Song đã sách tấn môn sinh của tháng chạp. Trong buổi lễ Sư đọc lên bài kệ, dựa trên sự mình, và nói thêm rằng: “Người xưa học đạo ngồi trên đá tích đức Phật giác ngộ trong núi tuyết Hi-mã-lạp-sơn: và dưới gốc cây, ưa chuộng rừng núi thanh vắng và vách đá cheo leo”. Đạo Nguyên, thường dẫn chứng những vị Chợt thấy sao mai, và tuyết càng thêm thiền sư Trung Hoa quở trách việc chạy theo thế tục, đã trắng. viết “chư Phật và chư Tổ không bao giờ muốn có điện đường lầu các”. “Từ thời Phật tại thế cho đến ngày nay”,

Ánh mắt của Ngài lạnh rởn tóc thấu Đạo Nguyên cũng bảo, “chúng ta chưa từng nghe một đạo giả chân chánh có của cải”. Đạo Nguyên theo sử sách xương. tả là người ưa chuộng hạnh ẩn tu “trong núi sâu khe vắng” khi Ngài xây cất một ngôi chùa trong tỉnh Echizen Nếu trần gian tự chứng nghiệm phút xa xôi. Tuy nhiên sự kiện lịch sử cho thấy Đạo Nguyên giây này, có hoạt động nương theo chế độ bảo trợ chính trị suốt mười ba năm đầu hồi hương từ Trung Hoa, và Ngài chỉ Lão Thích-ca đã chẳng bao giờ giáng quy ẩn bất đắc dĩ về Echizen sau khi việc tạo lập cơ ngơi ở Kyoto thất bại. Khó mà xác định vị thiền sư nào, nếu sanh. có, từ bỏ thế gian theo nghĩa đen hay trên ý nghĩa tinh thần. Khi Bạt Đội còn là du tăng, Ngài từ chối không qua Bài kệ này tán thán nhất tính của đức Phật với vũ trụ. đêm trong các ngôi chùa lớn, bảo rằng “chùa không phải Bởi vì cả hai đều cùng giác ngộ, ngay cả tuyết trắng càng là chỗ duy nhất của Phật pháp hoặc là trường dạy của chư trắng vào thời điểm khải hoàn này. Đại Đăng đề cập thân tăng”. Giác Tâm được triều đình mời về Kyoto đã phản mật đến đức Phật (gần như thiếu tôn kính), gọi là “Lão đối rằng “không đủ đức độ để làm thầy một vị hoàng đế”, Thích-ca” ý muốn nhắc đến thính chúng của Sư rằng và Ngài rời thủ đô ngay cơ hội đầu tiên. Khước từ một lời trong kinh nghiệm ngộ của đức Phật ai cũng có phần. mời tương tự thỉnh làm trụ trì chùa Nam Thiền, Giác Tâm Đại Đăng nói về ngộ với nhiều ý nghĩa. Khi Sư kể lại bằng lòng ở lại làm trụ trì một ngôi chùa nhỏ trong núi ở những biến động thúc đẩy chư Tổ đến giác ngộ, Sư nêu tỉnh Kii (Kỷ Y). lên ý nghĩa “bùng vỡ"; trong dịp khác Sư bày tỏ tâm thái Tự truyện về sự quy ẩn của Quan Sơn Huệ Huyền chứng ngộ đậm đà cảm xúc: trong thời gian dài được tăng thêm màu sắc huyền thoại. Tâm này tròn đầy, động chuyển với tinh thần tỉnh giác Trước khi được bổ nhiệm làm trụ trì chùa Diệu Tâm, lặng lẽ và chiếu sáng. Nó trùm khắp không trung, che Quan Sơn đã thoát thân từ bóng tối ở làng nhỏ quê mùa. Chỗ ngụ của Ngài ở chùa Diệu Tâm thật là sơ sài, mái dột

178 171

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

khi trời mưa. Một câu chuyện từ thiền sử, liên quan đến căn để là Bản Tâm. Sẽ không có một mảy may dị biệt Quan Sơn và Mộng Song, diễn tả ý niệm về xuất thế gian qua sự tương phản của hai vị thầy: giữa ông và mọi vật khác – sẽ không có sự vật nào Mộng Song thường viếng thăm triều đình. Việc này khác. nằm trong mối quan tâm của Ngài đối với đất nước – Nói về Thiền của Đại Đăng, ta phải trước hết mọi sự Ngài muốn làm một điều gì đó để thống nhất hai triều đề cập đến giác ngộ, vì đó là “nền tảng căn để”, chỗ Đại Đăng đang đứng là bản tâm mà Sư muốn diễn đạt trong đình Nam và Bắc. Con đường đi đến và trở về hoàng ngữ lục của mình. Như chúng ta đã thấy, ngộ là tiêu cung ngang qua chùa Diệu Tâm, hình như Ngài hay đi chuẩn hàng đầu của tính chất chân chánh suốt lịch sử Thiền tông Hoa cũng như Nhật, do đó Đại Đăng có chú ngang qua cổng sau. Ngài tới lui trên xe ngựa, và ở trọng đến việc này, tự bản chất, không phải đặt mình tách mặt này Ngài là một hình ảnh sang trọng. Ở mặt khác, rời với các thiền sư khác. Tuy nhiên đường hướng Đại Quan Sơn đang trồng củ cải hoặc vác trên vai một

cây Đăng diễn bày chứng ngộ đầy sức mạnh và phấn khích một cách phi thường, và Thiền tông Nhật Bản tuyển chọn sào dài cong xuống vì nặng. Ngồi trong xe thấy được Sư như hiện thân mẫu mực của tự ngộ thâm triệt. con người này, Mộng Song thầm nhủ Phật pháp của Một hướng để Đại Đăng nhấn mạnh tính ưu việt của Quan Sơn sẽ thay thế Phật pháp của mình. chứng ngộ là thường xuyên tham chiếu kinh nghiệm ngộ của chư Tổ Thiền tông. Sư khẳng định, tuy hoàn cảnh có Một thế kỷ sau thời Đại Đăng, thiền sư Nhất Hưu đã la thể khác, ngộ chủ yếu không đổi: rầy khi Ngài trông thấy sự thoái hóa nơi những chức sắc Nhị Tổ Huệ Khả đứng trong tuyết chặt cụt tay, và ngộ. cấp cao trong tổ chức Thiền tông. Nhất Hưu, một cách ngược đời, đã tìm cách chứng tỏ sự xuất thế chân chánh Lục Tổ nghe một người đọc một câu trong kinh Kim của mình bằng cách đắm mình trong thế tục, một cuộc Cang: “Nên không trụ chỗ nào mà sanh tâm kia (Ưng sống mà thiền tăng cố tình buông bỏ. Được bổ nhiệm trụ trì một ngôi chùa chi nhánh của Đại Đức tự, Ngài từ chức vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm)”, liền ngộ. Linh Vân ngộ khi sau khoảng hai tuần, viết thư để lại như sau: thấy hoa đào nở; Hương Nghiêm khi nghe tiếng sỏi Chỉ mười ngày ồn ào làm trụ trì, chạm bụi tre; Lâm Tế ăn sáu mươi gậy của Hoàng Bá,

Chân cẳng tôi đã bó buộc trong lề thói bừng ngộ. Động Sơn (Lương Giới) băng qua suối thấy bóng mình dưới nước, chợt ngộ. Trong từng trường quan liêu hợp, các vị đều bắt gặp Ông Chủ. Nếu ngày kia, ai muốn gặp tôi,

172 177

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản MINH GIẢI TINH YẾU CỦA THIỀN

tùy theo cách công phu. Đầu mối của một cách dụng công đặc biệt chỉ có thể xuất hiện sau một sự diễn bày lớn lao, Hãy đến hàng cá, quán rượu, lầu xanh. trên con người hay trên tác phẩm, về lời dạy của thiền sư. Có những trường hợp ngoại lệ vị thầy nắm giữ một chủ KẾT LUẬN đề rõ rệt hoặc trước tác theo kiểu gọi là triết lý nhưng Đại Đăng không ở trong nhóm này. Việc khảo cứu của chúng ta đã nêu ra tính cách phóng khoáng và phức tạp trong luận đề về tính chân chính ở Trả lời trong cuộc tranh luận đang diễn ra về tinh yếu thời kỳ đầu Thiền tông Nhật Bản. Đề tài này tác động đến của Thiền, Đại Đăng đã trình bày chỗ đứng của mình ở mọi khía cạnh đời sống tôn giáo, từ cách thức tọa thiền những điểm nổi bật nhất. Sư có một chút cố gắng để liên của một tăng sĩ đến cấu trúc xây dựng một tăng đường kết đường dây giữa các yếu tố với nhau; chính sự hiệp (hoặc thiền đường). Đưa ra một bảng kê các chức năng nhất nền tảng lưu xuất từ giác ngộ. Mô hình do Đại Đăng gọi là chủ yếu và có sự biến thiên trong đó; thật không có hun đúc có ý nghĩa lịch sử vì đại diện cho phong cách gì ngạc nhiên khi những quan điểm cá nhân về tính chân Thiền Lâm Tế cổ điển hoặc chính thống ở Nhật. Trong chính có thể phát sinh. Mặc dù khái niệm về truyền thống nhà Thiền, phong cách của Đại Đăng chắc chắn thù thắng nghiêng về cụ thể hóa, ở mỗi thời điểm nói đến truyền do bởi mạch sống tâm linh bản hữu, đặc biệt hơn do sức thống sinh động đều trải qua sự biến chuyển. Sự truyền mạnh và chiều sâu chứng ngộ của Sư. Các sử gia (kể cả trao có tính cách văn hóa đưa đến đặc tính biến đổi và đa những người tín nhiệm tác động tôn giáo trong lời dạy dạng của truyền thống làm nêu bật vấn đề lớn hơn. Quả

của Đại Đăng) buộc phải thêm rằng Thiền của Đại Đăng vậy, vài vị thiền sư Nhật ở vị trí có sức thuyết phục mạnh cũng chu toàn chức năng của mình trong những cuộc mẽ nhất có thể được xem là đã cố gắng chăm chút chuyển pháp chiến đương thời của Sư và nhiều thế kỷ sau đó. Do đổi hoặc bành trướng những ý niệm phổ biến về "Thiền". vì phương trận luận chiến trong Thiền tông Nhật bản sơ Tất cả những chủ thuyết về chính thống hoặc chân chính thời đã uốn nắn sắc thái Thiền nơi mỗi cá nhân thiền sư, đều không cố định trong Thiền, vì trên một phương diện đề mục triển khai trong hai chương trước sẽ cung cấp nào đó đều là nhị nguyên đối đãi: chân chính đối với tà khung đề đầu tiên cho chúng ta khai thác giáo lý của Đại ngụy, chính thống đối với dị giáo. Các thiền sư đều cho Đăng. rằng phải phủ định những cặp đối đãi này (hoặc phủ định đồng thời khẳng định). Ngay cả Đạo Nguyên, người CHỨNG NGỘ mạnh dạn đề cao sự trao truyền chánh pháp, cũng quở trách việc nói năng về chủ đề này. Ví dụ, Ngài luận giải Cốt tủy Thiền của Đại Đăng cô đọng trên cuộn giấy vẽ lại tận căn để giai thoại Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền thừa cho đã được bảo tàng nhiều thế kỷ, với hàng chữ của Sư: bốn vị đệ tử. Trong sử sách Trung Hoa, vị đệ tử thứ nhất Một khi bất chợt bùng vỡ, và tiếp tục một bước nhảy được phần "da" và vị cuối cùng là Huệ Khả được phần qua, ông sẽ thấy mọi vật quanh mình và mọi sự mình "tủy" của Tổ. Huệ Khả trở thành Nhị Tổ còn các vị khác bị loại. Nhưng Đạo Nguyên bác bỏ việc thừa nhận một làm, dù động hoặc tịnh, đều phóng chiếu từ nền tảng câu trả lời ưu việt đã đánh bại những câu khác. Đánh đổ

176 173

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

sự phân biệt giữa gần và xa, Ngài lập luận rằng cả bốn vị đệ tử đều đạt đến cứu cánh "thân tâm" của Tổ: "Thậm chí được phần 'da' cũng là được truyền pháp. Thân tâm của Tổ cũng chính là Tổ là da-thịt-xương-tủy của Tổ. Không có vấn đề 'tủy' là mật thiết còn da ở ngoài xa". Cùng nguyên tắc này có thể áp dụng để tìm hiểu tinh yếu của Thiền vào thời kỳ trung đại ở Nhật. Tuy có những câu được chấp nhận và những câu khác lại quy là "ngoại đạo", tất cả đều vận hành như là từng mảnh khớp với nhau trong cùng một món đồ khảm. Ít nhất trong ý nghĩa 8 này, các vị thế khác nhau của vị thầy cũng tương đương và tùy thuộc lẫn nhau, dù có thể có những sự dị biệt. Đưa ra những phức tạp này, luận đề về tính chân chính có thể THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT thỉnh thoảng tự phá vỡ cấu trúc của mình. Không có điều gì chắc chắn để vạch lá tìm sâu, ta có thể ước đoán rằng CỦA CHỨNG NGỘ rốt cuộc không có tiêu chuẩn trong Chân Thiền hoặc cái chân chính trong Thiền là một điều gì gắn liền với sự thiếu hẳn tiêu chuẩn cố định. Tuy nhiên pháp ngữ và hành động của các vị thiền sư Nhật thời sơ kỳ không thể chống đỡ con đường lý luận này. Cho dù những lời chỉ dẫn có vi tế, cho dù luận đề có nghiêng về tự phá vỡ cấu trúc của mình, các vị khai tổ đều tin vào năng lực thiện xảo của mình để minh định những điểm tinh yếu của Chân Thiền. K hi chúng tôi cố diễn đạt lời dạy của một vị thiền sư, chúng tôi có thể không phát hiện được một hệ thống tư tưởng thống nhất, một chủ đề ách yếu, hoặc ngay cả một câu nói thịnh hành. Đa số các

thiền sư không phải là triết gia (ít nhất theo nghĩa thông thường), và tác phẩm của các vị không phải triết lý kiểu công ước. Những gì chúng tôi tìm thấy thoạt tiên có vẻ như không đáng kể lắm: một khuynh hướng chọn một pháp tu đặc biệt nào đó, một khả năng vượt trội trong việc giáo dưỡng đệ tử, một quyết tâm mang Thiền giới thiệu đến cử tọa mới và một ý thức về mỹ học cao độ. Trong Thiền, đặc tính nền tảng vững chắc của sự truyền trao chánh pháp được thừa nhận, và trong đạo có luận bàn về đặc tính độc đáo của một vị thầy hoặc dòng phái tu hành

174 175

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

Những điều lệ này tuân theo Phật ý và Tổ ý. Hãy để thiết với Đại Đăng trong vô số thế hệ hành giả tu Thiền. Khuyến Văn thực ra là tổng hợp hai đoạn ngắn tìm thấy mắt đến các bạn đồng tu và đừng ngần ngại tố cáo trong tự truyện Đại Đăng của Trạch Am, đoạn thứ hai những người vi phạm. Những điều lệ này được thiết viết: lập như thế. Sau khi ta dọn đến đây, học nhân của ta trụ trì ngôi

Đại Đăng viết tên những người có trách nhiệm trong chùa lộng lẫy, bận rộn với nhiều tăng chúng. Khung bảng nội qui cho thấy Sư không nhắm đến một hội chúng bao trên Phật điện và liễn thiếp chép kinh sơn son đông đảo; có thể Sư lập những điều lệ này vào giai đoạn thếp vàng. Có học nhân tụng kinh, trì chú và tọa thiền đầu của sự phát triển chùa Đại Đức. Hình phạt được nhắc đi nhắc lại phù hợp với đức tính nổi bật của Sư là kỷ luật dài lâu không nghỉ lưng. Họ ăn ngày một bữa trước tinh nghiêm. Phạm vi đơn sơ của bản điều lệ đầu tiên này ngọ và lễ lạy Phật sáu thời mỗi ngày. bắt buộc vị kế thừa của Đại Đăng là Triệt Ông phải bổ Trường hợp nào cũng vậy, nếu diệu đạo bất khả túc: khoảng năm 1368 Triệt Ông soạn thảo ba bản nội qui, một bản cho chùa Đại Đức và hai bản cho chùa chi truyền của chư Phật và chư Tổ không nằm trong lòng nhánh. Hiệu quả tương đối của việc tu tập xuất gia và tại họ, dây nghiệp nối liền họ với những bậc tôn túc sẽ gia đã được điều cập nhiều mặt bởi những vị tiền bối và đồng thời với Đại Đăng, như chúng ta đã thấy. Mặc dù đứt mất, chân phong của Thiền sẽ chìm sâu trong đôi khi khó xác định loại thính chúng được nhắm đến, lòng đất, và họ sẽ kết bạn với ác ma. Sau khi ta rời Đại Đăng hình như đối với chủ đề này có đường lối mở khỏi trần gian, họ không bao giờ được xem là con rộng và phổ quát hơn. Trong khi thầy của Sư là Nam Phố đề cao công đức của giới xuất gia, trong bài Khuyến Văn cháu của ta. Tối Hậu và các bản văn khác Đại Đăng thường trách cứ Tuy nhiên nếu có một người sống cao thượng giữa những ai xuất gia chỉ trên danh hiệu. Trong đoạn dưới đây Sư tuyên bố Tổ Bồ-đề-đạt-ma là đầy đủ thẩm quyền: đồng trống, ngụ trong chòi tranh nghèo nàn, ăn rễ cây Tổ Bồ-đề-đạt-ma khi được hỏi: “Cái gì là đại ý của [rau] nấu trong nồi sứt chân, và dành hết thời gian việc xuất gia?” đã đáp: “Chớ nghĩ xuất gia là cạo bỏ chuyên tâm tham cứu chính mình, thì người đó sẽ gặp râu tóc và đắp ca-sa. Ai cạo tóc đắp y chưa hẳn là ta mặt nhìn mặt hằng ngày và báo đền được ơn nặng. tăng thực sự ngoại trừ chứng ngộ. Chưa được như Có người nào buông trôi lơi lỏng không? Gắng lên, thế, thì chẳng khác phàm phu”. gắng lên!

Đại Đăng hoan hỉ chào đón cư sĩ và ni sinh đến học Một lần nữa Đại Đăng chỉ rõ chứng ngộ trên hết mọi đạo, và Sư cũng đòi hỏi nơi họ những gì Sư yêu cầu nơi khía cạnh khác trong đời sống tôn giáo, và những khía

192 181

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

cạnh khác đều vô nghĩa ngoại trừ ta hiện thực được "diệu không được quyền tụng kinh trong Phật điện một đạo bất khả truyền của chư Phật và chư Tổ". Thiền sinh thiếu sự giác ngộ chẳng những sẽ chính mình đau khổ, ngày. Ai vi phạm điều lệ này sẽ bị khai trừ tức khắc. mà còn đẩy sự truyền trao chánh pháp vào hiểm nghèo. 6. Trẻ cũng như già, cấm không được nói chuyện tạp. Ngược lại, bất cứ ai hành trì chân thật, theo đúng tinh 7. Sa-di, người ngoài xin nhập chúng và tân tu phải thần giác ngộ, người đó là con cháu và bạn đồng hành thật sự của vị thầy. Khi Đại Đăng đề cập trên quan điểm dứt bỏ nết hạnh không đúng pháp trong trường hợp cứu cánh, Sư nhấn mạnh rằng giác ngộ là tiêu chuẩn độc không tham dự ba thời khóa lễ; thời gian đó phải nỗ nhất của Chân Thiền, và Sư cho các yếu tố khác như tọa lực hết sức mình để học kinh. Ai vi phạm điều này sẽ thiền hoặc xây cất tu viện có ý nghĩa thứ yếu. Tuy như thế khi Đại Đăng đề cập trên quan điểm công ước, Sư vẫn bị đánh năm gậy và nhịn ăn một ngày. bảo lưu những yếu tố phụ và xem như chức năng chính 8. Ai không thuộc kinh và chú trong ba thời khóa lễ sẽ yếu của Thiền; nếu không có, Sư không thể quản lý một ngôi chùa hoặc dạy dỗ đệ tử. Tuy giác ngộ ưu việt, vẫn có bị lấy y bát và đuổi đi. thể minh định tầm cỡ kiệt xuất trong tư tưởng của Đại 9. Trong khu vực nhà bếp (trận lý) thượng tọa Tông Đăng khi Sư tiếp cận với những tinh yếu khác của Thiền. Lâm và Tông Triệt trách nhiệm về gạo, tiền, thức ăn, muối và miso. Trong điện Phật và phương trượng trụ TỌA THIỀN trì thượng tọa Tông Liêm và Tông Thọ trách nhiệm ba Tính chất trung tâm của tọa thiền không đặt thành vấn thời khóa lễ và làm vệ sinh tại đó. Thượng tọa Tông đề với Đại Đăng. Thời khóa tu tập ở chùa Đại Đức gồm nhiều thời tọa thiền trong ngày, và cư sĩ tập tu cũng được Nhẫn trách nhiệm vệ sinh khu vực vệ sinh. Sa-di Tông khuyến khích tương tự: "dốc hết sức mình riêng cho tọa Nguyên đi theo giúp việc cho các thượng tọa làm việc thiền ngay từ đầu". Đại Đăng định nghĩa tọa thiền rất ngắn gọn: "Tọa thiền nghĩa là ngồi bán kiết-già hoặc toàn tại Phật điện, khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh và các nơi kiết-già, mở mắt phân nửa, và nhìn Bản Lai Diện Mục khác. Khi sa-di và người ngoài mới nhập chúng sai trước khi cha mẹ sinh". Sư dùng nhiều ẩn dụ trong kinh quấy thì thượng tọa Tông Lâm có bổn phận phải kỷ điển để mô tả tiến trình như sau: "Quét sạch niệm tưởng" có nghĩa là phải tọa thiền. luật họ.

Một khi niệm tưởng lóng lặng, Bản Lai Diện Mục xuất 10. Sa-di, người ngoài mới nhập chúng và tân tu

hiện. Niệm tưởng có thể so sánh với mây trời – khi không được la cà trong khu vực nhà bếp. Ai vi phạm

mây tan, trăng hiện. Niệm tưởng giống như hơi mù điều lệ này sẽ bị đánh năm gậy và nhịn ăn một ngày.

182 191

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

pháp ngữ của Sư không hề đề cập đến việc xây cất thiền của gương – khi lau sạch hơi ẩm, gương chiếu sáng. viện hoặc tầm quan trọng của điện đường phòng ốc. Cũng vậy tài liệu của Đại Đức tự im lìm về việc xây chùa. Hãy dừng lặng niệm tưởng và chăm chú vào Bản Lai Trong khi các dòng phái khác tự hào về lịch sử xây dựng Diện Mục trước khi ông sinh ra! nhà tăng của họ, thư khố đầu tiên của chùa Đại Đức liên quan đến việc xây cất tăng đường rất mơ hồ và không đề Thỉnh thoảng Đại Đăng dùng chữ "công phu" thay thế năm tháng: "Đầu tiên tăng đường xây phía tây điện Phật". "tọa thiền" để chỉ sự nỗ lực hành thiền miên mật. Hai câu Học giả thời nay Yanagida Seizan thấy được ý nghĩa trong bài Khuyến Văn Tối Hậu của Sư có thể xem gần trong việc Đại Đăng chọn pháp đường làm tòa nhà chính như là đồng nghĩa với tọa thiền. "Tới hoặc lui, đêm hoặc yếu của chùa Đại Đức hơn là Phật điện. Bởi vì Pháp ngày, ông phải phấn đấu mỗi một việc là đối diện với cái đường từ ban đầu đã được ưu tiên trong thiền viện Trung không thể lý hội", Sư đã sách tấn môn sinh của mình như Hoa, Yanagida ức đoán Đại Đăng mong muốn khôi phục thế. Đối diện với cái không thể lý hội là phận sự chánh tinh thần Thiền tông nguyên thủy đời Đường, "một ước của tọa thiền, một thái độ truy tìm mà hành giả phải duy vọng cao ngạo không thể chế ngự được". Những lý do thế trì trong mọi hoạt động. Khuyến Văn cũng khuyến cáo tục, như tài chánh eo hẹp, cũng ảnh hưởng đến việc tuyển "nhất tâm tham cứu chính mình", một cách diễn tả khác chọn điện đường. Trong khi các vị tiền bối và đồng thời tâm thái tọa thiền. Đại Đăng khẳng quyết, một người dốc đặt ra nhiều điều lệ tu tập trong thiền viện, Đại Đăng chỉ hết sức mình tự tham cứu miên mật sẽ gặp ông Chủ "mặt để lại một bản nội qui đơn sơ. Có lẽ đây là phụ lục cho đối mặt" mỗi ngày. Mặc dù Sư không soạn thảo hai câu thanh qui chuẩn: trên hoặc sử dụng trong tác phẩm của mình, cả hai câu đều đi vào ngữ vựng Thiền tông, và hai triết gia Nhật thế 1. Không được giao tiếp với khách tăng. kỷ 20 là Nishida Kitarò (1870–1945) và Nishitani Keiji 2. Thời dụng biểu ba khóa lễ hằng ngày và thỉnh (1900–1990) đều có trích dẫn. Đại Đăng đã chỉ ra nhiều chuông trống không được thay đổi. nhận định sai lầm về tọa thiền. Ví dụ, dừng bặt niệm tưởng không phải là cứu cánh của chính sự tọa thiền: 3. Chư tăng trong ban chức sự không được vị kỷ khi "Chính ý niệm về khởi niệm đã dẫn đến ý tưởng phải trông nom về lương thực hoặc tương tự. ngăn cản không cho niệm khởi. Cả hai ý niệm đối kháng đều sai lầm". Đại Đăng muốn ám chỉ Đại Huệ, đã từng 4. Trong thời gian xây chùa, mọi chi tiết bao gồm gỗ, bảo "định của vô niệm" là "ngoại đạo" và "tà thiền". Tốt đinh và v.v... do một người phụ trách, không để người nhất là phải "nhìn thấu căn nguyên sâu xa ngoài tầm hoạt khác gánh vác thêm chuyện này. động của tâm trí". Một nhận định lầm lạc khác là tọa thiền trong chờ đợi giác ngộ sẽ đến không sớm thì muộn: 5. Chư tăng trong ban chức sự phạm nội qui, ta sẽ "Đạo siêu vượt mọi khía cạnh của đến hoặc đi,

động hoặc khai trừ vĩnh viễn. Một tân tu (hoặc sa-di) vi phạm tịnh, vì vậy ta không thể đạt ngộ bằng cách chờ đợi nó đến". Cũng không phải tọa thiền là điều kiện tiên quyết để chứng ngộ. "Nếu nói không có tọa thiền thì sẽ không

190 183

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

bao giờ kiến tánh, đó lại là một sai lầm", Đại Đăng đã Trong những câu viết khác Đại Đăng công nhận một quở trách như thế. Cũng trong tinh thần này, Đại Đăng số đệ tử chứng ngộ, nhưng không ấn chứng cho họ là đệ bác bỏ những quan niệm tọa thiền hạn cuộc trong tư thế tử nối pháp. Ví dụ, Sư viết xác nhận theo thỉnh cầu của ngồi bất động: "Đại sư Vĩnh Gia bảo: 'Đi cũng thiền, một lão ni tên Địa Tánh: "Ni đã chứng đạo, chỗ sanh và ngồi cũng thiền. Nói nín, động tịnh thể an nhiên.' Ý tử là một". Sư cũng thường dùng chân dung chính thức muốn nói rằng đi, ngồi hoặc nói tất cả đều là Thiền". Tọa của mình như là biểu hiệu truyền thừa, mặc dù những thiền chân chính vẫn tiếp tục tiến hành khi ta sinh hoạt pháp khí nguyên bản này không phải luôn luôn trưng bày. trong công việc hằng ngày: "Cái gọi là Bản Lai Diện Mục Sáu bức chân dung của Đại Đăng hiện nay vẫn còn, bốn đều có mặt nơi động lẫn tịnh không khác". Trong một bài bức có ghi nét chữ của Sư. Rõ ràng là Đại Đăng thừa kệ tựa là "Tọa Thiền" Đại Đăng nêu lên việc tọa–thiền– nhận biểu tín truyền thừa như là chức năng cốt yếu của trong–động thù thắng hơn ngồi yên: chân thiền. Ngoài lá y có ý nghĩa và lời ghi ấn chứng nhận được từ Nam Phố, Sư ban phát các chứng chỉ, lời Thật là chán ngắt khi ngồi vô ích trên viết, pháp y và chân dung cho hàng môn đệ. Tuy nhiên sàn, Sư không quá đề cao những biểu tín này trong pháp ngữ của mình (như Đạo Nguyên) hoặc ban phát rộng rãi (như chẳng tham thiền, chẳng bùng vỡ. Hư Đường). Qua nhiều thế kỷ, con cháu của Đại Đăng được linh cảm và vững tin nhờ những ấn tích ban đầu Hãy nhìn bầy ngựa chạy đua dọc con này, họ bảo trọng xem như chứng cứ về đặc tính chân truyền của dòng phái trong tông môn. sông Gia Mậu! Đó là tọa thiền. XÂY DỰNG VÀ QUI LUẬT THIỀN VIỆN

Đại Đăng chấp nhận một số pháp tu của đạo Phật khác Lên mười, lần đầu tiên được gửi đến chùa, và Đại với tọa thiền trong một số bài văn. Ví dụ, Sư chấp nhận Đăng đi tu từ đó. Sư được chính thức xuất gia thọ giới ở những pháp tu nặng nề cầu nguyện xem như phương tiện tuổi hai mươi hai, và tu tập trong nhiều ngôi thiền viện phù hợp với những người "căn cơ thấp". Người nào phát lớn thời bấy giờ. Đại Đăng là tăng sĩ Nhật Bản đầu tiên tâm cất chùa tạo tượng Phật sẽ được phước báo, tăng tạo lập một thiền viện Lâm Tế mà không phô bày theo cường nghiệp lực với Đạo, và hiển nhiên "đến được ngôi nghi thức thiền viện Trung Hoa. Sư làm trụ trì mười lăm chùa thực sự và chân thân của Phật". Trong bài Khuyến năm, dạy tu cho các thí chủ bảo trợ, quản lý công trình Văn Sư liệt kê nhiều cách tu thông thường tạo nhiều xây dựng, và giáo dưỡng môn sinh trong chùa. Trong phước báo, như tụng kinh và lạy Phật, nhưng những hành Thiền tông Nhật Bản người kiến lập thiền viện được vinh động này Sư sẽ bác bỏ nếu chỉ là phù phiếm ngoại trừ dự mang tên là tổ "khai sơn". phản ánh được

lòng khát vọng chân chánh giác ngộ. Sự Mặc dù Đại Đăng có công đức lớn lao trong sự nghiệp lĩnh hội Thiền của Đại Đăng không thiên lệch dù dưới bất giáo dưỡng thiền tăng theo truyền thống nhà Thiền, trong

184 189

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

cứ ý nghĩa nào ra ngoài chính mạch của Thiền tông. Chỗ Khi con đường tắt nghẽn, hoàn toàn kỳ đặc trong đường lối tu tập của Sư là tham cứu công án không lối thoát, miên mật. Một công án cũng gắn liền với định nghĩa của tọa thiền đã đề cập ở trên: “Tọa Thiền nghĩa là ngồi trong Mây lạnh trói buộc từ vô thủy vây bọc tư thế toàn kiết-già hoặc bán kiết-già, mắt nhắm một nửa và nhìn Bản Lai Diện Mục trước khi cha mẹ sinh”. Rõ đỉnh núi xanh ràng Đại Đăng đã thích tu thiền khi còn là tăng sinh trẻ. Sư đã tham vấn vị thầy đầu tiên của mình là Cao Phong Dầu cho “một chữ” của Vân Môn che Hiển Nhật về công án “con trâu chui qua cửa sổ”, và đã phủ sức sống vận hành [của đỉnh núi] giải đáp “gần hai trăm công án” trong vòng một năm khi tham học với Nam Phố. Sư đã vật lộn với công án Con mắt chân thực vẫn thấy rõ vượt “Quan” và triệt ngộ. Vì thế công án đầy rẫy trong bài giảng và đối thoại của Sư suốt mười lăm năm làm trụ trì ở trên những chóp núi cao xa tít. chùa Đại Đức. Trong Đại Đăng Ngữ Lục, Sư dẫn ra một công án cổ điển cho thính chúng rồi bình giảng; thường Ta ban pháp hiệu “Quan Sơn” cho khi một vị tăng nêu lên một công án và trước hội chúng hương đăng Huệ Huyền. tham vấn với Sư từng câu một. Trong những tác phẩm khác Đại Đăng bình về một trăm tắc công án trong Bích Viết vào tháng ba năm thứ tư Gia Tiềm Nham Lục, chú giải một trăm hai mươi tắc công án trong tuyển tập riêng của Sư, và giải đáp các công án từng loại [1329] một từ những nguồn phụ. Nhờ Đại Đăng sáng tạo thêm nên có những công án độc đáo trong nhà Thiền: Tông Phong Diệu Siêu ở núi Long Sáng lông mày xoắn vào nhau; chiều Phong [Đại Đức tự] chà sát hai vai. Đại Đăng truyền lại pháp y của Nam Phố cho tăng chúng chùa Đại Đức với lời giáo huấn: Ta là ai? Hãy nhận chiếc tử y truyền trao đến ta từ Quốc Sư Trụ cột xê dịch tới lui suốt ngày dài. [Nam Phố] và tôn trí trong phòng bảo tàng. Hãy mang Tại sao ta bất động? y ra một năm chỉ một lần vào ngày [giỗ của ta] khi tăng chúng vân tập tại chùa. Huấn lệnh này nhất nhất Ai thâm nhập được hai chuyển ngữ trên không được bất tuân. thì trong một đời xong việc [tu thiền].

188 185

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

Trong Thiền, một “chuyển ngữ” là một chữ hoặc một Lục do Sư chép tay, vạch ra dòng mạch truyền Thiền từ câu có năng lực chuyển hóa sự tỉnh giác nơi một người, đức Phật Thích-ca Mâu-ni và chư Tổ Ấn Độ qua chư Tổ hoặc thậm chí thúc đẩy đến ngộ. Câu đố hắc búa này, gọi và Pháp tử Trung Hoa. Đại Đăng trở lại chủ đề này suốt là “tam chuyển ngữ”, được truyền khẩu gần một thế kỷ đạo nghiệp của Sư; một năm trước khi

tịch Sư bảo đệ tử trước khi Xuân Tác ghi chép năm 1426. Tuy như thế, đây của mình: “Mạch Thiền truyền xuống đến ngày nay vẫn là một trong những công án đầu tiên kiểu Trung Hoa do lưu chuyển cùng khắp và không đứt đoạn. Thực sự, tông thiền sư Nhật sáng tạo. Đại Đăng có thể chỉ dùng trong môn chúng ta nguồn thì sâu thẳm, dòng thì rộng lớn. Do lớp học riêng để dạy đệ tử, nhưng Sư cũng có đề cập đó nên nói: ‘Tông ta triệu đời không suy giảm; sáng rõ và trong ngữ lục của mình: hiện tiền không sai chạy.’” Tự truyện của Cự Hải xác Ta có ba công án then chốt. Nếu ông được câu thứ định mười bốn vị đệ tử của Đại Đăng “mỗi người đều được ấn chứng và truyền pháp”. Khi thầy của Đại Đăng nhất, ta để ông với mặt trời mặt trăng trên đầu gậy của là Nam Phố viết lời khen và khuyên dạy trên hai bài kệ ta. Nếu ông được câu thứ hai ta cho ông đứng trên giác ngộ của Đại Đăng quả thật đã ấn chứng cho Đại đầu cây phất tử của ta. Nếu ông được câu thứ ba, ta Đăng, và Đại Đăng đã long trọng truyền trao cho Triệt Ông Nghĩa Hanh, người kế thừa trụ trì chùa Đại Đức. Sư sẽ hỏi ông bắp trồng trước núi đã chín chưa? cũng trao y cho Triệt Ông và văn kiện nói rằng: Ngày nay “tam chuyển ngữ” của Đại Đăng được xếp Đại đệ tử của ta là Triệt Ông đã trung thành theo ta từ vào công án cấp cao, chỉ giao cho thiền sinh mười năm và lâu. Sự triệt ngộ của ông mọi người ai cũng biết. Ông trên mười năm kinh nghiệm chuyên tu. Đối với một trong ba câu riêng rẽ, hành giả phải giải đáp theo ý mình và nêu kế thừa ta làm trụ trì chùa Đại Đức và dạy dỗ tăng lên trước ngữ thích ứng. Mặc dù Đại Đăng thêm vào ít chúng với lòng từ bi. Ngoài ra, ta truyền cho ông pháp nhất một công án riêng vào những công án đã thừa y ta vẫn thường đắp. Nghĩ tới ông lòng ta tràn đầy biết hưởng, Sư tin chắc rằng một người thâm nhập triệt để chỉ một công án thôi thì sẽ dò tìm được tất cả: “Có 1.700 ơn. công án và 17.000 câu (hoặc chữ) cốt yếu trong công án, Quan Sơn, một đại đệ tử khác của Đại Đăng, không nhưng tất cả đều có ý nghĩa khơi dậy Bản Lai Diện Mục”. được nhận một văn kiện tương đương. Tuy nhiên, khi Quan Sơn giải đáp công án “Quan”, Đại Đăng công nhận BIỂU TÍN TRAO TRUYỀN CHÁNH PHÁP đệ tử mình chứng ngộ bằng cách đặt tên mới và ban một cuộn liễn thư pháp để ấn khả. Vào dịp đầy ý nghĩa này, Đối với Đại Đăng nguyên lý truyền pháp được củng cố Đại Đăng đặc biệt làm bài kệ: bằng kinh nghiệm cá nhân. Khi giải đáp chữ “Quan” trong công án của Vân Môn, Sư cảm thấy mình được Quan Sơn nuôi dưỡng bằng “mạch sống của chư Tổ anh kiệt”. Một tập sách đầu tiên nằm trong tay Đại Đăng là Truyền Đăng

186 187

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

Các cửa mở hết. Khi chúng ta la mắng lẫn nhau, ta để môn sinh của mình lòng khát vọng mãnh liệt tự ngộ. Một nữ thí chủ và là đệ tử của Sư tên Tông Ấn rất đắc lực cho ông khóa môi với ta. Khi chúng ta tức giận lẫn trong công việc xây cất chùa Đại Đức thời gian đầu. Đại nhau, ta để cho ông khạc nhổ nước dãi vào ta. Đây là Đăng viết một bài pháp bằng thổ ngữ Nhật Bản cho một một công án đã làm sẵn xong xuôi, ông thấy chăng? bà phi của Hoàng đế và một bài tương tự cho một cư sĩ vô danh. Trong số tác phẩm thư pháp đồ sộ của Sư, có ba Ta đánh! bức gửi cho các ni, hai bức cho nam cư sĩ

và một bức cho Văn phong phong phú và thông tục của Viên Ngộ (dù nữ cư sĩ. Trong những bức thư này, Sư khuyến cáo các đệ lúc đầu có thể bí hiểm) tiêu biểu cho đỉnh cao trong Thiền tử tục gia không nên bám chặt vào địa vị và tài sản: "Đức học. Trong vòng một thế kỷ sau khi Viên Ngộ tịch, pháp Phật Thích-ca đã buông bỏ tước vị vua chúa, Bàng cư sĩ tu trước ngữ truyền vào Nhật Bản. Hành giả bắt đầu dùng đổ của cải xuống sông." Cũng chẳng nên bận bịu cha mẹ trước ngữ cổ truyền và bộc phát tự nhiên để giải đáp công con cái làm chướng ngại cho sự tu tập. Hơn nữa một hành án. Một tác phẩm đầu tiên ở Nhật có trước ngữ là bản chú giả chân chánh cần phải sống Đạo trong bất cứ hoàn cảnh giải Tâm Kinh của Lan Khê Đạo Long. Tính chất chuyển nào: "Mặc áo, ăn cơm hoặc đi đứng ngồi nằm" đều không tiếp trong tác phẩm này có thế thấy rõ trong sự pha trộn lạ rời xa "chân thân của tánh Không". Được hỏi cư sĩ tại gia lùng giữa những thể loại bình luận. Trích đoạn sau đây có thể được giải thoát mà không cần chế ngự sự "dâm gồm biệt chú của Lan Khê từng dòng một trong kinh; dục", Đại Đăng đáp: "Với kiến tánh, dâm dục triệt tiêu, tự trước ngữ của Ngài được in chữ nghiêng: chấm dứt, không còn ham muốn nữa".

"Sắc chẳng khác không" Đại Đăng có thể hoặc không đặt ý nghĩa quan trọng cho việc xây cất thiền viện như một chức năng cốt yếu Sắc vốn sinh ra từ không. Người mê thấy sắc ở ngoài của Thiền: Sư tự nỗ lực xây cất một thiền viện mới mà chân không. Sắc có từ tâm. [Người tỉnh] biết rằng tâm không đề cập đến trong pháp ngữ. Tương tự, quan điểm của Sư về nội qui thiền viện vẫn không có ý phân biệt. vốn không có đặc tính của sắc. Nếu ông ngược về các Tuy dốc hết sức mình để giáo dưỡng môn đồ, Sư không căn, ông sẽ hiểu; nếu ông chạy theo cái chiếu sáng khư khư chấp chặt thanh qui, và sách tấn hàng cư sĩ tục gia tu tập. Trong khi những người hâm mộ Đại Đăng tán của các căn, ông sẽ không hiểu. dương chùa Đại Đức có "tháp cao cổng lớn" hoặc ca tụng Hãy để đầu dính tro, mặt dính đất! "hằng ngàn chư tăng sống tu hòa thuận", Đại Đăng lại chỉ ra cái siêu vượt hình tướng của thể chế nhà Thiền. Trong Đoạn văn này nêu bật sự khác biệt giữa cách bình giải buổi lễ khánh thành chùa Đại Đức, Sư chỉ pháp y và hỏi: theo kinh điển Phật pháp và cách bình chú theo Thiền "Tôi đang vinh dự đắp y này, ai nói được chân sắc của "không kẹt kinh điển" trong câu trước ngữ. Cũng xin nói nó?" rằng hỗn hợp hai cách còn cần phải bàn (Lan Khê có thể còn chưa tự nhiên vì giới hạn của thính chúng Nhật). Đại Đăng tiêu biểu cho sự phát triển thể loại này ở đỉnh cao

204 193

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

XUẤT LY THẾ GIAN thượng", liền thêm vào thật tài tình, "Làm thế nào đạt được?" Ngài đáp bằng một trước ngữ: "Thiên tử thì Đại Đăng xem trọng chủ đề xuất thế trong bài viết, thi không cắt cỏ". kệ và thực hành. Thậm chí khi đã được bổ nhiệm làm trụ trì chùa Đại Đức, Sư viết cho chính mình: Tuyển tập công án xuất hiện vào thế kỷ 11 và 12 đặc biệt nâng cao phạm vi và mức phát triển của trước ngữ. Qua bao nhiêu năm ăn xin, Viên Ngộ Khắc Cần, người sưu tập Bích Nham Lục, đã đưa vào thể loại này một dạng thức cổ điển. Y áo này đã cũ rách; Như đã nói trước đây, công trình phức tạp này

gồm Tay áo tả tơi xua tan bóng mây. nhiều mức độ bình chú. Tuyết Đậu, người biên tập đầu tiên, đã sáng tác trước ngữ xen vào các dòng chữ cho Trên cổng kia, chỉ toàn là cỏ. mười lăm tắc trong một trăm tắc công án đã tuyển chọn. Xuất thế có ý nghĩa cách ly không những xã hội mà Khoảng sáu mươi năm sau, Viên Ngộ thêm vào tư liệu còn thể chế nhà Thiền. Theo đó, Đại Đăng định nghĩa mới rất đáng kể, gồm có trước ngữ xen vào các dòng chữ "một ngôi chùa thật sự" là sự thanh lọc thân–tâm của cho toàn bộ một trăm công án và kệ tụng của Tuyết Đậu. chính mình và tượng Phật thực sự là nhận ra Phật tánh Từ trước đến giờ chưa một thiền sư nào có tham vọng bản hữu. Lời nói nổi tiếng nhất của Sư bảo vệ lý tưởng muốn bình chú toàn bộ tác phẩm. Ví dụ, công án thứ chín này một lần nữa nằm trong bài Khuyến Văn, chỗ Sư nói trong Bích Nham Lục dựa trên một đối thoại đơn giản: thẳng sự tương phản giữa một vị trụ trì một ngôi chùa Tăng hỏi Triệu Châu: lừng lẫy với nhà ẩn tu sống nghèo. Người đệ tử nối pháp Cái gì là Triệu Châu? thực sự của Sư là một người "ngụ trong am tranh sơ sài", không phải vị trụ trì có "liễn đối và kinh sách sơn son Triệu Châu đáp: thếp vàng". Thiền tạng đề cao danh tiếng xuất thế của Đại Cửa đông, cửa tây, cửa nam, cửa bắc. Đăng, mô tả Sư là một tên ăn mày trọ dưới cầu Ngũ Điều ở Kyoto suốt hai mươi năm, tự đặt mình vào chỗ mất mát Viên Ngộ đã thêm vào nguyên văn ngắn gọn này một tất cả. Nhất Hưu và Bạch Ẩn đặc biệt hâm mộ Sư như loạt trước ngữ rất phấn khích như sau: một thần tượng, và các Ngài họa chân dung của Đại Đăng Tăng hỏi Triệu Châu: như một người xuất thế đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Cái gì là Triệu Châu? những thế hệ tương lai. Cho dù câu chuyện về ăn mày chắc chắn có phóng đại, nhưng vẫn chứa đựng cốt lõi của Hà Nam, Hà Bắc. Chẳng ai nói được. Có gai trong sự thật – sau khi chứng ngộ Đại Đăng đã quy ẩn vào một bùn. Nếu không phải Hà Nam, là Hà Bắc. ngôi chùa tối tăm gần cầu Ngũ Điều, ở đấy ít nhất là Triệu Châu đáp: mười năm. Phạm vi nhập thế trong cuộc đời của Đại Đăng dễ dẫn chứng bằng tư liệu, vì phần lớn đạo nghiệp Cửa đông, cửa tây, cửa nam, cửa bắc.

194 203

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

của Sư nằm trong thể chế chính mạch của nhà Thiền. Sư chứng ngộ trong một ngôi chùa lớn thuộc giáo phận thủ đô, nhận bảo trợ của hai vị hoàng đế gần hai mươi năm, và là trụ trì khai sơn chùa Đại Đức. Sự kiện Sư tuân giữ

9 một cách tín cẩn lịch trình hằng năm của tu viện được xác nhận nơi mỗi phần dẫn nhập có đề ngày trong Đại Đăng Ngữ Lục – ví dụ, Sư thuyết pháp chính thức vào ngày mồng chín tháng chín trong bảy năm. Ít nhất trên lý thuyết, một vị tu sĩ có thể chu toàn trách nhiệm xã hội và giáo chế mà vẫn giữ được tự tại đối với tham vọng và ràng buộc. Cũng như tọa thiền trong động được đề cao, sự kiện dấn thân nhập thế, mà không bị trói buộc trên một TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC phương diện nào đó, là lý tưởng cao thượng hơn việc xuất thế thông thường. Quả vậy, Đại Đăng được tôn kính trong PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG tông Lâm Tế là một vị tăng thâm ngộ đã quán triệt thể chế nhà Thiền mà không cần phải hy sinh đạo lực của mình. Nếu lập luận này được chấp nhận,

hình ảnh một tên ăn mày cũng biểu trưng một khuynh hướng nội tâm mà riêng những sự kiện lịch sử không thể khơi dậy được. Nhiều vị đồng thời và gần đồng thời với Đại Đăng có thể

K hi Đại Đăng say mê trước ngữ, Sư đã nhập vào dòng mạch dài của chư thiền đức lỗi lạc. Thiền sư Vân Môn Văn Yển (?–949), một thần tượng của Đại Đăng, có thể là vị thầy đầu tiên trả lời công án cổ điển bằng trước ngữ, khai mở một phạm vi đưa ra so sánh trong đề tài này. Mộng Song lên đến tột đỉnh trong thiền giới, là cố vấn cho các tướng quân, và nổi danh trên văn đàn. Tuy nhiên trong tông môn, sự hưng thịnh của Ngài trên danh nghĩa một thiền sư có phần suy kém: hậu thế kết luận rằng những thành công hoạt động đã duy trì thành một bổn phận sinh động trong thế gian của Ngài được trả giá bằng đời sống nội tâm của việc thiền tập suốt mười thế kỷ. Trước ngữ nằm rải rác Ngài. Một số phận khác tương phản là Tâm Địa Giác trong hai pho “truyện sử” trong nhà Thiền: Tổ Đường Tâm, sự thâm ngộ của Ngài được nhiều người thừa nhận, Tập (sưu tập năm 952) và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục nhưng Ngài né tránh những chức vụ quan trọng, và ảnh (ấn hành năm 1011). Một quyển sách quan trọng khác hưởng của Ngài không rộng lớn trong sự phát triển cơ chế trong thể loại này lần đầu tiên được trình bày là ngữ lục Thiền tông. Những đề tài tương tự nổi bật khoảng một của Phần Dương Thiện Chiếu (947–1024), người đã thêm trăm năm mươi năm sau, trong sự tranh đua cay đắng trước ngữ có hệ thống vào một trăm tắc công án nguyên giữa Nhất Hưu Tông Thuần và Dưỡng Tẩu Tông Di. thủy. Ví dụ, Ngài viết, “Tôi nguyện đạt được giác ngộ vô Dưỡng Tẩu là một vị trụ trì nổi tiếng chùa Đại Đức, bị

202 195

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

Nhất Hưu gièm pha là không tốt, đã tìm cách từ bỏ tất cả công án. Có phải Đại Đăng tham chiếu một trong hai tập địa vị quyền hành. Trong khi Đại Đăng là tấm gương của công án lớn 12 , hoặc Sư tuyển chọn từ những nguồn khác, sự hội nhập thành công về cá nhân và thể chế, những kể cả khẩu truyền? Sự giao công án cho đệ tử tham theo nhân vật đời sau tượng trưng cho thế đứng kém mẫu mực trình tự hay cho phép họ tự tu tùy ý? Sư có cho phép đệ dẫn đến lệch lạc hoặc thoái hóa. tử khán nhiều công án trước khi kiến tánh, hoặc ngay từ đầu Sư hạn định một trong những công án “bùng vỡ” như công án “Vô"? Nhiều khía cạnh trong mối tương giao ĐẠI ĐĂNG, MỘT ĐẠO SƯ thầy–trò tâm đắc mật thiết một cách chặt chẽ, nhưng vẫn Là một đạo sư của một hội chúng rộng lớn, Đại Đăng có những giới hạn có thể biết được. Người học Thiền đòi tiếp xúc đều đặn với môn sinh của mình. Sư thuyết pháp hỏi phương pháp dạy của vị thầy bất chấp hạng loại nào. cho chúng tăng, thu hút thính chúng trong những bài Theo Mộng Song Sơ Thạch là đồng song của Đại Đăng: giảng công khai, gặp gỡ riêng từng đệ tử, và thư từ với Thiền sư có mắt sáng không trang bị cho mình những nhiều tín đồ về thiền tập. Nội qui thiền viện của Sư xác lý thuyết cố định. Các vị chỉ cần nắm ngay cách dạy đáp nhận đức tánh tinh nghiêm của một vị trụ trì và cho thấy ứng từng thời điểm, để cho miệng lưỡi tự tại khỏi dây sự gần gũi với các vị thượng tọa mà Sư gọi bằng tên.

Suốt cương. Thiền sư không đào lỗ ở vị trí cố định. Khi có những năm đầu tư vào việc tạo dựng thiền viện, điều người hỏi về Thiền, các vị có thể trả lời bằng phương hành và an lập tôn ti trật tự, Đại Đăng vẫn duy trì một ngôn của Khổng Tử, Lão Tử hoặc Trang Tử. Hoặc các vị lòng không đổi sự ủng hộ chủ trương tu chứng của mình. rộng giảng giáo tông. Vào dịp khác vị thầy sẽ trả lời bằng Đa số các vị thiền sư tầm cỡ như Đại Đăng đều có liên cách ngôn, hoặc lôi sự chú ý đến một vật nào đó có trong quan với một hoặc nhiều giai thoại – có thật hoặc huyền tay. Ngoài ra vị thầy có thể dùng gậy, hét to, đưa lên một thoại – làm cô đọng phong cách dạy Thiền của các vị. ngón tay, hoặc tung một quả đấm. Đó là những phương Đan Hà thiêu tượng Phật gỗ để sưởi ấm, Câu Chi cắt đứt pháp của các thiền sư, sức sống vô nhiễm của Thiền. ngón tay của thị giả, Vinh Tây cho người đói vằng hào Những ai chưa đạt đến tâm giới này thì không thể nào dò quang từ pho tượng Phật, Nhất Hưu đi dạo khắp đường tìm được qua các giác quan và tri thức. phố Kyoto với cái sọ khô lủng lẳng trên đầu gậy, và v.v... Trong trường hợp của Đại Đăng, hình ảnh thường được nhắc tới là tên ăn mày mắt sáng dưới cầu Ngũ Điều, một nhà sư điềm tĩnh đối đáp với hai hoàng đế, một vị thầy bất khuất bẻ gãy chân mình và tịch trong tư thế kiết-già. Đối với dấu ấn đức hạnh của một vị thiền sư nơi Đại Đăng, chúng ta có thể quay lại những tài liệu được con cháu của Sư bảo tàng. Qua bài tự thuật, Đại Đăng tiếp kiến đệ tử trong bộ mặt của một đối thủ dữ dằn. Trên một bức chân dung, Sư đề tựa mô tả chính mình như sau: 12 Vô Môn Quan và Bích Nham Lục.

196 201

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

“Vô” hoặc “Không” là cốt lõi trong công án nổi tiếng về Đôi mắt nhìn dữ dội. Miệng trề xuống cau có giận dữ. vị tăng hỏi Triệu Châu con chó có Phật tánh hay Là kẻ giặc của Phật Tổ, kẻ thù không đội trời chung không. Cuộn liễn này rõ ràng ghi lại một “vấn đáp” về của thiền tăng. Khi ông đứng trước mặt sẽ bị ăn đòn. “Vô” giữa Đại Đăng và một vị học nhân tên là Lương. Nếu ông quay lưng Sư sẽ rống lên tức giận. Ối! Ai nói Câu đáp của học nhân là một chuyển ngữ, câu này được hình lão tăng mù ở đây là chủ hay là khách? Đại Đăng ưa dùng trong các bài bình chú. Thay vì cố Nhưng cũng chẳng sao, Ẩn Nguyên. Hãy cúi đầu giải thích “Vô” bằng ngôn ngữ lý luận (có thể như là đảnh lễ trước khi tâm ông bắt đầu chuyển. tánh không hoặc Phật tánh), thiền nhân Lương đưa ra Ngôn ngữ ở đây thật là mạnh bạo, và cũng hợp đạo, một ảnh dụ về một cái gì vô hạn, bất hoại, không phản ánh dây liên kết được thừa nhận giữa nghiêm khắc và chân chánh trong Thiền tông. Nếu Đại Đăng muốn đường nối, và chủ yếu vượt qua suy nghĩ và phân biệt được nhìn thấy dưới góc cạnh này, những vị đồng thời và – “một tấm sắt mỏng trải dài muôn dặm”. Khi Đại kế thừa của Sư sẵn sàng tán thành. Chẳng bao lâu sau khi Đăng đẩy tới câu hỏi tiếp, Lương lặng thinh. Sư tịch, Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ tán thán Sư lời lẽ tương tự. Trên bức chân dung khác của Sư, Hậu-Đề-Hồ đề tựa: Thông thường im lặng có nghĩa là không đáp được, Nhanh hơn điện xẹt, Sư vung gậy tùy thích. Nhanh nhưng trong vài nội dung đó là câu đáp đúng theo Thiền, tùy theo cách

ứng phó của người đáp và đầu mối khác hơn chưa từng thấy, Sư rèn Phật đúc Tổ trên cái đe nhau của câu chuyện. Vì Đại Đăng ghi lại đối thoại này của mình. Khi Sư tiếp xử với môn sinh của mình, nên có thể Sư tán đồng câu đáp vô ngôn của Lương đã thể không có chỗ để cho họ bám. Sư là thầy của hai hiện được ngộ. Tuy khó hiểu nhưng bài văn này cho thấy sự kiện Đại Đăng trắc nghiệm môn sinh dựa trên một hoàng đế, song chưa lần nào đưa mặt ra trước họ. Bộ công án cổ điển Trung Hoa, và chấp nhận trước ngữ là mặt nghiêm nghị bắt phải nể sợ khiến không ai dám câu trả lời đúng. Lại nữa, chính cuộn liễn gợi cho thấy rằng bằng cách nào Đại Đăng (và các thiền tăng khác) dễ đến gần. Có một điểm sáng duy nhất đạo vị ai tự xưng dàng biến một kinh nghiệm tâm linh thành mỹ học qua là thấy được? thư pháp. Một tài liệu phổ biến khác dành cho một bài viết ngắn Chắc chắn là những yếu tố cơ bản trong cách dạy của về đối đáp giữa Đại Đăng và Nhật hoàng Hoa Viên. Trên Đại Đăng vẫn còn chưa rõ. Ví dụ, ta không biết được cuộn giấy này, phân nửa của một đôi liễn không đề ngày những lần tham kiến riêng là bắt buộc hay tự do, nằm tháng, vị thầy thử người đệ tử thí chủ của mình: “Chúng trong lịch trình hoặc tự bộc phát, kéo dài hoặc đột ngột. ta đã xa cách nhau từ ngàn kiếp, song chưa từng cách xa Những thắc mắc kiểu này còn thập bội đối với pháp tu dù chỉ một khắc. Chúng ta đối diện nhau suốt ngày dài,

200 197

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THIỀN CỦA ĐẠI ĐĂNG: TÍNH ƯU VIỆT CỦA CHỨNG NGỘ

nhưng chưa từng gặp gỡ. Chân lý này hàm ẩn nơi mỗi đáp: Hãy xem tấm gương trời, treo xuống từ trên cao. người. Giờ đây tôi chỉ đơn giản hỏi ông một lời: ‘Bản chất của chân lý này là gì?’” Hoa Viên viết câu đáp trên Hoa Viên: Thầy không được đi suốt đêm, nhưng phải cùng một tờ giấy: “Đêm qua, vào canh ba, cột trụ ở chùa đến nơi lúc hừng đông. Sư ra hiệu chấp thuận. Hoa đã kể cho Thầy mọi sự cần biết”. Bản văn này, một sáng Viên hét lên, phất tay áo bước ra. tác hiếm hoi có bằng chứng trong Thiền học của Đại Đăng, không nói rõ khung cảnh của cuộc gặp gỡ này. Khi Cho dù là Trạch Am lấy tài liệu ở nguồn nào, Ngài đã viết trên cuộn liễn hai vị này có mặt cùng một lúc hay có làm hết khả năng để truyền đạt ý nghĩa phong cách dạy sứ giả cầm giấy qua lại giữa họ? Phải chăng khi Hoa Viên Thiền sinh động và cuốn hút của Đại Đăng đến với người nói đến “đêm qua” ý muốn ám chỉ ông đã được Đại Đăng đọc Niên Phổ. Trong một lá thư Đại Đăng giao công án trắc nghiệm (và được chấp nhận) trong lần tham kiến và chỉ dạy pháp tu công án; những chứng từ này soi sáng trước? Dù cho ra ngoài nội dung, câu hỏi kích thích của thêm tư cách một bậc thầy nơi Sư. Trong lá thư ví dụ sau Đại Đăng vẫn tồn tại, và các triết gia Nhật Bản hiện đại đây, luận điệu của Sư mạnh bạo và kiên cố một cách độc vẫn trích dẫn khi bàn luận về “mối tương giao biện đáo: chứng” giữa hiện tại và muôn đời. Nếu như ông đối với đại sự sanh tử muốn cho xong Sổ tay của Hoa Viên cho thấy Đại Đăng đã chỉ dạy vị việc, và ngay đó siêu vượt Tam giới, ông phải thâm cựu hoàng pháp tu công án cấp cao, nương vào Vô Môn nhập công án “Tức tâm tức Phật”. Hãy nói: “Đại ý Quan, Bích Nham Lục và các Thiền thư khác. Hai thầy trò cùng thảo luận lý thiền, tọa thiền và thăm viếng các trong đó là gì?” Làm thế nào

mà tức tâm tức Phật? Và thiền tăng. Sau khi Hoa Viên qua được một công án nào "tức tâm" – là cái gì? Tham cứu nó lúc đến. Tham cứu đó, liền được thầy của mình khen là hiểu đạo "thâm sâu". Tuy sổ tay không thấy mô tả những lúc họp mặt thân mật, nó lúc đi. Tham cứu nó triệt để và tường tận... Tất cả tự truyện Đại Đăng của Trạch Am có kể lại (hoặc tưởng mọi việc ông phải làm là ôm giữ công án này thường tượng) một số đối thoại trong buổi tham kiến giữa Sư và xuyên trong đầu. đệ tử hoàng đế. Trong một cuộc đối thoại, Đại Đăng trả lời với phong cách Thiền cổ điển, và Hoa Viên hét lớn Đại Đăng đề cập đến một công án khác trên cuộn liễn theo kiểu nhà Thiền: chỉ hiện diện một chữ duy nhất là "Vô" và tiếp theo là lời Cựu hoàng Hoa Viên nói với Sư: chú bằng hàng chữ nhỏ: Tôi không hỏi hoa cúc nở dưới hàng dậu, nhưng lá Thiền nhân Lương đáp: "Một tấm sắt mỏng trải dài rụng trong rừng thì thế nào? Sư bảo: Thiên nhãn của muôn dặm (Vạn lý nhất điều thiết)". Ta hỏi: "Cái gì là Bồ-tát Quan Âm vẫn không thấy được. Hoa Viên hét một tấm sắt mỏng?" Ông lặng thinh. lên và bảo: Qua rồi ở đâu? Sư trân trọng đảnh lễ rồi Tông Phong viết để trả lời câu hỏi của thiền nhân.

198 199

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

phẩm chính của một thiền sư, tuy trong nhiều trường hợp kế tiếp. Con người Đại Đăng đầy ái lực văn học và tâm cá biệt tác phẩm nổi tiếng hay độc đáo nhất của một thiền linh đã đồng cảm với bậc tiền bối Tuyết Đậu và Viên Ngộ sư có thể là một nguồn tư liệu khác. Bởi vì thiền phong thật là hiển nhiên qua ngữ lục, bình chú trước ngữ, và của Đại Đăng có thể thấy được qua tập văn của Sư, ta nên những tác phẩm khác. Ngoài việc biên tập những công án quan tâm vào ngữ lục, bình chú, trước ngữ và thi kệ. Đại riêng của mình và bình chú theo kiểu hai vị thầy kể trên, Đăng Ngữ Lục gồm có hai loại bình chú trước ngữ: một Đại Đăng đã tạm mượn những trước ngữ từ Bích Nham là nói, hai là viết. Trong Ngữ Lục, môn đồ hỏi Sư về pháp Lục hơn là các nguồn tư liệu khác. ngữ và công án hoặc bài pháp chuyên biệt thường là từng dòng một. Nếu như cách diễn tả theo truyền thống trong BIỂU CHI NGỮ VÀ LÝ CHI NGỮ sự biên soạn Ngữ Lục bảo đảm tín nhiệm, những cuộc đối đáp tham vấn đã được chép lại nhanh chóng sau khi xảy Trong Thiền Nhật Bản, hơn một chục thuật ngữ dùng ra. Có lẽ Sư thỉnh thoảng đích thân tham gia vào việc để chỉ các loại trước ngữ khác nhau. Hầu hết những thuật biên soạn. Nhiều bản hiện có do chính Đại Đăng viết tay ngữ này xuất xứ từ Thiền thư; chỉ riêng trong Bích Nham là pháp thoại trong ngữ lục của Sư, và cũng có thể là Sư Lục đã có năm loại trước ngữ: viết ra hoặc cho in ấn vài đoạn đối thoại. Đoạn văn sau đây trích từ Đại Đăng Ngữ Lục, miêu tả lại việc Đại 1. Trước ngữ hoặc trứ ngữ. Thuật ngữ chung cho các Đăng sử dụng trước ngữ để trả lời trực tiếp bằng miệng trước ngữ trong Bích Nham Lục. Trước ngữ là từ chung một loạt câu hỏi từ một môn đồ. Trong buổi lễ khánh trong Thiền tông Nhật Bản. thành chùa Đại Đức vào tháng chạp năm 1326, một vị 2. Hạ ngữ. Khởi thủy là chữ tắt của câu "hạ một tăng vô danh dẫn ra một giai thoại nổi tiếng là một công chuyển ngữ". Hạ ngữ được Đại Đăng ưa dùng. án trong Bích Nham Lục. Trong giai thoại này, Bàng Uẩn 3. Chuyển ngữ. Một chữ hoặc một câu then

chốt diễn là một cư sĩ tu thiền rất cao, ông rời chùa sau nhiều năm tả sự chứng ngộ của riêng mình và/hoặc có sức mạnh tu ở đó, và được vài thiền sinh có kinh nghiệm tu ít hơn xoay chuyển tâm của một người khác tiến đến giác ngộ. cùng đi ra cổng. Vì đang mùa đông nên có tuyết bắt đầu rơi. Đối thoại trong Đại Đăng Ngữ Lục gồm có bốn người 4. Biệt ngữ. Câu đáp một công án khác với câu trả lời – cư sĩ Bàng Uẩn và một thiền sinh tên Toàn là hai người của một người khác đã đưa ra. trong hai giai thoại gốc, cộng thêm Đại Đăng và vị tăng 5. Đại ngữ. Câu đáp đưa ra nhân danh một người khác chùa Đại Đức. Lễ khánh thành đã tiến hành xong thì Đại (Ví dụ một vị tăng đang đề cập không trả lời được câu hỏi Đăng mở đầu thuyết thoại: của vị thầy). Đại Đăng lại hỏi: Nhiều thuật ngữ khác thêm vào khá thông dụng trong – Có ai đặt câu hỏi không? Thiền tông Nhật: Một vị tăng tiến đến và hỏi:

216 205

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

6. Niêm lộng. Một câu hoặc kệ cổ truyền soi sáng một đầu tiên trong ba câu trả lời tiếp theo là “Mua sắt được công án đã đề ra. Cả hai chữ có nghĩa “nắm lấy” và vàng”. Ai trả tiền mua sắt mà nhận được vàng chắc chắn “đùa”. đây là một mối kinh doanh thành công. Giống như thế, 7. Thế ngữ. Câu văn hoặc câu kệ xuất xứ từ Nhật Bản một vị tăng hỏi một câu nghèo nàn mà được câu trả lời từ hơn là Trung Hoa, ở trong Thiền Lâm Tế Ngữ Tập. phía vị thầy thúc đẩy đến chứng ngộ, thật còn hơn cả mua được một món hời, một điều gì quý báu như vàng. Thay 8. Bình ngữ. Câu cú trong đời thường ở Nhật hơn là vì bình chú trên chính chữ “không”, Đại Đăng tập trung trong kinh sách. ngay từ đầu vào mối tương quan giữa những nhân vật 9. Tiền ngữ. Một câu tiêu biểu cho duy nhất một chánh trong công án. Câu kế của Đại Đăng, “Hư không phương diện của công án. tròn đầy” đều áp dụng vào chữ “không” và câu trả lời của Triệu Châu. Trong Thiền, “không” không có nghĩa là cái 10. Bổn ngữ. Một câu nêu lên công án một cách tối không ngơ: bởi vì sắc tức là không, cả hai tương nhập, cái hậu hoặc toàn diện. không dung chứa và trùm khắp còn sắc thì rỗng không Còn có “biểu chi ngữ” dùng để bình chú từ một quan hoàn toàn. Câu trả lời mạnh mẽ của Triệu Châu như thể điểm quy ước; “lý chi ngữ” dùng để bình chú trên quan trùm hết vũ trụ vì nó không tách rời vũ trụ. Câu trước ngữ điểm tuyệt đối; và “tổng ngữ” để diễn tả toàn thể phương cuối của Đại Đăng là “Ném cây chùy sắt không lỗ ngay diện cứu cánh lẫn quy ước. Tuy những trước ngữ trong trước mặt”. Chùy sắt không lỗ là một mâu thuẫn – không tác phẩm của Đại Đăng có tiềm năng có thể mở lối vào có lỗ thì làm sao tra cán vào để cầm. Ảnh dụ này là một Thiền phong của Sư, thể loại này hiển nhiên không cho biểu trưng rất phù hợp với chân lý (hoặc Phật tánh hoặc phép luận giải. “không”), không thể nào nắm được nếu dùng bất kỳ cán nào để cầm nắm theo thói thường. Triệu Châu đã ném cái Ngữ lục của Đại Đăng – đầy rẫy công án, trước ngữ và “không” không thể nắm giữ được ngay trước mặt vị tăng, vấn đáp – quá ghê gớm nên chỉ có một thiền sư duy nhất, và Đại Đăng không làm một điều gì ngăn ngại đường có tầm cỡ như Bạch Ẩn mới mạo hiểm lượng giá được. ném bay bổng tương tục này. Chẳng phải việc cố tình nghe học hoặc sự ứng

dụng chuyên biệt những bình chú của Đại Đăng mà có thể thành tựu được chắc chắn. Sư đã viết những tác phẩm này BÌNH CHÚ ỨNG KHẨU cho chính mình, nêu lên cho một nhóm đệ tử chọn lọc, sử TRONG NGỮ LỤC CỦA ĐẠI ĐĂNG dụng rộng rãi để giáo dưỡng môn đồ, hoặc cơ bản cốt nhắm vào hậu thế. Hơn nữa, những kỹ thuật lý giải thông Đại Đăng Ngữ Lực lần đầu tiên ấn hành giữa năm thường, dù là do một tay bình luận thông thạo, hình như 1426 và 1467, gồm có nhiều tư liệu phong phú đa dạng: thu gọn và không như ý. Ví dụ, một trước ngữ rất nổi những bài thuyết pháp chính thức định kỳ và đột xuất, tiếng của Đại Đăng là "cối đá xay hình bát giác bay trên tham kiến có đối thoại với môn đồ của Sư, bình chú viết không" có thể suy rộng ra nhiều cách giải thích. Học giả bằng trước ngữ, một tập thi kệ bằng Hán văn, và một tự lỗi lạc Yanagida Seizan viết: "Cối đá xay hình bát giác là truyện ngắn. Theo truyền thống nhà Thiền, ngữ lục là tác

206 215

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

luận biện giải, rằng Hoàng Bá đánh đệ tử Lâm Tế để thúc cối đá do tám con ngựa hoặc con lừa quay. Nó xay nát đủ đẩy Lâm Tế ngộ. Dĩ nhiên truyền thống Thiền cho biết mọi vật. Câu này tả một cối đá to lớn xoay tròn băng qua những đầu mối giải thích giá trị: chính Đại Đăng ở một không trung, trông thật kinh khủng". Thiền sư Shibayama chỗ nào đó liên kết sáu mươi gậy với sự chứng ngộ của Zenkei cũng chú giải câu này trừu tượng hơn: "Một vận Lâm Tế. Còn điều gì khác mà trước ngữ đã gợi ý trong hành tự tại phát xuất từ ngộ." Và John Covell diễn giải đoạn văn đặc biệt này? Mặt trời ở đây có thể chỉ cho Lâm câu nói rối rắm này là cái không thể nói: "Mọi người đều Tế, một đệ tử kế thừa tiếng tăm, và mặt trăng là Hoàng biết rằng sao băng trên trời, nhưng không sao giải thích Bá, vị thầy đã xong bổn phận và giờ đây có thể mờ khuất bằng lời". Những lời giải thích như thế, dù khéo léo nói dần. Một ngụ ý xa hơn là Lâm Tế đã giỏi hơn Hoàng Bá ra trong ngôn ngữ quy ước hoặc thể loại quen thuộc, cốt (một đệ tử hơn thầy được nhìn nhận trong nhà Thiền). để xác nhận sự hiểu biết thường tình của chúng ta về thực Công án "Không" cũng xuất hiện trong Bách Nhị Thập tại. Theo cách này, những lời giải thích có khuynh hướng Tắc của Đại Đăng như sau: phá vỡ ngôn ngữ Thiền, bởi vì cái rối rắm mà sự giải thích đã gấp rút loại bỏ lại chính là điều mà hầu hết ngôn Tăng hỏi Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh hay ngữ Thiền cố gắng nuôi dưỡng, ít nhất là lúc ban đầu. không?" Mục tiêu của sự tu tập Thiền không phải là muốn có một – Đầu lưỡi dài rồi hình ảnh "đúng" về thế gian; mà lột bỏ bất cứ quan niệm nào về thế gian ta đang ôm giữ. Những lý giải phân tích ý (Thiệt đầu dĩ trường). nghĩa một đoạn văn Thiền riêng trên mặt từ ngữ chỉ nắm Triệu Châu đáp: "Không". được nội dung hoặc thông điệp, mà bỏ mất tiềm năng chuyển hóa và ý định cứu rỗi; đó chính là cái "bất lập văn – Mua sắt được vàng. tự". Không có gì ngạc nhiên khi rốt cuộc việc luận bàn (Mại thiết đắc kim). rơi vào tẻ nhạt hời hợt, giống như giải thích một câu nói – Hư không tròn đầy giỡn, nói đùa. Ngụ ý sâu xa của ngôn ngữ Thiền sẽ được xem xét trong chương kế tiếp, nhưng tạm thời ở đây (Bức tắc hư không). chúng ta có thể minh định ít nhất

một nguyên tắc liên – Ném cây chùy sắt không lỗ ngay trước mặt quan đến lý giải: hầu hết trong câu nói Thiền một ý nghĩa đơn độc hiếm khi khai thác hết tất cả tiềm năng. Bản chất (Vô khổng thiết chùy đương diện trịch). đa diện của ngôn ngữ Thiền có thể thấy được. Ví dụ, Qua cách xếp đặt, trước ngữ đầu tiên của Đại Đăng nói trong trước ngữ "lưỡng thải nhất tái", các thiền sư, Đại đến câu hỏi của vị tăng – tức là, Sư chê vị tăng "lưỡi hơi Đăng và thiền tăng Lâm Tế hiện đại đều thường dùng. dài" vì đặt câu hỏi một cách nôn nóng và mang tính nhị Câu này có nghĩa "hai mặt của con súc sắc" hoặc "hai nguyên. Thiền khẳng định câu trả lời của Triệu Châu, mặt của một đồng tiền". Trong những nội dung khác cũng nghĩa đen nghĩa là "không", chính là chân lý không thể có nghĩa "hai bàn thắng, một cuộc chơi". Trong Lâm Tế nói ra lời được; làm sao Đại Đăng có thể chú giải? Câu Lục, vị thầy dùng câu này để bình chú một câu chuyện có

214 207

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

ba vị tăng trong đó. Nếu diễn dịch là "hai bàn thắng, một Rồi thì cũng đi tiếp, đường này hoặc đường khác. cuộc chơi" và áp dụng tình huống đặc biệt này, câu này – Hai tượng đá thì thầm trong tai nhau sẽ mang nhiều dẫn giải khác nhau: (a) một trong ba người (Lưỡng cá thạch nhập tương nhĩ ngữ). tham dự trò chơi thắng cuộc hai lần, (b) hai trong ba người thắng cuộc, hoặc thậm chí (c) cả ba người đều Người có thể làm được việc này là một hành giả tu thắng cuộc trong dây liên kết lẫn nhau. Trong ngôn ngữ thiền biện tài, ngôn ngữ người đó – kỳ lạ làm sao – đánh Thiền, nhiều ý nghĩa đa dạng có thể có cùng một lúc ngay trúng đích một cách tuyệt diệu. cả khi chúng mâu thuẫn lẫn nhau. – Chỗ nào đau thì đâm kim vào (Thống xứ hạ châm chùy). GIỚI THIỆU TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG – Đầu lưỡi không xương Con đường thẳng tắt nhất giới thiệu bình chú trước (Thiệt đầu vô cốt). ngữ của Đại Đăng là thảo ra một số phương thức theo quy ước. Một khi chúng ta xem xét một câu mẫu trong những – Một thiền sư chánh hiệu! câu của Đại Đăng và vài đoạn văn tiêu biểu, tốt nhất (Tác gia tác gia). chúng ta nên đặt khả năng vào việc thảo luận thiền phong của Sư và những chủ đề lý giải có liên quan. Trước tiên, Bây giờ chúng ta có thể quay sang vài đoạn nêu lên hay nhất là tách những trước ngữ của Đại Đăng ra khỏi việc Đại Đăng sử dụng thực sự trước ngữ. Đoạn đầu tiên nội dung nguyên bản và sắp xếp lại theo cách dễ tiếp thu chỉ gồm hai câu vỏn vẹn: hơn. Ví dụ, một số trước ngữ mà Đại Đăng đã dẫn ra Hoàng Bá đánh Lâm Tế sáu mươi gậy. hoặc thảo ra có thể có tính năng như cách ngôn: – Mặt trời mọc mặt trăng lặn – Dưới tay tướng lãnh tài, chắc chắn kiếm được nhiều (Nhật xuất nguyệt một). lính giỏi Dòng thứ hai của Đại Đăng là câu trước ngữ về nội (Trọng tướng hạ tất hữu dũng phu). dung ngắn gọn của câu đầu; cả hai câu tạo thành một – Nếu nghe không đúng, có thể lầm nhận cái chuông trong những mở đầu vắn tắt của quyển Bách Nhị Thập là cái hũ Tắc của Đại Đăng. Hoàng Bá và vị đại đệ tử Lâm Tế cả hai đều là đại thiền sư. Vì là bình chú, câu của Đại Đăng (Thính sự bất chân hoán chung tác úng). không hề đề cập đến nguyên văn theo cách thức quy ước, Những trước ngữ mà Đại Đăng ưa chuộng đã tạo ra cho nên ta phải gặm nhấm để tìm cho ra đầu mối. Tự những

quang cảnh sinh động hoặc nắm được những tâm nhiên là khi mặt trời mọc thì mặt trăng lặn? – hừng đông, trạng vi tế. từ tối bước qua sáng, một sự biến đổi cũng chính là biểu hiệu tự nhiên của giác ngộ. Như vậy bình chú của Đại – Dưới cây mẫu đơn, con mèo ngủ Đăng có thể gợi ý, một cách thơ mộng và không phải lý

208 213

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

Khi nhận hiểu được đào sâu, ta đi vào một cảnh giới ít (Mẫu đơn hoa hạ thùy miêu nhi). ai biết được. – Miệng như chậu máu – Chỗ mây trắng dày đặc thì rồng vàng nhảy múa (Khẩu tợ huyết bồn). (Bạch vân thâm xứ kim long dược). – Cùng nhau đi chung trên đường Trường An – Người bạn thân sẽ hiểu, nhưng ai khác có hiểu (Bá thủ cộng hành Trường An lộ). chăng? – Tùng theo tiếng gió (Tri âm tri hậu diệc thùy tri). (Tùng thiêm phong thanh). Chư tổ thuở xưa, không cần phải đứng xa tôn kính, mà có thể được chế giễu một cách yêu thương. Việc sử dụng thể loại này cốt diễn tả lòng khâm phục – Tuyết Đậu chưa hẳn là xa hoặc ý khiển trách. Khi Đại Đăng hài lòng, Sư không tiếc lời khen ngợi. (Tuyết Đậu vị đáo). – Chỉ thế ấy, chỉ thế ấy – Tròng mắt của lão sư Thích-ca thình lình vọt ra (Đãn duy, đãn duy). (Thích-ca lão sư nhãn tình đột xuất). – Ta không bằng ông Làm sao có thể tả được thực tại quý báu này? (Ngô bất như nễ). – Trời không che, đất không dung Khi phê phán, Sư nói toạc thẳng thừng: (Thiên cái bất năng địa tải bất khởi). – Xấu hổ thay cho ông – Một tấm sắt trải dài mười ngàn dặm (Đốt! = Chao ôi!). (Vạn lý nhất điều thiết). – Không ngửi được mùi phẩn của mình – Trời xanh không xanh, mây trắng không trắng (Tự thỉ bất mịch). (Thanh thiên bất thanh, bạch vân bất bạch). – Sao không tự biết mà lui đi? Rốt cuộc từ ngữ rơi rụng. (Hà bất tự linh khứ). – Nhào nắn cũng không tròn được Chắc chắn là nhiều bình chú của Đại Đăng ám chỉ (Niết bất thành đoàn). những khía cạnh tu tập Thiền và con đường đạo, tuy cũng – Người câm ăn dưa đắng khá linh hoạt để có thêm ý nghĩa trong nội dung khác. Một sự vạch trần đầu tiên của một tín đồ đối với đạo Phật (Ách tử khế khổ qua). được xem là có ý nghĩa cao tột.

212 209

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Khó mà gặp được cơ may – Dù đường Kiếm Các có dốc hiểm, người đi đêm vẫn (Thời tiết nan phùng). đông Học nhân dù nhiệt tình đến đâu, giai đoạn đầu có thể (Kiếm Các lộ tuy hiểm, dạ hành nhân cánh đa). tai hại vì nghi nan và sai lầm. Vào liêu của vị thầy và mặt giáp mặt với thầy có thể là – Lầm lỡ mà không biết một kinh nghiệm đầy sợ hãi đối với một thiền sinh. (Tha quá diệc bất tri). – Cọp mạnh ngồi giữa đường – Hãy nhìn dưới gót chân (Mãnh hổ đương lộ tọa). (Khán khước hạ). Ta phải làm sao? Đối với học tăng trong tu viện, thời khóa không – Nằm ngang trong miệng cọp thương xót ai và kỷ luật nghiêm khắc. (Hổ khẩu lý hoành thân). – Trống đánh, chuông reo. Đương nhiên là sau nhiều năm truy cứu và nghi vấn, (Cổ minh chung hưởng). một điều gì sẽ xảy đến,

có lẽ thật bất ngờ. – Sáng ăn ba ngàn gậy, chiều lãnh tám trăm bổng – Lạc đường và ngẫu nhiên gặp Tổ Đạt-ma (Triêu đả tam thiên, mộ đả bát bách). (Mê phùng Đạt-ma). Bế tắc đều có mọi nơi mọi lúc, như khi Đại Đăng vật Ở điểm then chốt này ta phải đẩy tới đến khi bắt lửa lộn với công án "Quan". cho nội tâm bùng nổ, hoặc đạt đến một tâm thái bừng – Vách sắt, núi bạc sáng chưa từng có. (Thiết bích ngân sơn). – Khi mây tan, trong động sẽ sáng sủa

– Đi tới không có đường, bước lui không gặp cửa (Vân xuất động trung minh).

(Tấn vô lộ, thoái vô môn). Giờ đây thế giới mang một đặc tính hoàn toàn mới mẻ ngay cả một vật tầm thường nhất cũng có vẻ sống động – Con cá kiệt sức bị giam giữ trong hồ nước cạn tuyệt vời. (Khốn ngư chỉ lạc). – Vóc nước, trăng nằm trong lòng tay; đùa hoa, y áo – Con tôm không nhảy ra khỏi cái đấu ngát hương thơm (Hà khiêu bất xuất đẩu). (Cúc thủy nguyệt tại thủ, lộng hoa hương mãn y). Tuy nhiên những ai với lòng khao khát chân thực sẽ kiên trì xoay sở dù gặp bất kỳ chướng ngại nào.

210 211

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

thúc giục những ai có mặt phải tự mình nhìn. Đại Đăng – Con nhớ lại khi Bàng cư sĩ rời Dược Sơn, đã chỉ so sánh huấn thị của Tuyết Đậu, sự hướng dẫn cơ bản của tất cả thiền sư, với mệnh lệnh của một viên đại tướng hay tuyết đang từ trên trời rơi xuống và nói: "Tuyết mảnh một ông vua. Trước ngữ một chữ của Đại Đăng: "Mù!" mảnh đẹp làm sao, chẳng rơi chỗ nào khác". Ý muốn điển hình cho tính nhiều nghĩa của từ. Đầu tiên gợi ý rằng nói điều gì? vị tăng mù vì không thấy được Phật tánh, nhưng âm vang một giai tầng khác cũng được. Bởi vì Phật tánh không thể Đại Đăng: thấy theo cách cảm nhận có đối tượng lộ liễu, ngay cả con – Một điều gì rất khó lĩnh hội chắc chắn có tuân theo mắt thịt của Tuyết Đậu cũng mù nốt. Chỗ cứu cánh, chính định luật nào đó. Phật tánh cũng mù, một ngón tay không thể chỉ ra. "Nếu ông không thấy được cõi Phật rộng lớn bao xa, Vị tăng ở chùa Đại Đức hỏi tiếp: ông sẽ còn dẫm trong bùn". – Lúc đó một thiền sinh tên Toàn hỏi Bàng cư sĩ: – Ai? "Tuyết rơi ở đâu?" Bàng cư sĩ tát ông ta. Vậy là nghĩa thế nào? Ở đây Đại Đăng ngụ ý chính Tuyết Đậu cũng còn dẫm trong bùn – nếu không là bùn lầy vô minh thì cũng là trói Đại Đăng: buộc của cuộc đời thường. Qua những trước ngữ như thế – Cối đá xay hình bát giác bay trên không trung. một nhà luận giải Thiền tìm cách cho thấy rằng không thể chìu theo bất cứ ai, dù là một người tôn kính, hoặc tuân Tăng: theo một thư tịch nào dù có thẩm quyền đi nữa. – Thiền sinh Toàn nói: "Bàng cư sĩ, chớ thô tháo đến Ngay đó Tuyết Đậu thăng tòa. thế!" Bàng đáp: "Ông tự xưng là người học Thiền, – Bất ngờ xuất hiện khó biện được. nhưng người có trí sẽ không tha thứ". Làm sao hội Tuyết Đậu đang thăng tòa là một cách chứng tỏ Phật được? tánh thấy được lẫn không thấy được. Đối với Đại Đăng, Đại Đăng: hành động giản dị của người trụ trì rất là đột ngột và đầy sức mạnh đến đỗi phải có đáp trả, như thể một đứa trẻ – Răng ta đã nghiến chặt. thình lình phóng ra ngay mũi chiếc xe hơi đang lao tới. – Thiền sinh Toàn hỏi Bàng: "Còn ông thì sao?" Và Người thành thạo đọc

xong lá thư chính thức. Người Bàng lại tát ông ta lần nữa. Ý của Bàng là gì? lĩnh xướng gõ bảng và loan báo, “Hàng long tượng có – Cho thì nhiều, nhận thì ít. trong pháp hội này, phải nhìn ngay yếu chỉ”. Rồi tăng – Tổ Hư Đường bảo: “Có hai cái tát, một cái khen và bước tới. một cái chê, một bắt một tha”. Làm sao phân biệt?

228 217

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Cái đó đã đến tại đây thì thực hành với quy mô lớn. – Xin uống chung rượu này; qua khỏi tiền đồn phía tây – Thầy đã trải lòng từ bi dạy chúng con. Xin Thầy chỉ sẽ không tìm được cố nhân. ra giáo pháp cao tột của tông môn ta. Thông thường, một vị trụ trì không nói với hội chúng – Ngàn đỉnh núi tuyết, mười ngàn hang động bị gió cho đến khi ngồi lên chiếc ghế lớn đặt trên một bục bằng phẳng, nhưng Tuyết Đậu tính phá lệ này. Đại Đăng bình lạnh quét đi. chú bằng cách dẫn ra một câu thơ của Vương Duy (699– – Thưa Thầy, Thầy là đại sư của người và trời. 759), khi nhà thơ chào từ biệt một người bạn du hành đến Tăng nói xong liền đảnh lễ. một vùng quê mùa lạc hậu của đế quốc Trung Hoa. Cũng với tấm lòng thân thiết như thế, Đại Đăng đã gửi đến Đại Đăng bảo: “Cho phép ngươi lui về chỗ”. Tuyết Đậu một chuyến du hành vào những cõi giới tâm Tất cả những câu trả lời của Đại Đăng trong đoạn này linh hoang sơ chưa từng khai phá, ý muốn nói rằng ít đều là trước ngữ, một nhát đâm bằng ngôn ngữ phấn người thực sự hiểu được giáo pháp của Sư. Đại Đăng khích người nghe hoặc người đọc thăm dò sâu hơn nữa cũng có thể nhắm đến hội chúng của Sư (Một cách trực (nhận xét cuối cùng của Đại Đăng cho biết cuộc đối thoại tiếp hoặc nhân danh Tuyết Đậu), bởi vì họ đều xem như đã chấm dứt). Mỗi câu trả lời đều gián tiếp không chỉ loại đang lên đường trong một hành trình nội tâm đơn độc. bỏ giải thích theo phàm tình, mà chủ thể, đối tượng và Tuyết Đậu nói: “Cốt nói về đại sự cơ bản, không cần những quy chiếu khác đều không tên. Tuy thế trong nhà phải lên ngồi tòa báu”. Thiền những câu trả lời này được cho là trực tiếp hơn bao giờ hết, một khi ta thấy được đích điểm. Chúng ta hãy – Chỉ thế ấy, chỉ thế ấy. xem xét kỹ lưỡng một phần trích đoạn. Đại Đăng đồng ý là chánh pháp không liên hệ gì đến Đại Đăng lại hỏi: những lễ mễ nghi thức gắn liền với vai trò người trụ trì. – Có ai đặt câu hỏi không? Tuyết Đậu chỉ ra Một vị tăng tiến đến và hỏi: – Mệnh lệnh không được vi phạm. – Con nhớ lại khi Bàng cư sĩ rời Dược Sơn, đã chỉ và nói, “Mọi người, hãy nhìn chỗ ta đang chỉ. Vô số tuyết đang từ trên trời rơi xuống và nói: “Những bông cõi Phật đang hiển hiện liên tiếp ở đó. Mỗi người trong tuyết đẹp kia, rơi xuống từng cái một, chẳng rơi ở chỗ ông, hãy nhìn chăm chú.” khác”. Ý muốn nói điều gì? – Mù! Đại Đăng: Hướng Tuyết Đậu chỉ ra không rõ ràng, song không thành vấn đề – vật để chỉ ra chính là Phật tánh, và Ngài

218 227

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

(Tuyết Đậu khởi tranh nể để). – Một điều gì rất khó lĩnh hội chắc chắn có tuân theo Vị tăng hỏi, “Đức Sơn đánh và Lâm Tế hét đã rõ ràng. định luật nào đó. Thưa thầy, Thầy dạy người thế nào?” Tuyết Đậu nói, Đặc tính khác thường trong lời nhận xét mở đầu của “Ta sẽ tha cho ông chỉ một lần này thôi”. Bàng cư sĩ chú trọng vào tuyết rơi như Phật tánh hiện hành. Trên quan điểm rốt ráo, ngay cả một “chỗ” để cho – Chư Phật chư Tổ nín thở. tuyết “rơi” cũng không có. Trong tinh thần này trước ngữ (Phật Tổ thôn khí). đầu tiên của Đại Đăng chỉ rằng tuyết còn bao hàm nhiều Tăng ngập ngừng, và Tuyết Đậu hét. điều vi diệu sâu xa – ví như, đường đi của từng bông tuyết chứng minh giao lộ khó đo lường của nhân quả và – Khó cứu người khỏi tà pháp. tự tại, và cũng chính là đường đi của đời người. Bình chú (Tà pháp nan phò). của Đại Đăng cũng ứng dụng vào lời nhận xét có vẻ bí hiểm của Bàng cư sĩ, chắc chắn có mộ điều ẩn ý gì trong Tăng nói, “Tốt lắm, nhưng thầy có điều gì khác [để đó. cho]?” Tuyết Đậu đáp, “Ta bắn mũi tên vào con cọp, Vị tăng ở chùa Đại Đức hỏi tiếp: nhưng con cọp không thực có. Ta chỉ phí sức và uổng – Lúc đó một thiền sinh tên Toàn hỏi Bàng cư sĩ: mất mũi tên”. “Tuyết rơi ở đâu?” Bàng cư sĩ tát ông ta. Vậy là nghĩa – Mũi tên trước nhẹ, mũi tên sau sâu. thế nào? (Tiền tiễn du khinh, hậu tiễn thâm). Đại Đăng: Khi chúng ta tháo mở ngôn ngữ đoạn văn phức tạp – Cối đá xay hình bát giác bay trên không trung. này, ta có thấy Đại Đăng phản ứng như thế nào để tác động lẫn nhau giữa Tuyết Đậu và đệ tử của mình. Vì Đại Câu hỏi “Tuyết rơi ở đâu” chứng tỏ thiền sinh Toàn Đăng có chủ tọa lễ khánh thành ngôi chùa của mình (và vẫn còn ôm giữ quan điểm thường tình của chủ đề. Cái tát hai ngôi chùa khác), Sư ứng đáp với lễ khánh thành của của Bàng cư sĩ không chỉ là quở trách mà còn là câu trả Tuyết Đậu như một người quan sát tham dự có kinh lời Thiền: chính thời điểm thể nghiệm cái đau bị tát này nghiệm, thỉnh thoảng Sư tự đặt mình vào vị trí của Tuyết là chỗ tuyết đang rơi, tuyết đang rơi trên bản thân ông, Đậu. Trước khi Tuyết Đậu nói một lời, Đại Đăng chen tuyết chính là ông. Ta nhớ rằng Đại Đăng dùng ảnh dụ vào trước ngữ đầu tiên của Sư: “cối đá xay hình bát giác” trong cuộc Tranh Luận Chánh Trung, khi đáp lại câu hỏi “Cái gì là Thiền khi nói rằng Vào ngày nhậm chức tân trụ trì, Tuyết Đậu đứng trước truyền riêng ngoài giáo?” Áp dụng vào công án này hình pháp đường và nhìn ra ngoài hội chúng. ảnh đưa ra có tác dụng theo một đường hướng mới. Bàn tay của Bàng cư sĩ, bay lên không trung, có tiềm năng xay

226 219

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

nát những chấp chặt thân thiết nhất của thiền sinh Toàn. đầy tại đây và bây giờ. Thả ra thì gạch ngói cũng tỏa Trước ngữ cũng có thể ám chỉ mảnh tuyết nhiều cạnh sáng; nắm giữ thì vàng ròng cũng mất màu. đang bay trên không trung. Tuy nhẹ tênh mà mỏng manh, mỗi mảnh tuyết mang đầy sức nặng của thực tại, của – Người ở trước, người ở sau. chính vũ trụ, và nếu như nó đánh trúng ông thì sẽ cảm (Nhất hướng nhất bối). nhận như thân thể ông đụng vào cối đá xay. Bởi vì Đại Đăng xem trước ngữ này như một câu diễn tả Thiền thích "Ta cầm trong tay thanh kiếm – đây là lúc sống hoặc đáng,

nên Sư cũng phê chuẩn Thiền của Bàng cư sĩ là chết [của vị tăng]". chánh truyền. – Người tu phải tự biết thời. Tăng: (Nạp tăng gia tự tu tri thời). – Thiền sinh Toàn nói: "Bàng cư sĩ, chớ thô tháo đến – Mạng sống như treo đầu sợi chỉ. thế!" Bàng đáp: "Ông tự xưng là người học Thiền, (Mạng như huyền ti). nhưng người có trí sẽ không tha thứ". Làm sao hội "Nếu có người trí ở đây, hãy cùng nhau giải quyết vấn được? đề này". Đại Đăng: – Chỉ toàn bọn phàm phu. – Răng ta đã nghiến chặt. (Chỉ hữu nhân tại). Thiền sinh trong công án một lần nữa lại lầm qua, và Tăng nói, "Con đi từ xa chỗ Thúy Phong và đến đây lần này Bàng chê trách ông ta bằng lời nói (câu quở này của Bàng do vị tăng chùa Đại Đức nêu lên hơi khác với chỗ Tuyết Đậu để tu. Vậy là hai hay là một?" bản gốc của công án 13 , nhưng vẫn cùng một sức mạnh). – Bít kín tai người trên mặt đất. Đại Đăng nghiến chặt răng cho biết cả Sư cũng không mở miệng gọi Toàn là một người học Thiền thật sự. Sư từ (Tắc đoạn tận đại địa nhân nhĩ căn). chối không nói thêm cũng có thể áp dụng cho người đang Tuyết Đậu đáp, "Con ngựa không thể bắt được gió [dù hầu chuyện với Sư ở chùa Đại Đức: "Hãy tự tìm hiểu chỗ cho có đuổi theo] thổi ngàn dặm". này". Tăng: – Gió thổi đùa cỏ.

– Thiền sinh Toàn hỏi Bàng: "Còn ông thì sao?" Và (Phong hành thảo yển).

Bàng lại tát ông ta lần nữa. Ý của Bàng là gì? Tăng nói, "Như thế, mây tan thì trăng hiện nơi mỗi nhà". 13 – Tuyết Đậu [hạ mình] để đánh với ông à? Bản gốc của công án là "Diêm Vương sẽ không tha ông" (D.G.)

220 225

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Chỉ thế ấy, chỉ thế ấy. – Cho nhiều, giữ lại ít. (Đãn duy đãn duy). Toàn hỏi Bàng cư sĩ – "Còn ông thì sao?" – có hai ngụ Tuyết Đậu chỉ ra ý: "Ông có gọi tôi là người học thiền hay không?" và "Có phải ông là người có trí?" Trong trường hợp nào, Toàn – Mệnh lệnh không được vi phạm. vẫn còn kẹt vào nhị nguyên cái này – hoặc cái kia. Viên (Bất phạm chi lệnh). Ngộ bình trong Bích Nham Lục: "Ông ta lại bị đánh. Từ và nói, "Mọi người, hãy nhìn chỗ ta đang chỉ. Vô số đầu đến cuối ông tăng này ngắc ngứ". Bàng cư sĩ bắt buộc phải tát ông lần nữa (trong bản gốc Bàng nói thêm: cõi Phật đang hiển hiện liên tiếp ở đó. Mỗi người trong "Mắt ông thấy như mù, miệng ông nói như câm"). Trước ông, hãy nhìn chăm chú." ngữ của Đại Đăng, "Cho nhiều, giữ lại ít", luận về cái tát thứ hai như một hành động của lòng từ bi – đánh thưởng, – Mù! có thể nói như vậy. (Hạt). Tăng: "Nếu ông không thấy được cõi Phật rộng lớn bao xa, – Tổ Hư Đường bảo: "Có hai cái tát, một cái khen và ông sẽ còn dẫm trong bùn". một cái chê, một bắt một tha". Làm sao phân biệt? – Ai? Đại Đăng: (A thùy). – Cái đó đã đến tại đây thì thực hành với quy mô lớn. Ngay đó Tuyết Đậu thăng tòa. Công án chính đã chấm dứt, vị tăng chùa Đại Đức lại – Bất ngờ xuất hiện khó biện được. dẫn ra lời nói của Hư Đường Trí Ngu, thầy của Nam Phố. (Đột xuất nan biện). Dù nhận xét của Hư Đường ngụ ý thế nào, Đại Đăng không phân biệt giữa hai cái tát của Bàng cư sĩ. Thay vào Người thành thạo đọc xong lá thư chính thức. Người đó, Sư đưa vào một chủ đề rộng lớn hơn, khẳng định rằng lĩnh

xướng gõ bảng và loan báo, “Hàng long tượng có “cái đó” – Đạo của Hư Đường và Bàng cư sĩ và các vị trong pháp hội này, phải nhìn ngay yếu chỉ”. Rồi tăng thiền sư khác – đã trao truyền cho Sư. Một sự tuyên bố như thế không phải là không đúng chỗ, trong một buổi lễ bước tới. khánh thành chùa như Đại Đăng đang chủ tọa; dựng lập – Khó mà gặp được cơ may. chùa Đại Đức thực sự là một biểu hiệu Thiền tông truyền vào Nhật Bản. (Thời tiết nan phùng). Tăng: Tuyết Đậu nắm đứng vị tăng và nói [với hội chúng]: “Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai hiện diện tròn

224 221

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Thầy đã trải lòng từ bi dạy chúng con. Xin Thầy chỉ câu chuyên biệt hơn – “Phải chăng có hai cái tát, như Hư Đường nói?” – Sư liền tránh đi. Tùy theo mức độ thẩm ra giáo pháp cao tột của tông môn ta. định công phu tu tập của đệ tử, câu cuối bảo lui đi có thể Đại Đăng: là chấp nhận, chê bai, hoặc trung tính, ở đây thật khó xác – Ngàn đỉnh núi tuyết, mười ngàn hang động bị gió định.

lạnh quét đi. BÌNH CHÚ CHỮ VIẾT Vị tăng chùa Đại Đức yêu cầu một lời tuyên bố vinh TRONG NGỮ LỤC CỦA ĐẠI ĐĂNG dự từ vị thầy, và Đại Đăng trả lời thật nên thơ. Những câu trả lời khả dĩ cho câu hỏi này bao gồm sự im lặng, hành Đại Đăng Ngữ Lục có rất ít trước ngữ bình chú tác động, nói năng thông thường, hay nói năng kỳ đặc; Đại phẩm thiền phôi thai, một công trình duy nhất thuộc loại Đăng sử dụng tất cả những cách trả lời ở những điểm này nằm trong pháp ngữ tiếng Nhật thuộc triều đại Liêm khác nhau để dạy dỗ. Nhưng câu trả lời ở đây là một điển Thương và Thất Đinh. Đại Đăng hướng về Tuyết Đậu hình tinh tế cho thuật hùng biện của Sư trong Thiền: một Trùng Hiển, người biên tập đầu tiên bộ Bích Nham Lục trước ngữ có tính chất như một dòng thơ, một dòng thơ và rất quán triệt văn học Thiền. Tập trung vào hai quyển đóng vai trò trước ngữ. Hiệp nhất chủ đề tuyết từ công án trong Tuyết Đậu Lục, Đại Đăng thêm nhiều bình chú và chủ đề cao tột từ câu hỏi, Sư chỉ ra cái tuyệt đối không phong phú từng dòng và ở giữa câu. Tác phẩm hình thành thể diễn nói được như nơi chốn khắc nghiệt và cấm địa tên là Tham Tường Ngữ Yếu, xứng đáng với nội dung đối với con người. Đồng thời ảnh dụ của Sư dùng để diễn đầy thẩm quyền về tinh yếu giáo lý của Đại Đăng. Đại tả tâm thái trong sáng và khôn dò của riêng Sư. Rốt cuộc, Đăng bắt đầu nửa quyển đầu tiên của Tuyết Đậu Lục, chỗ vị tăng tán thán Sư theo bài bản, và Đại Đăng cho ông lui lễ khánh thành thiền viện Tuyết Đậu ở tỉnh Minh (ngày ra: nay là Chiết Giang). Trong bản dịch sau đây, trước ngữ Tăng: của Đại Đăng in chữ nghiêng. – Thưa Thầy, Thầy là đại sư của người và trời. Vào ngày nhậm chức tân trụ trì, Tuyết Đậu đứng trước

Tăng nói xong liền đảnh lễ. Đại Đăng bảo: pháp đường và nhìn ra ngoài hội chúng.

– Cho phép ngươi lui về chỗ. – Xin uống chung rượu này; qua khỏi tiền đồn phía tây sẽ không tìm được cố nhân. Tuy đoạn văn này dụng ý ghi lại một cuộc trao đổi tự nhiên giữa Đại Đăng và đệ tử, câu trả lời của Đại Đăng (Khuyến quân tận thử nhất bồn tửu,

tây xuất dương nhắm vào nội dung hơn là người tiếp chuyện. Vị tăng dẫn quan vô cố nhân). ra bản gốc công án và rồi thúc Sư với những câu hỏi cùng Tuyết Đậu nói: “Cốt nói về đại sự cơ bản, không cần một tính năng tương đương: “Nghĩa là thế nào?” “Thế thì sao?” “Làm sao hội?” và v.v... Có lần một vị tăng hỏi một phải lên ngồi tòa báu”.

222 223

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

sao bằng nghe qua tâm – Khó mà gặp được cơ may. Lá thư chính thức là lá thư mời Tuyết Đậu đến ngôi Bên đèn, một nửa cuộn liển kinh chùa ở tỉnh Minh; “hàng long tượng” là nói tôn vinh Trong sự chuyển mình từ ảnh tượng gợi cảm đến sự chúng tăng đang có mặt. Trước ngữ của Đại Đăng đều áp biểu lộ ý Đạo, bài kệ này tiêu biểu sự tổng hợp văn học dụng cho cả hai bên trong nội dung: vị tăng bày tỏ là với Thiền mà Đại Đăng từng tha thiết. Một hàm nghĩa mình được dịp may hiếm có hỏi đạo một bậc thầy, và của bài kệ là Phật âm có thể nghe được rõ ràng trong Tuyết Đậu có một dịp tốt chứng minh Thiền của Ngài. tiếng xào xạc của tre mà kinh điển chữ viết đã thiếu sót. Tuyết Đậu nắm đứng vị tăng và nói [với hội chúng]: Song ở đây cũng có một nghịch lý không tránh khỏi. Bài “Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai hiện diện tròn kệ, như một bài kinh, dùng ngôn ngữ để diễn đạt sự tỉnh giác siêu vượt ngôn ngữ. đầy tại đây và bây giờ. Thả ra thì gạch ngói cũng tỏa Hư Đường nổi tiếng là một thiền sư của ngôn ngữ sáng; nắm giữ thì vàng ròng cũng mất màu.” Thiền, vì bình chú công trình biên tập một trăm tắc công – Người ở trước, người ở sau. án của chính mình (một trước ngữ cho mỗi công án). Tập sách này do Nam Phố mang về Nhật chắc chắn đã phấn Đoạn này ở bản gốc không nói rõ Tuyết Đậu nắm khích Đại Đăng, mặc dù Đại Đăng thích những trước ngữ đứng vị tăng ra sao và thả vị tăng ra như thế nào. Bằng bình chú xen kẽ mỗi dòng hơn là bình chú cuối đoạn. Hư cách nắm đứng vị tăng làm điểm khởi sự, Tuyết Đậu khai Đường không phải là không bị phê bình: đồng song với triển chủ đề nắm giữ và thả ra trong đạo pháp. Nội dung Đại Đăng là Lan Khê đã trách Ngài quá thiên về văn tự. trong lời bình kế tiếp của Ngài không rõ ràng – có lẽ cả Nhưng tác động của Ngài trên Thiền tông Nhật Bản kéo hai đường lối đều có lợi. Trước ngữ của Đại Đăng, dài nhiều thế kỷ. Nhất Hưu, một nhà thơ lỗi lạc độc đáo, “Người ở trước, người ở sau” liên quan đến hai câu liên bảo rằng Hư Đường là hậu thân của nhà thơ Trung Hoa tiếp của Tuyết Đậu và hai người tham gia trong khung nổi tiếng là Hứa Hồn (791–854). Trong Thiền tông Lâm cảnh này là vai diễn của vị trụ trì và vị tăng. Tế hiện đại, trích dẫn tác phẩm của Hư Đường đã đi vào ”Ta cầm trong tay thanh kiếm – đây là lúc sống hoặc trích tuyển trước ngữ chuẩn, và tuyển tập công án của chết [của vị tăng]”. Ngài vẫn được các vị tăng lão tham ứng dụng hành trì. Lãnh vực văn học trong thiền phong của Đại Đăng không – Người tu phải tự biết thời. phải chỉ có truyền thống Thiền là nội dung duy nhất gói – Mạng sống như treo đầu sợi chỉ. trọn trong đó. Vào đầu thế kỷ 14, những người trong giới thượng lưu trí thức Nhật Bản được tiếp thêm sinh khí nhờ Tuyết Đậu đã tạo ra tình trạng gay cấn gợi lại một những sắc thái diễn đạt nghệ thuật mới, nhất là thi ca. Sự công án về Nam Tuyền Phổ Nguyện (748–835) đã tóm phát triển này một

phần được xúc tác nhờ Thiền, nhưng ở con mèo trước mặt tăng chúng và hăm sẽ chặt làm hai mặt khác cũng là hậu quả của những hoạt động trong nếu không ai nói được một câu đúng thời của Thiền. Bình

240 229

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

chú của Đại Đăng còn tăng cường lời nói của Tuyết Đậu Tuyết Đậu và Vân Môn sáng lập một nền văn học Thiền rằng mạng sống tinh thần của vị tăng đang trong tình duy nhất, và từ đó dòng mạch lịch sử Thiền đã có thay trạng nguy cấp (muốn cứu vị tăng bắt buộc phải chặt đứt đổi. Sự biến chuyển trong lịch sử Thiền tông sau Tuyết sợi chỉ). Đậu, nói gọn một câu, là một chuyển hướng về phía văn "Nếu có người trí ở đây, hãy cùng nhau giải quyết vấn học hơn là triết học". Đại Đăng đã công nhận đầu tiên và đúng mức tầm quan trọng của Tuyết Đậu, đó là một dấu đề này". hiệu chứng tỏ tầm quan trọng của chính Đại Đăng. Trong – Chỉ toàn bọn phàm phu. các vị khai tổ của Thiền tông Nhật Bản, chỉ riêng Đại Đăng sáng tác bình chú công án theo kiểu Tuyết Đậu, và Tuyết Đậu mời một người nói ra hoặc làm một việc gì chỉ mình Đại Đăng soạn thảo cho ấn bản có chú giải pháp để giải phóng vị tăng, nhưng Đại Đăng không hy vọng ngữ của Tuyết Đậu. Một ảnh hưởng trực tiếp hơn nữa được ai đang có mặt sẽ nói được câu trả lời đúng ý. trên Đại Đăng là thầy của Đại Đăng, Hư Đường Trí Ngu. Tăng nói, "Con đi từ xa chỗ Thúy Phong và đến đây Hư Đường là nhân vật tiếng tăm trong nhóm thiền tăng và chỗ Tuyết Đậu để tu. Vậy là hai hay là một?" văn nhân trí thức ưa thích giao hội Thiền với thi ca. Vài thành viên trong pháp hội của Hư Đường còn đi xa hơn, – Bít kín tai người trên mặt đất. cho rằng con đường Thiền và con đường thi ca là một: Chỗ này bản gốc Trung Hoa không rõ ràng vì có hai viết một bài thơ có thể là một hình thức tu tập hợp pháp. việc: vị tăng đang nói chuyện có thể là vị tăng bị nắm Trong tác phẩm của mình, Hư Đường sử dụng rất nghệ đứng hoặc là một vị tăng vừa bước tới, và chủ đề không thuật những hình ảnh thiên nhiên dẫn đến thông điệp và quy định này cũng cho phép "chúng tôi từ xa đến" hoặc tâm thái tôn giáo. Nhiều câu thơ của Ngài thiếu hẳn qui "ông từ xa đến". Khi hỏi "Vậy là hai hay là một?" vị tăng chiếu những chủ đề Phật giáo; có những câu đề cập đến ám chỉ không những hai nơi chốn và hai vị thầy mà còn đạo Phật chỉ trên những phàm lệ một cách tinh tế. Bài kệ hai cặp đối đãi là quá khứ và hiện tại, xa và gần, ông là vị sau đây minh chứng phong cách của Hư Đường: trụ trì còn tôi là vị tăng. Đại Đăng nhận xét riêng câu hỏi Lắng nghe tuyết này bít kín lỗ tai mọi người. Trong một vài nội dung bình chú của Sư có thể chỉ cho sự khen ngợi (một điều gì quá Đêm lạnh, gió im, tre xào xạc, mạnh làm điếc tai), nhưng ở đây hình như có nghĩa "hãy buông tha chúng tôi câu hỏi ngu ngốc này". Từ đâu quyện về những Tuyết Đậu đáp, "Con ngựa không thể bắt được gió tiếng động rời rạc thổi ngàn dặm [dù cho có đuổi theo]". Xuyên qua vách gỗ, hàng rào thông – Gió thổi đùa cỏ. Trong câu trả lời của Tuyết Đậu, Ngài chính là ngọn Tiếng nghe qua tai tinh tế gió, và con ngựa không thể bắt được Ngài là vị tăng đang

230 239

nghĩa hoặc ý niệm thái quá. Ngữ vựng của Thiền như thế hỏi hoặc thậm chí là Thúy Phong, một vị thiền sư khác. không có từ trung hòa để đặt tên theo thông thường cho Như vậy Tuyết Đậu có được một sự tự tin về tâm linh đòi Văn tự thiền. Ít nhất đối với các quan sát viên Tây hỏi nơi một vị trụ trì trong Thiền môn. Đại Đăng, tiếp nối phương, "văn tự thiền" ám chỉ việc diễn tả Thiền theo ảnh dụ về ngọn gió, dẫn ra một câu trong Khổng thư: cung cách văn chương. Trong vài trường hợp, từ này có Tuyết Đậu quá siêu xuất đến đỗi hội chúng phải khuất thể chỉ định sự khảo cứu đặc tính dân gian giữa Thiền và phục giáo lý của Ngài như cỏ bị cơn gió đùa giạt. văn học, nhất là thi ca. Thiền biện tài, một quan niệm có Tăng nói, "Như thế, mây tan thì trăng hiện nơi mỗi liên quan đến Văn tự thiền, cũng không có từ tương đương trực tiếp trong từ điển Thiền tông. Theo Tây nhà". phương, hùng biện đòi hỏi "kêu gọi đến lý luận hoặc gây – Tuyết Đậu [hạ mình] để đánh với ông à? ra cảm giác", và sức mạnh của nó dẫn xuất từ "sự khế hợp". Sự hùng biện trong Thiền là một điều gì khác hẳn: Vị tăng tán thán gió Pháp của Tuyết Đậu, làm tan biến Không kêu gọi đến lý luận lẫn cảm xúc, và tìm cách mây mê lầm của mọi người, và nhờ thế hiển bày mặt chuyển hóa hơn là thuyết phục, thường bằng cách cắt đứt trăng chân thường hoặc tỉnh giác. Lời nói của vị tăng suy nghĩ lý trí và không tuân theo ngôn ngữ quy ước cũng là một cách chấm dứt đối thoại, tương đương với thông thường. Tuy Thiền biện tài và Thiền văn tự đồng câu "Chúng tôi xin cảm ơn lời chỉ giáo tuyệt diệu của nghĩa trong vài nội dung, sự phân biệt giữa hai từ cũng rất thầy". Đối với Đại Đăng, câu kết này không rút ngắn quan trọng. Ví dụ, thiền tăng tông Lâm Tế ca tụng Đại được khoảng cách giữa Tuyết Đậu và người hỏi. Trước Đăng là thiền sư biện tài nhưng lại chê bai Mộng Song là ngữ không sử dụng riêng cho một người nào có tên trong văn tự thiền. cuộc – thông thường những chủ đề muốn nói chỉ là ngụ ý hay ám chỉ. Trên điểm này Đại Đăng bị thu hút vào nội Đại Đăng là hậu duệ của dòng thiền nổi tiếng qua tài dung đến đỗi Sư trả lời như thể đang trực tiếp nói chuyện vận dụng tinh xảo trong đạo. Hai bậc tiền bối của Sư, Vân với vị tăng. Chỗ này trong bản của Đại Đăng bỏ sót lời Môn và Tuyết Đậu, được quý trọng vì năng lực ngôn ngữ bình của Tuyết Đậu ở trong bản gốc: "Một thiện hữu đầu phi thường, những ái lực mà Đại Đăng cảm ứng với hai vị rồng đuôi rắn". Tức là, vị tăng có triển vọng lúc đầu đã được ghi nhận. Nếu Vân Môn là thiền sư Trung Hoa nhưng rốt cuộc quá yếu. đầu tiên giải đáp công án một cách sắc bén với trước ngữ Vị tăng hỏi, "Đức Sơn đánh và Lâm Tế hét đã rõ ràng. thì Đại Đăng là vị thiền sư Nhật đầu tiên giải đáp Thiền thư một cách bén nhạy với trước ngữ. Ít nhất là trên mức Thưa thầy, Thầy dạy người thế nào?" Tuyết Đậu nói, độ này Nam Phố đã ấn chứng vị đệ tử kiệt xuất nhất của "Ta sẽ tha cho ông chỉ một lần này thôi". mình khi gọi Sư là "đệ nhị Vân Môn". Tuyết Đậu là hậu – Chư Phật chư Tổ nín thở. duệ trong phổ hệ trực tiếp với Vân Môn, cũng gây ảnh hưởng không kém so với vị tiền bối của mình. Theo Một vị tăng khác bước tới, nêu lên cơ phong của hai Yanagida Seizan, Tuyết Đậu tiêu biểu cho bước ngoặt đại tôn túc, và hỏi Tuyết Đậu dạy đệ tử thế nào? Bởi vì trong sự phát triển Thiền tông và văn học Thiền: "Đã lâu một thiền sư mong muốn minh chứng Thiền của mình

238 231

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

hơn là giải thích, nên vị tăng nhận được một câu trả lời trực tiếp là cái tát. Dù Tuyết Đậu có "tha" cho ông ta thay bằng một lời cảnh cáo, Đại Đăng tả ra chư Phật và chư Tổ như móc nối với cái đánh đau của Tuyết Đậu. Tăng ngập ngừng, và Tuyết Đậu hét. – Khó cứu người khỏi tà pháp. Ngay cả tiếng hét Thiền hùng mạnh của Tuyết Đậu cũng không đủ sức khai sáng cho vị tăng. Tăng nói, "Tốt lắm, nhưng Thầy có điều gì khác [để 10 cho]?" Tuyết Đậu đáp, "Ta bắn mũi tên vào con cọp, nhưng con cọp không thực có. Ta chỉ phí sức và uổng ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG mất mũi tên". – Mũi tên trước nhẹ, mũi tên sau sâu. Vị tăng hồi phục và thử thách vị thầy tiếp, nhưng

M Tuyết Đậu than tiếc rằng đã phí mất một mũi tên. Ngài so sánh vị tăng với con cọp giả, và nếu thật như thế thì vị ười năm đầu thế kỷ 12, trước khi Thiền du tăng nên lui về chỗ. Sự thẩm định của Tuyết Đậu nghe nhập vào Nhật Bản, Giác Phạm Huệ Hồng qua thật nghiêm khắc, nhưng vẫn có thể chứa đựng dấu (1071–1128) buộc tội các thiền tăng đồng vết một sự chấp thuận theo thông lệ trong nhà Thiền khen song suy thoái: "Giáo pháp của họ sắp hoại diệt; nơi nơi tặng bằng cách dèm chê! Ngay cả con cọp giấy cũng có Thiền chỉ được xem như là loại bỏ ngôn cú văn tự, và cái thể báo động người thợ săn lơ đễnh chưa đề phòng. Đại tinh túy độc đáo của Thiền được họ nghĩ là chỉ còn trong Đăng kết luận rằng mũi tên thứ hai của Tuyết Đậu – nhát khẩu truyền. Để chống lại những khuynh hướng phản trí đâm bằng lời nói – có hiệu quả hơn tiếng hét của Ngài, có thức, Giác Phạm chủ xướng Văn tự thiền, một loại "văn thể sẽ đẩy vị tăng đến gần một sự tỉnh giác nào đó. chương" hay "văn tự" Thiền và tìm cách để hội nhập vào sự tu tập, học kinh và đeo đuổi sự nghiệp văn chương. Tuy vài quan điểm của Giác Phạm được thực hiện qua KẾT LUẬN ảnh hưởng hỗ tương giữa Thiền và văn hóa Trung Hoa thế học, một kiểu mẫu văn tự thiền chắc nịch bị một thiền Bình chú trước ngữ bằng lời nói hay chữ viết trong sư rất có uy thế và đồng thời với Giác Phạm là Đại Huệ Đại Đăng Ngữ Lục đã tháo mở những khía cạnh sinh Tông Cảo đã phản bác mãnh liệt. Từ đó, Văn tự thiền động trong ngôn phong của Đại Đăng: sức mạnh và sự được chú giải theo một ý nghĩa tiêu cực: Thiền trên chữ trôi chảy trong ngôn ngữ Thiền của Sư, khả năng bình

232 237

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản TRƯỚC NGỮ BÌNH CHÚ TRONG TÁC PHẨM CỦA ĐẠI ĐĂNG

vì nhiều trước ngữ không có chủ từ, túc từ, và cả những luận nồng nhiệt, tâm dứt khoát loại trừ phương pháp giáo việc (vật) nói đến có danh tánh, nên khi dịch sang tiếng huấn có tính cách lý luận, và v.v... Xét một cách toàn Anh (và tiếng Việt) hay dùng động từ và danh động từ: diện, tuy thế Ngữ Lục là một tác phẩm không đồng bộ. "Chỗ nào đau thì đâm kim vào" hoặc "Lạc đường và ngẫu Có những phần sáng chói, nhưng những phần khác có vẻ nhiên gặp Tổ Đạt-ma". Một khi Đại Đăng dùng những chậm lụt hoặc không lưu loát. Giống như các Ngữ Lục câu này trong những nội dung đặc biệt, có

thể dịch tùy thời đó, tác phẩm của Đại Đăng theo sát những đòi hỏi theo tinh thần đối thoại: “Ông đang đâm kim vào chỗ của thể loại ngữ lục. Những buổi thuyết pháp định kỳ đau” hoặc “ông đã lạc đường và ngẫu nhiên gặp Tổ Đạt- theo lịch sử của tu viện, vào những dịp lễ lạc theo nghi ma”. Khi thách đố bản văn và cho phép bản văn thách đố thức tiêu chuẩn, những đề tài nói trước được bố trí vài lần lại mình, Đại Đăng nắm lại sức mạnh xúc tác của nguyên trong năm, và đối thoại trong buổi tham kiến phù hợp với bản. mẫu mực cổ truyền. Ví dụ, Đại Đăng thuyết pháp chính thức vào ngày mồng chín tháng chín trong vòng bảy năm. Vào mỗi kỳ giảng này, Đại Đăng hoặc một trong số đệ tử giới thiệu chủ đề theo tiết mùa về hoa cúc, ngụ ý đến một bài thơ Trung Hoa đặc biệt nói về hoa cúc (năm lần khác nhau) hoặc một cách ngôn Trung Hoa về hoa cúc (hai lần). Ngày mồng chín tháng chín hàng năm (tiết trùng dương) pháp ngữ của Nam Phố và Mộng Song đều đề cập thường xuyên đề tài hoa cúc và bài thơ với cách ngôn Trung Hoa kể trên. Chúng ta nhớ rằng các thiền sư Trung Hoa thời kỳ này bắt buộc thuyết giảng và nói chuyện với tăng sinh của mình bằng hán văn (Kanbun), một hình thức nặng nề tiếng (chữ) Trung Hoa đã Nhật hóa không còn là Hoa cũng không phải là Nhật. Mặt hạn chế của Hán văn và những bó buộc trong khuôn khổ ngữ lục ít nhất phải chịu trách nhiệm phần nào về sự khoa trương, tính chất văn tự thái quá của nhiều bài giảng ghi chép lại và “đối thoại”. Đại Đăng, bất đắc dĩ phải làm, nhận thấy trong trước ngữ một cách khắc phục những khó khăn về ngôn ngữ và luận giải mà Sư phải đối đầu. Tuy một vị thiền sư không thể ban tặng giác ngộ, nhưng vẫn có thể gợi hứng cho thiền sinh, chỉ ra một hướng nào đó cho họ, điều chỉnh những bước sai lầm, phá đổ những quan niệm mê muội, và tạo ra nút bấm đúng thời. Trước ngữ thật tốt

đẹp để có thể sử dụng vào tất cả những phương thức kể Đậu)”, và Sư cũng áp dụng nguyên tắc này cho chính trên. Trước ngữ cho phép thầy và trò ứng đáp với nguyên mình: mỗi khi xem xét lại một công án, Sư bình chú mới văn công án nói miệng, hoặc hoàn cảnh đang sống trong tinh, không quy chiếu những câu trả lời trước. Sự kiện cung cách phù hợp với những thừa nhận của Thiền trên trước ngữ thu hút Đại Đăng và có thể thẩm định trong nội cơ bản về ngôn ngữ và kiến thức. Do vì không lặp lại dung việc trao truyền Thiền tông ở Nhật. Tuy các vị khai mạnh và rõ hơn ngôn ngữ nên thơ hoặc nghịch lý của một tổ Nhật Bản cách xa kinh điển Thiền gấp đôi – về lịch sử đoạn văn Thiền theo danh từ thường tình, nên trước ngữ và văn hóa – việc truy tìm Thiền chân chánh bắt buộc họ loại trừ được tác dụng nhỏ hẹp của hầu hết sự bình luận. phải vật lộn với các sử sách phương ngoại này. Không Vì trước ngữ không giải thích theo lý luận, nên ép buộc những Đại Đăng chỉ đọc tác phẩm của các vị thiền sư người đọc (hoặc nghe) cứ phải trở lại nguyên văn. Trong bằng chữ Hoa, Sư còn bình chú bằng chữ Hoa. Trên sự tham kiến sinh động, trước ngữ không tước mất một phương diện này trước ngữ có những tính chất rất hiển cái năng lực trong một tình thế có thể phát sinh tỉnh giác. nhiên: ngắn gọn, tương đối có thể hiểu, dễ nhớ, được Thay vì nói “Vị thầy đáp

thật tuyệt vời đối với câu hỏi truyền thống trong đạo thừa nhận, và tránh được một số nghèo nàn của vị tăng", Đại Đăng hạ ngữ "Mua sắt được cạm bẫy lý luận biện giải. Việc Đại Đăng sử dụng trước vàng". Như thế Sư được lợi lạc nhiều hơn từ ngôn ngữ và ngữ có tính cách bảo thủ ở vài khía cạnh. Sư chấp nhận càng hơn nữa từ người đọc. Tương tự, khi được hỏi về phương thức lý giải tôn giáo có sẵn vì là một phần của Thiền trong cuộc Tranh Luận Chánh Trung, Sư trả lời Thiền. Sư không có ý định bình chú các tác phẩm thuộc bằng một câu trước ngữ ném ngược câu hỏi lại người hỏi. thể loại khác, đạo học hoặc thế học. Tuy như thế, Đại Trước ngữ ngăn cản những xung động của các môn sinh Đăng biểu lộ một phong cách sáng tạo Nhật Bản rất độc Thiền muốn thần thánh hóa những bản văn tôn kính như đáo – tạm mượn có chọn lọc một yếu tố "ngoại lai", Sư là kinh thánh không bao giờ sai lầm, cũng trước ngữ hạn sửa sang thành một nội dung mới và tiếp tục tinh lọc. chế bất kỳ xu hướng nào có tính cách kinh viện mà việc Phong cách của Đại Đăng nổi bật không chỉ trong sự tinh bình luận Thiền có thể có. Ở Nhật khuynh hướng bảo tồn thông quán triệt thể loại trước ngữ mà còn trong câu đáp truyền thống di sản bất di một cách bất dịch rất là mạnh, chuyên biệt đối với từng tác phẩm. Mỗi lần Sư bình chú và Đại Đăng có thể thấy trước ngữ là một phương tiện trên câu hỏi của vị tăng hoặc câu trả lời của vị thầy, Sư ngăn chận trước khuynh hướng này trong Thiền. Nếu có diễn bày Thiền của mình. Mỗi khi Sư bình một dòng một câu của ai đó có nhược điểm, nếu một lý giải của một Pháp ngữ Thiền, Sư cũng đặt bản thân mình vào dòng vị tiền bối nghiêng về một bên, Đại Đăng sẽ kịp thời "chỗ chữ đó. Trước ngữ viết của Đại Đăng có nội dung tương nào đau thì đâm kim vào". Sư diễn tả sự tôn kính bất tôn đương với việc minh chứng sống động trong buổi tham kính của Thiền, bình chú pháp ngữ của một thiền sư lỗi kiến thầy–trò. Khi bình một bản văn, Sư đi vào đối thoại lạc là Tuyết Đậu với những câu như "Tuyết Đậu chỉ mở với tác phẩm đặc biệt đó và với toàn bộ truyền thống nhà được một con mắt (Tuyết Đậu dã chỉ khai đắc nhất chích Thiền. Đôi lúc việc dấn thân như thế hết sức mật thiết khi nhãn)", "Tuyết Đậu chưa đến nơi (Tuyết Đậu vị đáo)", có thể được: Sư nói chuyện trực tiếp với những người có hoặc "Đừng sai lầm vì Tuyết Đậu (Bất ngộ vi Tuyết mặt trong công án hoặc với vị thầy của pháp ngữ đó. Bởi

234 235

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

Sư [Đại Đăng] đã bỏ hết thân mạng khi hoàn thành những nước. Người Nhật cũng giống người Hoa đã trải qua dòng thơ này?" nhiều thế kỷ ưa chuộng hội giao giữa thi ca với tôn giáo. Họ cùng nhất trí ở chỗ làm thơ và tu Phật hai bên tăng Hầu hết các bài thơ của Đại Đăng rõ ràng đều có liên quan đến một khía cạnh nào đó của Thiền hoặc truyền viện lẫn nhau, nếu không muốn nói là phù hợp trên mặt thống Phật giáo: công án, chủ thuyết giáo lý, Phật học và cơ bản. Những vấn đề liên hệ đến diễn đạt chứng ngộ (và những kinh nghiệm tu hành khác) bằng ngôn ngữ đều v.v... Đại Đăng thường dẫn trích tài liệu như một chú được nghiên cứu trong giới văn học cũng như Phật học. thích hoặc tựa đề. Bài thơ sau đây đề cập giai đoạn đầu Thời Đại Đăng sanh tiền nhà thơ, nhà tu và quan lại ở đức Phật Thích-ca Mâu-ni tìm đạo và, nói rộng ra, bước Kyoto

bị thể thơ liên ca lôi cuốn. Trong những nhóm nhỏ đầu tiên của bất cứ ai trên đường đạo. Trong bài thơ, theo Bổn sanh truyện, đức Phật Thích-ca lúc đó là vị trời thân mật hoặc hội đoàn lớn đến hằng trăm người, họ sáng Śuddha- vàvàsa: tác những trường thiên liên tục trong thơ liên ca bằng cách thay phiên đối đáp với nhau. Điều mà trước kia là bình thơ giải trí nay trở thành một thể thơ tinh xảo, và là Śuddha–vàvàsa chắp tay đứng trước phương tiện truyền đạt lòng thành tâm mộ đạo. Một người đóng vai trò chủ chốt trong khung cảnh văn hóa cửa sổ. thời đó là thí chủ và đệ tử của Đại Đăng: Nhật hoàng Hoa Viên. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, Hoa Viên và Đại Trăng rằm trong hồ nước cung điện là Đăng đã góp phần vừa hợp tác vừa độc lập vào sự khai phá và mở rộng Thiền tông trong thời đại này, kể cả văn viên ngọc học và bình luận tôn giáo. dù mùa chưa sang thu; MỘT SỰ TRẢ LỜI THÍCH ĐÁNG trong đêm lặng lẽ này Người biết rằng ĐỐI VỚI VĂN BẢN TRUYỀN THỐNG gợn sóng đã thay đổi. Để đánh giá vị trí các tác phẩm chữ viết của Đại Đăng Từ đây Người sẽ đi con đường dường trong sự phát triển Thiền tông Nhật Bản, chúng ta phải quay lại sơ lược chủ đề về Thiền chân chánh. Các vị tổ như mờ mịt, Nhật Bản xem chứng ngộ là tiêu chuẩn chủ yếu của Thiền, và các vị minh định những thành phần cốt yếu núi Dantaloka to lớn to lớn cứng chắc khác: tọa thiền, biểu tín truyền pháp, thanh qui thiền viện, xây dựng thiền viện và việc thoát ly thế gian. Một điểm như thể sắt thép. chỉ khác về chân thiền trong thời kỳ truyền thừa là sự giải Hai câu mở đầu trong bài thơ gợi ý sự toàn mãn bản đáp thích đáng đối với kinh điển. Kinh điển, đại diện cho hữu của đức Thích-ca (ngay cả trước khi đi tu), và câu giáo lý của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, có thể soi sáng

252 241

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

hoặc đào sâu sự nhận hiểu của một người ở bất cứ giai THI CA CỦA ĐẠI ĐĂNG đoạn nào trên đường đạo. Thiền tạng, hình thành nhờ nhà biên soạn thư mục đời Tống, được mọi người tin rằng đã Đại Đăng không những là một bậc thầy năng động uy vén bức màn giác ngộ của các thiền sư qua ngôn ngữ và vũ và nhà bình luận tôn giáo sắc bén; Sư còn là một nhà hành động của các vị. Công án, phần đặc biệt nhất của thơ trác tuyệt. Thi ca và trước ngữ của Sư rất liên quan Thiền thư, có chức năng diễn đạt chứng ngộ, khai mào mật thiết với nhau, và cả hai thể loại đều tiêu biểu phong chứng ngộ, và truyền đạt sự khai phá những khía cảnh cách Thiền biện tài lẫn văn tự của Sư. Như hầu hết tăng sĩ chuyên biệt của chứng ngộ. Ta có thể học được phần lớn Nhật Bản thời bấy giờ, Đại Đăng sáng tác nhiều thể thơ từ những phấn đấu của các vị Tổ Nhật Bản muốn soi với hai ngôn ngữ khác nhau. Khi Sư tìm cách diễn tả theo sáng lập trường của mình đối với kinh điển Phật giáo. Cố cung cách cổ truyền và trang trọng thì dùng chữ Hoa tình hoặc không muốn đi nữa, các vị cũng bị lôi kéo vào Nhật (Kanbun), toàn bằng chữ Hán. Bốn mươi tám bài kệ một sự tranh chấp lâu đời kế thừa từ các vị tiền bối Trung bình chú sáng tác theo thể thơ này, còn gọi là tụng cổ, và Hoa. Như chúng ta đã thấy, Thiền tự định nghĩa là “giáo đều có trong Đại Đăng Ngữ Lục. Đại Đăng cũng dùng ngoại biệt truyền”, theo bài kệ của Tổ Bồ-đề-đạt-ma. chữ Hán Kanbun cho hầu hết bài kệ gửi các đệ tử, dù nói Trong câu này “giáo” chỉ cho nhiều thứ có liên quan: giáo

miệng hoặc viết thư pháp trên cuộn liễn giấy. Sư cũng lý đạo Phật, kinh điển, giáo phái. Tất cả các tông phái đạo sáng tác điệu thơ nhẹ bằng tiếng Nhật; có khoảng bảy Phật ngoài Thiền tông ra, như tông Hoa Nghiêm ở Trung mươi bài theo điệu thơ này được cho là của Sư, tuy nguồn Hoa và tông Thiên Thai ở Nhật Bản đều được xếp vào gốc không thể luôn luôn xác minh được. Trong truyền hàng giáo tông. Một đường hướng đối nghịch trong nhà thống nhà Thiền, thi ca của Đại Đăng được hoan nghênh Thiền được đề cao là "giáo thiền nhất trí", theo đó Thiền nồng nhiệt. Bạch Ẩn bày tỏ lòng ngưỡng mộ với ẩn dụ và Giáo xem như khác nhau nhưng đồng có giá trị diễn nhiều màu sắc: đạt một chân lý không khác. Bởi vì dịch theo chữ nghĩa ở Những tụng cổ này là cái vồ bằng vàng đập tan nát đây bị vướng, chúng ta hãy gọi đó là hai dòng mạch: những lớp màn bất giác và ý nghĩ tự cho mình tỉnh Thiền– không theo kinh điển và Thiền– y theo kinh điển. Thiền sư nào tán thành Thiền– y theo kinh điển thường giác. Đó là gương xưa biện rõ chân và ngụy trong trích dẫn kinh điển và giải thích giáo lý, và chấp nhận tu người nào đã thâm nhập và chưa thâm nhập. Đó là tập theo các tông phái đạo Phật khác [ngoài Thiền tông] pháp khí quý báu cho phép những ai tìm cầu ẩn mật trong chùa của mình. Người đầu tiên và có ảnh hưởng đã chủ xướng đường hướng này là Khuê Phong Tông Mật nội tâm để thâm nhập tận cùng đáy thẳm. (784–841), được tôn vinh qua sự kiện Thiền Giáo song Một bài thơ của Đại Đăng khiến Bạch Ẩn phải biệt hành. Đường hướng này hưng thạnh nhất vào đầu đời chú vào: "Nguyên bài thơ này như thể một trái cầu sắt đốt Tống, và được giải trình trọn vẹn nhất trong Tông Cảnh nóng một cột sắt nóng đỏ. Không cách nào nắm được dù Lục, một luận văn gồm một trăm chương hoàn thành năm có làm cách gì đi nữa. Ai trong các ông hiểu được Quốc 961.

242 251

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

tăng ưa thích thi ca vào hạng thấp nhất, quy cho họ là "cư Vinh Tây là một trong các thiền sư Nhật đầu tiên sĩ đầu trọc" và "giá áo túi cơm". Khác với Nhất Sơn và hoang mang vì Thiền– y theo kinh. Ở Trung Hoa Ngài đã Mộng Song (và Hư Đường), Đại Đăng không bao giờ bị theo học Thiền ưu tiên cho Thiền– không theo kinh phê bình là văn chương thái quá. Trong khi Mộng Song là nhưng cũng thừa nhận Thiền– y theo kinh. Trở về Nhật, một trong những người khai sáng và lãnh đạo "Ngũ Sơn Vinh Tây được báo động về Thiền– không theo kinh bị Văn Học", Đại Đăng rõ ràng vắng mặt trong các tuyển Năng Nhẫn diễn giải một cách mâu thuẫn, có nguy cơ tập thơ văn thời bấy giờ. Nhật hoàng Hoa Viên phát biểu khiêu khích uy lực của tông Thiên Thai. Trong tác phẩm trong sổ tay về một số quan niệm mà Đại Đăng đã phải chính của Vinh Tây là Hưng Thiền Hộ Quốc Luận, một suy tư; cũng hợp lý khi thừa nhận rằng cả hai đều thảo người vô danh hỏi Ngài: luận với nhau một số chủ đề này. Hoa Viên tả lại với chi Được nghe nói Thiền tông "bất lập văn tự". Điều này tiết kỹ lưỡng về nỗ lực của Ngài muốn diễn đạt sự hiểu biết đạo Phật trong thi kệ của mình. Trong một đoạn rất gần với tà kiến về cái không, tương tự với một kiểu thuộc 1332, nhiều năm sau khi Đại Đăng ấn chứng cho nhận thấy si ám [si định?]. Nếu như thế tông Thiên Ngài, vị cựu hoàng tỏ

lòng biết ơn Đại Đăng và nhìn nhận Thai sẽ chống đối... Được nghe nói theo huyền nghĩa một trong các vị cố vấn thi ca của Ngài là Kinh Cực Vi Kim (1253–1332). Kinh Cực nói với Hoa Viên rằng: [của kinh Pháp Hoa]: “Nếu một người quán sát tâm “Không có cách nào phân biệt giữa Pháp và Thơ”. Khi mình nghĩ rằng, bám dính vào tâm là đúng, rằng chính Kinh Cực tán dương thơ của Hoa Viên phản ánh “tinh y ngang với Phật, rằng y không còn học kinh và luận túy” của Phật pháp, Hoa Viên rất hài lòng. Khác xa một nhà thơ tài tử, vị cựu hoàng đã đóng góp lớn lao vào nền nữa, y sẽ rơi vào ngã mạn. Điều này giống như tự đốt văn hóa thời trung đại. Ngài là đầu tàu trong quá trình mình với ngọn đuốc của mình”.... “Bất lập văn tự” của Thiền tạo ảnh hưởng lớn lao trên thi ca Nhật Bản, và là người đầu tiên diễn đạt sự nhận hiểu Thiền của mình Thiền tông làm thế nào giải quyết nan đề này? trong thể thơ hòa ca. Andrew Goble tin rằng Hoa Viên đã Vinh Tây trả lời bằng cách nói rằng những ai thực sự ứng dụng ý niệm Phật giáo để tái lập quan niệm của hiểu Thiền sẽ không cần bác bỏ kinh điển, và Ngài dẫn ra hoàng tộc trong xã hội Nhật Bản. Chúng ta biết rằng Đại nhiều kinh Phật. Trong số ít Thiền thư Vinh Tây đã dẫn Đăng đã dạy vị cựu hoàng tham công án và cách dùng trong tác phẩm này, có quyển sách cổ điển thuộc Thiền– trước ngữ trong nhà Thiền; thật không khó chút nào khi y theo kinh Ngài ưa thích là Tông Cảnh Lục. Song Ngài nghĩ rằng Hoa Viên ngược lại đã ảnh hưởng đến Đại vẫn tán thành phương châm “biệt truyền” của Thiền– Đăng. không theo kinh. Có lẽ thất bại vì thiếu khéo léo không tiếp nhận được một thế đứng kiên định về mặt chủ thuyết và vững chắc về mặt chính trị, Vinh Tây kết luận rằng cả hai yếu tố trong sự phân biệt chia chẻ theo truyền thống cần phải siêu vượt: “Giáo và Thiền chỉ là danh xưng, tu

250 243

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

và học cũng là danh từ giả tạm... Thiền tông là... bất tư ý nghĩa gì; nhưng hơn thế nữa, lại thường tràn đầy nghì, rốt ráo không thể nắm giữ”. một sự thanh tịnh và chính trực rất an nhiên khiến tôi Trong khi sách lược của Vinh Tây là đi theo nhiều rất đỗi kinh ngạc. quan niệm có thể có, Đạo Nguyên chọn một đường lối khác. Trong quyển sổ tay Ngài kể lại đối thoại sau đây Thiền tăng Nhật bắt đầu giáp mặt với vấn đề đã từng với thầy là Như Tịnh: làm bối rối các vị tiền bối Trung Hoa. Có phải uy lực văn Tôi hỏi: học là một điểm chỉ của tiến triển tâm linh? Phải chăng sự – Bây giờ người tu đâu đâu cũng nói về “giáo ngoại tiến tu của một người sẽ trau dồi tính năng thi ca của người đó? Những ai đánh giá cao tầm cỡ văn học của biệt truyền”. Họ cho rằng đó là đại ý của Tổ Bồ-đề- Thiền sẽ phân tích mối tương quan giữa hai lãnh vực như đạt-ma đến từ Tây thiên. Họ muốn nói gì? sau: thiếu vắng tài khéo ngôn ngữ để diễn đạt Phật pháp là dấu hiệu rõ rệt cho thấy chưa đạt đến mức độ tỉnh giác Như Tịnh nói: cao nhất. Một số trước ngữ của Đại Đăng cho thấy chỗ – Làm sao mà đại đạo của chư Phật và chư Tổ lại liên này rất súc tích: “Đầu lưỡi đã dài” hoặc “Đầu lưỡi có quan đến “trong” hoặc “ngoài"?... Thế gian không thể xương”. Một trăm năm mươi năm sau khi Đại Đăng tịch, chứng đạt Thiền và làm thơ hay vẫn được nhấn mạnh là có hai Phật pháp. ngang hàng với nhau. “Thiền thi nhất vị” là một câu rất Đạo Nguyên diễn giải câu trả lời trên là bác

bỏ Thiền– phổ thông. Khoảng 1500, Trọng Phương Viên Y bảo, “Ai không theo kinh. Về sau trong một tác phẩm, Ngài lên án tinh thông Thiền sẽ làm được thơ hay”, và một vị tăng Thiền– không theo kinh là ngụy, nhấn mạnh ở chỗ “một khác lập luận, “Ngoài thi ca không có Thiền, ngoài Thiền người giác ngộ luôn luôn tinh thông kinh điển thì càng không có thi ca”. nhiều lợi lạc”. Do đó khi xây chùa, Đạo Nguyên đã xây Như đã tiên đoán, vài thiền tăng bị phê bình khe khắt thêm một căn nhà dành cho việc học kinh. Tuy nhiên Đạo vì nghiên về văn chương có lẽ hơi quá lố. Những lời chỉ Nguyên ngăn cấm cách tu pha trộn với các yếu tố từ tông trích dữ dội xu hướng này cũng bị bác bỏ với cường độ phái khác của đạo Phật, qua đó Ngài cũng tránh thuyết như nhau. Khi Nhất Sơn Nhất Ninh đọc một bài thơ chiết trung liên hệ với Thiền– y theo kinh. Trung Hoa trong một dịp lễ, có một vị tăng phản đối: Mộng Song là vị thiền sư sáng chói bị phê bình trong “Thầy không nói về Thiền Phật giáo! Thầy đang nói về thời của Ngài là đã nghiêng về Thiền– y theo kinh quá xa. văn học!” Nhất Sơn vặn lại: “Đồ mù! Chính ông không Có người hỏi thẳng Ngài: “Nếu thầy là hậu bối của Lâm thấy được đạo! Ta chỉ đọc thơ của ta cho ai hiểu được”. Tế, sao thầy luôn giảng pháp thay vì chỉ thẳng đại sự cho Mộng Song nổi danh thời đó là một nhà thơ thiên tài, học tăng?” Nhật hoàng Hoa Viên chỉ trích thiền phong song Ngài chê trách người khác và đến phiên mình bị chê của Ngài “còn bị sợi dây Phật pháp trói buộc”. Giống như trách là đã tận tình với thơ văn đến độ không thể chịu nổi. Vinh Tây, Mộng Song tự biện hộ bằng cách cố gắng vượt Khi xếp hạng đệ tử của mình, Mộng Song đặt những vị

244 249

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

Trong thể liên ca, thơ liên hoàn đạt được tính dân gian trên ngôn ngữ tranh luận: “Đức Phật không tự nói mình là chưa từng có, vào những năm Đại Đăng dạy đạo ở chùa thuộc về Giáo hay thuộc về Thiền. Cũng không chia Phật Đại Đức. Tuân theo những ước lệ dẫn xuất từ hòa ca, pháp thành hai phần Giáo và Thiền, bởi vì sự giác ngộ người tham dự trong hội liên ca thay phiên sáng tác câu của Phật không thể sánh ngang với Giáo lẫn Thiền”. thơ, hợp tác (và đôi khi tranh đua) để tạo ra một tác phẩm Những việc khác cũng có thể thấy rõ ẩn sau lời nói làm im hơi tiếng nói cá nhân vì lợi ích của toàn thể. Liên này, hơn hẳn một cuộc tranh luận về mối liên quan giữa ca là một hình thức phức tạp của bình chú: câu cuối của giác ngộ và chữ nghĩa diễn tả giác ngộ. Ta có thể nghe từ bất kỳ bài kệ nào trong thể liên hoàn cũng dùng làm câu những vị thầy một tính chất thiếu chắc chắn về ý kiến nào đầu của đoạn thơ tiếp, và kéo dài như thế đến bất tận. chấp nhận được trong lời dạy và sách vở của họ. Kinh Không thấy ghi chép lại việc Đại Đăng có tham dự các điển thì có thẩm quyền, tương đối dễ tiếp thu, và được khóa liên ca, tuy Sư chắc chắn quen thuộc với thể thơ nhiều tông phái đạo Phật cùng tôn trọng chung, như thế này. Vị thầy đầu tiên của Sư là Cao Phong, bạn đồng sư chắc sẽ có một sự miễn cưỡng nào đó nếu phải buông bỏ là Mộng Song, và đệ tử là Hoa Viên đều thưởng thức thơ kinh tạng vì những tác phẩm lạ lùng của nhà Thiền, như liên ca; theo một tài liệu, Cao Phong và Mộng Song “làm kiểu “giáo ngoại biệt truyền” đòi hỏi trên nguyên tắc. Dù thơ liên ca suốt ngày đêm”. Tài năng văn chương là niềm có ý thức

hay không, các vị khai tổ Nhật Bản cũng đã hy vọng của các vị tăng trung bình. Yanagida nói rằng thành lập mối tương quan giữa Thiền tông Nhật Bản và "Không có trình độ cao về khả năng thi ca, ngay cả khởi Thiền tông Trung Hoa. Phong cách thiền nào và dòng sự tu thiền cũng không làm được". Tuy trường hợp này mạch thiền nào là chánh đáng nhất, và ở chừng mực nào có hơi quá đáng, nhưng có những vị thầy và tu sĩ lâu năm người Nhật bắt buộc phải gắn bó? Tranh luận về vị trí của thường dạy kèm làm thơ cho những học tăng trẻ. Hổ Thiền đối với những nội dung đề cập những chủ đề then Quan Sư Luyện, một khuôn mặt lãnh đạo trong Thiền chốt khác cũng có thể được: Thiền tông khác thế nào với tông và là người đồng thời với Đại Đăng, đã diễn tả tiến Giáo tông trong đạo Phật? Thiền thực sự liên quan thế trình như sau: nào với các tông phái khác? Cho dù những câu hỏi như Tôi có một vài học trò ưa thích nói đùa, nói tạp và thế đã được giải quyết ở Trung Hoa một cách tốt đẹp hài không chịu trả bài. Khi tôi khuyến khích và bắt ép họ hòa, sự thể lại không giải quyết được ở Nhật Bản. Chính vì đề kháng bối cảnh này mà Đại Đăng khai triển một làm thơ, họ bảo không biết niêm luật. Khi tôi bảo họ phong cách thiền trung thực với một số dòng mạch thiền, hãy quên hết niêm luật và chỉ viết ra chữ đúng số âm không đặt tín tâm thái quá vào kinh điển, và cũng thích vận, họ nhăn nhó và cằn nhằn. Nhưng tôi không lấy nghi với người Nhật. Một mặt, Sư là một vị thầy thuộc Thiền– không theo kinh, bởi vì Sư nhấn mạnh rằng chân làm khó chịu, và mặc dù như thế họ vẫn trình cho tôi ngộ siêu vượt rất xa bất cứ hình thức hiểu biết nào xuất những dòng thơ. Thơ của họ có thể không chỉnh, phát từ kinh điển. Mặt khác, Sư khai triển một phong cách thiền vừa biện tài vừa văn tự. Tuy không rộng nói không đều, ngu ngơ và vụng về, và đôi khi chẳng chút kinh điển, Sư luận giải uyên áo thiền thư cổ điển. Trong

248 245

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

khi Vinh Tây và Mộng Song muốn khắc phục sự phân ca Nhật cũng dùng những từ thông thường của thế biệt giữa "thiền" và "giáo" theo cung cách rất là hùng hồn hoa mỹ, Đại Đăng tìm phương thức thoát ra bài toán này gian, khi chúng ta sử dụng hòa ca để truyền đạt ý định trong sự tu tập, qua đường lối bình chú mới mẻ và qua thi tâm linh, chắc chắn đó là giải pháp thuận lợi. Và đó ca. Trong công việc này Ngài đã được trợ giúp bởi những cũng là thể hiện tinh thần Phật pháp, có thể gọi đó là phát triển trong văn chương bản sắc Nhật bản mà bây giờ đến lượt chúng ta xem xét ngược trở lại. đà-la-ni không nghi. Một khi những tương quan như thế được khơi dậy, ẢNH HƯỞNG NHẬT BẢN những người khác sẽ theo. Sáng tác thơ gắn liền với tọa thiền và tụng kinh Phật. Thi kệ được xem là phẩm vật TRÊN THIỀN PHONG CỦA ĐẠI ĐĂNG cúng dường cho chùa và đền, và đã có bàn cãi nghiêm Ở Nhật, cũng như trong các nền văn hóa Á Châu khác, trọng về việc làm thơ có hay không thúc đẩy hành giả tiến thi ca giữ vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa, và có bước trên con đường tỉnh giác. Nước Nhật cũng có truyền giá trị như một hình thức diễn đạt tôn giáo. Vào thế kỷ thống bình chú, tập trung vào thi ca hơn là câu văn súc trước khi Đại Đăng ra đời, một số ý kiến về mối tương tích mang đặc tính của Thiền. Trong lịch sử xưa nhất của quan

giữa thi ca và đạo Phật được phát biểu rõ ràng với Nhật có một người trả lời thành công một câu hỏi trắc một sự quả quyết mới. Những người trong giới tu sĩ và nghiệm với câu thơ bình chú. Một bài thơ trong bộ sưu văn nhân trí thức gầy dựng một thể loại tên là “Thích giáo tập thi ca đầu tiên của Nhật có một “cái đầu” do một ca”. Trong vài hội đoàn, thi ca được đặt ngang tầm với người làm và “cái đuôi” do người khác soạn. Một trò chơi giáo lý nhà Phật, và ngôn ngữ Nhật xếp ngang với ngôn dân gian trong giới quý tộc thời Bình An (794–1185) có ngữ kinh điển. Ví dụ, Vô Trụ Nhất Viên lập luận rằng hòa vài điểm giống với việc tập luyện bình chú mà sau này ca (thể thơ năm câu của Nhật) có thể tương đương với đà- truyền vào Nhật như một phần của Thiền tông. Như la-ni: Donald Keene giải thích, Khi chúng ta xem hòa ca là một phương tiện để đạt Thường một câu đố được trình bày vào câu đầu tiên ngộ trong tôn giáo, chúng ta sẽ thấy được tính tịch gọi là tiền cú và bài thơ được hoàn tất do một người lặng và bình ổn đình chỉ sự tán loạn và hoạt động vô khác với câu thêm vào gọi là phó cú theo trí thông trật tự của tâm thức. Với rất ít chữ hòa ca vẫn chứa minh và tài khéo. Cảnh tượng diễn tả trong tiền cú chan cảm xúc. Đó là bản chất của mật chú huyền bí càng phức tạp và phi lý ("Con nai đứng giữa biển"), thì hoặc đà-la-ni... Thi kệ Nhật Bản không khác với Phật người làm sáng tỏ toàn bộ sự việc bằng cách thêm ngôn... Nếu như đức Phật xuất hiện ở Nhật, Ngài sẽ vào đôi dòng giải nghĩa tài tình ("Bóng núi ẩn trên dùng tiếng Nhật thật giản dị thay vì mật chú... Tuy thi sóng") càng thành công to lớn.

246 247

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

Dale Wright đã nhận xét, “có một trình độ lưu loát trong thứ ba nói về ngọn sóng đầu tiên của lòng khao khát cầu ngôn ngữ Thiền là việc cần trước hết để chứng nghiệm đạo khởi dậy. Không chỉ riêng nỗ lực mãnh liệt tu hành Thiền là gì”. Nói rộng ra, quán triệt văn kinh của Thiền là khiến đức Thích-ca như thể ngu ngơ, mà một bậc thầy là chìa khóa của sự tinh thông Thiền. Tuy nhiên, việc nhìn Đại Đăng cũng trải qua bốn mươi năm “nằm gai nếm nhận một vài phương diện của kinh nghiệm Thiền có qua mật”. Đối với Đại Đăng, tâm cầu đạo và lòng quyết chí trung gian ngôn ngữ không có nghĩa là khẳng định giác của đức Thích-ca cao vút và kiên cố như núi Dantaloka, ngộ quy về ngôn ngữ. Giác ngộ có thể được đánh thức từ chỗ mà thái tử tuyên bố tu khổ hạnh cho đến chết. Đọc ngôn ngữ, ít nhất trong ý nghĩa ta không bị trói buộc vào bài thơ này vào những thế kỷ sau, Bạch Ẩn nhớ đến giả thuyết sai lầm về năng lực ám chỉ của ngôn ngữ. Giác Tuyết Đậu đã bình tụng trong Bích Nham Lục: “Đáng ngộ cũng có thể là một sự tỉnh thức về ngôn ngữ, “một sự thương thay lão [Tuyết Đậu] không thấy được bài thơ chuyển hóa để làm thế nào an trụ vào thế giới văn hóa với này. Chỉ cần thoáng thấy lão cũng sởn gai ốc”. Những bài khuôn đúc ngôn ngữ vốn là một di sản của hành giả thừa thơ khác của Đại Đăng bắt đầu với quy chiếu Phật giáo kế được”. Do đó vấn đề đi đúng một vòng. Cái bắt đầu nhưng chuyển sang một dạng ngụ ý phong phú. Bài thơ bằng sự phủ nhận khả năng của ngôn ngữ để diễn đạt giác sau dẫn tích thiền sư Nam Tuyền như tựa đề đầu bài: ngộ lại chấm dứt với sự phát biểu ngược lại một cách Nam Tuyền bảo, “Ta không biết gì về chư Phật trong biện chứng rằng giác ngộ có thể được

hội nhập với sự diễn đạt bằng lời. Nếu như thế, chúng ta phải thêm một tam giới". thể loại sau vào danh sách phân biệt những chiến lược Nếu biết có chư Phật trong tam giới; bình luận Thiền: ngôn ngữ thường tình dùng theo cách thường tình. Đại Đăng đã viết: "Ngay cả ở trong lúc nói Bỗng chốc mùa xuân không có hoa, chuyện bình thường, một người đã giác ngộ sẽ nói tiếng nói của Phật pháp". Song nói như thế cũng là một kiểu mùa thu không có trăng rằm. không nói. Theo Vân Môn: Đại Đăng ở đây dùng ảnh tượng thiên nhiên, nhưng Dù có nói năng suốt ngày, chẳng có gì dính vào môi sức đẩy của bài thơ mang tính chất giáo lý. Chủ đích của lưỡi vì, thực sự đâu có lời nào nói ra. Sư (lặp lại theo ngôn ngữ triết học) ở chỗ nếu ta có một quan điểm nhị nguyên về chư Phật hiện hữu ngoài vũ trụ thiên nhiên này, ta sẽ không có khả năng thấy được hoặc thưởng thức sự vật như đang là. Đối với ai nhận ra Phật tánh nơi hoa mùa xuân thì bước kế tiếp hãy quên đi về Phật tánh, và chỉ thấy hoa là hoa. Một vài bài thơ của Đại Đăng bỏ hẳn quy chiếu về Thiền hoặc Phật giáo song vẫn âm vang những ngụ ý về Thiền. Một bài thơ ngắn của Sư kể một cơn mưa bất ngờ:

264 253

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

thanh nghe Như Lai người ấy cầu tà đạo. Bài kệ trong Không dù che mình ướt đẫm, kinh là: chỉ mưa trời Nếu lấy sắc thấy Ta làm áo che. Lấy âm thanh cầu Ta Bài thơ sau, nội dung hình như cho rơi rụng mọi dấu Không thể thấy Như Lai. vết của Thiền: Đây là một công án (rất thường dùng trong nhà Thiền) Mùa xuân những ngọn đồi màu xanh, vì tất cả những gì chúng ta thấy đều là sắc. Phật tánh có Mùa xuân những dòng sông màu xanh, thể thấy qua sắc tướng hay không? Đại Đăng bình chú bài kệ trong kinh Kim Cang theo cách của Sư: Mùa xuân mây trời lãng đãng, Không sắc, không thanh – Mùa xuân chim chóc hót vang không Ta ở đây; ngừng. mây trắng viền đỉnh núi, Tuy nhiên, trong trường hợp này, bề ngoài chưa phải là nói thật. Bài thơ không chỉ ám chỉ bài kệ đầu tiên của sông xẻ dòng qua khe. Tuyết Đậu; mà còn được Đại Đăng dùng để trắc nghiệm Bài thơ tinh yếu của Đại Đăng giải đáp một số vấn đề môn sinh của mình. Nội dung nguyên bản nằm trong Đại trùng hợp với cách thức đặc thù Thiền tông, Sư nói lên Đăng Ngữ Lục. Đại Đăng nói với hội chúng: tiếng nói của Phật cũng như tiếng nói của chính mình. Mùa xuân những ngọn đồi xanh biếc, Thành Phật siêu vượt sắc tướng và âm thanh, Sư (bằng nghịch lý) đã khơi dậy chân tướng nơi mình. Đức Phật / Mùa xuân những dòng suối xanh trong, Đại Đăng quả nhiên những ai có mắt mới thấy được; chỉ cần nhìn mây bay trên đỉnh núi, hoặc sông chảy dưới khe, Mùa xuân mây trời lãng đãng, hoặc bất cứ chỗ nào khác. Bài thơ tiêu biểu sự tham gia của Đại Đăng vào dòng chuyển của Thiền từ triết học qua Mùa xuân chim chóc hót vang không văn học. Trong thi ca Sư tìm thấy một phương tiện diễn ngừng. bày cái không thể diễn bày; thi ca như thế cũng là "giáo ngoại biệt truyền". Bởi vì ngôn ngữ Thiền quá đặc thù và không có tính chất công ước phàm lệ – và cũng vì ngôn ngữ là hậu quả tất nhiên ở trong Thiền – học Thiền và học ngôn ngữ của Thiền có quan hệ mật thiết với nhau. Như

254 263

là đề mục của phân biệt tương đối. Hơn nữa, vị thầy tạo Tôi sẽ hỏi các ông: Tông môn của ta, có phải xác một chuyển động khơi dậy quay sang thi ca và tả ra một cảnh quang thiên nhiên. Đại Đăng chẳng những trình bày định? Có phải phủ định? Các ông hãy trở về liêu và dò công án này cho đệ tử; ít nhất trong một câu Sư dẫn y tìm câu đáp. nguyên văn làm câu trả lời cho một công án khác. Theo cách này, câu nói của Thiền về những khiếm khuyết của Trong vài bài thơ của Đại Đăng, nhất là những bài chữ ngôn ngữ và im lặng diễn bày đặc tính nguyên văn liên Nhật, tiếng thơ của Sư đầy tính cá nhân hơn: kết phong phú, tuy có thể có vẻ trớ trêu châm biếm hoặc Đã khỏi rồi, cơn bệnh "Phật và Tổ" nghịch lý. Đã một lần bấu chặt ngực tôi. Thiền đạt được một số kết luận được củng cố nhờ những phát triển song hành trong chủ thuyết văn học Giờ đây tôi chỉ là một người thường, Đông Á, nhất là ở Nhật Bản. Đối với thi nhân, ngôn ngữ cần thiết để bày tỏ tấm lòng hoặc con tim không biết nói, Nhiệm vụ đã rũ sạch. đối với thiền giả thế gian hình tướng là chỗ duy nhất đi vào cái không. Biện chứng pháp của cả hai truyền thống Công nhận bài thơ là tự truyện chân thực, ta thắc mắc kể trên đã bộc lộ ý nghĩa trong ngôn ngữ và hình thể. Như không biết quãng nào trong đời mình Đại Đăng đã viết David Pollack đã ghi nhận: như thế. Nhiều thiền tăng được nghe kể rằng một cuộc chiến đấu với cơn bệnh sẽ phát sáng tuệ giác thiền, mặc Tư tưởng thi ca Nhật Bản trước đây nắm giữ trái tim dù những dòng này cũng có thể là ý tưởng của một vị và ngôn ngữ, tuy rõ ràng khác nhau, vẫn là hai mặt tăng tu lâu năm gần đến cuối cuộc đời. không tách rời được của cùng một nhất tính. Siêu hình Đối với Đại Đăng, thi ca và trước ngữ thường hoán của Thiền cũng vậy, nhấn mạnh trên tính đồng nhất chuyển lẫn nhau: cả hai thể loại đều nhắm vào đặc tính súc tích, gợi ý và thâm thúy. Đại Đăng sáng tác trước ngữ và dị biệt đồng thời giữa không và sắc. Nếu đi đến cực có chất thơ cho mình, dùng thi kệ của người khác làm đoan duy lý, sự cân bằng ngụ ý không những là ý trước ngữ, và dùng pháp ngữ trong thi kệ của Ngài. Trong một mạch văn Sư giải đáp một công án bằng một câu thơ; nghĩa vô tướng và tướng vô nghĩa; ý nghĩa còn có thể ở nội dung khác Sư có thể bình chú cũng một công án đó thấy trong tướng, và thấy tướng trong ý nghĩa. bằng trước ngữ. Và đôi khi Sư làm cả hai việc, bình tụng một văn bản thiền bằng trước ngữ rồi sau đó viết thêm bài Đại Đăng làm một bài thơ bằng chữ Nhật đề cập thật kệ. Sự hội tụ giữa hai thể loại có thể thấy được trong bài khéo sự liên hệ hỗ tương giữa sắc tướng, không và ý thơ sau: nghĩa. Đây là để đáp lại bài kệ trong kinh Kim Cang, chỗ đức Phật nói ai lấy sắc tướng thấy Như Lai hoặc lấy âm Nam Tuyền chém mèo

262 255

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

khác mở rộng thêm ý nghĩa về thiền biện tài: "văn tự Đưa con mèo lên cho mọi người đều không lệ thuộc". Tức là sử dụng những chữ như thế một thấy, cách tự do, không trói buộc, và với một sự nhận hiểu duy nhất là chỉ ra thực tại mà tự nó không có tự thể. Văn tự có Chặt đứt một, hai, ba – thể dẫn đến ràng buộc hoặc giải thoát, tùy theo tinh thần ý nghĩa hàm ẩn phía trong, cách thức sử dụng, và mức độ Đầu chùy không lỗ. tiếp

thu của người đọc. Do đó Viên Ngộ đã biện biệt và khám phá ra hai kiểu ngôn ngữ: Câu đầu tiên đề cập một công án thiền nổi tiếng về thiền sư Nam Tuyền chặt con mèo, vì trong chúng không Hãy xét hoạt ngữ; đừng xét tử ngữ. Ai hoàn toàn gắn ai đáp được một thiền ngữ theo lời hăm dọa của Ngài. liền với hoạt ngữ sẽ không bao giờ quên mất dù trải Câu thứ hai "Chặt đứt một, hai, ba", nghe như một trước qua vô lượng kiếp. Ai hoàn toàn gắn liến với tử ngữ tự ngữ: các con số liên tiếp thường được Đại Đăng sử dụng trong bình chú trước ngữ. Câu thứ ba đúng là một trước cứu chẳng xong. Nếu muốn được chư Tổ và chư Phật ngữ, rất được Đại Đăng ưa thích. Chúng ta đã ghi nhận làm thầy, cần phải sáng suốt chọn hoạt ngữ. trong chương trước, rằng một đầu chùy không lỗ có thể dùng làm ẩn dụ cho chân lý khó nắm bắt. Ở đây lại có tác Theo nội dung trên, lặng thinh không có vị trí ưu tiên. dụng theo cách khác, khơi lên cảnh tượng hung bạo và Tuy lặng thinh có thể siêu vượt giai tầng công ước của định kiến của những ai đang có mặt bị đập tan nát. Tính ngôn ngữ, im lặng cũng có tạo tác như là một dấu hiệu. chất trước ngữ của bài thơ sau đây quá hiển nhiên: Trong một lá thư viết cho người thiếp của Nhật hoàng Hoa Viên, Đại Đăng khẳng định: "[Bản Lai Diện Mục] Khi Đức Sơn rời Dương Tử, Ngài gọi không thể đạt được bằng lời, cũng không phải bằng Cao Đình. không lời". Một công án được Đại Đăng ưa chuộng về sau soi sáng điểm này. Cao Đình rời Hàng Châu Một vị tăng hỏi Phong Huyệt, "Cả hai lời và không lời

Đức Sơn gọi tên là đều kẹt vào phân biệt đối đãi. Làm sao đừng lầm lạc?" Phong Huyệt bảo: một hai ba bốn năm sáu bảy Ta luôn nhớ Giang Nam vào Xuân và tám chín mười, chá cô 15 hót, trăm hoa ngát hương. Cao Đình ra đi là Vị thiền sư trong công án là Phong Huyệt không bàn cãi với quan điểm của vị tăng vì nói năng và im lặng đều mười chín tám bảy sáu năm bốn 15 Chim Trĩ

256 261

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

vẫn đủ sức truyền đạt đến Đại Đăng, băng qua khoảng cách thời gian và văn hóa để phát sáng năng lực giác ngộ. và ba hai một. Thay vì rơi vào im lặng, cũng là nghiêng một bên, thiền Dù cho ta thiếu dữ kiện sau này về câu chuyện trong sư tìm cách làm cho ngôn ngữ tươi mới và đầy sức mạnh tựa đề, bài thơ là một cảm nhận nhẹ nhàng về cái "như tác động. Bích Nham Lục nói rằng: thị" của Thiền. Đến và đi tất cả chỉ như đang là hiển lộ Người xưa không như người nay rao giảng nông cạn diệu dụng vô lượng của Phật tánh, và cũng là không-đến thiếu thực chất; họ làm sao nói một câu hoặc nửa câu và không-đi. Nguyên câu chuyện, Đức Sơn gọi Cao Đình với cây quạt; Cao Đình ngay đó đại ngộ, và đó là tại sao cho toàn bộ cuộc đời? Vì thế, khi đến lúc chống đỡ Cao Đình rời Hàng Châu 14 . giáo pháp tông môn và tiếp nối sinh mạng chư Phật, mửa ra một câu nửa câu để cắt đứt đầu lưỡi thiên hạ. THIỀN, NGÔN NGỮ VÀ NGÔN NGỮ THIỀN Không có chỗ để ông sinh khởi từng chuỗi niệm Trong Vô Môn Quan, Vô Môn Huệ Khai đã bố cục tài tưởng, để lý luận tri giải, hoặc để bám chặt lý thuyết tình câu hỏi hắc búa từ lâu đời: chủ nghĩa. Nếu hiểu được chữ đầu của Thiền Trên quan điểm Phật giáo, vấn đề các thiền sư trực Thì sẽ hiểu chữ cuối. diện có thể diễn tả bằng từ ngữ phân biệt (tạm thời) giữa lãnh vực tuyệt đối cứu cánh và công ước đời thường.

Chữ cuối hay chữ đầu – Giác ngộ là cứu canh, ngôn ngữ là công ước. Một người làm sao có thể nói ra từ một giai tầng cứu cánh bằng cách "đó" cũng không phải là chữ. sử dụng ngôn ngữ ở giai tầng công ước? Nan đề này là Truyền thống Thiền dành lời tán tụng cao nhất cho các khởi nguyên mọi thứ chiến lược tranh luận do các thiền vị thầy đã phối hợp thâm ngộ với ngôn ngữ lưu loát. Đại sư đã dùng: ngôn ngữ thường tình sử dụng theo cách khác Đăng thuộc một trong những vị được tôn vinh như thế. thường, ngôn ngữ vô nghĩa lý, nghịch lý, thi ca, trước Chúng ta đã thấy Sư sử dụng ngôn ngữ một cách dũng ngữ, hành động, điệu bộ, và lặng thinh. Mọi điều này đều mãnh như thế nào vì mục đích hoằng hóa sự giải thoát là ngôn ngữ Thiền. tâm linh: thuyết pháp, cho học tăng tranh luận Thiền, dạy Tuy phương châm "bất lập văn tự" được chấp nhận là đạo bằng thư tín, chép kinh, sáng tác công án. Bản chép chủ thuyết của nhà Thiền sau thế kỷ 9, những luận giải tay đầu tiên của chính Đại Đăng viết là Truyền Đăng Lục. cũng rất đa dạng. Tông Mật là một trong những vị đầu Bản chép tay này chứng tỏ Sư tin rằng sự truyền trao tiên xem câu này là một phương sách thuyết giáo thiết chánh pháp nằm trong phạm vi ngôn ngữ lẫn phi ngôn thực hơn là một câu nói thuần chữ nghĩa. Sự mơ hồ về ngữ, và cũng cho thấy Sư khổ công tham khảo những ước mặt văn phạm trong ngữ nguyên cho phép một cách đọc 14 Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – Q.16

260 257

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ĐẦU LƯỠI KHÔNG XƯƠNG

lệ trong cộng đồng rời rạc của mình. Trong lời ghi cuối sách Sư đề cập đồng thời phổ hệ chư tổ với văn bản sao Không cuộc văn tự. lục lại: (Truyền Đăng Lục quyển 9) "Đây chính là hoạt động tâm linh của hằng ngàn thánh Câu ứng đáp đáng nhớ nhất trong cuộc Tranh Luận hiền, dòng sinh mạch của chư tổ anh kiệt". Chánh Trung xuất phát từ câu hỏi "Thiền là gì khi bảo rằng giáo ngoại biệt truyền?" Sư đã trả lời với hình ảnh Thiền biện tài của Đại Đăng bắt đầu, một cách nghịch chiếc cối đá xay huyền diệu đang bay dù Thiền có là gì đi lý, với sự nhìn nhận giới hạn của ngôn ngữ, một chủ nữa, cũng không thể giải thích bằng lời. Trong một tiểu thuyết cơ bản của đạo Phật nói chung và Thiền tông nói luận ngắn nhan đề Tường Vân Dạ Thoại, Sư đối đầu với riêng. Một trong những đặc tính phiền phức nhất của một thiền sư đồng song tên vỏn vẹn là Quang, nổi tiếng vì ngôn ngữ, theo sự chỉ trích của đạo Phật, là việc chấp tin trọn vào kinh Lăng Nghiêm và một vài kinh điển nhận ngầm cái nhìn nhị nguyên có ta có người, và đó khác. Đại Đăng buộc tội Quang là cố "đạt ý qua ngôn từ" chính là nguồn gốc vô minh. Ngài Long Thọ (thế kỷ thứ và bảo rằng: "Tôi bác bỏ dứt khoát điều này". Đối với hai) đã chứng minh rất cặn kẽ rằng nếu một lời nói được môn sinh của mình, Đại Đăng nhấn mạnh rằng những ai hiểu là tiêu biểu chân chánh cho thực tại, sẽ không tránh với con mắt Pháp nhìn vạn vật quá quan trọng sẽ bị trói khỏi dẫn đến tự mâu thuẫn, và nội dung sự phân tích của buộc vào ngôn ngữ. Sư tán thành phương châm Thiền: Ngài đều được tất cả các tông phái đạo Phật sau này thừa "Ngay khi gọi tên một vật thì đã lầm qua", và lấy đó làm nhận. Một phương châm lý giải tôn giáo tập trung vào công án giao các đệ tử tham. Tiếp cận chủ đề với một việc Thiền tự định nghĩa: "Giáo ngoại biệt truyền, bất lập đường hướng khác, Sư làm sáng tỏ rằng con đường chân văn tự". Vô số

giai thoại và hình ảnh Thiền đều lặp lại chánh thấp kém nhất là thuyết giảng Phật pháp mà bản một điểm cho rằng chứng nghiệm Thiền cốt yếu không thân mình chưa chứng ngộ. Trong một bài thuyết pháp thể vừa khít với sự truyền đạt qua một câu văn: có bức bằng tiếng Nhật, Sư kể một câu chuyện sinh động về một họa nổi tiếng vẽ Lục Tổ xé kinh, Đức Sơn đốt sớ sao của pháp sư Trung Hoa tên là Vân Quang làm việc cho vua chính mình, Đại Huệ thiêu hủy Bích Nham Tập, và v.v... Lương Võ Đế. Tuy Vân Quang thuyết giảng Phật pháp bề Chủ đề về những giới hạn của ngôn ngữ nổi bật trong ngoài rất hùng hồn lưu loát, nhưng chưa chứng ngộ, và có bước đầu tu tập của Đại Đăng và sau này khi Sư giảng người buộc ông là "súc sanh". Đại Đăng kể rằng Lương dạy. Sư đã chứng ngộ lần đầu khi nghe một người đọc bài Võ Đế bác bỏ kịch liệt lời buộc tội này, nhưng lần sau kệ của Bá Trượng về chân lý không thể nói ra lời: vua thấy Vân Quang giảng pháp đã nói "Vân Quang là con bò". Dĩ nhiên là câu chuyện không chấm dứt với lồng Linh quang chói sáng bẫy ngôn ngữ. Mặc dù làm giảm giá trị năng lực ngôn Vượt khỏi căn trần ngữ xuống thành ngu dốt, thiền sư vẫn dùng ngôn ngữ để diễn đạt sự chứng ngộ của mình và sách tấn người khác Thể bày chân thường trên con đường đạo. Bài kệ của Bá Trượng thấy thật nghịch lý, tuy nói lên rằng "không cuộc văn tự" giòng thơ

258 259

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

Diệu Tâm người tín đồ và thí chủ tiếng tăm là Nhật hoàng Hoa Viên, đã ngụ trong khuôn viên chùa cho đến ngày qua đời năm 1348. Pháp ngữ bằng chữ viết của Quan Sơn không còn. Câu nói "Quan Sơn chưa từng thuyết giảng" có thể căn cứu trên sự kiện thực tế, hoặc ngữ lục của Ngài có thể đã bị thiêu hủy. Quan Sơn chỉ có một pháp tử duy nhất là Thụ Ông Tông Bật (1296–1380). Tuy như thế phái Quan Sơn, chớ không phải phái Triệt Ông, đã duy trì tông môn của Đại 11 Đăng tồn tại đến hôm nay. Dòng Ứng–Đăng–Quan đại diện cho chính mạch tông Lâm Tế ngày nay do tên của ba vị Đại Ứng, Đại Đăng và Quan Sơn. Danh xưng này còn mãi về sau và không biết rõ xuất xứ; các học giả truy ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG nguyên vết tích bắt đầu từ Ngu Đường Đông Thật (1577– Ta hội ngộ với đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong lúc quy 1661) đến Bạch Ẩn Huệ Hạc (1686–1769). Trong những năm chùa Diệu Tâm chiếm uy thế và kình chống với Đại ẩn. Đức, bài Kuyến Văn Tối Hậu không chứng cứ được gán (Trước ngữ của Đại Đăng) cho Quan Sơn, và Ngài được gọi là Vân Môn tái lai (giống như Đại Đăng). Quan Sơn được tôn kính do một số công án Ngài đã ưa chuộng, một đời tu ẩn dật khổ hạnh và lòng kính tín đối với hai bậc thầy Nam Phố và Đại Đăng. Theo một châm ngôn trong Thiền Lâm Tế, Đại

Đ Đăng "để ngôi già lam cho Đại Đức tự nhưng tông môn ại Đăng tịch vào buổi chiều giá rét mùa đông cho Diệu Tâm tự". Trong gần một trăm năm mươi năm năm 1337. Bài tường thuật đầu tiên trong Đại sau khi Đại Đăng tịch, Thiền tông Nhật đặt dưới sự lãnh Đăng Quốc Sư Hành Trạng của Xuân Tác xác đạo của mạng lưới Ngũ Sơn. Các ngôi chùa trong hệ nhận ngày 22 tháng chạp, sau chín tháng bệnh mà không thống này được chia làm ba phần, và việc xếp hạng được tìm được chứng bệnh, Sư biết rằng mình

sắp thở hơi cuối điều chỉnh định kỳ phản ánh sự thay đổi trong việc bảo cùng. Dù sức khỏe quá yếu và chân trái bị liệt, Sư vẫn trợ hoặc ưu thế. Trong nửa đầu thế kỷ 14, sự kết nạp vào quyết định tịch ngồi theo truyền thống kiết-già. Khi Sư Ngũ Sơn gia tăng nhanh chóng, và đầu thế kỷ 15 tổ chức bắt tréo hai chân, Sư làm gãy chân trái chỗ đầu gối, và Ngũ Sơn bao gồm ba trăm tu viện đang hoạt động. Như máu chảy thấm ướt lá y. Chỗ này, theo Xuân Tác, Đại Martin Collcutt đã viết: Đăng vẫn còn sức và đã viết bốn câu kệ từ thế bằng chữ Hán. Dứt bài kệ, Sư buông bút, và ngồi thẳng lưng thị tịch. Ở đây một lần nữa chúng ta gặp phải điểm chung

276 265

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

giữa tự truyện và truyền thuyết. Bởi vì tính chất của một ngàn chúng thường trụ. Mộng Song đã điều hành số đệ tử cái chết mẫu mực từ xưa được nói rõ trong nhà Thiền đã 2.500 người trước khi tịch năm 1351. ảnh hưởng đến Đại Đăng và các tác giả viết tự truyện, vì thế khó phân biệt giữa sự kiện thực tế và huyền thoại. Bài DUYÊN NGHIỆP CỦA MỘT TỔ SƯ THIỀN tụng sau đây của thiền sư Đại Huệ vẫn còn đọc hằng ngày trong nhiều thiền viện Nhật Bản: Duyên nghiệp của Đại Đăng làm một vị tổ trong Thiền Ta muốn khi chết biết trước một tuần, có một chút tông rất phức tạp: Sư vẫn hành động theo lịch sử, và lịch sử tác động trở lại Sư. Tác động của Sư sau khi viên tịch bệnh một chút đau, an trú trong tâm thái chính đáng. ở nhiều khía cạnh vượt xa ảnh hưởng của Sư lúc sinh Cuối cùng ta muốn xả báo thân một cách tự tại và tiền, một hiện tượng nhờ hàng hậu bối thắng lướt rõ rệt so mau thác sanh vào nước Phật, có chư Phật vây với tất cả môn phái khác trong Thiền Lâm Tế. Đại Đăng được các pháp tử tôn xưng làm Tổ, họ đề cao hình ảnh quanh. Ta mong được chư Phật ấn chứng chân giác của Sư có chủ ý lẫn vô ý thức. Sư qua đời đặt chùa Đại ngộ, và được hình tướng trong Pháp giới để ta có thể Đức vào tay của Triệt Ông Nghĩa Hanh, đệ tử của Sư cứu độ chúng sanh mọi nơi. thuở những năm trong bóng tối ở Vân Cư Am, và là quản chúng chùa Đại Đức từ lúc khánh thành. Triệt Ông, một Đối với một thiền sư, một cái chết lý tưởng theo truyền người quản lý giàu năng lực và dũng mãnh, làm trụ trì thống gồm có những yếu tố như ấn chứng người kế thừa, suốt ba mươi mốt năm. Ngài thu phục nhiều nhà quý tộc phó chúc cuối cùng, làm kệ từ thế, và có khả năng thị tịch tiếng tăm và chiến sĩ thành đệ tử của mình và thí chủ của trong tư thế tọa thiền. Quyết định của Đại Đăng noi chùa, ổn định chùa Đại Đức trong tình hình gay go về gương cái chết của các vị tiền bối chắc chắn được cảm chính trị lẫn kinh tế. Triệt Ông quá nhiệt thành trong việc ứng từ lý tưởng này và truyền thuyết từ xưa. Tuy chúng ta giáo dưỡng đệ tử nên có lần hăm sẽ cắt lưỡi mình nếu không thể biết Xuân Tác đã thêm thắt những điểm nào để không có ai kiến tánh trong mùa tu chín mươi ngày. phù hợp với mẫu mực một cách sít sao, sự mô tả thương Khoảng giữa mùa tu Ngôn Ngoại Tông Trung (1315– tâm của ông đã bắt được trí tưởng tượng của thế hệ thiền 1390) chứng ngộ, và sau này Ngôn Ngoại trở thành pháp giả đời sau. Tại chùa Đại Đức chiếc y thấm máu vẫn tử truyền thừa của Triệt Ông. được tin là của Đại Đăng và được mang ra vào những dịp Vị đệ tử được Đại Đăng chọn làm trụ trì đầu tiên chùa lễ đặc biệt. Ba văn bản từ chính tay Đại Đăng sáng

tác Diệu Tâm là Quan Sơn Huệ Huyền, đã đến với Sư năm trong những ngày hoặc những giờ cuối cùng vẫn còn. 1329, vào cuối sự nghiệp tu thiền của cả hai thầy trò Một là tài liệu liên quan đến pháp y ca-sa của Đại Đăng (Quan Sơn lớn hơn Đại Đăng năm tuổi). Hai mươi năm được Nam Phố truyền trao, hai là giấy chứng nhận Triệt trước, hai người đều là môn đệ đồng song của Nam Phố Ông Nghĩa Hanh kế thừa Đại Đăng làm trụ trì chùa Đại trong thời gian ngắn. Dưới sự giáo dưỡng của Đại Đăng, Đăng. Văn bản thứ ba là bài kệ từ thế của Sư: Quan Sơn chứng ngộ qua công án "Quan" của Vân Môn, Ta chặt đứt tất cả chư Phật và chư Tổ, cũng công án này đã đẩy Đại Đăng đến giác ngộ. Ở chùa

266 275

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

8.000 đấu năm 1386. Tuy nhiên chùa Đại Đức chưa bao giờ thực sự được tiềm lực may mắn này từ sự cúng dường thanh gươm Tâm của ta mài bén cạnh. của thí chủ: khi Hậu-Đề-Hồ rời khỏi chính quyền một Bánh xe cơ duyên bắt đầu quay – năm sau khi Đại Đăng tịch, tài sản của chùa tuột xuống, và không thể nào đòi hỏi yêu sách này. Ba mươi lăm năm cái không nghiến chặt răng. sau, lợi tức chính thức hạ xuống hơn 80 phần trăm, chỉ còn 433 đấu. Nếu không có những tài liệu chắc chắn thì Ngay cả hình thức bài thơ đã gây cảm xúc: mười sáu khó mà ước lượng được số tăng chúng chùa Đại Đức chữ được chia đều hoàn hảo trong bốn hàng thẳng đứng trong những năm cuối đời Đại Đăng. Tác giả tự truyện (*hình 5), trên cuộn liễn giấy rộng một yard và cao mười không nói đến con số, tuy Cự Hải bảo rằng "thiền sư tụ bốn inches. Tính súc tích của ngôn ngữ truyền đạt tiềm tập rất đông để nghe Sư giảng dạy", và "tăng sĩ chạy đến năng tập trung (định lực) của Sư, và mỗi dòng chỉ rõ một Sư từ khắp nơi". Sự hiện diện của một bậc thầy đáng kính kiểu động tác kỳ lạ chặt, mài, quay, nghiến. Đại Đăng bắt và có uy tín đối với quần chúng cộng thêm sức thu hút từ đầu bằng cách nói rằng mình không cần đến chư hiền hai Nhật hoàng bảo trợ chắc chắn đã lôi kéo nhiều đệ tử thánh quá khứ (đã chứng Phật đạo). Ngụ ý sau này sự mến mộ. Một con số xuất hiện trong một sắc luật của phân biệt thông thường giữa người "giác ngộ" và "vô Hậu-Đề-Hồ năm 1333, khi Nhật hoàng tán thán chùa Đại minh" không còn liên quan đến Sư nữa. Thanh "gươm Đức có "hằng ngàn tăng sống an ổn", nhưng đó là một tâm" ở câu thứ hai là dịch thoát chữ "kiếm thổi lông" 16 , cách tuyên bố. Một chỗ trong Đại Đăng Ngữ Lục có nói theo một tích xưa có thanh kiếm rất bén đến đỗi để lên sợi đến một vị tăng thỉnh cầu Đại Đăng thuyết giảng cho tóc hay lông thổi nhẹ liền đứt ngay. Thanh kiếm này là "bảy mươi thiền sinh đang có mặt". Tuy không còn danh biểu thị trí tuệ giác ngộ cắt đứt vô minh, và đã xuất hiện sách tăng chúng vào thời Đại Đăng, pháp tử của Sư là trong câu cuối bài kệ từ thế của Lâm Tế: "Khi dùng xong Triệt Ông đã bảo quản ngữ lục chu đáo. Khoảng năm thanh kiếm thổi lông, phải nhanh chóng mài bén". Vừa 1368 Triệt Ông liệt kê danh sách tăng chúng chùa Đại dùng xong thanh kiếm chặt đứt tất cả chư Phật, Đại Đăng Đức và hai chùa chi nhánh: Đại Đức tự có 180 tăng, cũng phải mài bén – bằng cách xóa bỏ ngay cả khái niệm Chánh Truyền am 24 và Đức Thiền tự 14. Bởi vì danh đã chặt đứt chư Phật". sách tăng chúng ở chùa chi nhánh đều có bản sao trong "Bánh xe

cơ duyên” trong câu ba, Đại Đăng đã nêu ra danh sách chùa Đại Đức, số thực tế tổng cộng 191. ba mươi năm trước đây trong bài thơ chứng ngộ, một Những con số này cho thấy qui mô hội chúng do Đại bước ngoặt chuyển tiếp có tính cách quyết định. Bất cứ Đăng lãnh đạo, sự mất mát cả hai Đại Đăng và sự bảo trợ lúc nào bánh xe này quay thì cả một thế giới mới được của Hậu-Đề-Hồ được Triệt Ông bù đắp bằng sự củng cố thể nghiệm. Câu mạnh mẽ nhất trong bài thơ là dòng tổ chức ở chùa trung ương lẫn địa phương. Với một cộng cuối, “cái không nghiến chặt răng”. Chính bản thân Đại đồng gần hai trăm tăng Đại Đức tự được xếp vào cơ sở Đăng đang nghiến chặt răng chịu đau, chẳng gì khác hơn thiền trung bình: có vô số chùa nhỏ hơn, nhưng hơn nửa là cái không. Đồng thời, cái chết sắp nuốt chửng toàn chục thiền viện xây dựng lớn lao có từ một ngàn đến hai 16 Xuy mao kiếm (D.G)

274 267

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

thân Sư, và có lẽ cái chết đang nghiến chặt răng vì thua xác nhận giới hạn đất đai của chùa Đại Đức ở Kyoto, diện cuộc nếu Đại Đăng thực sự giải thoát khỏi sợ hãi và trói tích khoảng hơn mười hai acres. Dù đất đai cũng khá đủ buộc. Trong bài kệ này và trong bài tường thuật của Xuân để dựng một thiền viện qui mô to lớn, chỉ có hai tòa nhà Tác về lúc thị tịch của Đại Đăng, có thể là Sư không đạt quan trọng được xây cất trong thời gian Đại Đăng làm trụ chỗ mong cầu của Đại Huệ được “an trú trong tâm thái trì. Một là Pháp đường khánh thành năm 1326, và hai là chính chân”. Nhưng một vị thiền sư đã giác ngộ thì chắc phương trượng của trụ trì do vị trụ trì tông Thiên Thai là rằng sẽ vượt qua cái chết bằng cách là một với nó nếu Huyền Huệ cúng dường. Thông thường một tòa nhà hoặc thành tựu được điều này thì nghiến chặt răng sẽ không bảo tháp dành cho vị sáng lập được xây thêm ngay sau khác với nụ cười “vi tiếu” của đức Phật. khi viên tịch, nhưng Đại Đăng ngăn cấm một công trình Bài kệ từ thế này là một tạo tác chấn động trong Thiền kỷ niệm như thế: “Khi ta qua đời, hãy để xương cốt của ta biện tài của Đại Đăng. Dù cho đặt ra vào giây phút cuối trong tòa phương trượng. Không nên xây tháp riêng để cùng hoặc đã chuẩn bị trước đó, bài kệ cho thấy Sư đã thờ. Ta có lý do của ta, và tin rằng các ông sẽ tôn trọng tháo mở những qui ước phàm lệ trong truyền thống tôn lời yêu cầu này”. Do đó không một tòa nhà nào của vị giáo và khung cảnh văn hóa của Sư, trong đó hầu hết khai sơn được xây thêm, và một góc nhà kỷ niệm, gọi là những kinh nghiệm hậu quả về cuộc đời cũng là chủ đề Vân Môn Am, vẫn nằm trong phương trượng của vị trụ trì. Đệ tử kế thừa của Đại Đăng là Triệt Ông đã xây thêm cho thi ca và thư pháp. Ảnh hưởng Trung Hoa lâu bền có Phật điện và ngôi chùa chi nhánh đầu tiên của Đại Đức tự thể thấy trong sự chọn lọc ngôn ngữ (Kanbun) của Đại là Đức Thiền tự. Hầu hết các công trình kiến trúc ban đầu Đăng và ý hướng về Lâm Tế. Rõ ràng bài kệ của Đại của chùa Đại Đức bị hỏa hoạn vào giữa thế kỷ 15, và gốc Đăng không truyền đạt bất kỳ một phương diện nào lộn gác những cơ sở khác như cổng chánh hoặc tăng đường xộn, mất tự chủ, hoặc đau đớn khổ sở của cái chết. Chẳng không thể xác định ở đâu. So với các tu viện lớn ở Kyoto những Sư bố trí và cân đối thật đẹp mười sáu chữ trong và Kamakura (và vẻ tráng lệ sau này của thành phố), chùa bài

thơ, Sư còn đưa vào ngày tháng, chữ ký (hoa áp) của Đại Đức trong thời Đại Đăng phải là một ngôi chùa tương mình, và câu từ biệt ngắn: “Bảo trọng, quản chúng và đối đơn sơ, với quần thể ngăn nắp bao vây bởi những toàn chúng”. Thật là lý tưởng, tài ba của một bậc thầy cánh đồng nông trại và khu rừng yên tĩnh. Lúc Đại Đăng làm thơ phù hợp với chỗ chứng nghiệm tôn giáo của mình viên tịch đất đai của chùa Đại Đức rất có giá trị, ít nhất là (và ngược lại). Ít nhất đối với pháp tử của Đại Đăng, cuộn trên giấy tờ. Sáu trong số doanh thu của chùa được miễn liễn giấy này là biểu tín hàng đầu của Thiền Đại Đăng thuế nhờ sự can thiệp của viên chức địa phương. Khi biện tài, trong đó cái chết đã biến thành chẳng những là Hậu-Đề-Hồ ban hành một loạt sắc luật thời Kiến Vũ Phục tỉnh giác mà còn là thi ca và thư pháp. Hưng, Ngài gia tăng lợi nhuận chính thức của chùa lên đến 7.600 đấu gạo, có thể cung ứng cho hai ngàn tăng LÃNH VỰC ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG chúng. Mức thu này cũng gần bằng tài sản của các ngôi chùa lớn trong Ngũ Sơn lúc uy thế lên cao nhất; ví dụ, Hầu hết các tác giả niên phổ thời trung đại và thời nay Thiên Long tự nhận số thuế thuộc đất đai của chùa là đều mô tả Sư là nhà lãnh đạo Thiền giới thời đó, và họ

268 273

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

thông báo cho toàn chúng, rồi hướng dẫn tất cả đến gợi ý chùa Đại Đức là một cơ sở vĩ đại trong thời gian vị sáng lập thị tịch, “Chẳng bao lâu quần thể nhà chùa mọc trước cổng chùa Nam Thiền tụng kinh và phái hai vị đầy những bảo tháp cao ngất và cổng vào oai vệ, và Đại thị giả đến thắp hương hoài niệm. Đức tự trở thành ngôi đại thiền viện tổ đình”, tác giả tự truyện Cự Hải đã tả ra một cách hoan hỉ như thế. Một học Vị thiền sư Trung Hoa di dân Thanh Chuyết Chánh giả thời nay là Ogisu Jundò tin chắc rằng Đại Đăng được Trừng (tức Đại Kinh 1274–1339) là trụ trì một đại thiền công nhận thành tựu rất lớn trong đạo nghiệp của mình, là viện ở địa điểm ngang qua thành phố đi từ chùa Đại Đức. một trong hai vị thầy lãnh tụ thời này với danh xưng “hai Ngài không thể đến gặp Đại Đăng, hoặc tham dự lễ tang cổng trụ sương móc”. Osigu còn khẳng định rằng Đại có lẽ bắt nguồn từ những duyên cớ chính trị – là trụ trì Đức tự “càng thành tựu rất xuất sắc” trong những năm chùa Nam Thiền không thể mạnh dạn ra mặt ủng hộ một cuối đời của Đại Đăng, khi trung tâm chánh quyền dời từ ngôi chùa liên hiệp mật thiết với Hậu-Đề-Hồ, và ưu thế Kamakura đến Kyoto. Những phát biểu như thế càng thổi của Đại Đăng không đủ gạt bỏ óc bè phái của thời cuộc. phồng những thành tựu đầu tiên trong lãnh vực công Hơn nữa, sự ngạc nhiên của Thanh Chuyết khi nghe bài chúng. Khi Sư viên tịch năm 1337, Đại Đức tự là một kệ từ thế của Đại Đăng “Tôi chưa hề nghĩ rằng tìm được ngôi chùa hạng trung, và vùng ảnh hưởng của vị trụ trì một thiền sư sáng mắt ở Nhật Bản!” hầu như truyền đạt cũng hạn chế một cách tương xứng. Khác với các vị đồng cảm nghĩ rằng những sự thành tựu của Đại Đăng được thời, Đại Đăng chỉ tác động ít trên chính sự thời bấy giờ. công nhận rộng rãi trong Thiền giới. Có một lần các tướng lãnh họ Trúc Lợi thắng trận, Sư Ý định đầu tiên của Xuân Tác khi dẫn ra lời ca tụng không có khả năng dứt bỏ sự liên kết với Nhật hoàng của một vị thiền sư khác là muốn đề cao Đại Đăng, và Hậu-Đề-Hồ hoặc bảo vệ ngôi

chùa của mình tránh khỏi phản ứng của Thanh Chuyết phù hợp với chủ đề chính mối đe dọa đảo lộn vận mạng. Khác với Sư, Mộng Song trong sự nghiên cứu hiện thời: Đại Đăng quả là một trong xoay sở để đi trước một bước khi các thí chủ của mình những vị thiền tăng Nhật đầu tiên đạt đến trình độ của các bại trận, và vì là cố vấn của họ Trúc Lợi thắng trận, Ngài bậc tiền bối Trung Hoa lỗi lạc trong sự triệt chứng Thiền tham gia trực tiếp vào chính sách quốc gia nhắm đến các và diễn tả Thiền. Một sự thừa nhận chắc chắn không nghi qui chế tôn giáo. Chỉ duy nhất một chuyện được kể lại mà Thanh Chuyết có thể phê phán sau khi nghe bài kệ giữa Đại Đăng và nhà lãnh đạo quốc gia chạm đến đề mười sáu chữ là bằng chứng hiển nhiên đối với sự tin mục chính trị. Khi cuộc nổi dậy đầu tiên của Hậu-Đề-Hồ nhận rằng chứng ngộ Thiền có thể truyền đạt qua ngôn năm 1331 thất bại, Nhật hoàng buộc phải bỏ chạy đến ngữ, và đặc biệt là qua thi ca. Một dấu hiệu quan trọng Kasagidera trong dãy núi ở Nara. Từ nơi ở bị quản thúc, cho thấy tác động trực tiếp của Đại Đăng là tình trạng Nhật hoàng gửi một sứ giả đến Đại Đăng hỏi, “Cái gì là chùa Đại Đức trong những năm cuối đời của Sư. Tuy các đại ý Phật pháp?” Sư đáp, “Khi hai cánh quân đối diện sử liệu không được đầy đủ lắm, cũng cho phép chúng ta với nhau, không còn gì khác nữa”. Cuộc đối thoại này thừa nhận ba vấn đề có liên quan: quần thể ngôi chùa, đất quá khó hiểu khiến ta không thể phán đoán Hậu-Đề-Hồ đai, và số tăng chúng trong chùa. Năm 1333, Hậu-Đề-Hồ có tìm được hay không một sự an ủi, một chỗ ủng hộ

272 269

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

chính trị, hoặc hướng dẫn tâm linh. Ogisu (viết trong thế truyền đạt mối bất hòa song song với sự khởi đầu Thiền chiến thứ 2) bình câu trả lời của Đại Đăng có tính hiếu tông Nhật Bản. Việc kiến tạo chùa Diệu Tâm vào năm chiến: “Khi hai cánh quân đối diện với nhau, không gì cuối đời của Đại Đăng là một dẫn chứng về đặc tính ảnh khác hơn là giáp mặt mũi tên của quân thù và đâm đầu hưởng của Sư. Đại Đăng trong sự hợp tác chặt chẽ với tấn công”. Dù cho lời bình câu trả lời của Đại Đăng có Nhật hoàng Hoa Viên đã dàn xếp để cho đại đệ tử của được hiểu như thế vào thời đó, cũng chỉ tác động yếu ớt mình là Quan Sơn Huệ Huyền làm vị giáo thọ thường trụ trên kế hoạch quân sự hoặc sự phát triển tâm linh của tại Diệu Tâm tự. Cho dù sự mở mang này xác minh công Hậu-Đề-Hồ. Thế đứng chính trị mong manh của Đại việc của vị trụ trì sáng lập chùa Đại Đức tiến triển tốt đẹp, Đăng càng mong manh thêm vì một câu chuyện xấu số cũng có ý nhắc đến sự xích mích giữa hai triều đình: Đại của vị đệ tử thân tín nhất. Niên Phổ của Trạch Am kể câu Đăng muốn củng cố mối quan hệ với Hoa Viên một khi chuyện vào phần mở đầu của năm 1337. sự liên kết với Hậu-Đề-Hồ trở thành một món nợ. Sự Thời gian này Cựu hoàng đế [Hậu-Đề-Hồ] đã lập triều thành công cụ thể của Đại Đăng trong việc tạo dựng ngôi thiền viện thứ hai oái oăm thay lại dẫn đến rạn nứt trong đình tại Kanao ở Yoshino. Sư [Đại Đăng] cử vị tăng dòng phái của Sư chỉ trong vòng vài thế hệ (một hậu quả quản chúng là Liễu Nghĩa mang thư đến cựu hoàng có thể đoán trước). Tuy Ogisu nói rằng Đại Đăng là một đế. Chế độ quân sự tổ chức nhiều lính gác trạm canh trong hai vị thiền sư kiệt xuất của thời đại, một câu chuyện trong

Hành Trạng của Xuân Tác đã tình cờ cho và kiểm soát gắt gao sự đi lại. Vào lúc này, quốc sư biết ảnh hưởng của Đại Đăng gắn bó với Thiền giới như Mộng Song ở chùa Thiên Long được nhiều người cải thế nào. Vừa kể xong cái chết của Đại Đăng, Xuân Tác bảo: đạo quy y, và có tín đồ trong chế độ quân sự. Một lính Thiền sư Đại Kinh [Thanh Chuyết] là trụ trì chùa Nam gác trạm canh hỏi Liễu Nghĩa, "Nếu ông là đệ tử của Thiền. Khi Ngài nghe một người đọc bài kệ từ thế của quốc sư Mộng Song, ông sẽ được tự do qua trạm". Đại Đăng, rất đỗi ngạc nhiên. Ngài bảo: "Tôi chưa hề Liễu Nghĩa đáp, "Nếu chỉ để cứu mạng mình, làm sao nghĩ rằng tìm được một thiền sư sáng mắt ở Nhật Bản! mà tôi có thể làm mất danh dự y bát [của một tu sĩ] Tôi mong muốn được gặp khi Sư còn sinh tiền, nhưng được?" Cuối cùng ông đưa cổ ra dưới lưỡi gươm sáng ai cũng chống cản và tôi bị cấm không đi được. Bây chói của người lính. Một dòng sữa trắng phun ra và giờ tôi rất tiếc". Ngài mong muốn dự đám tang của Sư, chảy xuống đất. nhưng không đi được vì phải tiến hành lễ cầu nguyện Trạch Am không nói rõ cái chết của Liễu Nghĩa có âm cho triều đình. Ngài cử một vị tăng đến hỏi giờ bắt đầu vang gì không; ông chỉ dẫn ra một trường hợp hy sinh khác trong Phật giáo cũng có dòng sữa trắng phun ra. Dù lễ tang, và ngay khi vị tăng trở về cho biết, Ngài liền cho Trạch Am kể chuyện không thể kiểm chứng, cũng

270 271

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

Trong nội bộ các chùa thuộc tổ đình Đại Đức, vào Ngũ Sơn chắc chắn có ảnh hưởng nhất về xã hội, là ngày 22 mỗi tháng, các vị đương kim trụ trì của hai mươi bốn chùa chi nhánh tập hợp làm lễ tưởng niệm vị khai tổ khu vực mạnh nhất về kinh tế của Thiền tông trung của mình. Nghi lễ bắt đầu với sự tụng kinh và cầu nguyện đại. Hơn nữa, mạng lưới nối kết đầy đủ và mở rộng từ ở Phật điện, rồi các vị trụ trì hành lễ nơi phòng thờ Đại Kyoto đến Liêm Thương ngang qua tất cả tỉnh nước Đăng trong phương trượng thuở xưa. Họ dâng hoa, trà xanh, và các phẩm vật khác đặt trước tượng gỗ bằng Nhật, và các tu viện Ngũ Sơn là trung tâm trình bày và người thật của Đại Đăng. Vào tháng mười một hằng năm phổ biến chẳng những Thiền Phật giáo mà còn cả văn nghi lễ này tiến hành trước toàn chúng trong Pháp đường. hóa và học thuật Trung Hoa, góp phần lớn lao vào đời Những người có mặt gồm đại biểu của hoàng gia, các vị trà sư tiếng tăm, khoảng hơn mười vị trụ trì các tu viện sống trí thức và văn hóa phong phú cho thời trung đại. khác, và tất cả tăng chúng chùa Đại đức và Diệu Tâm. Kỷ Vì lý do chính trị và môn phái, Đại Đức tự và Diệu niệm năm mươi năm ngày Đại Đăng viên tịch đã cử hành Tâm tự từ chối quyền lợi gia nhập Ngũ Sơn. Năm 1334, đại lễ long trọng và trang nghiêm. Một tuần lễ hội kỷ trước khi họ Trúc Lợi lên nắm chính quyền, Hậu-Đề-Hồ niệm năm thứ 650 tổ chức vào tháng 5 năm 1983, hơn ba đặt chùa Đại Đức là đệ nhất trong Ngũ Sơn. Nhưng vinh ngàn quan khách đến dự từ khắp nước Nhật. Bức tượng dự này chỉ được hưởng vài năm, mất hẳn trong Ngũ Sơn của Đại Đăng được dời lên bệ đài cao trong Pháp đường chí đến 1386, và Đại Đức tự tuột xuống hạng thứ chín của đầy cờ xí sáng chói, đông đủ những vị trụ trì trong pháp y hai phần ba (thứ mười là Long Tường tự, một ngôi chùa đại lễ cử hành chín khóa lễ kỷ niệm riêng biệt.

Nhật chi nhánh của Đại Đức). Đại Đức tự giữ vị thế thấp đến hoàng Chiêu Hòa (1901–1989) gửi cúng dường của riêng 1431 khi đó rút hẳn ra khỏi Ngũ Sơn. Diệu Tâm tự với hoàng đế và chính thức phong tặng Đại Đăng tước hiệu danh xưng là "lâm hạ" trước sau đều bị loại khỏi cả trong mới. Ấn bản khắc gỗ mới của Đại Đăng Ngữ Lục, bản ba phần. Ngược lại với sự phồn thịnh của các thiền viện sao của ấn bản năm 1621, được phân phát cho số quan lớn trong Ngũ Sơn, chùa Đại Đức vẫn kéo dài đời sống khách chọn lọc. Hai dự án in ấn cũng để kỷ niệm ngày lễ: tương đối khắc khổ ít nhất một thế kỷ sau khi Đại Đăng toàn bộ ba quyển thư pháp của Đại Đăng và bộ sưu tập tịch. Chùa mất hết bốn hoặc sáu phần đất đai nông thôn nhiều quyển gồm các ngữ lục của những vị trụ trì lãnh giữa 1334 và 1371, và lợi tức hằng năm hạ xuống chỉ đạo chùa Đại Đức. bằng sáu phần trăm doanh thu các chùa lãnh đạo cỡ như Thiên Long tự. Ngân quỹ hạn hẹp đã ảnh hưởng đến gần HẦU NHƯ CŨNG MỘT CON ĐƯỜNG ẤY như mọi khía cạnh đời sống của chùa Đại Đức, từ việc bảo trì phòng ốc trong chùa cho đến tổ chức hành lễ. Diệu Ngay sau khi đạt ngộ, Đại Đăng chạy đến thầy Nam Tâm tự, không giàu có bằng Đại Đức tự, gặp khó khăn Phố nói rằng, "Hầu như cũng giống con đường ấy!" trong cuộc lật đổ chính trị năm 1399, khi vị trụ trì bị buộc Trước ngữ này có thể tổng quát hóa nhận thức của người tội âm mưu với chiến sĩ phản loạn là Đại Nội Nghĩa Nhật về Thiền tông và vị trí của Đại Đăng trong dòng Hoằng (1356–1399). Viên tướng quân Trúc Lợi Nghĩa

288 277

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

Mãn nổi giận tịch thu tất cả đất đai ở nông thôn và Kyoto của chùa Diệu Tâm, bắt đổi tên chùa và giải tán tăng Nhân cảnh đều đoạt. chúng. Nghèo nàn gần bốn mươi năm sau khi Quan Sơn Nhân cảnh đều chẳng đoạt. tịch, ngôi chùa chi nhánh trong tông môn của Đại Đăng gần muốn đứt hơi. Chính trong thời gian sự nghiệp của Khi Đại Đăng bình chú công án này, Sư chỉ thêm một hàng hậu bối suy sụp thấp kém. Đại Đăng và một tăng trước ngữ cho mỗi câu trong bốn câu này (tắc thứ tám nhân chùa Đại Đức là Xuân Tác Thiền Hưng khởi sự biên trong chương sau). Ở chùa Đại Đức ngày nay, tu tập soạn tự truyện đầu tiên của vị thầy tiên đức. Ông hoàn tất trước ngữ có nhiều cấu trúc hơn và phức tạp hơn. Đối với Đại Đăng Quốc Sư Hành Trạng năm 1426. Như chúng ta mỗi câu trong công án này thiền tăng phải chọn sáu hoặc đã thấy, tác phẩm này phác họa chủ đề là một con người bảy trước ngữ đủ loại, trong một câu đặc biệt. Rồi họ phải anh kiệt trong đạo đã sống một cuộc đời đậm nét bởi tìm ra câu kết để bình chú toàn bộ công án. Những công những biến động ly kỳ, và tự truyện đã tạo ra một cách án khác được chia ra và bình chú cùng một phương thức; quyết đoán hình ảnh một bậc thầy của hậu thế. Theo nhất là một công án phức tạp đòi hỏi nhiều chừng năm Xuân Tác, có những điểm kỳ diệu đi chung với quan mươi câu khác nhau. Thiền tăng tu trong thiền viện thời điểm của Đại Đăng và sự ra đời của Sư, và Sư đã sớm gian đủ lâu gần cuối giai đoạn thiền tập chính thức cũng phát tiết tuệ giác khi còn là một đứa trẻ. Đại Đăng chắc dùng trước ngữ để viết bình chú các công án. Các tiểu chắn gây ấn tượng cho các vị thầy của mình, khiến có sự luận này thường viết bằng Kanbun với bút lông.

Tuy sự so sánh với thiền sư Vân Môn và báo trước tương lai sẽ liên kết lịch sử giữa việc sử dụng trước ngữ của Đại Đăng thành công sáng chói. Quyển tự truyện đầu cũng nhấn và hệ thống hiện nay có loãng nhẹ, cũng nên có một sự so mạnh việc Đại Đăng được hai vị Nhật hoàng bảo trợ, nêu sánh. Trong khi Đại Đăng sáng tác công án riêng của lên lời tuyên bố của họ, đối đáp giữa họ với Sư, và tước mình hoặc trích dẫn từ những nguồn tư liệu rộng lớn, hiệu họ đã phong cho Sư. Là trụ trì chùa Đại Đức, "Sư có hành giả bây giờ hạn cuộc trong những câu và bài thi kệ vẻ uy nghiêm của một ông vua, và người ta không dám thuộc những tuyển tập chuẩn. Trong khi Đại Đăng thay đến gần Sư". Giai thoại đáng nhớ về cái chết của Đại đổi câu giải đáp cho mỗi công án hoặc mỗi bản văn mỗi Đăng do Xuân Tác ghi, bổ túc khuôn mẫu của một tự khi gặp phải, truyền thống hiện nay quy định rõ những truyện thánh sử, đã củng cố việc tôn vinh Đại Đăng lên vị câu trả lời được chấp nhận. Đại Đăng thực sự ghi dấu lập thế một bậc Tổ sư. Thế hệ đời sau, Nhất Hưu Tông Thuần trường trung dung trong quá trình chính thức hóa dần dần là người đầu tiên trong nhiều vị thiền sư có ảnh hưởng đã thể loại này. Trong khi những bình tụng của Viên Ngộ đóng góp lớn lao vào sự nổi tiếng của Đại Đăng. Nhất đầy tính sáng tạo và thông tục, Đại Đăng sẵn sàng phô Hưu, thuộc dòng của Triệt Ông, nghĩ rằng chỉ mình ông bày xu hướng Nhật Bản để trích dẫn những nguồn tài liệu là nắm được tinh thần Thiền chân chính của Đại Đăng. khác, nhất là có giá trị văn học. Sự lặp lại những song cú Ông tự gọi mình là "con cháu của Đại Đăng" trong thời Trung Hoa xác nhận khuynh hướng này: Viên Ngộ bất kỳ kình chống mãnh liệt giữa các dòng phái Mộng Song, chấp, Đại Đăng tùy lúc diễn ra, và sách vở trước ngữ hiện Viên Nhĩ, Triệt Ông và Quan Sơn. Là một nhà thơ tâm đại lại tôn trọng những song cú.

278 287

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

kiến với thầy bốn hoặc năm lần mỗi ngày. Khi một hành hồn phong phú, Nhất Hưu trả lời mỗi câu trong "tam giả giải đáp một công án được giao, và muốn vị thầy hài chuyển ngữ" của Đại Đăng bằng một bài thơ, và ông làm lòng, người ấy bày tỏ tinh thần công án bằng một câu bài kệ bốn câu tán thán Đại Đăng, Triệt Ông, Nam Phố và hoặc bài kệ tương ưng rút ra từ tập trước ngữ chuẩn. Tuy Hư Đường. Khi chùa Đại Đức bị hăm dọa vì tình hình trước ngữ tự nó không có gì bí ẩn, việc ứng dụng để giải chính trị rối loạn và thời cuộc lửa đạn khoảng thời gian đáp công án được các môn phái Lâm Tế khác nhau bảo cuộc nội chiến Ứng Nhân (ònin), từ 1467 đến 1477. Nhất vệ triệt để. Để tham dự vào buổi tham kiến với thầy, thiền Hưu đích thân bảo vệ thư pháp và những di vật quý báu sinh sử dụng từng thời khắc rảnh rỗi nghiền ngẫm các ấn của Đại Đăng. Như chúng ta đã thấy, ông phê bình Xuân bản tuyển tập trước ngữ loại bỏ túi, một việc làm phải Tác vì đã quá chú trọng đến mối liên quan giữa Đại Đăng được giữ kín trong chùa (vì đọc sách không được khuyến và hoàng gia: khích). Ở buổi tham thiền kế tiếp, một câu hoặc một bài Đưa cao ngọn Đại Đăng chiếu sáng thấu trời. kệ khác sẽ được nêu lên cho đến khi vị thầy chấm dậu. Những khó khăn đều có thể gặp phải ở bất cứ điểm nào Ngựa xe vương triều bon chen trước Pháp đường, trong tiến trình tham thiền: một công án đã được giải đáp nhưng không một ai ghi nhớ quãng đời hai mươi năm tương

đối dễ dàng lại gay go khi bình chú, hoặc một công mưa gió dưới cầu Ngũ Điều. án nan giải một khi giải được sẽ bình chú dễ dàng. Nếu đòi hỏi nhiều trước ngữ trong một công án đã giao, vài Nhất Hưu là người đầu tiên nhấn mạnh giai thoại cầu câu đầu có thể tìm ra nhanh chóng, nhưng những câu còn Ngũ Điều và thậm chí đã mở màn cho sự kiện này. Cái lại sẽ là thử thách để khám phá. Khám phá được một câu nhìn lạ thường của ông về Đại Đăng bị Dưỡng Tẩu Tông hoặc kệ đúng ý thiền sinh thường la lên "A ha!" và vị Di, nắm quyền trụ trì chùa Đại Đức, bác bỏ và nói rằng, thầy chứng nhận. Lý tưởng nhất là một trước ngữ bình "Ở đây cần gì phải nói lên cái lạnh và cái đói trong việc chú được chấm sẽ chiếu tia sáng mới trên công án ghi lại cuộc đời vị ân sư của chúng ta?" Nhất Hưu và và/hoặc kích thích những câu hỏi mới để tham cứu. Đôi Dưỡng Tẩu đã công khai đụng chạm trên nhiều vấn đề, khi tuy một câu trả lời theo truyền thống xưa được vị thầy do đó thật khó thẩm định tính chất nghiêm túc trong sự thấy có triển vọng, một khi tìm ra, có thể cho điểm hành bất đồng ý kiến về vị thế của Đại Đăng là nhập thế hay giả thấp hơn những lần thi trước đã bị thầy chấm rớt. xuất thế. Nhất Hưu tự mình đặt ra ngoài tổ chức tôn giáo Trong giai đoạn tu cấp cao hơn, đa số các công án chia ra vào thời của ông, nên cũng dễ hiểu là ông đã liên kết thành từng phần, mỗi phần đòi hỏi một câu đáp và những năm trong bóng tối và gian khổ của Đại Đăng với (thường là) một câu trước ngữ. Ví dụ công án "Tứ Liệu tính chân chính trong Thiền của Đại Đăng. Với sự ủng hộ Giản của Lâm Tế" dĩ nhiên là chia thành bốn phần: mới từ các chiến sĩ đang lên nắm quyền và các thương gia giàu có, chùa Đại Đức bắt đầu hồi phục thời Nhất Hưu Đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. sinh tiền. Mối liên hệ giữa chùa với hoàng tộc được tái Đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. lập, và những thi nhân, trà nhân tham gia vào đã biến ngôi chùa thành một trung tâm văn hóa đương thời. Thế

286 279

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

kỷ 16 đất nước lại tang thương, xâu xé bởi nội chiến làm nghiệm Thiền, ngôn ngữ và nghệ thuật, nên thư họa của suy yếu chế độ Trúc Lợi và hệ thống Ngũ Sơn do chế độ Đại Đăng đã cô đọng Thiền biện tài của Sư. bảo trợ. Vào lúc nước Nhật thống nhất trở lại vào năm 1603, Đại Đức tự và Diệu Tâm tự càng hưng thịnh và có ĐẠI ĐĂNG VÀ THIỀN TÔNG HIỆN ĐẠI ảnh hưởng như bất kỳ thiền viện nào trong Ngũ Sơn. Chùa Đại Đức được người thứ hai trong "bộ ba thống Chùa Đại Đức ngày nay là một trong mười lăm ngôi nhất" là Phong Thần Tú Cát (1536–1598) cúng dường rất chùa đầu não của tông Lâm Tế. Tổ chức lớn rộng khắp dồi dào, ông thường xuyên viếng chùa để tham dự các nước của Đại Đức tự gồm có hai thiền viện hoạt động buổi trà đạo. Chùa Diệu Tâm trong lúc đó tìm được mạnh (ở Kyoto và Fukuoka, Cửu Châu), khoảng 200 chùa nguồn trợ lực khác: quản lý tài chánh mẫu mực, có mạng chi nhánh, và hơn 50.000 tín đồ. Về mặt cơ sở tổ chức, lưới chùa chi nhánh ở thôn quê, gia tăng sĩ số Phật tử cư Diệu Tâm tự vượt trội Đại Đức tự với 3.421 chùa chi sĩ. Chùa Diệu Tâm nắm quyền kiểm soát ít nhất năm nhánh và 847.700 tín đồ. Gia sản của Đại Đăng còn lại mươi thiền viện trước đây gia nhập Ngũ Sơn, và hiển không chỉ có tăng đường của chùa Đại Đức và Diệu Tâm, nhiên trở thành bản doanh của chi phái lớn nhất trong mà còn các thiền viện Lâm Tế

khắp nước. Đa số thiền tông Lâm Tế. tăng Lâm Tế tụng đọc bài Khuyến Văn Tối Hậu của Đại Hậu bối của Đại Đăng tiếp tục tôn vinh kỷ niệm của Đăng hằng ngày, trước thời thuyết pháp của vị giáo thọ Sư trong sự tu tập, hành lễ và trước tác. Trạch Am Tông và vào cuối ngày. Tầm quan trọng của sự tu tập sau khi Bành, vị trụ trì đời thứ 154 của chùa Đại Đức và là một chứng ngộ thường được liên tưởng đến Đại Đăng với hai trong các vị thiền sư có ảnh hưởng nhất thế kỷ 17, viết tự mươi năm ăn xin ở Kyoto. Nhóm công án chuẩn gồm có truyện thứ hai của Đại Đăng, thêm ngày tháng và tư liệu "ba chuyển ngữ" của Đại Đăng, hai đối thoại tham vấn mới vào từ quyển tường thuật đầu tiên của Xuân Tác. trong Ngữ Lục của Sư, và câu hỏi hắc búa: Thời đại Khoan Văn (1661–1673) đánh dấu cao điểm Quốc Sư Đại Đăng được gọi là Vân Môn tái lai, nhưng phồn vinh của chùa Đại Đức. Chẳng những ngôi chùa cả hai sống cách nhau nhiều trăm năm. Trong khoảng chính đông đúc những công trình kiến trúc mỹ thuật như cổng vào, điện đường, mà mỗi chùa trong hai mươi bốn thời gian đó họ làm gì? ngôi chùa chi nhánh đều tự hào về cấu trúc thanh nhã của Tu tập trước ngữ là một phần trong toàn bộ sự dụng các tòa nhà và vườn cảnh công phu. Tranh họa phong công của thiền viện Lâm Tế, tuy sự tương quan không phú, đồ sứ, trà cụ, ảnh tượng trên bệ thờ, phông màn, liễn nhiều giữa trước ngữ của Đại Đăng và trước ngữ đang đối thư họa của chùa Đại Đức tàng trữ hơn trăm năm dùng hiện nay. (Mặc dù bình chú trước ngữ của Đại Đăng thuộc về kho tàng nghệ thuật giá trị nhất của nước Nhật. giữ vai trò tiên phong, chỉ một số ít học giả và trụ trì chùa Vườn thiền của chùa cô đọng một cách mỹ thuật nhất Đại Đức biết đến.) Trong hệ thống hiện hành, thiền sinh trong thể loại này, và trà thất được đánh giá là nguồn khán công án tham khảo với vị thầy ở các buổi tham vấn mạch của trà đạo Nhật Bản. gọi là tham thiền. Trong thời kỳ thiền tập mãnh liệt gọi là kỳ tiếp tâm, thiền sinh tham dự có thể được bắt buộc diện

280 285

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

đầu trong Đại Đăng Ngữ Lục có tựa đề kỳ lạ: Hòe An Sự thẩm định về Đại Đăng gây ảnh hưởng nhất do Quốc Ngữ. Bạch Ẩn công nhận ngữ lục của Đại Đăng công trình của thiền sư Bạch Ẩn ở thế kỷ 18, theo truyền quả là khó, gọi đó là "một khối lửa đồ sộ rực cháy dữ thống Bạch Ẩn được xếp bên cạnh Đạo Nguyên trên đỉnh dội", và Ngài nhấn mạnh rằng chỉ có thể thực sự dò tìm cao của Thiền tông Nhật Bản. Bạch Ẩn được tán tụng vì sau khi ta đã giải đáp bảy công án cơ bản, kể cả công án khôi phục tinh thần sinh động của tông Lâm Tế qua chủ "Quan" của Vân Môn và "ba chuyển ngữ" của Đại Đăng. trương đặt nặng phần chuyên tu, hệ thống hóa công án, và Bạch Ẩn khi bình chú ngữ lục của Đại Đăng đã dùng xác nhận kiến tánh là đích điểm của cuộc sống thiền. hằng ngàn trước ngữ đầy màu sắc và thi kệ bình tụng hàm Giống như Nhất Hưu trong vài thế kỷ trước, Bạch Ẩn tin ý phong phú, hòa hợp tự nhiên tài liệu gốc với trích dẫn rằng mình là người duy nhất hiểu biết thâm mật Đại từ văn học tôn giáo và thế gian của Đông Á. Và tác phẩm, Đăng. Giai thoại về quãng đời ăn xin của Đại Đăng đã là một thử thách vĩ đại đối với tăng sĩ cũng như học giả, gây ấn tượng sâu sắc cho Bạch Ẩn, có lẽ vì Ngài hơi một được đánh giá là một trong những thành tựu hàng đầu của chút xuất

thế: ngôi chùa nhỏ của Ngài ở thôn quê cách xa Thiền Lâm Tế Nhật Bản: “Cho đến ngày nay không có bản doanh của hệ phái chùa Diệu Tâm ở Kyoto. Là một quyển sách nào qua mặt nổi”, Yanagida Seizan đã viết họa sư thiên tài với phong cách mạnh bạo và tự nhiên, như thế. Trong hai trăm năm trôi qua Đại Đăng được nhìn Bạch Ẩn vẽ chân dung Đại Đăng là một người ăn mày bao quát trong đôi mắt của Bạch Ẩn, với hình ảnh sáng chân trần và râu ria, áo sống tơi tả nhưng tia mắt nhìn dữ chói và lời bình đầy tự tin Bạch Ẩn đã đưa ra một luận tợn rất sinh động. Hàng chữ viết trên một bức chân dung giải rất quyết đoán về cuộc đời và giáo lý của Đại Đăng. (*chương 3 hình 2) ám chỉ giai thoại Nhật hoàng Hoa Viên khám phá ra Đại Đăng: Một phạm vi xa hơn nữa trong tổ vị của Đại Đăng là tiếng tăm của một nhà thư pháp kiệt xuất Nhật Bản. Khoác chiếc áo rơm giữa đám ăn mày, Trong Thiền, thư pháp được xem là sự diễn bày thâm mật về cá tính và sức tỉnh giác của một người, tương tự như Vì thích ăn dưa ngọt bức ảnh chụp nhanh của tâm thức. Thể điệu rõ ràng của Đại Đăng tan hòa với khí lực và thanh nhã. Những người nên bị bắt sống. thành thạo tìm cách so sánh, đã chọn Hoàng Đình Kiên Câu thứ hai trong bài kệ cũng khơi dậy lòng khát vọng (1045–1105), một nhà thư họa Trung Hoa lỗi lạc sống tu hành mãnh liệt của Đại Đăng đã khiến Sư bị “nuốt trước Đại Đăng gần hai trăm năm. Ở Nhật, hầu hết các trọn” vào cảnh giới giác ngộ. Trong tác phẩm khác Bạch bức thư họa của Đại Đăng được sung vào “bảo tàng quốc Ẩn đề cập đến lý tưởng xuất thế gian, như cuộc sống gia” hoặc là “gia sản văn hóa quý trọng”, và tác phẩm của nghèo khổ của Đại Đăng đã tiêu biểu cho chân thiền: Sư xuất hiện đều đặn trên sách vở, báo chí và trong các Không một điều gì nơi các vị Tổ sư toát ra mùi vị của cuộc triển lãm. Bộ sưu tập thư họa của Đại Đăng, cộng thêm của hàng con cháu của Sư, được gọi là “một bộ sưu những điện đường lầu các oai vệ trong chùa. Các vị tập đẹp nhất còn tồn tại”. Vì là một tổng hợp của chứng xem chẳng ra gì mọi thứ hoan hô nồng nhiệt của đám

284 281

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

đông. Các vị sống đời mình trong am thất hang động la lên: “Ta sẽ chém nhát đầu tiên với lưỡi gươm dài hoang sơ, luộc rau cỏ trong nồi đất sứt chân để sống. của ta. Lượt sau mới đến tụi bây!” Bọn hung ác chen Các vị cúi mình chỉ để đền đáp trọng ân chư Phật và nhau đến người đang ngồi yên, hăm he như thế và chư Tổ, và để truyền trao vài câu vài chữ về chứng tuốt gươm ra. ngộ làm bối rối thế hệ đời sau. Nhưng Diệu Siêu không tỏ một dấu hiệu nào sợ sệt, Trong đoạn này chúng ta có thể nghe âm vang bài Sư vẫn ngồi rất thẳng, thật lặng lẽ và an lạc chẳng hề Khuyến Văn Tối Hậu của Đại Đăng mà Bạch Ẩn thường bận tâm. Một tên trong bọn vô lại dừng lại, nhìn Sư hay chép ra. hơi lâu và kỹ, và rồi cả bọn đều chắp tay cung kính. Bạch Ẩn không ngần ngại thêm vào những mẩu Một tên nói: “Nếu làm cho vị tu sĩ tôn kính này chết thì chuyện mới trong huyền thoại về Đại Đăng để truyền thông tính hạnh và sự tỉnh giác của vị thầy. Trong một tự gươm đao của chúng ta sẽ cùn lụt hết. Rồi thì ác truyện tên là Bích Sanh Thảo (Itsumadegusa), Bạch Ẩn nghiệp do hành động này sẽ đổ lên đầu chúng ta!” Cả kể lại một câu chuyện không thấy trong nguồn tài liệu đầu tiên: bọn liền quăng hết gươm

đao bỏ chạy. Quãng đời của Diệu Siêu [Đại Đăng] tự quên mình Về sau Diệu Siêu viết bài kệ: trên bờ sông Gia Mậu như thế nào? Mỗi đêm để trắc Gian khổ vẫn đến nghiệm đao lực của mình, Sư đến vùng lân cận của Cái nọ chồng lên cái kia – Tứ Điều [tức cầu Ngũ Điều] và ngồi xuống tọa thiền trên nệm cỏ. Lúc đó tình hình kém an ninh do bọn lưu Giờ đây ta sẽ thấy nếu như tâm ta manh trẻ tuổi gây ra ở thủ đô. Tụ tập thành bọn ba Thực sự từ bỏ thế gian này. bốn đứa, chúng hành nghề gươm đao dọc bờ sông Câu chuyện làm phát sinh những dòng kệ này đã cảm Gia Mậu rộng lớn, và xông vào chém giết đám ăn mày tác đến mọi người cả ngàn năm. Công cuộc xây dựng xấu số bị ruồng bỏ khi chúng bắt gặp họ ở đó. Rất chùa Đại Đức nguy nga của Diệu Siêu và đức hạnh đông người là nạn nhân dưới lưỡi gươm của chúng. sáng chói mãi tồn tại của Sư đều là kết quả của công Một băng những tên vô lại đó lén lút vào vùng lân cận phu tu tập gian nan và tinh tấn. cầu Tứ Điều và đến chỗ Diệu Siêu đang tọa thiền trên Tác phẩm được xem hàng đầu của Bạch Ẩn là cuốn cỏ. Chúng cho đó là một nạn nhân ngon ăn. Một đứa sách bình chú từng dòng một rất bao quát về hai quyển

282 283

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI ĐĂNG

Vân Môn nói với hội chúng: “Cổ Phật cùng với cột cái mạch truyền thừa. “Hầu như cũng giống con đường ấy!” có đặc tính hàm dung nhiều nghĩa nhất trong các trước xuất hiện, tâm hành ở mức độ nào?” Trả lời tăng ngữ, một phần bởi vì gốc chữ Hán không nói đến chủ từ chúng, Sư nói, “Mây tụ núi Nam, mưa rơi núi Bắc”. hoặc nói rõ ý nghĩa muốn ám chỉ trong chữ “giống”. Hậu Phật quang chói lọi, tâm hành ở mức độ nào? Ít người quả là câu này vẫn có đầy đủ ý nghĩa trong nội dung rộng lớn hơn. Khi chứng nghiệm giác ngộ, Đại Đăng đã vật biết được cái gì đàng sau đám mây ở núi Nam. Trời lộn với câu trả lời “Quan” của Vân Môn trong phần cốt tối, tiều phu đi theo đường núi xuống thung lũng, hát yếu của công án “Thúy Nham lông mày”. Trong phạm vi này, một hướng khai triển lời nói của Đại Đăng có thể là: rằng, “Ta trên đường về nhà, ta trên đường về nhà”. “Con đường của tôi cũng giống con đường của Vân Môn”. Đại Đăng cũng có thể ý muốn nói ngoài Vân Môn là cả một dòng mạch các thiền đức, và vì thế ở đây có thể 18 Câu Nói Ma Mị chỉ cho Nam Phố nên lời nói của Sư có thể là “Con đường của tôi cũng giống con đường của thầy”. (Ý nghĩa “Mê”, “ngộ” thay đổi như thế đều phù hợp.) Chữ “Hầu như” giới thiệu thêm luận giải khả dĩ. Nếu Đại Đăng không tự đặt mình chỉ là lời nói ma mị làm điên đảo ngang hàng với các bậc tiền bối của mình, “hầu như” có thiền tăng khắp nơi. thể chỉ cho lòng khiêm hạ. Hoặc, có thể có nghĩa ngược lại Đại Đăng nói rằng sự giác ngộ của Sư giống y hệt sự giác ngộ của các vị thiền đức như Vân Môn. Trong Thiền, “ngay khi gọi tên thì đã lầm qua”, do đó nếu Đại 19 Lá Kinh Đăng nói rằng “Cũng giống y hệt con đường ấy” thì Sư chỉ mới đến được gần. Nhìn dưới một góc cạnh khác, Đại Sau khi Đức Phật tịch diệt, Ca-diếp báo cho tăng Đăng có thể muốn nói “Hầu như tôi cũng đi giống con đoàn, “Sẽ làm lễ trà tỳ Đức Phật. Chúng ta không đường các bậc tiền bối. May mắn thay tôi không như quan tâm đến Xá-lợi của Ngài. Chúng ta phải kết tập thế!” Trong trường hợp này Sư khẳng định mỗi người phải tìm con đường giác ngộ riêng cho chính mình; đi Chánh pháp để không mai một”. theo Vân

Môn hoặc bất cứ vị tiền bối nào đều lạc hướng. Cắt ba, xẻ hai, chân lý làm sao diễn bày? Với mắt trần Vân Môn là Vân Môn, và Đại Đăng là Đại Đăng; dù có những điểm tương đồng giữa hai cá nhân, mỗi người có có thể nào thấy được bên kia mây trắng? Thiền tăng con đường riêng của chính mình. Tuy như thế trong vẫn chưa trở về từ núi Kukhutapàda. Những lá kinh nguyên văn câu trả lời của Đại Đăng về sự giác ngộ của chỉ lay động cơn gió buồn. Sư có thể phản ánh tinh thần khiêm cung, có tính chất ẩn mật, độc lập, hoặc thậm chí cả ba yếu tố cùng một lúc.

300 289

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Hơn nữa, mỗi ý nghĩa trong câu nói “Hầu như cũng giống Về sau [nguyên văn câu chuyện] kể lại cho Kính con đường ấy” có sự bình chú về cuộc đời cũng như sự giác ngộ của Sư. Nói về sự tương tục của ánh sáng tâm Thanh, Ngài nói: “Nếu không phải là tôn ông [Trường linh siêu vượt những dị biệt lịch sử và văn hóa, Đại Đăng Khánh] thì đã thấy đầu lâu đầy đất”. quả thực đã noi theo con đường các bậc tiên tổ Phật giáo. Thiền tông Nhật Bản không hẳn cùng một đường y hệt Cô đảnh Diệu Phong, chẳng ai trèo lên Thiền tông Trung Hoa về mặt xã hội, tổ chức cơ chế, được. hoặc giáo điều song chính là đứa con hợp pháp của truyền thống cha ông, chân truyền và sinh động đúng ý nghĩa Ta chỉ thấy mây trắng bồng bềnh nơi nhất. Ở vị thế khiêm hạ qua chữ “hầu như”, Đại Đăng chủ ý phấn đấu để quán triệt ngôn ngữ và nghi thức trong nhà nơi. Thiền, và nhận biết căn nguyên Thiền tông Nhật Bản chưa cắm sâu được trên mảnh đất quê nhà. Ở vị thế ẩn Tùng bách rừng già – biết mấy tuổi? mật (“hầu như” là “đúng thật”), Sư xem lịch sử Thiền tông là lịch sử tôn giáo của chính mình, tự biết mình là Mặc, lưng chừng dốc núi thi thoảng con cháu chính đáng của dòng mạch nhất thể này. Và ở vị muôn chim hót vang. thế độc lập (loại bỏ mô phỏng sai lầm), Đại Đăng đã nói lên rõ ràng cái nhìn của mình về tính chân chánh của Thiền tông. Hiển nhiên con đường Sư đã hun đúc đúng là chính mạch Thiền tông Nhật Bản chân truyền. Về phần 16 Chư Phật Đại Đăng con người, sau khoảng thời gian gần bảy thế Nam Tuyền bảo, “Ta chẳng biết gì về chư Phật trong kỷ, một số những đặc trưng sẽ không tránh khỏi còn nằm im trong bóng tối. Chúng ta đã thấy lẽ thực về mặt tôn tam giới”. giáo và lịch sử đã kết hợp như thế nào trong giai thoại Nếu biết có chư Phật cuộc đời của Sư. Hầu hết những sự mô tả Đại Đăng theo truyền thống gặp phải trong các trang sách này đã nói lên trong tam giới; rất nhiều lý tưởng thịnh hành về những vị thiền sư như đã trình bày về Đại Đăng. Nhật hoàng Hậu-Đề-Hồ, bản thân bỗng chốc mùa xuân không có hoa, Ngài biết rõ Sư, tuy thế đã bảo rằng Sư “tính hạnh nghiêm khắc và khiến cho nễ sợ nên khó ai dám đến mùa thu không có trăng rằm. gần”. Về sau các thiền tăng trong chùa Đại Đức tả chân dung Sư càng mạnh bạo hơn: “Đôi mắt nhìn lướt khắp vũ trụ, và chiếc miệng nuốt hết Phật Tổ. Hét vang như sấm 17 Cổ Phật Cột Cái nổ và giáng gậy như mưa sa, Sư làm long trời lỡ đất”.

290 299

Những sự thẩm định của các học giả ngày nay cũng đầy mặc tình ra đi. ấn tượng nhưng sơ sài. Việc Đại Đăng am tường ngôn ngữ Trung Hoa một cách sâu sắc khiến Haga Kòshirò gọi Sư là "thiên tài". Ogisu Jundò, đã nêu lên sự mô tả thời 14 Không Pháp thơ ấu của Đại Đăng như thánh sử, lập luận rằng tánh tình của Sư "khác với người thường cả khi mới chào đời". Bàn Sơn dạy chúng: "Không có Pháp trong tam giới; Hirano Sòjò thấy "hai phương diện nghịch lý" của Đại vậy tìm tâm ở đâu?" Đăng ưa chuộng ẩn tu và hăng say kiến lập chùa Đại Đức. Tuy sự phân tích này đáng tin, sự nghiệp của Mộng Mưa gội sạch đỉnh núi xa, sương lấp Song cũng được mô tả y hệt như vậy. Furuta Shòkin lánh lạnh giá. muốn so sánh Đại Đăng và Mộng Song trên thư pháp của hai vị: "Nét bút của Mộng Song mềm mại và tỉ mỉ, trong Ánh trăng mờ nhạt trước ngôi thất quấn khi đường cọ của Đại Đăng thì mạnh bạo và chân phương hồn nhiên... Hai con người trực tiếp đối nghịch". Vài nhà quít dây bìm trong rừng thông. bình luận đã ngoại suy từ bức chân dung nổi tiếng của Đại Đăng lúc năm mươi ba tuổi (*hình 6) Làm sao nói được giờ đây tôi ra sao? Sư ngồi kiết-già trên chiếc ghế nguy nga kiểu Trung Con suối căng đầy tuôn trào dưới khe bị Hoa, đắp y nghi lễ của một vị trụ trì, thân tướng kiên cố đường bệ. Khuôn mặt rộng có vẻ dịu dàng nhờ hai má mây che mờ tối. phính và đôi môi hồng, và tia mắt liếc nhìn về bên trái. Lời đề, của chính Đại Đăng, là thử thách cho mỗi người nhìn: "Ai được vẽ ra đây trên tờ lụa này? Nhìn xem!" Vào thế kỷ 15 Nhất Hưu đáp lại bức họa lòng đầy vẻ 15 Trên Đỉnh Diệu Phong ngưỡng mộ: Bảo Phước cùng Trường Khánh dạo núi. Bảo Phước Chân dung của Sư sáng sủa thẳng thắn, lấy tay chỉ, và nói: "Ngay đây là đỉnh Diệu Phong". chiếu soi như trăm triệu núi Tu–di. Trường Khánh nói: "Chính thế, nhưng đáng tiếc thay!" Nếu Đức Sơn hoặc Lâm Tế có vào đây, Tuyết Đậu bình: "Ngày nay lý do gì đi dạo núi với bạn chẳng khác nào đom đóm trước mặt trời. hữu?" Tuyết Đậu lại bình: "Trăm ngàn năm kể từ đây, Nhìn bức họa này những thế kỷ sau, Hirano thấy vẻ ta không nói là sẽ không có, mà chỉ là có rất ít". mặt của Đại Đăng như thể bối rối, ý Hirano gán như thế vì sự tranh chấp giữa hai hoàng đế thí chủ của Sư. Tuy nhiên đối với Furuta, nét vẽ truyền đạt thật sắc bén ý chí

298 291

dũng mãnh bất khuất của Đại Đăng. Nếu Đại Đăng con người vẫn tránh bị ghi nhận thì đó là điều tốt đẹp nhất. Như Tâm Anh Tông Duyệt (1691–1775) đã viết trong 12 Xuân phần hậu đề quyển tự truyện đầu của Sư: Tại sao phải bắn tên Mùa xuân những ngọn đồi màu xanh, sau khi tên trộm đã ra đi? mùa xuân những con sông màu xanh, Hư không vỗ tay mùa xuân mây trời lãng đãng, và cất tiếng "Thôi, đủ rồi!" mùa xuân chim chóc hót vang không ngừng.

13 Tên Ông Là Gì?

Ngưỡng Sơn hỏi Tam Thánh, "Tên ông là gì?" Tam

Thánh đáp, “Huệ Tịch”. Ngưỡng Sơn nói, “Huệ Tịch?
Đó là tên tôi”. Tam Thánh đáp, “Tên tôi là Huệ Nhiên”.
Ngưỡng Sơn cười to.
Ông ấy đi đâu?
Nắng làm tan chảy tuyết đầu xuân, cây liễu cây mận tranh đua hương vị tươi mới.
Mọi cảnh tượng đều gợi hứng nhiều bài thơ, nhưng tôi chỉ tìm vần thơ của một người
292 297

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Chợt thấy sao mai, và tuyết càng thêm trắng. Ánh mắt của Ngài lạnh rởn tóc thấu xương. Nếu trần gian tự chứng nghiệm giây phút này, Lão Thích-ca đã chẳng bao giờ giáng sanh.

10 Đức Sơn Gọi Cao Đình
12
Khi Đức Sơn rời Dương Tử, Ngài gọi Cao Đình.
Cao Đình rời Hàng Châu.
Đức Sơn gọi tên là một hai ba bốn năm sáu bảy THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG và tám chín mười,
Cao Đình ra đi là mười chín tám bảy sáu năm bốn THI TUYỂN CỦA ĐẠI ĐĂNG và ba hai một.
1 Hành khước
Trời trăng là một đôi hài,
11 Đại Cơ Đại Dụng
Bước chân lữ thứ cuối mây tận trời.
Nếu ông nắm trọn núi Tu–di và nghiền nát từng mảnh,
2 Mưa
Cái Không sẽ bể ra thành hai, ba, bốn.
Không dù che
Nếu ông nuốt chửng đại dương rồi mửa mình ướt đẫm ra, chỉ mưa trời
Chư Phật trong tam giới sẽ loạng làm áo che choạng và chết chìm.
296 293

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

3 Rời Cửu Châu 5 Tọa thiền

Không cho thấy dấu chân Thật là chán ngắt khi ngồi vô ích trên sàn, chẳng tham thiền, chẳng bùng vỡ. Hãy xem bầy ngựa chạy đua nơi nào ta đi qua: dọc con sông Gia Mậu. Đó là tọa thiền. trên đầu sợi lông ta rời kinh đô, ba hồi trống vang ta rời Cửu Châu. 6 Xuyên mây Xuyên thấu mây đến tận trời dù trong đêm mưa Ta 4 Thích-ca Mâu-ni Được

Gọi vẫn thấy trăng.

Śuddha–àvàsa, chắp tay đứng trước cửa sổ. 7 Ngộ (I)

Trăng tròn trong hồ nước cung điện là Tôi đã thấu phá Cửa Mây – con đường sống ở bắc nam đông tây. Chiều tôi nghỉ, sáng tôi chơi không viên ngọc người không ta. Ở mỗi bước chân ngọn gió trong lành dù mùa chưa sang thu; thổi đến. trong đêm lặng lẽ này Người biết rằng gợn sóng đã thay đổi. 8 Ngộ (II) Kể từ đây Người sẽ đi con đường dường Cửa Mây đã xuyên thấu, con đường cũ đã đi qua bầu

như mờ mịt, trời trong vầng dương sáng ngôi nhà thật sự của tôi. Bánh xe cơ duyên quay tự do bên trên con người. núi Dantaloka to lớn cứng chắc như sắt Ngài Ca-diếp thân vàng ra đi, tay chắp trước ngực. thép.

9 Đại Ngộ Của Đức Phật Thích-ca

294 295

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Triệu Châu nói, “Bởi vì mang nghiệp”.
20 Chén Bạc Đựng Tuyết
– Lão tặc đại bại.
Tăng hỏi Ba Lăng, “Cái gì là tông Đề-bà?” Ba Lăng
(Lão tặc đại bại dã.) nói, “Chén bạc đựng tuyết”.
Tông Đề-bà thật khó phân tích.
Tắc 12 Rửa bát đi
Chén bạc đựng tuyết –
Tăng hỏi Triệu Châu, “Con mới nhập viện, xin Thầy chỉ dạy”. ai có thể nói gì hơn nữa?
– Mở miệng tức lầm. Cùng một ngọn gió thổi ngang đất đai
(Khai khẩu tức lầm.) sông núi;
Triệu Châu hỏi: “Sáng ăn cháo chưa?”
– Mổ bụng khoét lòng. gió để lại cho tất cả cõi người cõi trời sự
(Phách phúc oan tâm.) trong lành và tươi mát.
Tăng nói, “Con ăn rồi”,
– Động lưỡi là trái ngược.
21 Nam Tuyền Chém Mèo
(Động thiệt tức quái.)
Triệu Châu nói, “Rửa bát đi!”
Đưa con mèo lên cho mọi người đều
– Công án nước đôi. thấy,
(Lưỡng trùng công án.) Chặt đứt một, hai, ba
Tăng liền ngộ.
đầu chùy không lỗ.

– Viên sắt tròn không chỗ vá.
(Thiết hoàn vô phùng há.)
22 Thanh Kiếm Hoàng Sào

Tắc 13 Lương Võ Đế hỏi Bồ-đề-đạt-ma Nham Đầu hỏi tăng: – Ông từ đâu đến?

312 301

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Tăng nói: Tăng hỏi Ba Lăng, “Cái gì là tông Đề-bà?” – Tôi đến từ Trường An. – Đập cỏ thấy rắn.

– Sau khi Hoàng Sào rút lui, ông có được thanh kiếm (Đả thảo kiến xà.)

không? Ba Lăng nói, “Chén bạc đựng tuyết”. – Tôi được. – Ngựa trắng đi vào hoa lau.

Nham Đầu đưa cổ ra phía tăng và hét. Tăng nói: (Bạch mã nhập lô hoa.)

– Đầu thầy rơi rồi. – Mây trắng từ lâu ngủ trong hoa lau.

Nham Đầu cười lớn. (Bạch vân y cựu túc lô hoa.)

Về sau tăng đến hỏi Tuyết Phong. Tuyết Phong hỏi
tăng: Tắc 11 Không của Triệu Châu
– Ông từ đâu đến?
Tăng hỏi Triệu Châu, “Con chó có Phật tánh không?”
Tăng:
– Đầu lưỡi dài rồi.
– Từ chỗ Nham Đầu.
(Thiệt đầu dĩ trường.)
– Nham Đầu dạy gì?
Triệu Châu nói, “Không”.
Tăng kể lại chuyện trước. Tuyết Phong đánh tăng ba
– Mua sắt được vàng.
mươi gậy và đuổi đi.
(Mại thiết đắc kim.)
Một khi Hoàng Sào rút lui, thanh kiếm – Hư không tròn đầy.
thật khó tìm. (Bức tắc hư không.)
– Ném cây chùy sắt không lỗ ngay trước mặt.
Lăng xăng chung quanh thanh kiếm,
(Vô khổng thiết chùy đương diện trịch.) tăng bị chém đứt tay– đáng thương
Tăng nói, “Mọi loài đều có Phật tánh, sao con chó lại thay! không?”
– Sao không tự biết mà lui đi?
(Hà bất tự linh khứ?)

302 311

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Lâm Tế đưa ra tứ liệu giản: “Đoạt nhân không đoạt cảnh”. Nếu tăng bị đánh ba chục lần với cây – Người nghèo nghĩ đến món nợ chưa trả. gậy xương xẩu thì cả thế gian sẽ chìm (Bần nhi tư cựu trái.) ngập trong máu. “Đoạt cảnh không đoạt nhân”. – Hồ tăng [Tổ Đạt-ma] ngồi ở núi Thiếu Lâm. (Hồ Tăng tọa Thiếu Lâm.) 23 Hài Cỏ Triệu Châu

“Nhân và cảnh đều đoạt cả hai”. Triệu Châu cởi đôi hài cỏ và đội trên
– Con chuột già kéo lê củ gừng sống.
đầu.
(Lão thử dẫn sanh khương.)
Triệu Châu đội trên đầu hài cỏ –
“Nhân và cảnh đều chẳng đoạt”.
– Lý Công bắn tên con cọp đá. ba, hai, một trời là đất,
(Lý Công xạ thạch hổ.) đất là trời.
Tắc 9 Ai Là Chủ? 24 Kiếp Lửa Tăng hỏi Hương Lâm, “Ai là chủ đồng lúa rộng lớn Tăng hỏi Đại Tùy, “Nếu kiếp lửa cháy rụi, cả thế gian không canh tác này? đều hoại. Hãy nói Cái Này – hoại hay không hoại? Đại – Đóng đinh vào cây. Tùy đáp, “Hoại”. Tăng nói, “Vậy thì Cái Này cùng hoại (Thốn thiết nhập mộc.) theo [với thế gian] à?” Đại Tùy nói, “Cùng theo”. Hương Lâm đáp, “Xem! Xem! Tháng chạp sắp hết”. – Mua sắt được vàng. Cái Này hoại theo kiếp lửa và không thể (Mại thiết đắc kim.) dành lại. Vị tăng, đi tới lui từ Tứ Xuyên xa xôi, Tắc 10 Chén bạc Đựng Tuyết thấy đồng tính của hằng ngàn cõi giới.

310 303

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Ánh sáng của Cổ Phật Đại Tùy mở – Núi Tu-di.
(Tu–di sơn.) miệng vị tăng khiến cười lớn
Diệu mật trong câu.
– Núi Thiết vi
25 Lành Bệnh (Thiết vi sơn.)
Đã khỏi rồi, cơn bệnh “Phật và Tổ” Diệu mật trong diệu mật. – Biển thứ tám. đã một lần bấu chặt ngực tôi. (Đệ bát hải.) Giờ đây tôi chỉ là một người thường nhiệm vụ đã rũ sạch. Tắc 7 Ba Chuyển Ngữ của Đâu Suất Đâu Suất hạ ba chuyển ngữ: “Vạch cỏ tìm chỗ thâm 26 Tay Áo Tả Tơi sâu cốt để thấy tánh. Ngay đây, tánh ông ở đâu?” – Trăng sáng gió lành. Qua bao nhiêu năm ăn xin, (Nguyệt bạch phong thanh.) Y áo đã cũ rách; “Nếu ông đã thấy tánh thì liễu thoát sanh tử. Vậy làm tay áo tả tơi xua tan bóng mây. sao tự tại ở phút lâm chung, khi ngọn đèn đang tắt?” – Gió lành trăng sáng. Bên ngoài cổng kia, chỉ toàn là cỏ. (Thanh phong minh nguyệt.)

“Nếu ông liễu thoát sanh tử thì ông biết sẽ đi về đâu. Khi tứ đại tan rã, ông sẽ về đâu?”
27 Trước Cái Chết – Gió lành trăng sáng. Ta chặt đứt tất cả chư Phật chư Tổ, (Thanh phong minh nguyệt.) thanh gươm Tâm của ta mài bén cạnh. Bánh xe cơ duyên bắt đầu quay – Tắc 8 Tứ Liệu Giản của Lâm Tế

304 309

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Ngũ Tổ Pháp Diễn nói, “Có con trâu chui qua cửa sổ.
Đầu, sừng và bốn chân đều qua lọt. Thế tại sao đuôi qua cái không nghiến chặt răng.
không lọt?”
– Một cuộc chơi hai bàn thắng.
28 Rơi Xuống Địa Ngục
(Nhất thải lưỡng tái.)
– Dưới cây mẫu đơn, con mèo ngủ. Ai còn sống mà rơi xuống địa ngục?
(Mẫu đơn hoa hạ thùy miêu nhi.) Lâm Tế hét. Đức Sơn đánh.
– Nếu là người khác thì không thể để lại dấu vết.
(Nhược thị biệt nhân xuất đề tích bất đắc.)
29 Ta Ở Đây
Không sắc, không thanh –
Tắc 5 Không Pháp ta ở đây;
Bàn Sơn dạy chúng: “Không có Pháp trong tam giới;
vậy tìm tâm ở đâu?” mây trắng viền đỉnh núi,
– Trời không che, đất không dung.
sông xẻ dòng qua khe.
(Thiên cái bất năng, địa tải bất khởi.)
– Đi tới không có đường, bước lui không gặp cửa.
(Tấn vô lộ, thoái vô môn.)
– Viên sắt tròn không chỗ vá.
(Thiết hoàn vô phùng há.)
– Trời cao ở đông nam, đất thấp ở tây bắc.
(Thiên cao đông nam, địa đê tây bắc.)
Tắc 6 Ba Diệu Mật Diệu mật trong thể.

308 305

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

của “cái Không của Triệu Châu”. Trước ngữ của Đại
Đăng in chữ nghiêng. Để hiểu tựa đề vài tắc có sửa đổi.
BÌNH CHÚ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

HAI MƯƠI TẮC

Những đoạn sau đây trích ra từ bình chú trước ngữ viết Tắc 1 Hoàng Bá Đánh Lâm Tế tay của Đại Đăng: Bách Nhị Thập Tắc và Bích Nham Hạ Ngữ. Những tắc sau đây được trình bày theo thứ tự phức Hoàng Bá đánh Lâm Tế sáu mươi gậy. tạp tăng dần. Tắc 1 gồm một câu với một trước ngữ. Tắc Mặt trời mọc mặt trăng lặn. 4 là câu đầu tiên của nhiều trước ngữ: Đại Đăng có ba câu (Nhật xuất nguyệt một.) đáp cho một câu hỏi. Trước ngữ xen giữa các dòng bắt đầu ở câu 6, và trước ngữ cho tất cả các tắc còn lại đều xen giữa các dòng. Từ tắc 9 đến tắc 15 là đối thoại giữa hai người; trong tắc 16 số người tham dự đến bốn. Tắc 18 Tắc 2 Con Rắn Chết là một công án nhiêu khê với hai trước ngữ của Tuyết Một cổ đức nói, “Trên đường gặp con rắn sắp chết, Đậu đã sẵn trong đó. Trong tắc 20 một vị tăng đối thoại không được đập nó chết. Hãy bỏ nó vào chiếc giỏ không hai lần với hai vị thầy khác nhau. Ba công án sau đây giữ đáy mang về”. vai trò tác động trong buổi đầu tu tập của Đại Đăng. Đó là “Con Rắn Chết”, “Con Trâu Chui Qua Cửa Sổ”, và – Dạ vâng. “Thúy Nham Lông Mày [chữ Quan của Vân Môn]”. Hai (Ứng nặc.) công án đầu tiên trong Bích Nham Lục (“Lương Võ đế hỏi Bồ-đề-đạt-ma”) và trong Vô Môn Quan (“Cái không của Triệu Châu”) được thêm vào vì tầm quan trọng trong Thiền tông. Đại Đăng đã bình chú dựa trên nhiều tư liệu, Tắc 3 Một Người Đi Trên Đường có nhiều sự so sánh. Tắc 16 và 17 là hai nhóm trước ngữ Lâm Tế bước xuống tòa trụ trì và nói: “Có một người trên cùng một công án. Tắc 5 và bài kệ 14 ứng xử với một đi trên đường nhưng chưa hề ra khỏi nhà. Và có một công án; tắc 10 và bài kệ 20 ứng xử với một công án người đã ra khỏi nhà mà không đi trên đường”. khác. Đối với công án “Kiếp Lửa”, hai nhóm trước ngữ – Chỗ mây trắng dày đặc thì rồng vàng nhảy múa. và một bài kệ đã được dịch ra (tắc 14 và 15, bài kệ 24). Ba câu đáp cho công án “Đỉnh Diệu Phong” cũng được (Bạch vân thâm xứ kim long dược.) trình bày (các tắc 18 và 19, bài kệ 15). Không phải tất cả các tắc đều là công án chính thức. Ví dụ, trong tắc 1, 3 và 8, Đại Đăng trích từ Lâm Tế Lục. Khi Đại Đăng dẫn một Tắc 4 Con Trâu Chui Qua Cửa Sổ công án, Sư có thể cho một bản dịch đầy đủ hoặc ngắn hơn; ví dụ Sư đã sử dụng một bản dịch dài (ít quen thuộc)

306 307

THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

Lương Võ Đế hỏi Bồ-đề-đạt-ma, “Cái gì là Thánh đế đệ nhất nghĩa?” – Chớ nghĩ rằng ông ta đang hỏi. (Tương vị vấn bất đắc.)

Tổ Đạt-ma nói, “Rỗng thênh không thánh”.
– Một tấm sắt trải dài mười ngàn dặm.
(Vạn lý nhất điều thiết.)
– Đuổi ra ngay trước mặt.
(Đương dương đột xuất.)
– Sao trên trời, sông dưới đất.
(Thiên thượng tinh, địa hạ thủy.)
Lương Võ Đế nói, “Ai trước mặt trẫm?” – Đáng tiếc thay. (Khả tích hứa.)

Tổ Đạt-ma đáp, “Không biết”.
– Hư không tròn đầy.
(Bức tắc hư không.)
– Trăng sáng gió lành.
(Nguyệt bạch phong thanh.)
Tắc 14 Kiếp Lửa (I)
Tăng hỏi Đại Tùy, “Nếu kiếp lửa cháy rụi, cả thế gian đều hoại”.
– Mổ bụng khoét lòng.
(Phách phúc oan tâm.)
Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản

“Hãy nói Cái Này hoại hay không hoại?” – Sao không đi ngay? (Hà bất tức tiện khứ?)

Đại Tùy đáp, “Hoại”. – Mổ bụng khoét lòng. (Phách phúc oan tâm.)

Tăng nói, “Vậy Cái Này cùng hoại theo [với thế gian] à?” – Đáng thương và đáng buồn làm sao! (Khả thống khả bi.)

Đại Tùy nói: “Cùng theo”. – Công án nước đôi. (Lưỡng trùng công án.)

Tắc 15 Kiếp Lửa (II)
Tăng hỏi Đại Tùy: “Nếu kiếp lửa cháy rụi, cả thế gian đều hoại. Hãy nói Cái Này hoại hay không hoại?”
– Con cá kiệt sức bị giam giữ trong hồ nước cạn.
(Khốn ngư chỉ lạc.)
– Hỏi đi, lần đầu sẽ được.
(Vấn hà thủy hà đắc.)
Đại Tùy đáp, “Hoại”. – Nhào nắn cũng không tròn được. (Niết bất thành đoàn.)

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

(Bại khiếm bất thiểu.) Tăng nói, “Vậy Cái Này cùng hoại theo [với thế gian] à?”
Tuyết Phong đánh tăng ba mươi gậy và đuổi đi. – Lầm lỡ mà không biết.
– Chỗ nào đau thì đâm kim vào.
(Tha quá diệc bất tri.)
(Thống xứ hạ châm chùy.)
– Mê lầm chạy theo vật.
(Mê dĩ trục vật.)
Đại Tùy nói: “Cùng theo”.
– Không thể xẻ riêng ra.
Hết
(Phách bất khai.)
Tắc 16 Thúy Nham Lông Mày (I)

Cuối hạ Thúy Nham nói với hội chúng: “Suốt mùa hạ dài, Thúy Nham này đã thuyết thoại. Hãy nhìn và xem lông mày của Thúy Nham có còn không”.
– Chỗ mây trắng dày đặc thì rồng vàng nhảy múa.
(Bạch vân thâm xứ kim long dược.)
– Chỗ cửa quan nào không có bảo mật? Chỗ sông nước nào không có cá?
(Hà quan vô tư, hà thủy vô ngư.)
– Thật khó mà xoi một cái lỗ cong chín lần xuyên qua hạt ngọc.
(Châu xuyên cửu khúc nan.)
– Một trăm con chim ấp ủ chim con.
(Bách điểu vi tử khuất.)
– Ra đều nhau.
322 315

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

(Bình xuất.) (Tha quá diệc bất tri.)

Bảo Phước nói, “Làm cướp tâm bất an (tác tặc nhân Nham Đầu đưa cổ ra phía tăng và hét.
tâm hư)” 17 . – Giặc cỏ đại bại.
– Dù đường Kiếm Các có dốc hiểm, người đi đêm vẫn (Thảo tặc đại bại.) đông.
Tăng nói, “Đầu thầy rơi rồi”.
(Kiếm Các lộ tuy hiểm dạ hành nhân cánh đa.) – Lơ đễnh đâm kim.
– Với một trát lệnh bắt hết mọi người. (Lãng hạ châm chùy.)
(Nhất trạng lĩnh quá.)
Nham Đầu cười lớn.
Trường Khánh nói: “Vẫn mọc”. – Đầu lưỡi có xương.
– Hoa nở tựa gấm, nước hồ trong xanh như chàm. (Thiệt đầu hữu cốt.)
(Sơn hoa khai tự gấm, giản thủy trạm như lam.)
Về sau tăng đến hỏi Tuyết Phong.
– Không thể nhảy ra khỏi.
– Mến mùi hương của cỏ không thể dừng được.
(Khiêu bất xuất.)
(Luyến phương thảo vị đắc hưu.)
Vân Môn nói, “Quan”. Tuyết Phong hỏi, “Ông từ đâu đến?”
– Người tuần tra ăn trộm ban đêm.
– Cần tre đầu mút có cỏ.
(Tuần nhân phạm dạ.)
(Tham can ảnh thảo.)
– Con che giấu cho cha.
Tăng nói, “Từ chỗ Nham Đầu”.

(Tử vi phụ ẩn.)
– Tìm cầu từ người khác là điều cấm kỵ.
– Đổi tà thành chánh.
(Thiết kỵ tùy đà khứ.)
(Nhân tà đảo chánh.)
Tuyết Phong hỏi, “Nham Đầu dạy gì?”
– Vào cỏ tìm người.
Tắc 17 Thúy Nham Lông Mày (II) (Lạc thảo cầu nhân.)
Tăng kể lại chuyện trước.
– Bại hoại không phải nhỏ.
17
“Có tật giật mình” (D.G.)
316 321

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Ngàn quân dễ được, một tướng khó tìm. Cuối hạ Thúy Nham nói với hội chúng: “Suốt mùa hạ dài, Thúy Nham này đã thuyết thoại. Hãy nhìn và xem (Thiên binh dị đắc nhất tướng nan cầu.) lông mày của Thúy Nham có còn không”. Về sau [nguyên văn câu chuyện] kể lại cho Kính – Thân thể che giấu nhưng hình bóng lộ ra. Thanh, Ngài nói “Nếu không phải là tôn ông [Trường (Tàng thân lộ ảnh.) Khánh] thì đã thấy đầu lâu đầy đất”. – Trong lời nói có tiếng vang. – Người bạn thân sẽ hiểu, nhưng ai khác có hiểu (Ngôn trung hữu hưởng.) chăng? (Tri âm tri hậu diệc thùy tri.) Bảo Phước nói, “Làm cướp tâm bất an (tác tặc nhân tâm hư)”. – Tác thành cho người thì ít có, bại hoại cho người thì – Cùng đi chung chắc chắn sẽ hiểu nhau. có nhiều. (Đồng hành giả đương tri.) (Thành nhân giả thiểu bại nhân giả đa.) – Mắt nhìn đông nam, tâm ở tây bắc. (Nhãn kiến đông nam, tâm tại tây bắc.) Tắc 20 Thanh kiếm Hoàng Sào Trường Khánh nói: “Vẫn mọc”. – [Cọng lá] thông thì thẳng, gai thì cong. Nham Đầu hỏi tăng: “Ông từ đâu đến?” – Trong câu nói trình cơ phong [của mình]. (Tùng trực cức khúc.)

(Cú lý trình cơ.) – Cây thông không có màu sắc xưa nay. (Tùng vô cổ kim sắc.) Tăng nói, “Tôi từ Trường An đến”. – Trong lời nói có tiếng vang. Vân Môn nói, “Quan”. (Ngôn trung hữu hưởng.) – Cứ theo lời khai thực của tội phạm mà kết án. (Nạp khoản kiết án.) Nham Đầu nói, “Sau khi Hoàng Sào rút lui, ông có được thanh kiếm không? – Con tôm không nhảy ra khỏi cái đấu. – Trong bùn có gai. (Hà khiêu bất xuất đẩu.) (Lạn nê lý hữu cức.) – Với một trát lệnh bắt hết mọi người. Tăng nói, “Tôi được”. (Nhất trạng lĩnh quá.) – Lầm lỡ mà không biết. Tuyết Đậu bình tụng: “Mất tiền chịu phạt”.

320 317

Quốc Sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản THI KỆ VÀ TRƯỚC NGỮ CỦA ĐẠI ĐĂNG

– Đã lầm càng thêm lầm. – Một chùy đánh trúng cả hai. (Tương thố tựu thố.) (Nhất chùy lưỡng đương.)

Tắc 18 Trên Đỉnh Diệu Phong (I) Tắc 19 Trên Đỉnh Diệu Phong (II) Bảo Phước cùng Trường Khánh dạo núi. Bảo Phước Bảo Phước cùng Trường Khánh dạo núi. Bảo Phước lấy tay chỉ và nói: “Ngay đây là đỉnh Diệu Phong”. lấy tay chỉ và nói: “Ngay đây là đỉnh Diệu Phong”. – Cây thước đo nằm trong tay. – Gió thổi không vào được, nước rửa không dính (Xưng xích tại thủ.) được. – Hai cây cờ bị sét đánh. (Phong xuy bất nhập, thủy sái bất trước.) (Song kỳ thâu điện ảnh.) Trường Khánh nói, “Chính thế, nhưng xấu hổ thay!” Trường Khánh nói, “Chính thế, nhưng xấu hổ thay!” – Đường dài mới biết sức ngựa, lâu năm mới biết lòng – Trong cùng một lỗ đất không khác. người. (Đồng khanh vô dị thể.) (Đồ viễn tri mã lực, niên cửu tri nhân tâm.)

Tuyết Đậu bình: “Ngày nay lý do gì đi dạo núi với bạn Tuyết Đậu bình: “Ngày nay lý do gì đi dạo núi với bạn hữu!” hữu!” – Tùng theo tiếng gió. – Trên không chỗ để leo, dưới thân mình biến mất. (Tùng thiêm phong thanh.) (Thượng vô phan ngưỡng, hạ tuyệt kỷ cung.) – Một cuộc chơi hai bàn thắng. – Hai tượng đá thì thầm trong tai nhau. (Nhất tái lưỡng thải.) (Lưỡng cá thạch nhập tương nhĩ ngữ.)

Tuyết Đậu lại bình: “Trăm ngàn năm kể từ đây, ta Tuyết Đậu lại bình: “Trăm ngàn năm kể từ đây, ta không nói là sẽ không có, mà chỉ là có rất ít”. Về sau không nói là sẽ không có, mà chỉ là có rất ít”. [nguyên văn câu chuyện] kể lại cho Kính Thanh, Ngài nói – Tay đánh, tay đè. “Nếu không phải là tôn ông [Trường Khánh] thì đã thấy (Nhất thủ si nhất thủ mạch.) đầu lâu đầy đất”. – Đã lầm còn lầm thêm. – Nửa mở nửa đóng. (Tương thố tựu thố.) (Bán khai bán hợp.)

318 319

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.